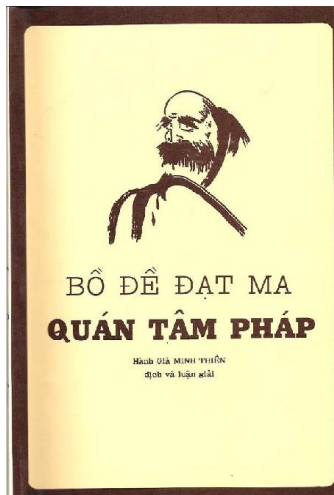


Bồ Đề Đạt Ma

Quán Tâm Pháp



Hành Giả Minh Thiên Dịch và Luận Giải

TK Thích Minh Thiên

---o0o---

Nguồn

<http://www.hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 08-07-2015

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao_ksd@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI TỰA

THIÊN THỨ NHỨT

LUẬN HUYẾT MẠCH

THIÊN THỨ HAI

LUẬN NGỘ TÁNH

THIÊN THỨ BA

LUẬN PHÁ TƯỞNG

---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU

khi tái bản

Khi tôi chưa biết gì hát về tôi mà tôi nghĩ làm lời ích cho ai, nếu không phải tôi đi đánh lừa người khác thì cũng bị kẻ khác đánh lừa hoặc chính tôi đánh lừa tôi không biết chừng!

Liệt sử thế giới cho biết tất cả muôn vạn cuộc cách mạng, nếu không lấy cách mạng con người làm nền tảng mà với nghị lập pháp cách mạng xã hội, rất rồi kết quả chẳng qua cũng chỉ là đem sinh mạng nhân dân làm hồ đũa mà thôi.

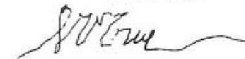
Mục đích của quyển sách này cốt để phục vụ tinh thần cách mạng con người cho toàn nhân loại nói chung, cho đồng bào nói riêng. Những khi ra đời lần đầu tiên lại gặp hoàn cảnh bất ổn - nhân có nhóm đội lột... có tình phá hoại chế độ làm cho cả nhà xuất bản lẫn tác giả đều bị phá sản tan tành; tất cả số sách được xuất bản đều bị bán rẻ chai, để nhóm lừa, hoặc gói đồ, hoặc đi cầu. Nhưng may mà số người mua còn có kẻ thấy biết, nên tinh thần quyển sách dưới làn mây vẫn không gian -

Còn tác giả thì phải đi học tập về câu tục ngữ hoàn kim thời đại hết 6 năm. Khi được trở về lại thêm 7 năm chưa có chỗ ở. Thế mà thỉnh thoảng nhận được thơ tế tế phương thiên hạ cũng như người tìm đến để cảm ơn. Đồng lòng trước ân lao tặng thiên nghi: đây là một việc làm bổn phận để nối chí người xưa chứ nào có công cán gì!

Nay nhận được thơ người bạn tri âm ở Mỹ là bác sĩ Nguyễn Khắc Minh tỏ ý muốn góp công đức vào việc này - nhân lúc phong hao đói mới từ duy lưỡng lự.

Nghĩ muốn tinh thần này được phục vụ cho đồng bào hải ngoại, để góp công vào phong hao đói mới từ duy thế giới hàng muôn một, nên có ít đồng giới thiệu cũng đọc giả lần tái bản này vậy.

MINH-THIỆN THIÊN SỬ
cần kíp



Quán Tâm Pháp

Là tên chung cho ba thiên luận về Ngô Tánh - Huyết

Mạch – và Phá Tướng của BỒ ĐỀ ĐẠT MA TỔ SƯ do Thầy Thích Minh Thiên luận giảng trong những buổi thuyết pháp tại chùa Hội Tông Phú Định Sau khi tham dự khóa giảng, toàn thể đạo hữu đồng khóa cũng như nhà xuất bản chúng tôi nhận thấy ba Thiên Luận về phép QUÁN TÂM của BỒ ĐỀ ĐẠT MA TỔ SƯ quả là huyết mạch cho việc tìm đạo và học đạo.

Chúng tôi xin thầy cho phép được kết tập và xuất bản để anh em đạo hữu đồng khóa có đủ tài liệu ôn học đồng thời công hiến cho Phật tử bốn phương tham chiếu.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ thầy Minh Thiên đã có công giảng giải và hoan hỷ cho phép chúng tôi được xuất bản theo sở nguyện.

Phú Định ngày rằm tháng giêng năm Ất Mão

Nhà xuất bản

QUẾ SƠN – VÕ TÁNH

---o0o---

LỜI TỰA

Thế nào là chánh pháp? - là pháp còn đúng y như tinh thần người khai sanh ra nó (Ông Phật) Thế nào là tượng pháp? – là bề ngoài thấy còn hình như giống giống, nhưng kỳ thật đã sai với chánh pháp nhiều rồi.

Thế nào là mạt pháp? – là pháp đã mất gốc, không còn ra gì nữa. Nhưng tại sao pháp Phật mà lại có mạt? Tại sao mạt-pháp lại là bây giờ? tại sao Phật giáo hiện đang đổ dốc xuống hố? Tại sao toàn thể loài người đang chạy cấp bách về sụp đổ? Kinh nói: “nếu lòng ta là ma, thì Phật có đến Phật cũng hóa ra ma”. Thế thì pháp Phật đã hóa ra pháp ma, con Phật đã hóa ra con ma, lý

rất hiển nhiên. Giả sử mỗi chúng ta đừng quên trở lại với chính mình, mà khám phá khai thác tận cùng những gì bí mật trong cái tháp Đa Bảo này cho ông Phật Đa Bảo trong tháp được hiển hiện, thì vấn đề mặt-pháp còn thành vấn đề nữa không? Thế mới biết: chánh pháp vẫn đang diễn, chỉ có ta mặt hay không mặt mà thôi. Tại sao có ba thiên luận này ra đời? tại sao thiên đầu là Huyết-Mạch, thiên giữa là Ngô-Tánh và thiên chót là Phá-Tướng? Tướng gì mà phải phá? Mà quả tướng có bị phá không? hay là phá tướng nghĩa là phá cái tâm ma đóng cứng theo tướng? Tác giả thấy cái gì đó mà để lại 3 thiên luận này? Thế mới biết: nếu pháp Phật không trở thành pháp ma, cốt Phật không trở thành cốt ma, Phật-giáo không trở thành ma giáo, chùa Phật không trở thành chùa ma, thì 3 thiên luận này quyết định không có mặt ở đây. Người xưa nói: đọc sách là để câu lý. Lý là gương dùng để soi lại lòng người. Thế mới biết: nếu không dám chấp nhận những điều kiện đã kể trên, không dám nhìn nhận sự thật, vì sợ mất cái TÔI, vì mong cầu gom bó cho sự nghiệp của cái TÔI, vì tìm nơi nương gá cho cái TÔI được yên thân, vì muốn tìm chiêu bài để chen lấn tranh đoạt mà đọc 3 thiên luận này, thì luận này chẳng qua cũng chỉ là pháp ma để giúp cho ma lớn ma nhỏ được đủ điều kiện ăn trên ngồi trước thế thôi! Đó là điều cần biết trước khi đọc.

DỊCH GIẢ CĂN CHÍ

Hành giả: MINH THIỀN

---o0o---

TUẦN THỨ NHỨT

28 – 5 – 1972 (16 – 4 N. Tý)

Đây là một tài liệu “thấy tánh” của Tổ Đạt Ma. Tôi thấy rất quan trọng đối với cơ bây giờ, nên đã cố công dịch từ một bản chữ Nho chép tay có nhiều chỗ sai lầm. Tôi đã điều chỉnh kỹ, mong rằng mọi người để ý lưu tâm.

Tài liệu này gồm có 3 phần:

1/- Luận về hệ thống Huyết Mạch tâm truyền

2/- Luận về Ngô Tánh

3/- Luận về Phá Tướng.

---o0o---

Trước khi vào chánh văn. Tôi xin nhắc lại vài ý chánh để mọi người nghe được dễ dàng hơn:

1/ Khi muốn quay phim, dù ngoại cảnh thế nào, miễn chỗ chúng ta đứng cho vững, máy tốt, thì tự nhiên chúng ta chụp được. Nếu chỗ đứng không yên, hoặc chúng ta nhảy nhót, thì ngoại cảnh có yên đi nữa cũng chẳng chụp được gì. Trước khi sử dụng máy điện tử, phi cơ hay xe đạp cũng phải điều chỉnh xem xét hẳn hoi mới được. Cũng vậy, khi muốn khám phá cuộc đời, mỗi con người chúng ta là một dụng cụ, thì không thể vì lý do gì mà chúng ta không lưu tâm tự điều chỉnh cái ‘máy mình’ cho chính xác vững vàng, để những điều mình khám phá được khỏi lệch lạc, sai lầm. Tôi thường nói: dù chỉ một mảy bụi trần rơi vào mắt cũng đủ làm khuất cả bầu trời; một chút xíu mê lầm của cái TÔI dù nhỏ đến đâu cũng đủ che mờ cả bầu linh-năng muôn thuở. Dù cho tôi nói Thiên, nói Đạo, nói chân lý, nói phải quấy chi chi đi nữa, mà tôi không biết gì về cái TÔI, về con người của tôi thì lời nói của tôi bất quá cũng chỉ như con vẹt mà thôi. Do đó việc trước nhất là phải lưu tâm đến mình. Nếu không thế thì dù học hết 3 tạng kinh điển của nhà Phật tôi cũng chỉ là một cái thùng chứa để được ăn trên ngồi trước, chứ không có ích lợi thực-tế gì cho tôi và người chung quanh cả. Đó là điều trước nhất chúng ta cần phải cùng nhau ghi nhớ.

2/ Con người sanh ra, trái tim có trước, bộ óc có sau, cho nên cái tâm có trước, cái trí có sau. Tâm là gốc, trí là ngọn. Tim là gốc, óc là ngọn. Giờ đây nếu chúng ta bỏ đi một phần thì không thành cuộc sống. Không có Tâm có Tim, mà có trí có óc, cũng như cây mà không có gốc, chẳng khác nào cành hoa cắm trong lục bình, chỉ là một cuộc sống ngoắc-ngỏi hơi tàn thế thôi. Ngược lại nếu có Tâm có Tim, mà không có trí có óc, thì cũng giống như cây dương ngoài kia bị cưa tới mặt đất, chỉ có gốc mà không có ngọn, không phải là cuộc sống sanh sôi nữa. Phương chi bỏ quên cái Tâm, chỉ dùng cái trí làm chánh yếu trong cuộc sống. Thế là cuộc sống của chúng ta là một cuộc sống chổng đầu. Cho nên có một người Âu Châu, sau khi biết được lẽ đó có nói : « Người Âu đi đầu trở xuống, chân trở lên ; còn dân tộc Á Châu bị truyền nhiễm hơi hám của Âu Châu nên ngồi trên chân lý mà ngủ gục ». Thật đúng như vậy !

Cho nên trong cuộc sống chổng đầu mà lại nhảy chang cháng trong rọ của cái TÔI, thì mọi sự mọi vật đều đảo ngược nhảy chang-cháng, không chính xác được. Mà cuộc sống như thế chúng ta đã kéo dài không biết tự bao lâu rồi ... Giờ đây chúng ta có dịp gặp nhau để cùng học hỏi. Ít ra phải đặt nền tảng khám phá chính con người của mình là một công vụ cấp bách, ưu tiên, may ra mới gặp được sự thật. Nếu không như thế thì vấn đề tiền tài, danh vọng, địa vị, đối với chúng ta là trên hết. Còn mớ kiến thức mà chúng ta sắm thêm bất quá cũng như các nhà giàu sắm thêm cặp gà voi.

Cho nên chỉ có tốt bụng thành thật, giáp mặt với lòng mình, đừng vội sợ hãi một điều gì, đừng vội nương dựa ai, cũng đừng vội mong cầu một điều gì. Cứ để mà hiểu từng chập, từng chập một ngay chính con người của mình, rồi giáp mặt với tận nguồn tâm linh của mình, va chạm với sự thật. Chùng đó tự nhiên giải thoát sẽ đến.

---o0o---

Giờ đây chúng ta đi vào phần chánh văn

THIÊN THỨ NHỨT

LUẬN HUYẾT MẠCH

CHÁNH VĂN * Ba cõi lằng xằng đều từ một tâm. Phật trước Phật sau đều chỉ dùng tâm truyền tâm, chẳng lập văn tự.

GIẢNG : Vào câu đầu ta thấy khó khăn, hình như trái chướng với sự thật. Nhưng nếu chúng ta, mỗi người hãy dứt hết các duyên, đừng móng lên ý niệm gì cả. Rồi nghiệm thử, hỏi chúng ta chưa nghĩ thiện nghĩ ác gì cả thì cái gì là tâm, cái gì là tánh, cái gì là vật – và bản-tâm bản-tánh của chúng ta là đâu, tức khắc thấy câu này là đúng sự thật. Nếu ai chưa làm được, cứ tuân tự nghe tới rồi sẽ rõ.

* Có người hỏi : Nếu không lập văn tự, vậy lấy gì làm tâm ?

Đáp : Ông hỏi tôi tức là tâm của ông, tôi trả lời với ông tức là tâm của tôi. Nếu tôi không có tâm thì lấy đâu biết để trả lời với ông ; ông nếu không có tâm làm sao ông biết hỏi tôi. Cho nên biết : hỏi tôi tức là tâm của ông đó.

Thật ra nói như thế mình thấy khó khăn lắm. Vì nội chữ Tâm không thôi, Á-Đông dùng cũng khó phân-biệt. Như tim đèn cũng kêu là tâm, cái lõi của cây cung kêu là tâm, tâm-thức cũng kêu là tâm, mà bồn-tánh cũng kêu là tâm. Ta thấy chữ Tâm có nhiều nghĩa không biết lấy đâu làm chuẩn, chứ thật sự bao la vô tận này chỉ là bầu năng lực viên quang hồi tụ từ bao la đi vào tận cùng sự vật - Thế viên chiếu đó tạo ra cái lõi sự vật, trái tim của động vật và guồng máy tâm thức. - Tất cả cái đó đều đặt trên nền-tảng gọi là Linh không vô cực, gọi là bồn tánh linh diệu cũng vậy thôi. Cho nên những cái biết không ngoài cái đó.

Từ lữ kiếp đến giờ, nhắm đến hành tung hoạt động bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào đều là cái tâm vốn có của ông, đều là Phật vốn có của ông. Cái nghĩa chính tâm mình là Phật là như thế.

Thiệt ra mình nhìn từ người, mình thấy có người này người nọ, có nam có nữ, có trong có ngoài, có tâm có vật ; chớ nếu mình buông lòng ra, đừng kẹt trong cái TÔI thì mới thấy nó tròn hết, không có đâu là xưa đâu là nay, đâu là tâm đâu là vật cả. Cho nên biết nếu quay trở lại, soi trở vào mình, đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ ác, ngay hồi đó tìm không thấy đâu là vật đâu là tâm, đó chính là bồn-tâm bồn-tánh của mình.

Ngoài tâm này, rót-ráo không có Phật nào khác có thể được. Nếu lìa tâm này mà tìm Bồ-Đề, Niết Bàn thì thật là không tương.

Nghĩa là : nếu lìa nguồn tâm tánh của chính mình mà tìm Đạo, quyết-định không thể gặp được.

Tánh chơn thật của tự mình không phải pháp nhân pháp quả, đó là nghĩa của tâm

Thưa, ở đây cũng như nói Phật không phải là cái làm ra. Như thế nghĩa là sao ? Là cái làm ra là chúng sanh ? Và do đó mà biết cái bây giờ mình có, gọi là chúng sanh. Đây là cái đã lỡ làm ra, và nếu đừng làm cái đó ra thì chính mỗi người là Phật. Cho nên biết Phật không phải là cái làm thêm, làm thêm là chúng sanh. Nói như thế để mỗi người chúng ta đừng làm tướng tu là đi tìm Phật, là gặp được Phật. Không thể có gặp Phật, chỉ có khám phá chính con người của mình để đừng bị vướng vào cái rọ của cái TÔI, tức khắc bồn-tánh linh diệu xuất hiện. Hồi đó là Phật. Nếu tôi mê dù Phật đến cũng chỉ là ma, khi tôi hết mê dù ma đến cũng là Phật.

Tự tâm là Niết-Bàn. Nếu nói ngoài tâm có Phật và Bồ-Đề có thể được thì thật không tương.

Thưa, khi chưa có cái TÔI, thì tâm với vật không thành vấn đề. Kẹt vào cái rọ của TÔI thì một phút quay trở ra tất cả đều đảo điên lộn xộn. Ngược lại, chết đi cái TÔI thì một phút quay trở vào là đâu ra đấy. Chúng ta phải để ý, chúng ta ở trên quả đất tròn, nhìn ra bầu trời, chỗ nào cũng khum khum như một bầu thủy-tinh tráng thủy bên ngoài. Do đó khi nhìn theo chiều lõm vào của bầu trời thì cái đầu trở xuống. Quay nhìn ra chiều lồi của quả đất thì cái đầu trở lên. Cho nên hễ soi ra là nghịch soi vào là thuận. Vì thế Phật gọi cái phóng ra là chánh điềđảo; quay trở vào chính con người của mình là chánh biến-tri.

Phật và Bồ-Đề ở chỗ nào ? Ví như có người dang tay bắt hư-không có được gì không ? Vì sao thế ? vì hư không chỉ có tên chớ nào có hình tướng ! Bắt đã chẳng được, bỏ cũng chẳng được. Thế là hư không không thể bắt được. Trừ tâm này ra mà tìm Phật rốt rồi không được cũng giống như vậy.

Trong kinh nói : ‘Phật vốn không tướng, chỉ tùy cái tâm của chúng sanh mà hiện tướng’. Nói như vậy là sao ? Nghĩa là bản lai không có Phật nào khác, chỉ có tâm mình là Phật. Nếu tánh mê thì mỗi người mê một kiểu, mỗi người tưởng tượng ra tướng Phật một kiểu khác nhau. Nên ông Phật của tôi với ông Phật của mỗi quý vị đều có phần sai khác. Vì chỗ đó mà ông Phật của Ấn Quang với ông Phật của Việt-Nam Quốc-Tự là 2 ông. Chỗ đó cần để ý !

Phật là tự tâm làm ra. Tại sao lìa tâm mà tìm Phật !? Phật trước Phật sau chỉ nói về tâm. Tâm tức là Phật, Phật tức là tâm : ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm. Nếu nói ngoài tâm có Phật, vậy Phật ở đâu ? Ngoài tâm đã không Phật sao lại còn làm ra cái thấy có Phật để mà đối gạt lẫn nhau, rồi không thể rõ được cái tâm vốn có của mình, lại bị vật vô tình nó nhiếp mất tự do nếu không tin hiểu như thế, để tự đối gạt thật là vô ích. Phật không lỗi làm, chúng sanh điềđảo chẳng biết giác-ngộ tâm mình là Phật. Nếu biết tự tâm là Phật chớ nên tìm Phật ngoài tâm.

Thưa, nếu cần biết ngoài tâm mình còn có pháp nào dư nữa hay không (nếu còn dư thì ngoài tâm có Phật ; còn ngoài tâm không có pháp dư, thì quyết định ngoài tâm không có Phật). Bây giờ mỗi người chúng ta hãy nghiệm vào sự thật – Hãy ngừng hết các duyên đừng nghĩ thiện, nghĩ ác gì hết, đừng mống lên một niệm, đình chỉ những cuộc xao-xuyến theo bên ngoài, rồi nghiệm thử hỏi đó cái tâm của mỗi người khác nhau làm sao ? Nếu mỗi người không nói được tức là nó không khác ; không khác tức không nhiều ; không nhiều nghĩa là một. Nhưng có phải một hay không ? ... Rồi bây giờ mỗi người cứ nghĩ điều gì tùy ý, rồi nghiệm xem có giống nhau không ? - Ngược lại cũng không ai giống ai ! Cho nên biết rằng không khác mà cũng không phải một, hỏi chưa mống lên thì không khác, không hai ; mà đã mống lên rồi thì vốn không đồng, không một. Thế mới biết khi mống lên rồi, mà đừng quên hỏi chưa mống thì tự nhiên mỗi người đều sống với nhau một cách yên đẹp, không có đâu là Nam đâu là Bắc. Do đây tôi có viết bài kệ 4 câu rằng :

Bắc, Nam bỉ thử động vô-minh

Bành bái dư đồ tịch bách sinh

Diệu pháp điều kinh du khổ hải Bao la xứ hữu vô ninh !

Có Bắc, có Nam, có ông, có tôi ; có đây có kia, có mình, có người thì vô minh mới nổi dậy. Là vì không để ý đến nguồn cội, vọt ra thì tự nhiên mỗi người là một thằng TÔI riêng. Rồi thằng TÔI này đụng thằng TÔI kia, thì 2-3 thằng TÔI yếu, ráp lại để trở nên mạnh. Thằng TÔI mạnh trở nên yếu lại kiếm thêm 2-3 thằng TÔI mạnh khác gom lại để trở nên mạnh ... Cứ như thế mà thế giới càng ngày càng chật, cuộc sống càng ngày càng chảy máu đào. Cho nên biết

Bắc, Nam bỉ thử động vô-minh

Bành bái dư đồ tịch bách sinh Thì tự nhiên lượn sóng đảo lộn nổi dậy nhận chìm hết thế gian. Lẽ phải như vậy không thể nào khác hơn được. Cho nên giá bây giờ bên ngoài êm re hết thì không phải đạo, không phải chân lý đâu. Tại sao thế ? Tại vì mỗi người còn tranh nhau từng đồng bạc, lời ăn tiếng nói, cọng rau tác đất, còn chưởi bới nhau ỏm-tỏm mà ngoài này yên là không phải rồi. Nghĩa là trong lòng yên thì mới gọi là yên. Nếu bây giờ ngoài này thái-bình liền là giặc nóng ngừng, mà giặc nguội vẫn đánh; giặc ban ngày ngừng, giặc ban đêm vẫn đánh. Nếu thiếu cái soi lại lòng mình, không thể nào biết được mình cùng với vạn vật đồng một thể. Thiếu soi trở lại lòng mình mà nói mình với vạn vật đồng một thể chỉ là chuyện học nói như con vẹt thế thôi. Thiếu soi trở lại lòng mình, không thấy được mọi người cùng với bao la vũ trụ không cách một tơ hào nào mà tôi kêu gào thống nhất, cảm thông chẳng qua chỉ là nói láo. Tôi chưa biết gì hết về tôi mà tôi muốn làm lợi ích cho ai, thì tôi không bị gạt gẫm lấy tôi, tức tôi cũng gạt gẫm kẻ khác. Tôi không biết gì hết về tôi, thì dù tôi tin theo ông Phật hay không tin gì hết, hay tin theo khoa học cũng là một thứ mê tín. Và tôi thấy cái gì, biết cái gì, nói cái gì đó cũng đều là tôi thấy tôi biết theo kiểu chổng đầu, nhảy chang cháng thế thôi ! Khi tôi muốn biết quả địa cầu này tròn vện, tất nhiên tôi phải vọt ra khỏi nó và nhìn trở lại. Vấn đề tâm học cũng thế, nếu chưa siêu ra ngoài cái TÔI mà phê phán điều gì đều là ở trong rọ cái TÔI mà nhìn ra thấy lằng nhằng rồi phê phán theo điệu lằng nhằng mà thôi.

*** Phật chẳng độ Phật, nếu đem tâm tìm Phật là chẳng biết Phật chỉ là tự tâm.**

Nghĩa là đem tâm tìm Phật cũng như đem tâm tìm tâm. Điều đó chưa biết ra sao, là vì cỡi trâu mà tìm trâu là quyết định chưa gặp trâu. Cho nên không thể nào đi tìm để gặp Chúa, gặp Phật, gặp Trời hay gặp Đạo được cả. Chỉ gặp cái gì đó bất quá là cái

lãng nhãng trong lòng mình rồi đặt tên đại vậy thôi. Trừ khi nào trút sạch cái TÔI, thì chừng đó muốn gọi gì thì gọi, cái thấy chừng đó mới là thật. Cũng như khi tôi mang kính đen mà đi tìm màu đích thực của sự vật không thể nào được cả. Và tôi thấy một màu gì đó bất quá là tôi thấy màu kính đen mà thôi. Nếu tôi muốn thấy màu đích thực của sự vật, việc trước tiên là bỏ kính xuống thì màu đích thực tự hiển bày, khỏi cần phải đi tìm. Do đó nếu nói đi tìm Phật, là chỉ tìm cái tâm mong niệm. Nên trong Chứng-Đạo-Ca Tổ Huyền Giác nói :

« Mịch tức tri quân bất khả kiến »

- Còn tìm thì quyết định tôi biết ông chưa gặp - Tất cả những người chứng được Đạo, tất cả những Tổ, những Phật đã qua đều nhờ cái đứng lại chớ không phải cái đi kiếm. Nếu có đi tìm mà gặp là vì săn đuổi cho đến mệt rồi ngừng lại mà được - Được là ở lúc ngừng chứ không phải lúc đi tìm.

* Những người đi tìm Phật, hết thấy đều chẳng biết tự tâm là Phật. Cũng chớ nên đem Phật lễ Phật, đem tâm niệm Phật. Phật chẳng tụng kinh, chẳng giữ giới, chẳng phạm giới. Phật không có giữ và phạm, cũng chẳng tạo thiện tạo ác. Nếu chẳng thấy tánh niệm Phật tụng kinh, ăn chay giữ giới cũng không ích lợi gì.

Thưa có 2 cách tu : Một là dùng pháp; hai là pháp dùng.

Dùng pháp nghĩa là nương nơi thiện tri thức, nương nơi một câu kinh nào đó, nương nơi một va chạm sự đời nào đó, chúng ta bùng lên nhận ra được nguồn cội của tâm linh. Hồi đó còn sót lại những thói quen mới áp dụng tụng kinh, niệm Phật, ăn chay hay giữ giới, gì gì đó ... để trừ thói quen đi. Đó gọi là dùng pháp.

Còn nghĩ ăn chay, tụng kinh, niệm Phật, giữ giới để được thành Phật. Đó là bị pháp nó dùng chớ không phải dùng pháp. Cho nên biết hai pháp đó khác xa. Tại sao thấy tánh tức là Phật ? Phải là người nhận ra được nguồn tâm-linh của mình mới có được một cuộc sống bình an muôn thuở, có một tình thương không hai, có một tâm lượng không xưa nay, không cũ mới. Cho nên đối với Phật chẳng có xưa nay, chẳng có cũ mới, chẳng có được mất.

Niệm Phật chẳng qua được nhân quả, tụng kinh chẳng qua được thông minh, giữ giới chẳng qua được sanh lên cõi trời, bỏ thí chẳng qua được phước báo. Tìm Phật quyết định không thể được.

Nói vậy là rõ lắm. Hết thầy những chuyện làm đó đều là tạo phúc duyên chứ chẳng phải là tu. Tại sao tôi nói thế ? Là vì hễ chúng ta được phước, ví như một người sống trong gia đình trọn vẹn hết đều được êm ấm, mà muốn tách bến ra để tìm Đạo, không phải chuyện dễ. Cho đến ông Phật còn phải đợi đi ra đến cửa thành thấy sanh, già, bệnh, chết, khổ rồi mới phát tâm nổi. Thế mới biết, còn có chút gì là còn kéo dài 3 A-tăng-tỳ kiếp. Cho nên biết những người còn nhận làm sự tu phước là tu, tức là đã ký giấy kéo dài 3 A-tăng-tỳ kiếp rồi. Thế mà đáng buồn thay hầu hết các tổ chức Phật-giáo ngày nay đều cho đó là tu ! Nói như thế là bảo đừng làm phước, đừng bố thí sao ? Thật ra ở đây chúng ta chỉ nhóm chợ chớ không phải có lòng tốt. Chúng ta đem một số tiền lớn cúng vào chùa để được biên tên cao nhất, và kiếp sau được hưởng một cái gì. Đó chỉ là một thứ mua bán, một thứ biến chứng của lòng tham. Chúng ta mua một lồng chim, rán nhốt để ngày rằm lớn quy-y và chú nguyện cho nó xong thả đi, để kiếp sau nó làm đệ tử mình. Như vậy thì đạo ra sao nữa ! Đó chẳng là lòng tham sao ? Tham tiền bạc, tham địa vị, tham danh vọng mới là tham, còn tham phước không phải là tham sao ?

Nếu tự mình không thấu suốt, thì phải nên tìm tham học với thiện tri thức nào đã dứt khoát nguồn cội sanh tử. Nếu chẳng thấy tánh thì không được gọi là thiện tri thức.

Có người hỏi một Thiên-sur : « thế nào là thiện tri thức ? » Thiên-sur nói : « Đê-Bà-Đạt-Đa là thiện tri thức ! » Gặp ông này lại nói : « Người nào thấy tánh rồi mới là thiện tri thức ». Vậy chân lý ở đâu ? Đê-Bà-Đạt-Đa là em của ông Phật mà muốn giết Phật để tranh ngôi Phật. Là hạng người chém cha, giết chú, làm thịt Phật mà nói là thiện tri thức là nghĩa sao ? Nghĩa là nếu « biết dùng » thì cảnh nghịch là thầy mình; mà hễ cảnh nghịch là thầy mình thì cảnh thuận càng hay. Nếu « không biết dùng » thì cảnh thuận càng thêm nguy hiểm. Tại sao vậy ? Như con nít cho bú no, để trong nôi úm cho ấm, lắc lắc cho nó ngủ tối ngày chẳng la khóc gì. Còn bỏ dưới gạch kiến cắn, nó bò lăn la khóc. Với lý đó mình thấy trong cảnh nghịch dễ thức tỉnh hơn, dễ cảm biết hơn. Cũng như mấy bà nuôi heo, sáng chiều tắm rửa, kỳ cọ, cho ăn uống đầy đủ mục đích là để bán, mà con heo nó tưởng cung nó lắm !

Vậy mà không thấy cảnh thuận nguy hiểm sao ?

Cho nên « Đê-Bà-Đạt-Đa là thiện tri thức ». Ở đây nói « Phải thấy tánh mới là thiện tri thức » là tại sao ? Vì đang ở cảnh thuận, cần phải gặp người biết để chỉ mình cho chính xác mới được. Nếu chưa thấy tánh, chưa trở vô con người của chính mình, thì tất cả cái biết đó đều là thứ không biết. Cho nên thiện tri thức là Đê-Bà-Đạt-Đa cũng phải, mà thiện tri thức phải là người tỏ ngộ cũng phải vậy.

Nếu không như thế đâu cho có giảng được hết cả kinh Phật cũng chẳng khỏi sanh tử luân hồi, vẫn ở trong 3 cõi chịu khổ mãi mãi.

Thật dễ hiểu ! đó chỉ là đút ống sậy vô lỗ mũi ông Phật mà thở rồi nói theo vậy chớ đâu phải thiệt của mình.

Xưa có Tỳ-Kheo Thiện-Tinh giảng được hết cả kinh Phật nhưng vẫn chẳng khỏi luân-hồi, cũng chỉ vì chẳng thấy tánh.

Thiện-Tinh Tỳ-Kheo là con giòng nhỏ của Phật chứ không ai đâu lạ. Vì không chịu soi trở vào thì Phật vẫn không thể cứu được như thường. Cho nên Thiện-Tinh bị đọa địa ngục, Phật cứ để cho đọa.

Thiện-Tinh đã như thế, người nay bắt quạ giảng được năm ba bản kinh luận rồi vội cho là mình thực hành pháp Phật, đó là thuộc về hạng người mê. Nếu chẳng biết tự tâm, chỉ tụng không theo mặt chữ của kinh đều là vô dụng. Nếu muốn tìm Phật phải nên thấy tánh. Tánh tức là Phật. Phật tức là tự tại, rảnh rang, vô sự. Nếu chẳng thấy tánh suốt ngày chặt vật dong ruổi ra ngoài mà tìm, tìm làm sao được !

Thật vậy ! có ai nói để sáng sớm mai tôi ra ngoài chợ tìm một người chưa từng biết mặt, biết tên tuổi đâu ! Thế sao người ta đi tìm Chúa, tìm Phật, tìm chân lý mà lại bỏ quên cái tìm hiểu về chính con người của mình. Cho nên Mạnh-Tử nói : « Cái đạo học-vấn không có gì cao xa hết, chỉ có tìm lại cái phóng tâm. Người ta nhốt con gà, con chó nó sống chuồng, người ta còn biết đi tìm. Còn tâm mình nó sống lại không ai kiếm ».

« Phật tức là người tự tại, rảnh rang, vô sự ». Thừa rảnh rang, vô sự ở đây không phải muốn làm cái gì thì làm hoặc ở không hoài. Muốn gì làm đó là loạn, còn ở không hoài lại là một thứ làm biếng. Phật có nói « những kẻ lười biếng chỉ biết ăn no rồi nằm, sẽ sanh làm kiếp rắn ». Ở đây nghĩa muốn nói là trong lòng không chất chứa. Một người mà « chuyện đã qua rồi, chuyện hiện tại không dùng, chuyện vị lai chưa đến » trong lòng thanh thoi không chất chứa, việc đến giải quyết việc đâu đó minh bạch rõ ràng, đó là người rảnh rang vô sự.

Tuy không một vật có thể được nhưng nếu muốn cầu tỏ ngộ cũng phải nên tham học với thiện tri thức. Phải thiết tha cầu khỏ mà cầu đến bao giờ được tỏ ngộ bản tâm.

Nghĩa là lấy bản tâm làm trụ cột. Bản tâm nghĩa là cái vốn sẵn có ở lòng mình.

Sanh tử việc lớn, không được phép để luống trôi qua, tự dối gạt vô ích. Dầu có của quý như non, quyền thuộc như cát sông Hằng, mở mắt thấy đó, khi nhắm mắt rồi ra sao ? Phải biết các pháp hữu vi đều như giấc mơ, như huyễn hóa.

Thưa, hai câu này là trong kinh Kim Cang chứ không đâu lạ :

« Nhứt thiết hữu vi pháp Như mộng huyễn bào ảnh Như lộ diệt như điện

Ứng tác như thị quán ». Nghĩa là : « Tất cả những gì có tướng đều là như bóng, như bọt, như sương sớm, như điện chớp. Sự thật vốn thế, phải thấy cho được ». Nếu đem ta mà sánh với con vi trùng, ta thấy ta lớn quá, chứ nếu đem ta mà sánh với vũ trụ bao la thì ta còn nhỏ hơn vi trùng sánh với ta nhiều. Nếu ta đem ta mà sánh với thời gian tuổi thọ của vi trùng thì ta thấy ta thọ ghê ! Nhưng mang tuổi thọ của ta mà sánh với tuổi thọ của vũ trụ thì thấy ta còn yếu hơn vi trùng nữa. Cho nên Tổ Huyền Giác nói « Nhứt thiết thánh hiền như điện phát (cho đến tất cả thánh hiền đều như cái điện xẹt) ». Có lần Phật hỏi : « Kiếp sống con người ra sao ? ». Một đồ đệ đứng dậy nói : « Bạch Thế Tôn, giống như tiếng vỗ tay ». Phật cười nói « đúng ! ». Chỉ vì mình mắc kẹt trong thời gian Thái Dương hệ mình ở đây nên thấy nó dài. Nếu nhìn bằng con mắt suốt hết như Phật thì kiếp sống này chỉ là một tiếng vỗ tay.

*** Nếu chẳng gặp tìm thầy học Đạo, luống uổng một kiếp trôi qua. Tuy rằng tánh Phật ai cũng vốn tự có, nhưng nếu chẳng nhờ thầy chỉ-giáo rất không thể tỏ ngộ.**

Chữ 'Thầy' ở đây không phải đợi có một người chỉ mà thôi, mà ý muốn nói phải đợi có một dịp. Âu Tây có một chuyện: Một tên tù chúa đã từng giết người không góm tay, một hôm ngồi tựa lưng vào vách đá, bỗng bị một con thằn lằn rớt trúng lưng. Ông ta ép mạnh lưng vào để nghiền nát con thằn lằn. Đột nhiên cảm giác chạm phải thân thể nát nhầy của con thằn lằn làm ông ta bừng cảm động. Sau đó ông mời Linh Mục đến rửa tội cho ông. Đó cũng là một dịp.

Ở đất nước chúng ta đây có những lúc sủng bản dữ dội – như lúc Mậu Thân chẳng hạn - Người ta cũng niệm Phật rất dữ-dội. Đó cũng là một dịp.

Còn thiện tri thức cũng là duyên. Nhưng nếu gặp thiện-tri-thức tỏ sáng thì duyên đỡ lòng vòng, nếu không sẽ uổng phí cả thời gian.

Những bậc chẳng nhờ thầy mà tỏ ngộ chỉ là hy hữu trong muôn một mà thôi. Nếu tự mình được nhân-duyên hợp ý thánh thì không cần phải tham học với thiện-tri-thức ; trường hợp này gọi là sanh ra đã biết còn hơn vậy.

Nói theo chiều kia rồi mà Tổ vẫn sợ mình chấp, mình đóng cứng.

Nếu chưa được tỏ-ngộ phải nên cần khổ tham học, nương nơi giáo mới được ngộ. Nếu đã ngộ rồi chẳng học chả sao, không đồng với người mê. Nếu chưa minh bạch được đen trắng mà kỳ vọng nói tuyên-bày giáo-pháp của Phật, chê Phật ky pháp. Những bọn như thế, thuyết-pháp như thế, hết thầy đều là ma nói, không phải Phật nói, tức là ma vương, đệ-tử của họ là ma dân. Người mê chịu cho chúng nó chỉ-huy chẳng được giác-ngộ, đọa vào biển sanh tử chỉ vì chẳng thấy tánh, vọng xưng là Phật. Bọn chúng-sanh như thế là đại ma vương, gạtgẫm tất cả chúng sanh cho vào cõi ma.

Hiện giờ tôi biết rất nhiều người dám vỗ ngực xưng mình là thứ này thứ kia nhiều lắm ! Có người dám xưng mình là Phật Di Lặc nữa. Nhưng gặp mấy người như vậy cứ chỉ đại vào mặt nói họ là ma. Bảo đảm không hề bị tội-lỗi gì cả !

Nếu chẳng thấy tánh đầu cho giảng được hết kinh Phật đi nữa cũng chẳng qua là ma nói, là quyênthuộc nhà ma, chẳng phải đệ-tử của Phật. Đã chẳng biện được đen trắng thì căn cứ nơi đâu mà khỏi sanh tử ? Nếu đã thấy tánh tức là Phật, chẳng thấy tánh tức là chúng sanh. Nếu lìa tánh chúng sanh mà riêng có tánh Phật có thể được, vậy Phật hiện ở chỗ nào ?

Nghĩa là không phải đập chết chúng sanh đi để tạo ông Phật khác mà là bàn tay 2 bề, đồng tiền 2 mặt trở qua trở lại, chỉ có mê với ngộ mà thôi.

Như thế chúng sanh là tánh Phật. Ngoài tánh không Phật. Phật tức là tánh, ngoài tánh này không có Phật nào có thể được. Ngoài Phật cũng không có tánh nào có thể được.

Cũng như nước tức là sóng, sóng tức là nước, ngoài sóng không có nước nào khác, ngoài nước không có sóng nào khác.

Hỏi : Nếu chẳng thấy tánh niệm Phật, tụng kinh, bố-thí, giữ giới, tinh-tấn, mở rộng phúc duyên có được thành Phật không ? –

Đáp : không !

Hỏi : Vì sao không được ?

Đáp : Nếu có chút pháp nào có thể được đều là pháp hữu vi, là pháp nhân quả, là pháp thọ báo, là pháp luân hồi, không khỏi sanh tử, biết chừng nào mà thành Phật !

Trong kinh có nói : Nhờ cái không được gì cả mà không có sợ hãi, không có chỗ sai lầm, không mê tưởng. Quan Thế Âm Bồ Tát nhờ cái không có được gì hết đó mà lòng thành thoi. Nếu nói có cái được thì toàn là chuyện làm ra hết cả.

Muốn thành Phật phải thấy tánh. Nếu chẳng giác ngộ bản-tánh thì dù có nói những nào nhân, nào quả đều là pháp ngoại-đạo. Nếu là Phật thì chẳng tập theo pháp ngoại-đạo.

Nghĩa là mình đưa ra vấn đề nhân quả mà mình không có chứng-thực, làm sao giúp đỡ lẫn nhau nhận cho được tận nguồn tâm-tánh, thì rồi không thoát khỏi tầm tay ngoại-đạo. Ngoại-đạo là gì ? – là mắc kẹt trong nhị nguyên ; mắc kẹt trong cái TÔI. Nếu mắc kẹt trong cái TÔI sợ tội mà tạo phước ; thì dù đệ-tử của Phật cũng gọi là ngoại-đạo.

Phật là người không nghiệp, không nhân quả, nếu nói có chút pháp có thể được đều là chê bai Phật đó. Căn cứ nơi đâu mà được thành Phật ?! Dầu cho chỉ trụ-chấp một tâm, một năng, một giải, một thấy cũng đều bị Phật chẳng thừa nhận. Phật không giữ và phạm. Tâm tánh vốn không, cũng không phải các pháp dơ sạch, không tu không chứng, không nhân không quả. Phật chẳng giữ giới, chẳng tu thiện chẳng tạo ác, chẳng tinh tiến, chẳng giải-đãi. Phật là người vô tác, nếu có tâm đắm chấp để thấy Phật là bị không thừa nhận rồi. Phật chẳng phải Phật, đừng làm ra hiểu Phật, nếu chẳng thấy nghĩa này thì luôn luôn ở đâu cũng đều là mê-muội bản tâm, nếu chẳng thấy tánh mà luôn luôn tưởng-tượng làm ra cái rảnh rang (vô tác), đó là tội nhân lớn, là người si, rơi vào ngoan-không vô-ký, ngây ngây như người say, chẳng phân được tốt xấu. Nếu muốn tu theo pháp vô tác trước phải thấy tánh, rồi sau dứt các duyên lự nơi tâm. Nếu chẳng thấy tánh mà được thành Phật, thì thật là chuyện tưởng tượng. Có người bác cho rằng không nhân quả, tha hồ mà tạo nghiệp ác, vọng nói vốn không, làm ác không tội, con người như thế sẽ đọa địa ngục vô-gián tối-tăm mãi mãi. Nếu là người trí không nên hiểu như thế.

Nghĩa là Phật chẳng phải là cái làm ra, chẳng phải giữ giới, tu chứng mà được. Phật là rảnh rang. Nếu cố tâm tạo ra ông Phật thì chỉ là Phật giả bộ. Nhưng nếu cố tình làm ra cái không làm, làm ra cái rảnh rang thì rảnh-rang cũng chỉ là giả bộ mà thôi. Nếu thật sự giác ngộ bản tâm thì tự nó sẽ ngừng nghĩ, khỏi phải cố tình tạo ra cái dứt bỏ.

Hỏi : đã nói dầu cho làm lụng, hoạt động, lúc nào cũng đều là bản tâm. Vậy khi vô-thường đến với sắc thân sao lại chẳng thấy bản-tâm ?

Đáp : Bồn-tâm lúc nào cũng hiện bày, chỉ tại ông tự chẳng thấy.

Trong kinh Lăng-Nghiêm, Phật trình bày chuyện này mà ngài A-Nan lòng tung cho tới hơn hai phần quyển kinh Lăng-Nghiêm. Nếu một người biết quay trở lại mà nghiệm hồi chưa khởi thiện, chưa khởi ác của lòng mình, thì sẽ thấy muốn tìm xem chỗ nào không phải tâm cũng không thể được.

Hỏi : Lúc nào cũng hiện-bày, vì sao chẳng thấy ? Tô-sư nói : « Ông có từng nằm mơ lần nào không ? »

Đáp : Có.

Hỏi : khi ông nằm mơ có phải là bồn thân của ông không ?

Đáp : Phải

Lại hỏi : Ông nói-năng hoạt-động với ông là một hay khác ?

Đáp : Không khác

Nói : Nếu đã chẳng khác thì thân của ông đây cũng chính là pháp-thân vốn có của ông đó. Chính ngay pháp thân này là bồn-tâm của ông đó. Tâm này từ lũy-kiếp đến giờ vẫn y nguyên như thế, chưa từng có sanh tử. Chẳng sanh chẳng diệt, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng tốt chẳng xấu, chẳng đến chẳng đi, chẳng phải chẳng quấy, chẳng tướng nam tướng nữ, cũng không phải tướng tục tướng tăng, không già không trẻ, không thánh không phàm, không Phật không chúng sanh, không tu không chứng, không nhân không quả, không gân lực, không tướng mạo cũng như hư không, bắt chẳng được, bỏ chẳng được, núi sông gành đá, không chướng ngại được, hiển ẩn qua lại tự tại thân thông, suốt 5 uân vượt sanh tử, tất cả nghiệp chướng đối với pháp thân cũng đều không thể trói buộc được. Tâm này rất vi diệu khó thấy, chẳng đồng với cái tâm nghiệp-chướng do trần cảnh tạo nên.

Thưa, có nhận ra được không ? – Thân này với tâm hằng ngày mà mình thường gọi, tại nhìn thấy là hai, chớ thật ra nếu lìa tâm mà có một vật gì có thể được là chuyện không thể có. Nói cách khác, tất-cả mọi người cũng như tất cả vạn-vật đều ở trong biển bồng-tánh linh-thiên không hề có đứt đoạn. Nếu giữa tôi với quý vị có cách bức thiết tình, thì không thể nào nghe được, thấy được, nói được, và những dụng cụ máy móc, âm-thanh này không thể chế được. Cho nên biết không có chỗ hở. Chỉ vì hằng ngày mình mắc kẹt trong cái tướng huyền-hóa của mỗi người, do đó mà không thấy được vốn không có chỗ hở.

Nếu thiết tình không có một nguồn bản-tánh linhdiệu tràn-ngập trong bao-la thì mạch sống không bao giờ có được. Thế mới biết thân này cũng là tâm, cũng là tánh. Nếu mình nhìn vật-chất là vật-chất, như mình ham uống nước đá nhiều quá, đến chừng thay đổi tâm tánh mình không hay biết. Do đó nếu nhìn ly nước đá là vật-chất là sai lầm. Nhưng nếu nói ly nước đá với mình là một thì càng sai, vì cái duyên hiện ra nó khác, nhưng nguồn cội vẫn như nhau. Cho nên tất cả mọi người, tất cả vật, cũng như tất cả bao la đều cùng chung một linh tánh. Nếu muốn nhận ra được điều ấy mà không soi trở lại lòng mình, không quay lại hỏi chưa nghĩ thiện chưa nghĩ ác, thì không làm sao thấy được cái tâm cao cả vốn có của mình, nó đồng như hư không. Nếu không thấy được cái bao la đó thì tự khắc mình đối đãi với nhau không có chút nào là chân thật hết cả. Như thế mình với mình còn không biết thay, có đâu biết được loài khác ! Cho nên đối với vạn vật, đối với cây cỏ, có nhiều khi mình không hiểu gì hết, là tại mình đâu có cảm thông với nó được. – Nói cách khác : tất cả các luồng điện có tầng số đều là những luồng điện hữu hạn. Nếu nhập vào luồng điện không tầng số, thì nó tràn ngập cả bao-la hư-không và suốt cả vạn vật. Cho nên nếu không nhận ra được điều đó thì cuộc sống sẽ trở nên đau thương.

Cái pháp-thân, tâm tánh này ai ai cũng sẵn có. Trong tâm ấy động tay máy chân nhất nhất đều không lìa, nhưng khi hỏi đến đều không thể nói được, giống như người gỗ. Hết thấy đều tự mình thọ dụng nhưng sao lại không biết ? Phật nói : tất-cả chúng sanh đều là mê muội, vì thế nên tạo nghiệp đọa vào sanh tử, muốn ra rồi lại vào, chỉ vì chẳng thấy tánh. Chúng sanh nếu chẳng mê tại sao khi hỏi đến việc trong tâm tánh thì lại không có một người biết được, tự mình động tay máy chân sao mình không biết ? Cho nên biết thánh nhơn nói không lầm, vì người tự mê-muội. Nên biết tánh này rất khó tỏ, chỉ có Phật mới được tỏ ngộ thôi ; hết thấy người, trời, chúng sanh đều không tỏ suốt.

Thưa, không phải chỉ có Phật mới được tỏ ngộ thôi, mà thật ra phải nói chỉ có người tỏ ngộ mới là Phật.

Nếu có trí-huệ tỏ suốt được tâm này thì gọi là pháp tánh, cũng gọi là giải thoát, sanh tử không trói buộc được, tất cả pháp không chướng ngại được, thế gọi là Đại-Tự-Tại-Vương Như Lai. Cũng gọi là không thể nghĩ bàn, cũng gọi là thánh thể, cũng gọi là trường sanh bất tử, cũng gọi là đại tiên. Danh tuy chẳng đồng, thể vẫn là một, bực thánh nhơn nói ra dẫu có muôn vàn phân biệt cũng đều chẳng lìa tự tâm. Tâm-lượng rộng lớn ứng-dụng vô cùng, ứng ra mắt thấy sắc, ra tai nghe tiếng, ra mũi biết mùi, ra lưỡi biết vị, cho đến hết thấy hành tung hoạt-động cũng đều là tự tâm. Bất cứ lúc nào, chỉ có bật đường ngôn ngữ tức là tự tâm.

Câu đó quan hệ. Nếu muốn thấy được mặt thật của tâm mình thế nào, cứ ngồi lại làm thính tới tận cùng trong tâm đừng nói lào xào, để lắng nghe coi cái biết của mình ở đâu, thì sẽ thấy cái tánh linh, cái bản tâm bản tánh của mình rộng đến đâu.

Chúng ta phần nhiều ngồi lại thì trong bụng nói nói lằngxằng. Ai cũng vậy, mới ngồi tĩnh tọa một chút mà nó nói : « thôi bữa nay mệt lắm, để nghỉ rồi mai ngồi nhiều một chút ». Luôn luôn như vậy nên không nghe được một thứ tiếng không có tiếng, không nhận ra được luồng điện không có giai-tàng, không nhận ra được một sự rung-chuyển cùng khắp. Cho nên cách tĩnh-tọa chỉ để lắng lại mà nghe. Đó nghĩa là ngừng hết các duyên để đón chờ, nhận ra mặt mũi của sự rung động toàn diện.

Nên nói sắc Như Lai vô-tận, trí-huệ cũng vô-tận. Sắc vô-tận là tự tâm, tâm khéo hay phân biệt tất cả pháp, nhãn đến tất cả hành-tung hoạt-động cũng đều là trí huệ. Tâm không hình tướng nên trí-huệ cũng vô tận. Nên nói sắc Như-Lai vô-tận, trí-huệ cũng như thế. Còn cái thân tứ-đại tức là cái thân phiền-nã, thân sanh diệt. Pháp-thân thường-trụ không chỗ trụ ; pháp-thân của Như-Lai thường chẳng thay đổi nên kinh nói : chúng sanh nên biết tánh Phật vốn tự có ; ngài Ca-Diếp chỉ ngộ được bản-tánh mà thành Phật. Bản tánh tức là tâm ; tâm tức là tánh, tánh với tâm chư Phật không hai, Phật trước Phật sau chỉ truyền tâm này, ngoài tâm này không có Phật nào cả. Chúng-sanh điên đảo chẳng biết tự tâm là Phật, dong-ruổi ra ngoài mà tìm, suốt ngày chật vật niệm Phật, lễ Phật, vậy Phật ở đâu ? Chớ nên hiểu như thế, làm như thế. Chỉ biết bản-tâm, ngoài tâm không có Phật nào khác. Kinh nói : Phàm cái gì có tướng đều là hư vọng.

Câu này là ở trong kinh Kim-Cang : « Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như-Lai ». – « Tất cả tướng đều là huyễn hóa. Nếu nhận ra tướng không phải tướng, hồi đó thấy được sự thật ». Tướng huyễn hóa là tướng tổ hợp. Nhận ra tướng huyễn hóa cũng khó lắm ! Giả tí bây giờ tôi thấy cây quạt này là huyễn hóa vì tôi thấy giấy ráp với nang, với mấy màu đen đen thì tức là huyễn hóa. Nhưng chưa được, phải thấy tới giấy do từng sợi hợp lại. Rồi trong từng sợi cũng có từng sợi hợp lại, cho đến khi không thể thấy bằng giác-quan nữa. Đến chừng đó tôi thấy cây quạt này là không và không với có vốn không có. Cho nên trong viên gạch có nhiều hạt cát, trong hạt cát có nhiều hạt bụi, trong hạt bụi có nhiều hạt mún, trong hạt mún có nhiều hạt mịn, tới chừng hết nói được mới thôi. Đó là biến tướng của cái không. Do đó người phi công với con chim thấy hư không là có, còn con cá thấy hư không là không, vì có nước nó mới lội được, nên nó thấy nước mới là có. Cho nên biết tùy duyên tùy nghiệp mà hiện chớ không phải như mình khẳng định. Thế là nói « nhận ra được tướng không phải tướng là thấy Như Lai » cũng được, hoặc nói « nhận ra được tướng là tướng mới thấy được Như-Lai » cũng xong.

Lại nói : Phật ở đâu ? chỗ nào không Phật ? Tự tâm là Phật, chẳng nên đem Phật lễ Phật, dầu có tướng Phật hoặc tướng Bồ Tát hiện tiền cũng quyếtđịnh chớ nên lễ kính. Tâm ta vắng-lặng vốn không có tướng như thế. Nếu chấp tướng tức là ma, đều rơi vào tà đạo, nếu là huyễn từ tâm khởi, lại càng không nên lễ, lễ là không biết, biết thì chẳng lễ. Nếu lễ là bị ma nhiếp.

Trong Thiên học có nói : « gặp ma chém ma, gặp Phật quét Phật ». Vậy nghĩa là sao ? Nghĩa là mình ngồi thấy Phật hay thấy ma, không phải Phật hay ma ở đâu mà chính ở trong bụng mình xuất hiện, đó đều là ma của mình. Cho nên cái đó chưa phải, đừng vội chấp nhận. Do đó dù cho ông Phật thiết đến với tôi đi nữa, mà nếu tôi nghĩ thấy ông có 32 tướng tốt tôi theo tu thì mai một tôi cũng bị Ma-Đăng-Già chụp như thường ! Cho nên trong kinh Lăng Nghiêm, sau khi mắc nạn rồi, ông A-Nan nhờ Phật giảng cho nghe. Phật hỏi : « Tôi với ông là tình anh em, vậy tôi hỏi thật ông vì lẽ gì theo tôi xuất gia tu ? » Ngài A-Nan trả lời : « Vì thấy Phật có 32 tướng tốt quá nên tôi theo Phật tu ». Phật nói : « Vậy ông mắc nạn là phải vì ông đặt cái nhân là sắc thì sắc nó tới chớ sao ! » Cho nên dù Phật thiết tới với mình đi nữa, mình cũng phải hỏi lại xem lòng mình muốn gì, vì cái gì mà mong gặp Phật ? Thất Chonnhân-quả có viết : Một vị tiên kia được ông nhà giàu năn-ni lạy lục rước về, hằng ngày tiếp đãi mà không hỏi gì cả. Vị tiên tìm biết bụng ông nhà giàu chỉ muốn nuôi ông để cầu phước như nuôi con gà, con thỏ chớ không phải để học Đạo. Buồn ý, vị tiên chờ một hôm đưa ở gái bụng nước cho ông, ông liền ôm đại. Con nhỏ la lên, chùng đó ông mới xách gói đi được, chớ không hề đi thì nó lòi lại, lạy-lục không cho đi. Thì biết lòng tham cũng dữ-dội lắm ! Cho nên Phật đến đi nữa quan-hệ cũng chỉ tại tâm mình.

Sợ hậu-học chẳng biết nên phải biện-bạch như thế này. Các Phật, Như-Lai trên bốn-tánh đều không có tướng như thế, phải nên chú-ý. Khi thấy cảnh giới lạ, quyết định không nên chấp, cũng đừng sanh sợ hãi, chẳng cần nghi hoặc. Tâm ta bốn-lai thanh tịnh, đâu có tướng như thế ! Nhẫn đến tướng Thiên-Long, Dạ-xoa, quỷ-thần, Đế-Thích, Phạm-Vương v.v. đi nữa, cũng chẳng nên sanh tâm kính trọng, cũng đừng sợ hãi. Tâm ta bốn-lai vắng lặng, tất-cả tướng đều là tướng hư vọng, chỉ đừng chấp tướng là hơn.

Thưa, tôi xin thuật một chuyện : Năm ngoái, có người Phật-tử ở Vạn Đức hót-hơ hót-hải chạy vô nói với tôi : « Thầy Năm, Thầy có hay Phật Di-Lặc hiện trên đọt chuối không ? » - Tôi nói : « Trời, sao lại Phật Di-Lặc hiện trên đọt chuối ! » Bà vội nói : « Ấy, có thật mà ! Thầy Vạn Đức cũng đi coi, có chụp hình nữa ! »

Tôi biết người ta tới chụp hình xôn-xao vì vụ này lắm. Nghe vậy tôi ngẫm-nghĩ không biết nói sao cho quý bà nghe đây. Tôi bèn nói :

-« Nếu ông Phật Di-Lặc mà hiện trên đọt chuối như vậy, thì tôi nhai cũng nát ngấu như chuối thôi ! » Người nghe ngỡ-ngàng trong im lặng. Thêm một chuyện nữa là lòng người do bị sự tranh chấp giữa Việt Nam Quốc Tự và Án Quang mà phao vu rằng thầy Vạn Đức có tư tình với 2 cô ni nhỏ trong chùa.

- Rồi có người tới đây hỏi tôi :

-« Tôi nghe đồn Thầy Vạn-Đức bây giờ tẻ quá rồi, nên Phật-tử của Thầy, dưới Mỹ Tho không còn ai niệm Phật hết. - Thầy nghĩ sao ? » Tôi nói thẳng rằng :

-« Vậy là hồi nào đến giờ mấy người tu cho ai đâu, chớ không phải tu hành gì hết ! – Vì không hiểu chuyện có thật hay không, mình không giáp mặt tại sao tin ! – Mà ví như có thật thì đó là chuyện riêng của ông ; còn ông nói phải, mình nghe theo làm phải là mình nhờ, chớ có phải mình tu cho ông đâu ! ». Đó là cũng bởi lòng người hằng ngày chỉ chạy theo sự tranh-chấp trên tướng, nên đến việc mới có ra những trường hợp trên. Quả thật ! tình cảnh này biết nói sao cho cùng !

Nếu khởi tâm thấy Phật thấy pháp và thấy các tướng Bồ Tát mà sanh kính trọng, tức là tự đọa vào chúng sanh. Nếu muốn liền được tỏ-ngộ, chỉ đừng nhận một pháp nào là được. Không cần nói gì thêm.

Đây là nghĩa bất thủ xả đó.

Nên kinh nói : phạm cái gì có tướng đều là hư vọng, đều không có thật. Huyền, không có tướng nhất-định, là pháp vô thường. - Chỉ đừng chấp tướng là hợp với ý thánh. Nên kinh nói : lia tất-cả tướng là danh hiệu chư Phật.

Đó là ý trong kinh Kim Cang. Mình chấp tướng ông Phật thì Phật đó cũng là ma. – Cho nên Phật không phải nghĩa là tướng mà cũng là tướng, nhưng tướng không lia bản tánh.

Hỏi : Tại sao không được lễ Phật, Bồ-Tát ? Đáp : Thiên-Ma-Ba-Tuần, A-Tu-La cũng hiện thân thông làm được tướng Bồ-Tát và nhiều cách biến hóa. Đó là ngoại đạo chớ không phải Phật. Phật là tự tâm, đừng làm lễ lạy. Chữ Phật là tiếng Ấn-Độ, theo xứ ta gọi là tánh giác. Giác nghĩa là linh-giác, ứng có tiếp vật, nhượng mảy, liếc mắt, động tay máy chân đều là tánh linh-giác của mình. Tánh tức là tâm. Tâm tức là Phật. Phật tức là Đạo. Đạo tức là Thiên. Nội một chữ Thiên, phạm thánh cũng khó lường được. - Lại nói thấy tánh là Thiên. Nếu chẳng thấy tánh là không phải Thiên, dầu cho giảng được thiên kinh vạn luận, nếu chẳng thấy tánh cũng chỉ là phạm phu. Đạo cả sâu mầu không thể dùng lời mà tỏ được hết. Vậy kinh-điển căn-cứ nói đâu mà có thể đến được. Chỉ thấy bản-tánh, dầu cho không biết một chữ cũng là thấy tánh, tức là thánh thể.

Nghĩa là khuyên biểu đừng mắc kẹt ở văn-tự

Vốn nó thanh tịnh, không tạp không nhơ. Có nói năng điều gì đều là thánh nhơn từ tâm mà khởi dụng. Dụng và thể bỗng-lai là không. Danh ngôn còn chẳng đến được, vậy 12 bộ kinh bằng cứ nơi đâu mà đến được ? - Đạo vốn viên thành, chẳng phải tu chứng. Đạo không phải sắc thính, vi-diệu khó thấy. Chỉ như người uống nước, lạnh ấm tự mình biết mà thôi, không thể nói cho người khác nghe được. Chỉ có Như-Lai biết được, ngoài ra người, trời các loại đều không hay biết. Vì trí phạm phu không đến được nên mới chấp tướng, chẳng rõ tự tâm vốn vắng-lặng rỗng rang, nên vọng chấp tướng và tất-cả pháp mới đọa ngoại đạo. Nếu biết các pháp đều từ tâm sanh thì chẳng nên chấp, chấp là chẳng biết. Nếu thấy bỗng-tánh thì 12 bộ kinh chẳng qua chỉ là văn-tự rỗng, ngàn kinh muôn luận chỉ cốt để tỏ tâm ; nếu nói ra liền khế-hợp thì kinh giáo dùng được vào đâu ! Chí lý hết nói-năng, kinh giáo chỉ là từ ngữ, thiệt chẳng phải Đạo. Đạo vốn không nói năng, nói năng là vọng.

Nghĩa chữ « không nói năng » ở đây là giữa nghĩa nói và không nói, là không kẹt vào vấn-đề ngôn ngữ văn-tự ; chớ không phải bên ngoài ngậm thính mà trong bụng như đá banh ! Nếu ngậm thính mà ở trong lòng-tung thì nên nói còn hơn ! Cho nên vấn đề nói hay không nói không dính-dấp đến chuyện ở đây. Đây muốn nói ở chỗ là trong lòng hể việc đến thì nói, việc qua rồi thì im ngay tận ở trong, thì vấn đề nói và không nói bằng nhau. Trái lại việc qua rồi mà trong bụng vẫn còn thì-thào, việc chưa đến nó vẫn bàn soạn thì không phải.

Tâm của chúng ta có thể có 2 thứ :

Một là nó giống như phim hình hay máy ghi-âm. Nó cứ quay, cứ chụp chồng lên thêm hoài.

Một thứ nữa, nó giống như mặt kiếng tráng thủy.

Cái gì đi qua rọi vào, qua rồi thì mất, trở lại thì thấy mà qua rồi thì lại thôi. Do đó mình nên tìm cách sử dụng tâm mình cũng như tấm kiếng, cái gì qua rồi thì thôi chớ đừng nên lưu lại, nguy hiểm lắm ! Đây tôi xin đọc lại đoạn thơ của một thi-sĩ biểu-lộ nỗi khổ của lòng khi việc đã qua rồi mà còn in lại như sau :

« Lòng ta chôn một khối tình, Tình trong giây phút mà thành thiên thu! Tình tuyệt vọng nỗi thắm sâu, Mà người gieo thắm như hầu không hay.

Hỡi ôi! người đó ta đây, Sao ta thui-thủi đêm ngày chiếc thân! Dẫu ta đi trọn đường trần, Chuyện riêng dễ dám một lần hé môi! Người dù ngọc nói hoa cười, Nhìn ta như thể nhìn người không quen. Đường trần lạng-lẽ gót tiên, Nào ngờ chân đạp lên trên mảnh tình! Một mình lòng mới hỏi lòng,

Người đâu ta có mấy dòng thơ đây! ..” Thật là khủng khiếp! Thế thì biết chuyện đó nó có cực cho mình ra sao?!

Và đây là một đoạn nữa:

“Đêm nay là cuối mùa Đông, Giây hoen, mũ cũ, mắt đưng lệ thừa.

Lần trang kỷ niệm về xưa

Sầu theo dòng chữ như mưa ào ào. » Như vậy thì sống làm sao nổi ! Cuộc sống trở nên là một cuộc chết !

Còn có cách nói nữa : « *Nước trôi không để ngày vui lại, Mà cánh hoa xuân đã rụng rồi !* » Như vậy là sự đời chảy trôi qua mà mình muốn giữ lại, nên chỉ giữ được bóng thôi. Cho nên Phật gọi tâm chúng-sanh là do bóng dáng trần-cảnh gom lại mà làm tâm. Thế thì mình đâu có sống ! Ngay như bây giờ đây, anh em duy-vật thì săn tìm cái Hoàng-Kim thời-đại ngày mai, hy-sinh hiện tại, phủ-nhận cái đã qua là sai lầm. – Công giáo cũng cho đã qua là sai-lầm, hiện-tại hy-sinh mà ngóng thiên-đường sắp tới. - Phật giáo cũng cho đã qua sai-lầm, hiện-tại hy-sinh, bây giờ ráng niệm Phật để mong mai về Cực Lạc. Do đó đều tranh nhau ở hiện-tại, để hiện-tại trở thành chiến-trường, mà tất cả đều ngóng chờ ngày mai !

Nói như vậy, không phải là tôi chống tông Tịnh-Độ. Tôi muốn nói tông Tịnh-Độ có 3 bậc : Đại-thừa, Trung-thừa, Tiểu-thừa.

Đại-thừa của tông Tịnh-Độ là niệm Phật để bây giờ là Phật, cũng giống như Thiên vậy. Hay nhất là muôn tâm trở về một tâm ; đến lúc cái tâm không còn nữa thì cũng với pháp-giới bao-la đồng-nhất. Đó là hiện tiền là Phật.

Trung-thừa của tông Tịnh-Độ là sau khi nhận được bốn-tâm bốn-tánh, rồi nương nhờ pháp niệm Phật để giải trừ thói quen.

Tiểu-thừa của Tịnh-Độ là niệm Phật để chờ chết mà đỏi nghiệp vãng-sanh về bên nước Cực-Lạc. Ở nước Cực-Lạc được thấy Phật, nghe pháp rồi mới giác ngộ.

Đó là chuyện tùy theo ý thích của mỗi người mà làm.

Hỏi : Bạch Thầy, nói như thế thì tất-cả những người tu theo pháp môn niệm Phật dù là Đại-thừa, Trung-thừa, Tiểu-thừa đều lâm vào tình-trạng tự dối gạt mình sao ? Không thể nhờ đó mà đến được cứu cánh giải-thoát sao ?

Đáp : Ai thấy được tất-cả vạn pháp đều huyền hóa thì thấy được tất-cả vạn pháp đều là thật. – Ai thấy được tướng kiềng, neo, cà-rá v.v.... đều là tướng giả dối, mà thấy được bản chất thật của nó là vàng thì người đó thật thấy được vàng. Do chỗ đó, nếu thấy được tất-cả tướng đều là huyền hóa thì sẽ thấy tất-cả tướng đều thật.

Vì sao thế ? – Đây tôi nói : Một luồng gió Xuân không biết từ đâu mà đi qua cây Bò-Đề kêu như vỗ tay, xuyên qua bụi tre khua như thì-thào, ngang qua khóm ngải tung-bùng như nhảy múa, lướt qua cành dương nhẹ-nhàng như môn-trón, phớt qua cây tùng Nam-Dương nhộn-nhip như điệu vũ của thiếu nữ ... Tất-cả những tướng đó đều chẳng qua là một luồng gió Xuân. Nhận ra được luồng gió Xuân thì mấy tướng huyền-hóa chỉ là một bản nhạc. Vậy thì cần nhất là phải nhận cho được chân sự thật. Nếu nhìn ông Phật bằng tướng thì mình cũng kẹt vào trong tướng huyền-hóa như thường. Nên nghĩa Phật không phải ở trong tướng mà cũng không lìa tướng. Vì rằng nếu thấy được các tướng đều là huyền-hóa thì tất-cả tướng đều là thật.

Hỏi : Thưa, Tâm-kinh có câu : « Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách .. » - nay ở đây chỉ chú-trọng đến môn học « thấy tánh », như thế là không thừa nhận Tâm-Kinh sao ? » Đáp : Trời ơi ! Thấy tánh không phải là chiếu kiến ngũ uẩn giai không sao ?! Vậy chớ ông hiểu thế nào ?

Hỏi : Vì từ trước tới giờ chưa rõ, xin Thầy giải thích thêm.

Đáp : Thế là tại ông mới đến kỳ này nên chưa rõ chứ tự hồi đầu tôi đã đưa ra 2 việc :

1) – Nguyên tắc chụp ảnh là mình phải đứng yên, cầm máy ảnh cho thật-vững, thì dù cảnh có xao động thế nào mình cũng chụp được ảnh rõ-ràng. Trái lại nếu mình đứng không yên thì dù cảnh đứng im-lìm, mình cũng chụp không được ảnh chính xác.

2) – Tôi đã đưa ra 4 điều-kiện cần cho người học Đạo trên đường khám-phá sự thật là :

Phải dám tột bực thành-thật với mình - Không nương-tựa ai

Không sợ hãi một điều gì.

Không mong cầu gì cả.

Nền tảng của việc học Đạo là tìm lấy sự thật.

Muốn tìm sự thật trước phải điều chỉnh cái máy MÌNH. Nền tảng của cuộc sống là khám phá. Cuộc sống không khám phá là cuộc sống tôi đòi. Và việc khám phá duy nhất, trước nhất là khám phá MÌNH.

Nếu đã chấp-nhận điều đó, thì bây giờ thử hỏi: mình nói đây là còn ở trên cái TÔI hay đã thoát ra khỏi cái TÔI mà nói? - Nếu đã thoát ra khỏi cái TÔI, thì nói như thế không phải. Nếu còn ở trong cái TÔI mà nói, thì phải chấp nhận 2 nguyên tắc chánh tôi vừa mới nói.

Vì ngũ uẩn là gì? Làm sao mình biết chắc được nếu không tạm thời vượt ra khỏi sự ảnh-hưởng của cái TÔI ? ! Nghĩa là tạm thời nương nơi thiện-trithức hay một dịp kích-động nào đó ... mà nhất thời nhận ra cho được tận nguồn tâm linh của mình. Thoát khỏi tầm tay của cái TÔI rồi, từ đó mình muốn đi tìm cái gì nữa thì mới nhìn thấy đúng sự thật được. Cũng như trước khi tôi muốn nhìn màu sắc đích thực của sự vật chung quanh, tôi phải gỡ kiếng đen xuống. Nếu chưa gỡ kiếng đen xuống, mà mình muốn đi tìm thêm những màu sắc gì khác thì đều là vọng cả.

Nếu gỡ kiếng đen để xuống là việc ưu-tiên, thì ở đây mới nói chuyện gỡ kiếng đen để xuống. Và chính chỗ đó nên mới nói cần ngộ-tánh, thấy-tánh. Nhưng tại sao ta vội thối-mắc, sao không cứ để yên rồi tới nữa tự-nhiên rõ ?! Đó là điểm cần để ý. Thêm nữa, phải để ý mình dùng pháp hay bị-pháp nó dùng ? Nếu bị pháp dùng thì dù thờ ông Phật cũng là ngoại-đạo như thường. Còn nếu mình dùng pháp thì Thiên Chúa cũng có thể là Phật Giáo. Do chỗ đó, nếu mình đi có phương pháp thì mới thấy được vấn-đề là : hiện ngày nay trong tình thế vật-chất 5 châu hợp chợ, thế-giới bị thu hẹp, tất-cả những cái chúng-sanh phòng to lên ; tất nhiên đồng bạc đụng đồng bạc, tôn-giáo đụng tôn-giáo, tínngưỡng đụng tín-ngưỡng, văn-hóa đụng văn-hóa ... đụng nhau một cách đảo-lộn như ngày nay. Vậy thì ở trong cái biển đảo-lộn này lúc nào nó cũng chực đầu-cơ, nên vấn đề dù cho nhiều người thích tướng tôn-giáo tín-ngưỡng đi nữa, nó vẫn là chuyện thích nằm nhà thương của mỗi người. Còn cơ thoát phải nằm trong cơ trí-tuệ, chớ không thể nằm trong tôngiáo tín-ngưỡng. Mà hễ kẹt vào trong tôn-giáo tínngưỡng thì sẽ có những cuộc đầu-cơ hấp-dẫn, và chánh-trị sẽ thò tay móc lỗ mũi mình dẫn đi. Cuộc sống ngày nay đã trở nên một cuộc lợi dụng tànnhẫn đau thương. Do đó chúng ta nên để ý một điều là cái Đạo không còn riêng ở trong chùa, nhà thờ, đền đài, hay ở tôn-giáo tín-ngưỡng nữa ; mà là việc của mỗi người phải biết trở lại và trở lại chính con người của mình mới tìm thấy được yên vui. Và khi tôi đã trở lại với lòng tôi, mỗi người chúng ta đều cùng làm như thế thì dù cho là Việt-Nam, Ấn-Độ, hay Nhật-Bổn, Mã-Lai ... cũng là anh em ; dù cho Thiên Chúa, Tin-Lành, Hòa-Hảo, Cao-Đài cũng trở nên Phật-Giáo, bởi vì Phật giáo cũng chỉ là một trong các pháp. Còn nếu không phải như thế thì dù là anh em một nhà cũng đánh lộn nhau như thường. Do chỗ đó Khổng-Tử đưa ra nguyên tắc : Tu, Tề, Trị, Bình.

Bởi vậy nên ở đây tôi chỉ mới bàn về bước đầu tiên đó, mà vì ông mới nghe lần đầu, chớ suốt mấy năm nay tôi đã nói đâu đó có thứ-tự lắm rồi. Thế là từ trước đến giờ ông chỉ mê-tin theo lời và chữ của kinh chớ không để ý xem kinh muốn nói gì, đó là điều đáng trách.

Hỏi : Thưa Thầy, Thầy có nói : làm phước và bố thí không thể gọi là tu. Vậy « tu » là phải làm như thế nào ?

Đáp : Thưa, nãy giờ tôi nói tại ông không nghe kỹ, vì trong bụng ông đã ôm chặt sự buồn phước làm tu. Thế là tham chớ sao gọi tu ?! Đúng lý ra bây giờ không còn dùng chữ « tu » nữa là khác, bởi dùng chữ tu người ta thường chỉ hiểu là cạo tóc đi vô ở chùa. Nghĩa tôi nói nãy giờ ở đây là mỗi người cứ hiểu mình là cái gì ; con người của mình đây là con người như thế nào, rõ thấu guồng máy tâm-linh của mình rồi thì tất-cả mọi việc đều ổn-định. Tôi đã nói muốn khám phá con người của mình trước nhất phải dám chấp nhận 4 điều kiện nền tảng tôi nêu trên. Và phải ý-thức ngay ở mỗi việc với mình, tỷ như bây giờ người ta khen, chê, người ta bung lên, để xuống, hay cái nghèo giàu ... trong lòng mình ra sao khi đối đầu với những cảnh đó ? Khi mình còn bị ngoại cảnh chuyển thì phải tự biết rằng mình chưa biết mình.

Nói cách khác hơn là hằng ngày ông vẫn tu. Ông « cục-kịch » là ông tu, mà ông tu chúng-sanh ! Bây giờ ông phải thành thật khám phá cho rõ suốt con người của mình trước, thì mới gọi là tu chơn chánh. Hỏi : Bạch Thầy, theo con thấy thì các pháp-môn có từ dễ đến khó để dẫn lần cho người vào Đạo. Nhưng vì nghe nhiều chỗ thuyết pháp với nhiều bộ kinh khác nhau làm cho con nghi ngờ hoang-mang, không biết phải hiểu sao ?

Đáp : Thưa, tôi nói đây vốn có thứ lớp từ mấy năm nay. Nhưng khó một điều vì người mới vào nghe lần đầu đều vốn bị nhiễm-độc kiến thức, đều hiểu bằng bộ óc lý-trí nên không nhận được trọn vẹn thật. Chớ Phật có dạy 5 cái chìa khóa để mình tự mở lấy sự hiểu biết là : Nói cái gì ? nói ở đâu ? nói với ai ? nói hồi nào ? ai nói ? - Nếu mình bỏ 5 cái chìa khóa đó mà bàn luận tất-cả phương pháp làm sao được ! Cho nên vấn-đề ngôn-ngữ văn tự là thứ dụng cụ không toàn. Mình mắc kẹt vào văn-tự ngôn-ngữ, bắt quía đổi ra một tuồng tranh đấu thế thôi chớ chẳng có được gì ! Thiên-học thường nói : « Được cá thì quên nôm, được ý thì quên lời, nên phải nương nơi lời mà đạt ý ». Phật vì chứng nơi lý mà lập pháp, để chúng sanh nương nơi pháp mà ngộ lý, chớ không phải dùng pháp để trói mình cho mắc kẹt. Cho nên không có kinh nào mâu-thuẫn, kinh nào làm cho mình thắc-mắc, mà tại mình còn cái TÔI trói-buộc làm cho mình bất tiện. Thế nên mình phải gỡ cái TÔI trước thì mọi việc sẽ xong, bởi cái TÔI là cái tội, là đầu mối của mọi vấn đề.

TUẦN THỨ HAI

4 – 6 – 1972 (23 – 4 N. Tý)

Thưa quý vị, kỳ này tôi không được khoẻ nhưng vì có nhiều vị mới đến nghe lần đầu, nên tôi cũng xin ngỏ một vài ý kiến:

Quý-vị đến đây nếu muốn tìm học cái Đạo nhấtthừa thì cứ để y đừng có vội tìm xem ông Thầy đó nói có giống trong bụng mình hay không. Hễ giống mới phải, thì té ra mình lấy mình làm cây thước đo, nên chẳng những không hiểu mình mà cũng không hiểu người khác nữa. Nếu mình chụp hình thì phải đứng vững một chỗ, thì dù cảnh có xao động mình cũng chụp được rõ. Còn mình bung máy hình mà nhảy chang cháng, thì dù cảnh đó có yên cũng chụp không được. Cho nên phải điều chỉnh cái máy trong con người của mình trước hết. Dù cho học bất cứ thứ gì, hay học Phật cũng vậy, đừng vội làm theo ông Phật mà bỏ quên mình; vì đó bất quá cũng là một thứ ở đợ ông Phật để được ăn trên ngồi trước thế thôi chứ chẳng được ích gì cả. Do vậy việc hiểu mình là cần thiết hơn hết.

Cho nên ở đây không có nghĩa tôi là người tuyền truyền cho cái gọi là Phật-giáo ngày nay, mà cũng không có nghĩa giảng Đạo với ai hết. Ở đây chúng cùng với nhau mà học hỏi, chớ chẳng có ai làm Thầy ai, và cũng chẳng ai là phát-ngôn-viên của chơn-lý cho ai cả! nên nghĩa học hỏi của chúng ta nhắm vào phần cốt-tủy của mạch sống để việc học Phật trở nên chính xác. Ngược lại có lắm vị nghe với tánh-cách như đi sắm thêm cặp gà voi, thì bất quá cũng như đi chơi chớ chẳng hiểu được chi hết. Vì thế chúng ta cần nghe cho rõ-ràng tường-tận, đừng đặt trước vấn-đề gì hết.

Có câu chuyện này quý vị nên nhớ: ông già nọ có đứa con một; ông thật yêu quý cưng chiều. Một hôm ông đi vắng, đứa bé chơi cùng với bạn, nhóm lửa trong bếp lửa bắt cháy nhà. Bạn nó chạy ra không kịp chết luôn trong đó. Đứa bé sợ quá trốn đi mất. Trở về thấy xác chết lằm lằm là xác con, ông quá thương xót đem thiêu rồi gom tro để trong bình, đi đâu cũng mang theo để cúng trông thật chí thiết. – Ít lâu sau đứa bé trở về nhìn cha. Ông lại đui mà bảo: Con tao chết rồi! mà đúng là ma, tao nhất định không nhìn!.

Tâm lý người đời cũng giống như vậy. Thật khốn đốn lắm! vì thế đối với cái khổ ngày nay, chúng ta không còn lý do gì mà hện nay hện mai trong việc phải giáp mặt với sự thật nữa. Cho nên tinh thần ở đây là tìm hiểu mình, biết mình, để làm chủ lấy mình, để khỏi nhìn thấy không thiết. Con mắt của tôi bệnh, nhìn mặt trăng một hóa thành hai – nên không phải hai mặt trăng,

mà là do mắt tôi bệnh. Do đó cần chữa mắt, chữa cho lành chớ không cần tìm có bao nhiêu mặt trăng. Chuyện con người của mình cũng giống như vậy.

Thưa, bây giờ thật ra tôi không muốn nói gì nữa cả. Nhưng có nhiều vị đạo hữu ở đây nhiều lần yêu cầu. Nên sở dĩ tôi còn nói đây, vì tôi nghĩ rằng: trong thời buổi này, quý vị muốn tìm con đường chính chắn để đi cũng khó khăn lắm, nên nương nơi đó tôi tùy duyên mà nói vậy thôi.

*** Người tu đêm đến nằm mơ thấy lâu đài, cung điện, voi ngựa hoặc cây cối, rừng ao v.v.. chớ nên mong lòng tham đắm, vì hết thấy cảnh ấy đều là chỗ để thác sanh, điều này phải hết sức chú ý. Lại nữa, khi lâm chung chẳng nên chấp tướng thì chướng liền trừ. Nếu tâm nghi phát khởi là bị ma nhiếp.**

Thưa, vì trong khi sắp chết thì tất cả những việc làm từ thuở bé đều hiện lên hết; nên bất cứ ai, hễ trước khi chết phải ráng giữ đừng để bị cái tâm mê sai khiến dẫn mình đi.

Chuyện thật xảy ra trước mắt nhiều người: có một người chuyên làm nghề đồ tể. Đến lúc lâm chung, ông phải nằm để cái đầu thông xuống thanh giường, đầu lắc lư, miệng la ề ề mà vẫn không chết. Người chung quanh thấy vậy đem một chậu nước đặt dưới đầu ông, lấy con dao để trên tấm thớt. Rồi đốt nhang, giấy vàng bạc vái, xong lấy dao liếc trên miệng chậu. Lúc đó tự nhiên ông trào máu miệng ra rồi mới chết được.

Cho nên biết, ở trong bầu trời khum-khum này, nếu mình không quay trở vô để biết mình; thì khi cảnh sắp chết tới sẽ gặp cảnh đảo ngược đưa vào luân hồi. Thí dụ trước kia mình giết con heo thì lúc đó mình là con heo bị giết, còn con heo thành mình.

Do đó nên Phật gọi là Chánh-điên-đảo. Bởi thế nên trước khi chết mà bình-tĩnh với cảnh hiện đó không phải là dễ. Thử hỏi khi ngủ nằm mơ mình có bình tĩnh được không? - Nếu thấy cọp rượt mình sợ-hãi, thấy chìm thuyền mình chới-với .., thì một lát cảnh hiện tới làm sao mình tự nhiên được! Do đó mà chúng ta sẽ phải bị thác-sanh. Nếu quý vị có đọc Nội-Kinh đến chỗ nói về 6 đường luân hồi, sẽ rõ lý do của sự thấy lộn ngược đó. Như câu chuyện của tôi khi còn trẻ khoảng 28 tuổi. Lúc ấy tôi gặp một cô thân hình thật cân đối, tay vén cao ống quần để lộ qua dòng suối. Cô đi qua, tôi đi về, không ai quen biết, cũng không ai gặp lại nhau. Thế mà khi về nhà, hễ vừa chợ mắt tôi lại thấy cặp bắp chuối cô đó mãi không sao quên được. Tức

quá tôi cố xua đuổi dữ dội trong tâm tưởng cũng không xong. Đến nỗi khi ngủ nằm mơ thấy cô ve vãn mình. Tôi chống đối dữ dội. Khi thức giấc suy nghĩ, thì ra chính mình muốn người ta mà thấy người ta muốn mình, có lạ chưa ?!

Thì ra, ở trong cái bầu khum này nó lật ngược ra những chuyện như vậy, mà mình tưởng đâu mình trong sạch lắm! Đến khi học Phật rồi mới biết. Đó là chỗ để Mật Tông lập nền tảng, và cũng chính chỗ đó mà giới có nhiều dục vọng thích luyện ngải, luyện bùa ... làm theo tả đạo bàng môn, để cuối cùng bị tai hại. Do vậy đó là chỗ chết mà người ta không biết, tưởng đâu làm lợi ích cho mình, đến khi chết thì nguy to!

Pháp thân bỗng lai thanh tịnh không thọ lãnh một điều gì, chỉ vì mê muội không hay biết nên vọng thọ báo, vì có tham đắm nên mất tự do, nếu ngộ được bỗng tâm thì chẳng đắm nhiễm.

Thưa, tôi nói đây không có hổ-thẹn, là cái chúng sanh của tôi nó không phải nhỏ! Như vấn đề ăn, khi nhỏ chỉ còn thiếu con bọ xít là tôi chưa ăn thôi! Và vấn đề nam nữ của tôi cũng vô cùng! Mà nó ở trong tâm, chớ ở ngoài ai thấy mình đâu lúc nào người ta cũng thấy mình siêu lắm! Nhưng nhờ từ khi tôi nhận ra được nguồn cội của lòng , rồi tự nhiên nó mất hiệu lực không lôi tôi được, tuy nhiên ở trong biển cộng nghiệp này mình cũng phải tự cầm bánh lái. Nói như vậy thì biết giá trị của sự tỏ ngộ được lòng mình hay như thế nào. Còn làm bất cứ cách nào, như niệm Phật thì bất quá cũng như đẽ bẹp để đó, đến khi rục rịch nó sẽ ngồi dậy còn mạnh hơn! Chỉ trừ khi tôi nhận ra được nguồn cội tâm linh thì tự nhiên nó mất hiệu lực đi. Do đó khi nhận ra được nguồn cội của tâm linh thì tự nhiên mình không còn tham đắm, mà cũng không còn đòi hỏi cái gì. Nên tôi thường hay nói: bây giờ đây tôi sống như sống thừa, bởi vì tôi sống tuy chưa được mấy mươi năm mà tôi kể như đã sống mấy trăm năm, đủ rồi! Chuyện đời mình thấy đã thềm rồi! Do đó bây giờ sống thêm nữa là sống vì người chung quanh, để có thể làm được công đức chi gọi là đền đáp cho bao nhiêu nhân duyên kể từ khi có mặt mình đến giờ, vậy thôi!

Nếu là từ thánh vào phạm thị hiện bao nhiêu tạp loại tự làm chúng sanh, đó là một việc khác. Nên thánh nhơn làm nghịch làm thuận đều được tự tại, tất-cả nghiệp chướng không trói buộc được, đối với bực ấy có đại oai đức đã lâu cho nên tất cả nghiệp chướng đều bị chuyển hết. – Thiên đường địa ngục hết thành vấn đề.

Hết thấy những người từ thánh vào phạm có thể làm được đủ chuyện hết. Có lần tôi nói :” ông Phật muốn độ chó, ông Phật phải làm chó”, mà người nghe không hiểu nên phiền tôi. Nhưng sự thiệt là vậy. Hễ tôi muốn vô trong cõi chó thì tôi phải nhập vào chó, chó làm sao bây giờ! – Do đó từ thánh vào phạm mình không thể lường được. Hôm nay tôi nói, mỗi người nên ghi nhớ. Trong biển cộng nghiệp ngày nay, biết bao nhiêu chuyện đau thương khổ lụy, cho đến bây giờ tuổi trẻ tìm cách chặt hết

5 ngón tay để khởi đi lính. Mà đến tôi không giữ vững sự hiểu biết thì tôi sẽ đổ lỗi cho chiến tranh. Nhưng không phải thế ! – Có lần tôi giảng kinh Duy Ma đến phẩm Phật Đạo : ”Không phải cõi Phật nào cũng thanh tịnh hết, là vì tùy theo tâm lượng của chúng sanh mà thị hiện”. Và Văn Thù Sư Lợi hỏi Duy Ma Cật rằng :”Thế nào là Bồ Tát thông đạt Phật Đạo?”. – Đó là nghịch hạnh. Nghĩa là từ thánh vào phàm, hễ xài miếng thuận được thì phải xài miếng nghịch được. Trong con mắt của thánh hiền, Tiên Phật, không có thấy người ta chết là hết chuyện; mà thấy nỗi đau khổ của loài người là cái mê chớ không phải cái chết. Cho nên hiện tình giờ đây, Nam cũng như Bắc, tất cả thế giới biết đâu đang có không biết bao nhiêu người từ thánh vào phàm, thị hiện những chuyện để đập đuổi cho chúng ta giác ngộ! Nhưng tôi nói như vậy, không phải những kẻ ác đều là bực Bồ Tát thị hiện hết đâu! Là vì khi đóng đinh xương khu người ta mà cười được, thì người ta có đóng đinh xương khu mình lại mình cũng cười được, thì mới là Bồ Tát; còn không phải vậy thì đừng có mong! Do chỗ đó, hễ giết người mà cười, đến khi người giết lại mà khóc thì không phải ? Đó là ma quỷ chớ không phải là thứ thiệt. Tôi nói chuyện thực tế hiện giờ đây là chuyện tranh chấp giữa Ấn Quang và Việt Nam Quốc Tự, đó cũng là cái gương cho chúng ta thấy. Một mặt bên này mình phải nhìn thấy tác dụng nó như thế nào. Mặt trái bên kia tác dụng như thế nào. - Tất cả là Phật thuyết pháp. Cho nên kinh nói : bên nước Cự Lạc, gió thổi, mây bay, chim kêu, lá rụng, hoa rơi ... đều là Phật thuyết pháp. Nghĩa là gì? - Là khi chúng ta nhập được và trong tận cùng nguồn tâm linh rồi thì dù cho chúng đánh, thiên hạ cười ... đều là Phật thuyết pháp hết; tự nhiên phải vậy. Kinh có nói rằng :”Phật vốn không có tướng, tùy tâm chúng sanh mà hiện tướng” – Nghĩa là vốn không có Phật đâu ở ngoài, mà tận nguồn tâm linh là Phật. Như vậy nghĩa là gì? – Nghĩa là hết thấy đều là Phật, vì không biết mình là Phật nên mình là chúng sanh. Mình mê hay ngộ chỉ có thế thôi. Do chỗ đó, ngay bây giờ nếu nhận cho được chuyện tôi nói đây, thì thấy chuyện tu hành quan hệ sát một bên. Cho nên biết đâu chuyện hồi thời Ngô Đình Diệm với Phật giáo cũng là chuyện chính ngay trong ruột của Phật giáo! Bởi tâm với cảnh vốn không hai. Cảnh là bóng dọi của tâm. Thế nên: *“Lòng quanh quéo sông càng quanh quéo Cảnh đều hiu dạ lại đều hiu”* Nên biết được hễ khi còn một mảy may chưa giác ngộ thì trần lụy còn xoay chuyển mình được. Do đó Tổ Đạt Ma nói : Người tỏ ngộ được bản-tánh mới gọi là Thiện tri thức. Còn nói cách khác thì Đề Bà Đạt Đa là thiện tri thức, nghĩa là cảnh nghịch là thiện tri thức. Cho nên đối với sự dồn ép của chiến tranh ngày nay, biết đâu một ngày nào đó sẽ không đưa mạnh tinh thần tuổi nhỏ dám thẳng thắn đi vào sự thật, sống với sự thật?! “Tôi không bằng lòng làm điều này – Vì nó sai lầm tôi không làm; ai có thể lực mạnh hơn tôi cứ giết tôi, tôi bằng lòng. – Còn nếu xét thấy tôi nói phải thì buông tha tôi ra!”. Rồi sẽ phải tới cảnh như thế, chớ không thể làm khác hơn ! – Cũng như nếu không có bàn ép của Ăng Lê thì làm sao đẻ ra ông Gandhi! – Cũng như khuôn bún nếu không có cái trên ép cái dưới thì không có ra được con bún. – Cũng như cục sắt chưa được nung đỏ, chưa bị búa tài xối rèn luyện thì không thể thành con dao. Do chỗ đó, trước đây mười mấy năm tôi thâm sâu vấn đề này mà cầm bút viết mấy câu:

“Tất cả đều như ơn
Không một kẻ oán hờn
Chúng sanh đều là Phật
Vạn pháp vẫn y nhiên
Hiện tiền ly động tĩnh
Hoảng hốt thấy lăng xăng
Nhảy ùm vào biển cả
Mặt biển tủa hoa sen”.

Từ ngày tôi viết được bài đó trở về sau, tôi luôn luôn nhìn cảnh nghịch là cảnh giúp mình, nhờ đó đến khi gặp cảnh thuận, cảnh thuận không mê hoặc tôi được. Nên biết khi cảnh nghịch mình dùng được thì có cảnh thuận càng hay. Mà nếu sợ cảnh nghịch, đi tìm cảnh thuận thì không những thuận mình dùng không được, mà cảnh nghịch vẫn không tránh khỏi. Như tôi thấy, có lần tôi về miền Cổ Cò giảng Đạo. Lúc đầu người ta sốt sắng tu đông lắm. Nhưng khi cuộc sống được khá giả thì mọi người lại chơi bời phóng túng. Đến khi giặc đánh tới lửa bắt đi ... bấy giờ ai cũng trở lại niệm Phật. Tôi thấy cảnh như vậy mà tội nghiệp. Nhưng tôi tội nghiệp là ở cái khổ của con người, chứ không phải tội nghiệp ở sống chết. Vậy chứ tôi ngồi đây, một ngày nào đó việc đến rồi xác thân tôi không chết sao? Nhưng tôi đau khổ hay không, lòng tôi có tự tại hay không, đó là một việc. Lúc Mậu Thân tôi nghe một bà nói chuyện làm tôi ngẩn ngơ – Bà nói :“ Thầy ơi, tôi chỉ có một thằng con, nó bị chết đi làm tôi thiếu điều chết theo nó – Mà nếu chung quanh không có ai chết, chắc tôi chết theo nó rồi! Bị thiên hạ chết nhiều qua thành ra tôi thấy yên!” – Thì ra trong bụng bà đã bỏ con toán nhân chia trừ cộng thấy lời lỗ rồi. Chớ nếu bà thấy thương con người ta cũng như thương con bà, thì bà phải khổ hơn thế nữa. Ngược lại bà hết khổ, thì sự hết khổ của bà đâu phải là tự tại!

Còn phàm phu thân thức mê muội, chứ không phải trong ngoài sáng suốt như thánh nhơn. Nếu có chỗ nghi thì chớ nên làm, làm là bị trôi lăn theo sanh tử, khi ăn năn đã muộn. Nghèo cùng khốn khó đều từ vọng tưởng sanh, nếu ai tỏ được tâm này thì nên lần lượt khuyên bảo lẫn nhau, chỉ làm mà không trụ không chấp là vào được tri kiến Như Lai

Sự thiệt tôi giữ 5-7 chục triệu mà lòng tôi không vương bận thì cũng như tôi không có đồng nào. Còn nếu vương bận với vật chất thì dù chỉ giữ 5-7 ngàn cũng vẫn thấy nặng như người giữ mấy chục triệu vậy. Do đó vấn đề kết là tại tâm chớ không phải tại cảnh. Nên hãy thoát được vấn đề vật chất thì có nhiều hay không cũng vậy. Còn không thoát được thì không với có cũng vẫn khổ trong lòng. Nên dù ở trong cảnh nào mà lòng mình vẫn luôn được thanh thoi dung dị, thì đều là giải thoát được cả.

Người mới phát tâm, thần thức chưa định, nếu khi nằm mơ thấy cảnh lạ hiện đều là tự tâm khởi, quyết định chớ nghi, không phải ngoài tâm có cảnh. Nếu mơ thấy ánh sáng như mặt trời tức là tập nghiệp còn thừa sắp hết, tánh pháp giới hiện. Đó là điềm sẽ thành Đạo, chỉ tự mình biết chẳng nên nói cho ai nghe. Hoặc khi dong chơi trong vườn vắng lặng, đi đứng nằm ngồi mắt thấy ánh sáng; hoặc trong đêm tối cũng thấy ánh sáng như ban ngày, đừng có lấy làm lạ, đều là tự tâm muốn hiển hiện. Hoặc nằm mơ thấy trăng sao tỏ sáng; đó cũng là điềm các duyên muốn dứt, cũng chớ nên nói cho ai nghe. Còn như nằm mơ thấy đi trong tối tăm u-ám, đó cũng là tự tâm phiền não chướng nặng cũng chỉ nên tự biết. Nếu đã thấy tánh, chẳng cần phải đọc kinh niệm Phật, học rộng biết nhiều vô ích, còn làm cho thần thức lại tối thêm. Kinh giáo chỉ để nêu tâm nếu rõ được tâm đâu cần phải xem kinh giáo. Nếu là từ phạm vào thánh phải nên ngừng nghiệp dưỡng thân, tùy phận qua ngày. Nếu là người nhiều sân nhuế làm cho tánh sanh chướng đạo, tự gạt gẫm vô ích.

Đây là ý Tổ muốn nói khi nhận ra được nguồn tâm-linh của mình rồi, thì phải nên lưu-tâm ngừng các thói quen tập-nghiệp để dưỡng thân.

Thánh nhơn ở trong sanh tử tự-tại hiện ẩn ra vào chẳng định, tất-cả nghiệp-chướng hết thành vấn đề. Hết thấy chúng-sanh chỉ cần thấy bản-tánh là tập-nghiệp liền dứt, thần-thức không bị mê; nhưng phải là tức thì liền nhận.

Câu này quan hệ! Thấy bản-tánh là tập-nghiệp liền dứt, thần thức không bị mê. Nhưng phải là tức thì liền nhận, chớ không phải ngồi tính. Vì tính toán suy luận là thứ rơi vào trong kiến thức rồi.

Nếu luống thật ngộ đạo thì đừng chấp tất-cả pháp, ngừng nghiệp dưỡng thân thì dư tập cũng hết, tự nhiên minh bạch không cần dụng công. Ngoại đạo chẳng rõ ý Phật, dụng công rất nhiều mà vẫn trái với ý thánh. Suốt ngày bo-bo niệm Phật tụng kinh mà vẫn mê-muội bản-tánh, chẳng khởi luân hồi. Phật là người rảnh rang, đâu cần chặt-vật rộng cầu danh lợi. Chỉ có người chẳng thấy tánh mới đọc kinh niệm Phật, siêng học, sáu thời hành đạo; ngồi hoài chẳng nằm, học rộng nghe nhiều và cho đó là pháp Phật. Chúng-sanh như thế đều là người khinh pháp. Phật trước Phật sau chỉ nói thấy tánh, các hành động đều là vô

thường. Nếu chẳng thấy tánh mà vội cho rằng mình đã được đạo vô-thượng Bồ Đề, đó là hạng tội nhờn lớn. - Muội vị đệ tử lớn của Phật, ngài A-Nan là người học rộng bực nhứt mà với Phật còn không biết, chỉ học rộng nghe nhiều. Hết thầy nhị thừa ngoại-đạo đều không biết Phật, chỉ biết đếm theo pháp tu chứng, bị đọa vào trong nhân quả, đó là chúng-sanh nghiệp-báo chẳng khỏi sanh tử, trái với ý Phật rất xa, là kẻ khinh Phật đó! Hạng chúng sanh ấy thuộc Nhứt-xiên-đề. Trong kinh có nói: kẻ Nhứtxiên-đề chẳng có lòng tin; nếu có lòng tin thì người ấy là một vị Phật.

Ngài A-Nan là người Phật giảng gì cũng nhớ hết từ đầu cho đến cuối. Nhưng sau khi bị vấn đề MaĐăng-Già mới về khóc lóc xin Phật giải cho nghe.

Phật giảng xong rồi nói : “Bởi vậy, ông chỉ là mạnh nhớ, nghe nhiều, chớ không phải tu”. Nói như vậy nghĩa là sao? – Nghĩa là hết thầy kiến-thức thế gian đều không quan hệ gì đến vấn-đề giải thoát cả. Chỉ cần phải thực hành thiết tình, chớ chỉ biết bằng bộ óc không thể được. Thí dụ tôi ngồi tính toán, suy nghĩ thấy sắc tức là không, không tức là sắc. Tôi giải nghĩa cho mọi người nghe được. Nhưng khi tôi đụng đến sắc, thì ngược lại tôi bị cồng giò! – Như vậy hỏi tôi nói sắc tức không, không tức sắc là nói bằng trí óc chớ trong tim không có.

Cũng như nhìn các Phật-học-viện nêu lên biểu ngữ “Đừng chạy theo danh, đừng chạy theo lợi” – Thế nhưng khi đụng đến xe hơi, nhà lầu, tất-cả vật chất ... thì lòng tôi bây giờ ra sao ?! Do chỗ đó, Đạo là nói thực-hành chớ không nói hiểu biết, kiến-thức. Làm thế nào để chúng ta cũng sống trong đời-này, mà không bị vật dục lôi cuốn, thì mới phải là Đạo. Có rất nhiều người biết chuyện không phải mà vẫn làm, để rồi ăn năn. Như vậy là hỏi làm, người ta không biết cái thắng ở chỗ nào nên ngừng không được.

Cho nên khi chưa biết gì hết về chính con người của mình, thì dù cha mẹ với con cái cũng không hiểu nhau được nói chi là chánh phủ với dân! Dĩ nhiên vậy. – Chính người với người, chính tôi với tôi cũng không thể hiểu được. Thì giữa ông với tôi đã có tấm vách ngăn, dù chúng ta là ruột thịt nhau cũng vậy. Nên vấn-đề tu-hành không có gì lạ hơn là soi trở lại lòng mình để khám phá thấy được mặt thật của chính con người của mình. Tôi nói tôi tu, nhưng bước ra ngoài kia có người gọi tôi là đại-đức, thượng-tọa, hòa-thượng ... tôi thấy thích; Ngược lại gọi tôi là thằng cha Xoài, Ôi ... liền tôi nghe phiền! Hay là tôi mặc bộ đồ lớn, ngồi xe hơi Huê-Kỳ, đi coi bộ trang trọng; Nhưng khi đội nón lá, xách bị, chống gậy, tôi không dám đi. Như vậy là tôi bị bộ đồ đồ khuôn, đóng chuồng lại rồi!

* Nếu chẳng thấy tánh, chớ nên bắt chước chê bai những người lương thiện, tự dối gạt vô ích. Thiện ác rõ ràng, nhân quả phân minh, thiên đường địa ngục chỉ ở trước mắt, người ngu chẳng biết hiện đọa vào địa ngục tối-tăm cũng không hay

Thưa, có rất nhiều người hiện-tiền đã bị đọa rồi mà không biết, cứ tưởng là còn một cõi địa-ngục nào riêng nữa. Nhưng dù có cõi riêng nữa, thì đó là chuyện sau khi chết. Còn chuyện hiện-tại đây, chúng ta thử nghĩ: người nào ghen dữ quá, tự nhiên sẽ có một cục mắc kẹt ở cổ, như hột me nuột vô khạc ra cũng không được.

Dưới địa phủ có cảnh ăn sắt cục, uống nước đồng sôi; nuột vô không được cũng phải ráng nuột. Thế thì hột me mắc kẹt trong cổ của mấy người ghen tương cũng là một thứ đó. Nên có người nói:

“ Khạc chẳng ra cho, nuột chẳng vào Khỏi tình ghen mãi biết làm sao

Muốn kêu một tiếng cho to lắm Rằng ới ai ơi! Nó thế nào !” Bây giờ nuột vô khạc ra không được, thì một lát nữa chết sẽ hiện ra cảnh địa-ngục đó, có gì lạ đâu! Tôi xin kể một câu chuyện: Khi tôi nhập thất ở Cổ Cò, Sư-cụ Pháp-chủ Khánh Anh ghé thăm, có nhờ tôi coi bịnh dùm người đệ-tử tài-xê. Tôi coi xong nói: tôi không biết ông làm nghề gì, nhưng tôi biết hiện-tiền chuyện của ông làm đây là chuyện địangục; do đó có cho thuốc cũng không được đâu, chừng nào ông đổi nghề thì mới được! - Tôi nói xong ông tái mặt liền! – Câu chuyện tới đó rồi thôi. Sau tôi lên Ấn Quang mới hay ông làm ở phòng điều tra Catinat.

Đó là chuyện nói hiện mình mới thấy được vậy. Bây giờ mình đập người ta, một lát nữa trong bầu trời khum khum này mình sẽ thấy người ta đập mình; cũng như chuyện đồ-tể đâm heo. Ở trong cõi chánh-điên-đảo này nó vốn vậy.

Chỉ vì nghiệp nặng nên không thể tin, ví như người mù chẳng tin người ta nói có ánh sáng, dầu có cất nghĩa thế nào cũng không tin được, vì đã mù lấy đâu mà phân biệt được sáng tối! Người ngu cũng thế. Hiện tiền đã bị đọa vào súc-sanh tạp loại, chỉ ở trong nghèo cùng hạ-tiện, cầu sống chẳng được, cầu chết cũng chẳng được. Tuy thọ khổ như thế nhưng dầu có ai hỏi họ cũng tự gọi mình được yên vui. Nên biết tất-cả chúng-sanh dẫu sanh vào chỗ vui thật cũng không hay biết. Hạng người ác như thế, chỉ vì nghiệp chướng quá nặng nên không thể phát lòng tin, không tự do được. Nếu thấy được tự tâm là Phật chớ không phải ở tướng bên ngoài, thì dầu bạch-y-cư-sĩ cũng vẫn là Phật. Nếu chẳng thấy tánh dù có đầu tròn vai vuông cũng là ngoại-đạo.

Đến đây tôi xin nhắc một câu chuyện hết sức lâmly, mà cái biết của tôi không lấy gì để chứng minh cho tất-cả mọi người cùng biết được: Xứ Cỏ-Cò có dòng họ chim Vịt, sắc lông giống như áo-bá- nạp. Chim Vịt đi tìm ăn bằng cách đi xin; mà chỉ ăn động-vật, còn thực vật, trái, hạt ... không ăn. Buồn cười là nó lại đi xin con chim sâu nhỏ xíu. Mỗi lần chim sâu bắt được con sâu bằng sợi chỉ, nó đeo theo xin cho được. Không cho thì nó mổ trên đầu, dứt cho thì nó nuốt. Chim sâu sợ, phải bay trốn chỗ khác. – Còn gặp chim trao-tráo bắt được con sâu, nó đeo theo xin chèo-cheo một cách thật ti-tiện, không giống thái độ hồi nó xin con chim sâu. Trong xóm thấy lạ theo dõi nó biết nó không phải là con chim con, mà là giống chim Vịt lai sanh ra - Gọi tên là chim Ăn-mày. Nếu không có lý do nào làm sao có được chuyện đó!

Hỏi: Cư-si còn vợ con dâm-dục làm sao thành Phật được?

Đáp: Chỉ nói thấy tánh; chẳng bàn đến dâm-dục. Chỉ vì chẳng thấy tánh. Miễn được thấy tánh thì dâm-dục vốn tự rỗng lặng, tự nhiên dứt trừ, không còn tham-đắm nữa. Dầu cho dư tập hãy còn cũng chẳng làm hại được. Vì sao thế? Vì tự tánh vốn nó tự thanh-tịnh. Tuy ở trong sắc thân 5 uẩn, tánh nó cũng vốn thanh tịnh không ô nhiễm. Pháp-thân bản lai không thọ, không đói, không khát, không lạnh nóng, không bệnh hoạn, không ân ái, không quyến thuộc, không khổ vui tốt xấu, không vấn dài mạnh yếu, vốn không một vật có thể được. Chỉ vì cố-chấp cái thân này nên mới có các tướng đói khát, lạnh nóng, bệnh chướng v.v..

Nghĩa là bản-lai nguồn tánh của mình vốn không ở trong phải quấy, được mất, hơn thua, lợi hại, có không, sống chết, mình người, Ta Bà Cực Lạc, v.v.. Tất-cả những cái có thể xếp thành cặp đều chỉ là hiện tượng không phải chân thật.

*** Nếu chẳng chấp là được tự-tại. Nếu trong sanh tử mà được tự-tại, chuyển trở lại các pháp, đừng để các pháp chuyển, cũng như thánh-nhơn, thì ở đâu lại không yên?**

Thưa, nếu bị bỏ đói thì đàn ông cao lắm không quá 7 ngày, đàn bà không quá 9 ngày là chết, nhưng nếu bằng lòng nhịn đói thì lâu chết hơn. – Nên vấn đề mình không bằng lòng rất quan hệ!. Có một ông ghiền Á-phiện, nghèo quá không có tiền hút nên bắt vợ buôn tảo bán tảo; mỗi ngày phải mua nhựa bông đùm trong giấy quỳn cho ông nuốt 3 viên rồi mới làm việc được trong ngày ấy – Vì nghèo con đông, nên cùng đường sanh kế. Một hôm bà vợ đi chợ hết tiền, về ghé nhà chị bạn làm bánh tráng nem xin bìa bánh vụn đốt cháy thành than, rồi cũng bỏ trong giấy quỳn vụn lại 3 cục, đưa cho ông nuốt rồi làm việc. Đều đều như vậy suốt 3 tháng, ông mập mạnh không sao hết. Tới hôm nọ, ông kêu đi mua nữa. Bà vợ nghĩ đã qua 3 tháng rồi

mà chuyện vẫn êm-xuôi, tưởng chắc ăn bà mới tiết lộ bí-mật. Tức thời ông ngã lăn sôì đờm, phải chở vô nhà thương chích Morphine. Tỉnh lại, rồi từ đó hễ mua về ông đều ném thử.

Vậy là hết pháp rồi! – Nên biết tâm mình nguy ghê lắm. Tôi chưa từng thấy ai bỏ Á-phiện mà chết, thế mà người nào bỏ á-phiện cũng sợ chết, cũng đều đòi phải có thuốc. Bằng có là cứ việc bắt mấy người hút giam lại, chỉ cho ăn cơm họ cũng mạnh như thường. Nhưng đến khi thả ra, đi ngang qua tiệm thuốc, dầu không bước vô cũng ngã té liền tại đó.

Nếu tâm có chỗ nghi, quyết-định không thể tự-tại, không khỏi sanh tử luân-hồi. Nếu thấy tánh thì dầu bản cùng hạ tiện, đồ-tê sát sanh cũng vẫn thành Phật.

Thật là một pháp quyết-định hay vô cùng ! Nói như thế nghĩa là nếu không thấy bản-tánh thì dù làm thiện cũng ở trong nhân quả. Có nhiều người than : Tôi ăn ở hiền lành không hại ai, mà sao đòi tôi khổ đến thế này ! – Như vậy mình đã tin có một ông ở trên cao coi thương phạt họa phúc. Như thế là sai lầm rồi.

Hỏi : Đồ tê làm nghiệp sát sanh làm sao thành Phật được ?

Đáp : chỉ nói thấy tánh, chẳng nói tạo nghiệp. Dầu có tạo nghiệp thế nào, nghiệp cũng không thể trôi buộc được. Từ lũy kiếp đến giờ, chỉ vì chẳng thấy tánh nên mới có trôi lăn sa-đọa vào địa ngục, sanhtử ; khi ngộ được bản-tánh sẽ không tạo nghiệp nữa. Nếu chẳng thấy tánh, niệm Phật để khỏi nhân quả cũng không thể được, không luận là sát-sanh.

Thật vậy, dù niệm Phật nhiều thế nào cũng ở trong nhân quả ; bắt quả được mang nghiệp vãng sanh thôi. Đó là điều dĩ nhiên phải vậy trong phạm vi nhân quả, hễ mình mua nhiều thì người ta bán nhiều.

Nếu được thấy tánh, tâm sát liền trừ, nghiệp sát cũng không thể trôi buộc được. Nên chi 27 vị Tổ ở Tây-Trúc chỉ truyền nhau tâm ấn. Nay ta đến cõi này cũng chỉ truyền đốn-giáo đại-thừa chính tâm mình là Phật, chớ chẳng nói đến giữ giới, tinh-tiến, khổ-hạnh. Nhấn đến vào nước vào lửa, leo lên gươm đao, ăn một ngày một bữa, ngồi hoài chẳng nằm, hết thấy những cái ấy đều là pháp hữu-vi ngoại-đạo. Nếu rõ được cái tánh linh giác chính là tánh Phật, Phật trước Phật sau chỉ nói truyền tâm chớ không có pháp nào khác. Nếu rõ được tâm này, dầu phạm-phu không biết một chữ cũng vẫn là Phật, nếu chẳng rõ tự-tánh linh-giác của mình, dầu cho đem thân này tán ra tro bụi để tìm Phật rốt cũng chẳng được gì.

Trong kinh Pháp Hoa có nói : Đem thân này tán ra tro bụi. Mỗi hạt bụi biến thành một thân. Rồi đem tất cả Thân bằng 3 lần như thế để cúng dường vô số Phật. Và đem tất cả của cải cả tam-thiên đại thiên thế giới này để bố thí cũng không bằng nhận được tri kiến của Như Lai, nghĩa là không bằng nhận ra được nguồn tâm tánh.

* Phật cũng gọi là pháp-thân, cũng gọi là bản-tâm. Tâm này không hình tướng, không nhân quả, không gân cốt. Vốn như hư không, bất chảnh được ; chớ không phải như vật chất, không phải như ngoại đạo nói. Tâm này chỉ trừ Như-Lai ra, hết thầy chúng sanh đều mê muội, đều chẳng tỏ ngộ. Nhưng tâm này không phải lìa cái thân vật-chất này. Nếu thân tứ-đại này mà lìa tâm là không có sự sống, làm sao có biết ! Nhẫn đến nói năng vận-động, thấy nghe hay biết đều là cái động-dụng của tâm. Động là tâm động, dụng là tâm dụng. Ngoài động-dụng không tâm, ngoài tâm không động-dụng. Động chẳng lìa tâm, tâm chẳng lìa động. Lìa động không tâm, lìa tâm không động. Động là tâm dụng, dụng là tâm động. Động tức tâm dụng, dụng tức tâm động. - Chẳng động, chẳng dụng, dụng và thể vốn không, không vốn không động. Động dụng do tâm, tâm vốn không động. – Nên kinh nói : « động nhưng không chỗ động. Suốt ngày đi đến nhưng chưa từng đi đến.

Suốt ngày thấy nhưng chưa từng thấy, suốt ngày cười nhưng chưa từng cười, suốt ngày nghe nhưng chưa từng nghe, suốt ngày biết nhưng chưa từng biết, suốt ngày mừng nhưng chưa từng mừng, suốt ngày đi nhưng chưa từng đi, suốt ngày đứng nhưng chưa từng đứng. » Nên kinh nói « bật đường nói năng dứt hết nơi chỗ, thấy nghe hay biết vốn tự tròn vắng, nhẫn đến giận mừng, đau ngứa nào khác người gỗ, chỉ vì suy tìm cái đau ngứa không thể được. » Nên kinh nói « nghiệp ác thì được báo khổ, nghiệp thiện thì được báo vui. » Chớ không phải chỉ sân bị đọa địa-ngục, mừng được sanh thiên. Nếu rõ được cái tánh mừng giận vốn không, chỉ đừng chấp nghiệp là giải-thoát. Nếu chẳng thấy tánh, giảng kinh quyết không bằng cứ. Nói không sao hết, chỉ đại-lược tà chánh đôi điều mà thôi.

Tụng rằng :

Tâm tâm tâm không thể tìm

Rộng cùng khắp pháp giới,

Hẹp chẳng chứa đầu kim

Ta vốn cầu tâm chẳng cầu Phật

Biết rõ ba cõi rỗng không vật

Nếu muốn cầu Phật chỉ cầu tâm

Chỉ tâm này, tâm này mới là Phật

---o0o---

Ta vốn cầu tâm, tâm tự trị

Cầu tâm chẳng được, tự tâm hay.

Tánh Phật chẳng từ ngoài tâm được

Tâm sanh là lúc tội sanh rồi.

Kệ rằng :

Ta vốn đến cõi thế này

Truyền pháp cứu mê tình

Một hoa nở năm cánh

Kết-quả tự nhiên thành

LUẬN HUYẾT MẠCH của TÔ ĐẠT-MA đến đây là hết.

Thật ra, ở đoạn chót này chỉ có một điều quan trọng mà tôi đã từng nói ở trong kinh Pháp-BảoĐàn : Huệ-Minh hỏi Lục-Tổ về bản tâm bản tánh, Lục-Tổ nói :

« Trong khi không có nghĩ thiện nghĩ ác (nghĩa là trong khi tâm không mong niệm), vậy cái gì là bản tâm bản tánh của ngài ?
»

Trọn hết câu chuyện ở đây chẳng qua cũng chỉ có thế. Đó là một công-án giản dị và phổ-thông nhất, phải nên lưu tâm.

Đến đây tôi xin nhắc một điều quan hệ nhất trong việc học Đạo là phải làm sao cho nó ngấm được toàn thân.

Nên nhớ trong kinh Pháp-Hoa, phẩm Phổ-Môn, có đoạn Phật nói :

« Sau khi Phật giảng phẩm Phổ-Môn này rồi, có 8 muôn 4 ngàn chúng sanh phát tâm vô-thượng Bồ Đề ». Nghĩa là có người do sự nghe nhận được, bị một luồng chấn động toàn thân, thay đổi cả tập nghiệp. Nên nghĩa một người với nhiều người không có hơn kém. Đoạn kinh đó là một mật ý.

Còn về vấn đề sắc với không, tôi đã giảng trong kinh Pháp-Bảo-Đàn. Lục-Tổ nói, nay tôi đổi lại là : « tất cả những cái cặp, hay là không với có, phàm phu thấy ra hai, người trí thấy không hai. Cái không hai đó chính là tánh thật của vạn pháp. Tánh thật đó ở trong phàm không bớt, ở trong thánh cũng không thêm, ở trong loạn không rối, ở trong định không chết tê. Y cứ vào đó mà hành sự thì được giải thoát ».

Vì nói « không » với « có », có thể người ta hiểu lầm, nên tôi nói tất cả những cái cặp. Cặp là sáng tối, động tĩnh, ngày đêm, có không, được mất, hơn thua, Ta-Bà Cực-Lạc, Phật chúng-sanh ... tất cả những gì ghép lại được thành cặp đều chỉ là hiện tượng. Tất cả hiện tượng đều huyền hóa. Khi thấy tất cả đều huyền hóa, thì đúng lý ra ta phải thấy tất cả đều thật. Nếu chưa thấy được tất cả đều thật, thì cái thấy tất cả đều huyền hóa của ta chưa phải là thật thấy. Bởi vậy không có cách nào làm cho người nghe được rơi vào trong cảnh thiết thực cho bằng hỏi : « khi chưa nghĩ thiện nghĩ ác, cái gì là bản tâm bản tánh của ngài ? » Cũng như có Thiên-sur hỏi : « Thế nào là tiếng vỗ của một bàn tay ? » - Đó là một cái chài vô đập cho vỡ lý trí, để đừng sống theo bộ óc mà được ngấm ra toàn thân, thì gọi là giáp mặt được với sự thật. Nên hãy trực nhận được thì thấy ngay. Không trực nhận được chính-chấn thì bị rơi vào kiến thức, dù có trúng chãng nữa - Điều đó tôi mong tất cả chúng ta đây phải đề phòng.

Bởi vậy, Lục Tổ có lần thử hỏi đồ đệ hỏi : « tao có một vật không đầu không đuôi, không xưa không nay, không lưng không bụng, không tên không chữ - Đó thằng nào biết cái gì ? »

Thần Hội mới 13 tuổi, nhảy ra nói : « Đó là nguồn cội của chư Phật, là bản tánh của Thần Hội ». Câu trả lời không có trật, nhưng bị Lục Tổ rầy : « Mày, một lát nữa là đồ đệ của bọn kiến thức. Tao đã nói không chữ không tên, không lưng không bụng, mà mày còn đặt tên là nguồn cội của chư Phật, là bản tánh của Thần Hội. Thế là ở trên đầu mày còn chồng thêm một cái đầu nữa ! ». Thế mới biết cái nguy của lý trí đến dường nào ! Vẫn biết không có trí óc là không thành cuộc sống, nhưng

mỗi con người mình là một tập đoàn đi thỉnh kinh mà dọc đường cứ đòi phá hùn hoại. Tập đoàn đi thỉnh kinh gồm có Tam Tạng, Tôn Ngộ Không, Trư Ngộ Năng, Sa Ngộ Tĩnh. Nghĩa đó không có chi lạ, là chuyện ở ngay trong thân mình đây : Cái đầu, bộ óc chuyên nói chuyện sắp tới – Nên Ngộ Không chạy qua lại bên xứ Phật một ngày không biết mấy bận mà không thành Phật. Cái thân chứa một thùng đã qua, lúc nào cũng bị dục vọng thúc đẩy là con heo Trư Ngộ Năng. Trái tim đập từng nhịp, từng nhịp mà nghiêng lệch về tình cảm là Tam Tạng. Còn tánh ác độc là Sa Tăng. Do đó cuộc thỉnh kinh, dọc đường cứ đòi phá hùn hoại, nhờ có Kim Cô đội nên Tôn Ngộ Không mới đi tới nơi tới chốn. Thiếu ông ta thì không đi tới xứ Phật được, mà ông ta phải là đồ đệ của Tam Tạng mới được. Chỗ đó hàm ý nghĩa là có 2 nẻo Âu Tây và Á Đông. Âu Tây phải đi về nẻo Á Đông, cũng như Tôn Ngộ Không phải quy y với Tam Tạng. Mà thiếu Ngộ Không cũng không thể đi tới chốn được, vì nó có 72 phép huyền công chạy qua chạy lại xứ Phật như đi chợ. Nên phải mang hết tập đoàn đó đi đến nơi đến chốn mới thành Phật ; nghĩa là phải thành Phật nguyên con chó không phải thành Phật bằng cái đầu. Đó là cửa hẹp nhất của Thiền học, mà cũng là chỗ thú vị nhất.

Đến đây tôi xin bỏ kinh, nói khơi ra ngoài : Một hôm thầy trò Tam Tạng đi đến một nơi đây yêu ma quỷ quái. Tam Tạng than : Ngộ Không ơi ! đường xa thế này lại thêm yêu ma quỷ quái, thú dữ rắn độc ... biết đời nào đi tới nơi về tới chốn cho được ! Nói xong tủi lòng mà khóc.

Ngộ Không bèn hỏi : Thầy còn nhớ Tâm Kinh không ?

Tam Tạng giận quá nói : Thầy chùa mà không nhớ Tâm Kinh sao ! Tao tụng ngược cũng còn được nữa !

Ngộ Không mới nói : Coi chừng à, Thầy tụng mặt chữ không đó.

Ngộ Năng chen vô nói : Vậy anh có thuộc không mà làm tàng ?

Ngộ Không đáp : Thuộc chớ sao không !

Ngộ Năng nói : Vậy anh giảng thử tôi nghe coi. Ngộ Không làm thỉnh ...

Liền đó Tam Tạng trực nhận được, nói với Ngộ Năng : Làm thỉnh, vậy là nó thuộc rồi đó !

Ngộ Không được thể nói : Nghĩa là cứ việc làm thỉnh, làm thỉnh tới trong ruột, đi hoài chừng nào tới thôi !

Sự thiệt, mỗi chúng ta học Đạo cũng cứ việc làm thính, làm thính tới trong ruột, đi hoài chừng nào tới thôi. Như thế chắc chắn thành công ! Nhưng làm thính tới trong ruột không phải là chuyện dễ ! Hễ mình muốn nói cứ nói ra, còn làm thính cứ làm thính liền. Bấy nhiêu đó cũng khó lắm rồi ! Vì miệng mình làm thính, chớ ở trong bụng nó nói hết chuyện này tới chuyện kia, chuyện nọ ..., trong đó chứa nhiều người lắm. Nhưng chính chỗ đó là cơ Thiên học. Bởi vậy bộ Tây Du Ký là bộ sách viết với thể tài tuyệt diệu. Vì kinh thì không dám đề bậy sợ tội, chỉ đề trên bàn Phật rồi lắm khi mình đề thờ chớ không coi tới. Còn với Tây Du Ký, thì Thiên Chúa, Cao Đài, Hòa Hảo, Phật Giáo ... hay con nít, người già ... ai đọc cũng được, cũng nhớ, mà liệng đâu đề đâu cũng được. Và đọc rồi không hiểu nói gì, chỉ nhớ đề đó. Nhưng rồi ngày một lớn, đụng chuyện đời gặp tới là nó bật ra. Nên đối với tôi, Tây Du Ký là bộ kinh sống viết theo kiểu khác. Nó không phải là bộ tiểu thuyết mà là một thứ ẩn ngữ.

Việc cứ làm thính, làm thính tới trong ruột đi hoài chừng nào tới thôi. Câu đó bình dị mà hay lắm ! Hỏi : Tinh thần đó đối với đời mạt pháp bây giờ quả thật là khó khăn ..

Đáp : Sự thiệt theo tôi thì không có mạt pháp. Phật không có mạt, chỉ có chúng sanh mạt (nghĩa là vì chúng sanh mê muội không dám nhìn sự thật). Ngược lại, pháp mạt chính là lúc pháp đã tới khúc mức rồi đó ! Cái chương dữ dội hiện giờ là nghĩa thuyền Bát Nhã đã đậu sát bờ rồi ; giờ chỉ có bước xuống thôi. Nên chỉ có vấn đề là mạt mình lớn hay nhỏ thôi.

Tôi tiếp lời với đạo hữu, là ở đây tôi không có ai nương dựa hết, chỉ chuyên gỡ tay thôi. Do vậy Thiên môn đặc biệt là phá chớ không có lập. Mà chính cái phá đó mới là cái lập. Nên nếu tôi thấy được tất cả đều không vững, hỏi đó tôi phải vững. Mà nếu tôi chưa vững, tức là tôi chưa thật sự thấy tất cả đều không vững. – Cũng như nếu tôi thấy hết thấy đều giả, là hỏi đó tôi thấy phải thấy tất cả đều thiệt. Mà nếu tôi chưa thấy tất cả đều thiệt, tức là tôi chưa phải thiệt tình thấy tất cả đều giả .. Do đó tôi chưa dám phủ nhận tất cả - phủ nhận luôn ông Phật thì tôi không gặp được ông Phật thiệt.

Nên nếu tôi chưa dám phủ nhận tất cả thì tôi không dám chấp nhận tất cả. Và như thế nghĩa là hỏi đó tôi có ý riêng. Mà hễ tôi có ý riêng thì Tây Phương còn xa lắm !

Cũng do đó mà tôi đòi hỏi phải có « xô ». Mà đời này khởi cần đòi hỏi một người máy móc nào để xô, vì có sẵn cảnh chung quanh để xô rồi. Chỉ có mình dám xài hay không dám xài thôi. – Nên cảnh vợ con, hàng xóm .. xô mình, tất cả đều là thuyết pháp cho mình. Phải áp dụng được hết mấy cảnh đó thì chuyện Tây Phương gần một bên. Người ta hay than bây giờ học Đạo

không được. Tôi nói : đâu có kỳ vậy ! Bây giờ học Đạo mới được - bởi vì nó có quật, mình mới nghe được trong bụng mình ra sao chứ !

Nhưng cửa này hẹp lắm ! Nên trong kinh Pháp Hoa nói vì cửa này hẹp quá nên mở cửa phương tiện. Nhưng giờ đây cửa phương tiện lại không dùng được nữa, vì thế giới đã bị thu hẹp lại. Thế giới thu hẹp bởi sự tiến triển của kỹ nghệ vật chất, ngược lại cái TÔI của loài người lại bung ra càng ngày càng lớn hơn. Do vậy cơ tôn giáo tín ngưỡng không còn dùng được nữa. Hở ra hẳn không thằng này đầu cơ là thằng khác đầu cơ. Không đầu cơ ý thức thì đầu cơ trong vô tình. Trong lòng tôi trống quá nên tôi nhận thêm mấy người đệ tử ; và đệ tử cũng bị trống nên kiếm một ông thầy để vuốt ve, lấp chỗ trống lẫn nhau. Đó cũng là một thứ lợi dụng, một thứ ngày ngật riêng ! – Nên nếu không dám đi thẳng vô sự thật thì Tây Phương còn xa lắm ! Tam Tạng bị Ngộ Không xô sập xuống thuyền Bát Nhã. Một lúc thấy có xác nổi lên mặt nước.

Tam Tạng hỏi : Ai đó ?

Ngộ Không đáp : Thầy đó chớ ai ! Nghĩa là : nếu không chết đi cái tâm chúng sanh thì đừng mong được sống lại trọn vẹn
Hỏi : Bạch Thầy, theo chỗ tôi thấy đầu sao những pháp hữu vi như tụng kinh, niệm Phật, làm phước, tìm học giáo lý Phật .. vẫn còn rất cần cho cuộc đời này.

Đáp : Tôi có nói một câu : Thằng người là thứ ham biết mà sợ sự thật, ưa lấy lọ vẽ mặt mình mà sợ soi gương ! – Nên Thiên học nói :

« *Đồ lộ chi lạc, chung bất đáo gia* » là nghĩa cái vui dọc đường rốt lại không đưa về được tới nhà. Bởi vậy phần đông đều đi kiếm cái vừa ý chớ không phải kiếm sự thật. Trong kinh Pháp Hoa đã có nói rõ : « Tất cả mười phương chư Phật 3 đời hiện vào trong cõi đời này, chẳng qua chỉ vì một đại sự nhân duyên là để khai thị cho chúng sanh ngộ được tâm tánh mà thôi ». Người học đạo nên nhắm chỗ đó đi tới, quyết định không trật ! Khổ thay chúng ta chỉ rần tụng kinh cho thật nhiều, để kiếp sau nói được có người nghe !

Té ra mình đi tìm một thứ không ra gì !

Bánh ít mua về phải lột lá liệm đi, để lấy ruột ăn. Đàng này mình nuốt luôn vỏ ! Thì đó là chuyện là lỗi ở mình chớ đâu phải ở người bán bánh - người bán vẫn phải gói đàng hoàng.

Hỏi : Bạch Thầy, xin Thầy nhắc lại phương pháp khám phá mọi sự vật mà Phật đã nêu ra. Đáp : Đó là Ngũ-chủng-chứng tín - Phật lập ra để trước làm nguyên tắc khám phá kinh sách, sau là để nói chuyện với người còn kẹt trong vấn đề thời gian không gian ; là một cách để đánh dấu ghi vôi giữa hư không.

Ngũ-chủng-chứng-tín đó là : Nói cái gì ? – Nói ở đâu ? – Nói với ai ? – Nói hỏi nào ? – Ai nói ? Bởi vì hễ ông kẹt cái « không » thì tôi mới lấy cái « có » để nói, còn ông kẹt cái « có » tôi lấy « không » để nói. – Tôi chỉ nói với ông chứ không phải nói với ai cũng vậy ? Nên hễ đau bụng, người ta cho tôi uống thuốc hết đau bụng. Tôi nói thuốc này hay lắm, bệnh nào uống cũng hết, nên tôi đem cho mọi người cùng uống. Chuyện đó là lỗi của tôi. Nên vấn-đề học Đạo là nếu nhào vô không-gian thời-gian, thì phải biết đến tận cùng không-gian thời-gian cũng chỉ là hiện-tượng. – Do đó phải nhớ 3 điều :

- Nếu mở lớn phải đến chỗ không còn tướng

– Thân nhỏ phải đến chỗ không còn hình

- Phải qui tất cả về chính con người của mình Ba định lý này không thể khác hơn được. Vì dù muôn vạn thánh hiền ra đời cũng chỉ có thể thôi.

Hỏi : Thưa : Nhất-xiển-đề nghĩa là gì ? Đáp : Nên nhớ trong Phật giáo có chia ra : Thiên, Tịnh, Mật, Giáo, Luật .. mỗi tông đều khác nhau. Đó là vấn đề tùy theo căn cơ, ưa thích mà chọn nẻo đi. Thật ra, sự thật không có 2 cái. Chỉ có một nẻo duy nhất. – Đáng lẽ bây giờ đóng hết tất cả các cửa, chỉ còn một cửa địa-phủ và một cửa giải thoát. Ai muốn đi đường nào thì đi !

Nhưng thật ra bây giờ không còn nẻo đi nữa. Hễ chun vô trong tôn giáo tín ngưỡng, thì tự nhiên nếu mình không đầu cơ người ta, người ta cũng đầu cơ mình...

Nhưng khôn đốn là việc dùng pháp dễ lộn với tôn giáo tín ngưỡng lắm. Thí dụ chuyện thờ A-Di-Đà là chuyện dùng pháp, khác với chuyện thờ đức Chúa Trời là tôn-giáo tín-ngưỡng. Ngược lại Phật tử thờ A-Di-Đà riết rồi biến ra thành một thứ tín-ngưỡng tôn-giáo. – Cũng như chuyện vào chánh điện phải cột ống quần và trì chú. Là mượn việc ống quần để trụ cái tâm. Ngược lại, mình làm quen rồi thấy đó là chân lý, nên đã lấy cái tâm cột ống quần. Đó là sai lầm rồi ! Nên dùng pháp với bị pháp dùng khác nhau lắm !.

Nghĩa Nhất-xiển-đề đứ để tự nhiên nghe tới rồi tự khắc biết.

Giờ đã quá trễ, tôi xin giải tán.

---o0o---

TUẦN THỨ BA

10 – 6 – 1972 (29 – 4 N. Tý)

Hôm nay, trước khi vào phần thứ Hai của Ba bài luận Tổ Đạt-Ma, tôi xin nhắc qua vài ý để những vị mới đến nghe lần đầu có chỗ y cứ.

- Phần nhiều chúng ta khi muốn nghe một điều gì, thường cứ để tâm nghe coi có giống thứ trong bụng mình tưởng không. Nếu giống thì cho đó là chân-lý, còn không giống thì cho là không phải. Bởi vậy rất nhiều Phật-tử đi cúng chùa, cúng Thầy nào rồi cũng nói hành Thầy đó. Là vì muốn kiếm một ông cho giống trong bụng mình: nên khi thấy không giống thì cho rằng không phải. Do vậy, đi tìm hiểu Đạo hay đi tìm hiểu Phật bằng cách đó, dù tìm một triệu năm cũng không được. Bởi vì tìm thứ giống trong bụng mình để cho là phải, thì nhiều khi ôm ma vào cũng không thể biết. Khốn-đốn vậy! Nên điều đó phải lưu ý.

– Thêm một điều này rất quan hệ; tất-cả những người đã có theo dõi mấy năm nay đều nên cùng với tôi lưu tâm điều này: Tôi đã nhắc qua nhiều lần về câu chuyện của TỳKheo Na-Tiên và vua Lan-Đà: Một hôm nhà vua nghe đồn Na-Tiên là thánh tăng nên tìm đến xin gặp mặt.

Vua hỏi: Xin lỗi, có phải ngài là Na-Tiên không?

Na-Tiên đáp: Ở đây không có người nào đích thật là Na-Tiên cả.

Nhà vua ngạc-nhiên hỏi: Ngài có mất trí không?

Na-Tiên vẫn điềm nhiên bình tĩnh hỏi lại: Nhà vua đến đây bằng gì?

Đáp: Đến bằng xe.

Hỏi: Xe nhà vua đâu?

Nhà vua chỉ chiếc xe ngựa. Na-Tiên bước ra chỉ đầu con ngựa hỏi: - Đây phải là xe không?

Đáp: Không phải.

Chỉ gọng xe hỏi: - Đây phải là xe không? Đáp: Không phải.

Chỉ bánh xe hỏi: - Đây phải là xe không?

Đáp: Không phải.

Hỏi: - Tất cả đều không phải là xe, vậy cái nào là xe?

Đến đây nhà vua mới am tường ý-chỉ muốn nói. Nhà vua bèn đáp:

Hợp tất cả những điều-không ấy lại, có khả năng chuyên-chở gọi là xe. Na-Tiên tiếp lời: - Người Na-Tiên cũng giống như vậy!

Cũng thế, bây giờ tôi chỉ cái bàn này hỏi: Cái này phải tâm không? – Không phải.

Tôi chỉ cuốn sách hỏi. Cái này phải tâm không? – Không phải.

Và quý-vị có phải là tâm của tôi không? – Không phải.

Hư-không này có phải là tâm của tôi không? Không phải.

Tất cả đều không phải tâm; vậy cái gì là tâm?

Đó là câu hỏi để dành cho mỗi người suy gẫm, chứ không phải đặt ra để tôi cắt nghĩa.

Nên nhớ, khi mình nhìn ra thì tất-cả đều có trong có ngoài. - Vậy thế nào là không có trong có ngoài?

Đó là câu hỏi để ôn lại mấy năm qua mình đã học.

Điều thứ 3 chúng ta cần để ý là : bất cứ những người nào mới đến, khi muốn tìm hiểu điều chi, chúng ta nên thành-thật cùng nhau học hỏi. Chớ mang lòng có sự-nghiệp đến để hoặc khoe của, hoặc chát vắn chơi. - Điều đó không nên có trong việc học

Đạo. Cũng như chuyện lật ngược nhau để không trả lời được ... chuyện đó dễ lắm, nhưng không phải là thứ nuôi sống cho lòng Đạo. Nên học Đạo phải biết điều đó.

Thêm một điều nữa cần phải biết trên khía cạnh tâm lý: Một chiếc cầu khi bắt ngang qua con rạch nhỏ, không sâu lắm. Nếu nước cạn mình không dám đi qua mạnh dạn; trái lại nước đầy mình đi qua tự nhiên. Như thế là hồi nhìn nước đầy, ở trong mình đã bỏ con toán tính, nếu có rớt cũng nổi trên mặt nước đầy đó chớ không đến nỗi rớt sâu lắm! Còn không có nước mà không dám đi, là trong mình cảm thấy rơi thẳng xuống dưới sâu liền.

Vậy chúng ta nên đề phòng những gì của quá khứ chen vào tính-toán trước. Học Đạo nếu có cái tính trước đó thì khó vô Đạo lắm! Đó là điều rất quan hệ cần chú ý.

Đó là điều quan trọng tôi nhắc qua, nếu chúng ta biết sử-dụng; dù ở trường hợp nào, tài liệu nào – cũng được lợi-ích rất lớn.

Bây giờ chúng ta đi vào phần thứ Hai của Ba bài luận Tổ-Đạt-Ma.

---o0o---

THIÊN THỨ HAI

LUẬN NGỘ TÁNH

CHÁNH VĂN:

***Vã chǎng Đạo là lấy vắng-lặng làm thể. Tu là lìa tướng làm tông.**

Thưa, sở dĩ nói vắng-lặng hay không vắng-lặng là tại ở lòng mình. Nói lấy lìa tướng làm tông nghĩa là vấn đề tướng – dù tất cả tướng của vũ trụ - cũng chỉ là tổ hợp, vô-thường. Hay nói cách khác là chớ nên chấp tướng. Chớ không phải nghĩa tướng vốn có thật, mà mình phải lìa nó.

*** Nên kinh nói: Vắng-lặng là Bồ-đề, vì dứt hết các tướng. Phật nghĩa là giác. Người có tâm giác được Đạo Bồ-đề nên gọi là Phật. Kinh nói: Lìa tất cả các tướng là danh hiệu chư Phật.**

Người có tâm giác là sao? – Là người nhận ra được tận nguồn tâm linh của mình hồi chưa khởi thiện khởi ác. – Và lúc nào cũng được như thế gọi là người có tâm giác, là đạt Đạo.

Nói “liã tất-cả tướng là danh hiệu chư Phật”. Có thể nói khác hơn như câu tôi đã hỏi :”Tất-cả đều không phải tâm, vậy cái gì là tâm?” – 2 câu đó giá trị ngang nhau.

Thưa, quý-vị mới đến nghe cách tôi nói đừng vội cho là khó hiểu. Bởi vì ở đây không phải cắt nghĩa để chồng thêm kiến-thức trí-óc, mà cần phải có một tác dụng thâm sâu vào tâm-linh. Điều đó phải lưu tâm.

Câu nói “liã tất-cả tướng là danh hiệu chư Phật”, cũng như nói; Phật vốn không có tướng, tùy tâm chúng sanh mà hiện tướng”; hay nói cách khác là :”Bổn lai không có Phật nào ở ngoài. Tự-tánh là Phật”. – Nên khi săn đuổi ra tìm Phật, thì ông Phật của quý ông với ông Phật của tôi không giống được.

Thế mới biết: Có tướng là tướng mà không tướng.

Tại sao vậy? – Vì tất-cả tướng đều tổ-hợp, mà hết thủy tổ-hợp đều vô thường. - Một viên gạch có vô số hạt cát, một hạt cát có vô số hạt bụi, một hạt bụi có vô số hạt mún, một hạt mún có vô số hạt mìn ... tới chỗ nhỏ nữa thì mình không thể đặt tên. Do đó tất-cả đều vốn không. - Thế mới biết có tướng là tướng mà không tướng.

Không thể dùng mắt thấy, chỉ có thể dùng trí biết. Ai nghe pháp này mà sanh một niệm lòng tin, phải biết người đó đã phát tâm đại-thừa, siêu 3 cõi. Ba cõi tức là tham, sân, si. Đổi tham, sân, si ra thành giới, định, huệ - tức gọi là siêu ba cõi.

Chính ở trong thân mình có đủ 3 cõi chớ không có ở đâu khác hơn. Do đó hễ kẹt vào tham, sân, si thì tự nhiên 3 cõi ở ngoài sẽ đến với mình.

Nhưng tánh của tham, sân, si cũng không thật, chỉ tùy-thuận chúng sanh mà nói vậy thôi. Nếu ai có thể soi trở vào trong thì thấy rõ tánh của tham sân si tức là tánh Phật. Ngoài tham sân si không có tánh Phật nào khác.

Thưa, đó là câu ở trong Chứng-Đạo-Ca có nói

:”Tánh chúng sanh vốn là tánh Phật”. Trong kinh Pháp-Bảo-Đàn cũng có nói :”Dù cho chúng sanh ác độc đến đâu cũng từ bổn tánh xuất hiện”. Vì tất cả vạn pháp đều cùng một thể, đều là hiện tượng: dù là chúng sanh hay Phật cũng thế.

Kinh nói: chư Phật từ xưa đến nay thường ở trong 3 độc để nuôi lớn pháp giải thoát mà thành Thế Tôn. Ba độc là tham sân si đó.

Thưa, không một chúng sanh nào không có tánh Phật, không một người nào trên dòng sinh mệnh không gặp đắng cay chua-chát, cũng như không một ông Phật nào không từ chúng-sanh mà ra. Nên chưa có nếm mùi đắng cay chua chát thì không thể trở nên thánh hiền được. Vạn cổ khẳng định như thế.

*** Nói đại-thừa, tối thượng-thừa đều là nói chỗ sở hành của Bồ-Tát. Không chỗ thừa, không chỗ chẳng thừa. Suốt ngày thừa mà chưa từng thừa, đó là Phật thừa.**

Nghĩa là không mắc kẹt, không đóng cứng là Phật thừa. Đây muốn chú-thích nghĩa của kinh Kim Cang gọi là vô-sở trụ. Nên đúng lý ra không có 3 hay 4 thừa gì hết, đó chỉ là chuyện tùy thuận theo thế gian mà nói thôi. Hễ thoát tục là thoát tục, chớ không có thoát từ từ. Hễ còn một chút xíu tục-lụy là còn nguyên. – Do đó dầu một hạt bụi rơi vào con mắt cũng đủ che khuất cả bầu trời; một chút xíu mê lầm về mình cũng đủ làm mờ tánh linh-năng muôn thuở. Nên nói đi lần lần là chuyện tùy thuận theo thế gian, chớ thật ra không phải vậy.

Có một ông giáo đến hỏi vị Thiên-sur: Phật nói tu 3 a-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật. Còn thiên sư lại nói thành Phật một lần và liền bây giờ, làm sao có lý?

Thiên sư không trả lời hỏi lại: Thí dụ xưa nay đại đức là người trong sạch hoàn toàn, không bao giờ gian-tham. Bất thần đi ngang qua chỗ có vật quý, nổi tánh tham muốn ăn-cắp lấy một ít về xài. Hỏi vậy chuyện ăn cắp đó chỉ có cái tay hay là nguyên con? Ông giáo đáp: hễ ăn cắp là ăn cắp nguyên con; sao lại ăn cắp có cái tay không!

Thiên sư bèn nói: Ăn cắp thì ăn cắp nguyên con. Vậy sao thành Phật lại không thành Phật nguyên con?

Nên biết hễ kẹt là kẹt. Sự thật vẫn là vậy.

Kinh nói: “Không thừa là Phật thừa đó”. Nếu ai biết được 6 căn không thật, 5 uẩn giả danh, khắp thân tìm cầu hết thấy đều không có chỗ nhất định. Phải biết người đó rõ được nghĩa Phật nói.

Thưa nhiều lần tôi có nói: Chúng ta hãy thử dứt hết các duyên, đừng móng sanh một điều nghĩ tưởng. Rồi hãy soi trở vào lòng, nghiệm xem cái gì là tâm tánh của mình, cái gì không phải là tâm tánh của mình?

Ai làm chuyện đó sẽ thấy câu :”Nếu ai biết được 6 căn không thật, 5 uẩn giả danh, khắp thân tìm cầu hết thấy đều không có chỗ nhất định. Phải biết người đó rõ được nghĩa Phật nói.” – Câu này ăn khớp với câu tôi vừa nêu lên hỏi.

Kinh nói: Hang ổ của 5 uẩn là Thiên-viện. Soi trở vào trong được tỏ ngộ là môn đại-thừa. Há chẳng rõ lắm sao! Chẳng chứa tất-cả pháp gọi là Thiên-định. Nếu rõ được câu này thì đi đứng nằm ngồi đều là Thiên-định.

Câu này rất quan-hệ! Nói “hang ổ của 5 uẩn là Thiên-viện. Soi trở vào trong được tỏ ngộ là môn đại-thừa”, nghĩa là không có cảnh chướng cảnh nghịch, thì không thể lấy đâu để biết được lòng mình. – Chưa bị người ta chửi thì sẽ không biết được lòng mình ứng hiện ra sao. Nên một người hoàn toàn chỉ gặp cảnh thuận, vị tất người đó có thể dễ dàng hiểu mình! Cũng như người tu mà định chui rút vào một nơi biệt lập, vị tất lòng người đó đã được yên! Đó là cảnh yên chứ không phải lòng mình yên.

*** Biết tâm là “không”, gọi là thấy Phật. Vì sao thế?**

– Vì mười phương chư Phật đều là vô tâm.

Thưa, chữ “vô tâm” ở đây không phải là không có trái Tim; mà là nghĩa không có chấp chứa. Nếu mình cố quên thì giống như lăn “ru-lô” đê cỏ cú. Cỏ lì xuống không lên nổi, nhưng qua một cơn mưa nó sẽ mọc lại dữ-dội hơn. Cho nên không thể giả đò mà quên được. Chỉ đừng có chấp chứa thì chính thân là Bồ-đề.

Sự thật là vậy! – Tuy nhiên nói thì dễ, nhưng nếu không một phen tháo mồ hôi, xót con mắt vị tất đã thông rõ được!

*** Chẳng thấy tâm gọi là thấy Phật**

Câu này thật độc đáo! Bởi vì hễ còn tâm để thấy thì còn kẹt trong hai-tướng. Mà không thấy tâm thì là si-mê. Khoảng giữa hai cái đó, không có, làm sao thì làm!

Thí dụ: Tôi nhìn trong gương thấy cái đầu của tôi. Đó chỉ là cái thấy trong gương thôi. Còn thiệt thấy là tay phải rờ đụng đầu, biết chắc chắn tôi có cái đầu. Cái đó không còn nghĩa thấy hay không thấy. Nên nói không thấy cũng không chẳng thấy.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Phật có kể chuyện ông Diễn-Nhã-Đạt-Đa, một hôm tình cờ đi ngang qua tấm gương thấy đầu mình hiện trên gương. Hoảng hốt ông la lên: Người trong gương có đầu, còn đầu ta sao không thấy ?! Rồi bỗng phát điên cuồng bỏ

chạy. - Người ta theo bắt lại, lấy tay ông cho rờ đầu - Bảy giờ thiệt biết đầu của mình, ông dần tỉnh. Phật mới kết câu chuyện là : điên từ đâu đến – Và hết điên từ đâu ra ?!

Thế mới biết: Còn thấy cái tâm, tâm đó chưa phải thiệt là tâm. Thường thường mình chỉ thấy được cái vọng tâm lăng xăng, còn lúc chưa mống khởi thì không có nghĩa thấy và không thấy. - Nếu không có thấy là mình mê, nếu có thấy là mình cũng chưa tỉnh.

Hỏi: Thưa, cái thấy đúng là phải thấy khách quan.

Có phải thế không?

Đáp: Thưa, phải đề phòng chữ khách và chủ, hễ còn mắc kẹt trong khách và chủ là không phải. Nên Thiền học chủ trương phá và trừ, đến khi nào hết phá được, còn lại cái gì là cái đó đúng. Nếu cái sân tôi thiệt bằng xi-măng, tất-cả những gì trong sân tôi quét trôi được thì đều là rác cả. Còn lại mới là cái sân xi-măng của tôi. Chuyện của Chúa hay của Phật cũng thế thôi. Hễ còn phá được là không phải. Khi nào hết phá được, còn lại cái y nguyên đó muốn kêu bằng chi cũng được.

Lìa chấp thân chẳng tiếc gọi là đại bố thí.

Hầu hết chúng ta tu-hành thường nghĩ rằng: Mình đã cúng dường bố thí thật nhiều để kiếp sau được hưởng. Đó chỉ là một cuộc mua bán đổi chác thôi. Nói vậy không phải là tôi biểu đừng bố thí cúngdường, nhưng tôi muốn nói việc làm của chúng ta phần nhiều xuất-phát từ tâm tham-lam, sợ-hãi. Ở đây muốn định nghĩa chính xác việc tu-hành nên nói :”Lìa chấp thân chẳng tiếc là đại bố-thí”. Một người không còn mắc kẹt trên cái chấp tôi nữa, thì dù bố thí cúng-dường cũng không phải là đổi chác. Còn không vậy thì tất cả đền chùa, nhà thờ, nhà thánh đều biến thành cửa chợ hết. Đem của cải vật chất cúng-dường thì của cải vật-chất là tiền; đem con vật phóng-sanh là đem tiền để đổi vật cũng thế thôi! - Nếu tính buôn ra để lát nữa được cái gì vô cho cá-nhân mình thì đều ở phạm-vi mắc kẹt trong cái Tôi cả. Nên lìa chấp Tôi mà không luyến tiếc, đó mới thật là bố-thí cúng-dường. Nếu không hiểu rõ như vậy thì tu Phật mà sẽ thành Trời. Vì sao thế ?- Vì bố thí cúng dường thật nhiều được sanh lên cõi Trời, hưởng hết phước rồi sẽ đọa xuống nặng nề hơn.

Lìa các động, tịnh gọi là đại toạ thiên.

Thừa, phần nhiều hễ nói Thiên thì người ta chấp vào cái bờ đoàn để ngồi; mà nói Tịnh thì người ta chấp sâu chuỗi! Đúng nghĩa của Thiên là không mắc kẹt trong động và tĩnh. Bởi vì động tĩnh là hai mặt của một sự việc. Mắc kẹt trong tĩnh cũng là một thứ mắc kẹt trong động thôi.

Vì sao thế? – Vì phạm phu một niềm chấp động, tiểu thừa một niềm chấp định. Nếu vượt khỏi cái tọa thiền của tiểu thừa và phạm phu thì gọi là đại tọa thiền. Nếu nhận được như thế thì tất cả các tướng chẳng tìm cũng tự rõ, tất cả các bệnh chẳng trị cũng tự khỏi. Đó là nhờ sức đại thiên định.

Thừa, bệnh đây là bệnh của tinh thần. Trong lu nước có để cây kim. Nếu cứ lắc cái lu hoài thì muốn cây kim không thể được, bao giờ nước lắng yên lại thì tức khắc thấy. Cũng như đứng ở phía bên này núi thì không thể thấy người ở bên kia núi, còn leo hẳn lên chót núi thì tất cả những cảnh chung quanh núi dù không muốn thấy cũng tức khắc thấy. Nên khi lìa tất cả động, định nghĩa là trả cái tâm về mức bình thường thì vạn pháp vốn hiển rõ, khỏi cần tìm; ông Phật không đợi rước cũng đến. Nên Phật có hiệu là “bạn không mời”. Và cũng vì thế Thiên Chúa có câu “Hãy dọn mình cho trong sạch để đón rước chúa”. Không phải Chúa hay Phật đòi hỏi mình phải có đủ lễ mới đến. Mà có nghĩa là : tôi đang mang kính đen, nếu muốn tìm màu sắc thật sự của sự vật thì không thể được, nên việc đầu tiên của tôi phải là gỡ kính đen để xuống, thì màu sắc đích thật của sự vật sẽ hiển hiện ngay. Do đó trong việc học Đạo, hay nhất là chỉ khám phá con người của mình. Bởi vì tìm Phật, tìm Chúa hay tìm chân lý đều không thể được. Làm sao tìm được cái thứ mình chưa từng biết chứ! Nên điều chính xác nhất là đừng vương bận vào trong cái Tôi, đừng bị kẹt vào trong cái mê chấp; thì tức khắc nhìn đến đâu sự vật sẽ hiển hiện đến đấy. Thế thì dù có ai bày ra cách thế nào, dù họ có cho rằng chân-lý trên hết chẳng nữa, mình cũng vẫn có thể biết được sự thật. Đành rằng chân lý vốn trên hết, nhưng vẫn phải đề phòng chân lý của tôi, của ông và của tất-cả quý ngài đây có đồng một thứ hay không. Hay là cùng một danh từ chân lý mà mỗi người hiểu một cách!

Bởi vậy không thể nào chính xác bằng cách cứ quay về với cái Tôi, để khi thấu suốt, lòng mình hết chấp, hết mê rồi tất cả bộ mặt thật của sự vật hiển hiện tức khắc. Khi tôi quá sợ rấn, thì tôi thấy lúc nào con rấn cũng chực cắn tôi. Còn khi tôi thiệt lòng bình thản, tôi tức khắc thấy rấn cũng có những hồi cần nương tôi để đi qua lộ tránh khỏi con diều con qua đang chực xốt nó. – Hay là bởi tôi vốn quá nghèo, bây giờ bất thần tôi có được một hai trăm ngàn – Quý nó quá, tôi đem cất thật kín, mà lòng cứ sợ có người rình thấy, nên một lát tôi chạy ra đường coi có ai đi ngang không, một lát tôi vô thăm thử coi tiền còn hay mất. Thì tự nhiên đó là tôi kêu ăn trộm đến. Nên hễ có tướng giữ của là có tướng ăn trộm vậy.

Phạm ai đem tâm mà cầu pháp đều là mê, chẳng đem tâm cầu pháp là ngộ.

Thưa, hễ nhận ra được thế nào là bản tâm bản tánh của mình, thì tức khắc vạn pháp vốn đầy đủ, không cầu cũng vẫn có. Do chỗ đó Phật có hiệu là “Pháp vương”. – Bất cứ người nào tỏ ngộ được tâm tánh rồi cũng đều có chuyện đó. Còn khi chưa tỏ ngộ tâm tánh mà vọt ra tìm thì càng tìm càng cách. Cho nên càng đi sâu vào chân lý chừng nào tôi càng không gặp chân lý chừng ấy; càng đi tìm ông Phật chừng nào tôi càng không gặp ông Phật chừng ấy. Chỉ có một cách khi trở về với cái Tôi của tôi, khi tôi hết mê thì không mời ông Phật cũng tự hiện, hay nói khác hơn thì nghĩa thế nào là Phật sẽ hiện rõ nơi tôi. - Được như thế thì không đến nỗi xảy ra những vụ tranh chấp là Trời lớn hay Phật lớn; hay có những trường hợp trả lời: đó là tôn giáo tín ngưỡng, không nên đá động đến. Đó chỉ là những cách giải quyết đập nhẹ, chớ không phải thấu rõ vấn đề.

Chẳng đấm cháp vẫn tự gọi là giải thoát. Chẳng nhiễm 6 trần gọi là hộ pháp. Lìa khỏi sanh tử gọi là xuất gia. Chẳng thọ báo sau này gọi là đắc Đạo.

Mấy định nghĩa này thật hay! Hầu hết chúng ta đều mắc kẹt trong thói “quen sợ tiếng dạ, lạ sợ bộ đồ”. Nên cứ nhìn thấy đầu tròn vai vuông thì kẻ đó là người tu. Đến khi vào chùa, vẫn nghĩ rằng ai cũng tu, rồi gặp những ông đi vào chùa ẩn dương nương Phật để trốn lính, hay để chùa nuôi cho ăn học có bằng cấp .. Nghe thấy những điều trái chướng rồi về chửi thầy chùa người nào cũng vậy hết. - Thiên học không nhìn con người bằng cái nhìn ấy. Bất cứ người nào, dù đập xích lô, phu bến tàu, ông thầy tu, người buôn bán ...hễ người nào tỏ ngộ được tâm tánh của mình, người đó là Phật, dù người đó không biết một chữ, hay không từng ở chùa một ngày nào. Con nếu chưa thấu suốt con người của mình, dù mang tướng tăng ở chùa mãi đời cũng là phàm phu, hay bất quá chỉ là thầy chùa thôi! Điều đó phải nên biết.

Nói “chẳng đấm cháp vẫn tự gọi là giải thoát”, tuy nghe dễ vậy nhưng khó lắm!

Có lần tôi đã kể chuyện con rùa, đưa ra 2 trường hợp để chúng ta nhận xét thử ra sao:

1) Thí dụ một người chưa từng biết con rùa ra sao. Một hôm đến chơi, tôi đưa con rùa cho coi nhưng không nói tên con vật, rồi tôi làm thịt cho ăn. Nghĩa là anh ta đã thấy con vật có hình dáng như vậy, cách thế ăn uống .. và đã nếm mùi vị thịt của nó? Nhưng đến khi khác, có người cầm con rùa hỏi anh có biết con này là con gì không? Anh ta vội đáp: thật tôi chưa biết!

2) Một người khác cũng chưa từng biết con rùa ra sao, được tôi chỉ cho biết con này tên con rùa. Đến khi gặp một người cầm con rùa hỏi anh biết con này không? Đáp: biết, con này là con rùa! Hỏi vậy trong hai người đó, ai là người thiệt biết?

Sự thật chính ông trước mới là người thiệt biết, nhưng hỏi thì họ nói là không biết. Như vậy cái biết đó cũng chưa phải là thiệt biết, vì còn mắc kẹt trong tên chữ.

Ông thứ nhì trả lời biết liền, cũng là mắc kẹt trong cái tên mà thôi! Nên biết danh ngôn nó kẹt lắm! Cũng như thí dụ tôi tên A; bây giờ có người kêu tên A của một ông khác ra chữ. Tôi không từng biết ông A kia, nên nghe vậy là trong bụng tôi nổi “bàđào” liền. Vậy tên A đó ở đâu? – Vì vốn hỏi mới sanh ra chưa có, nên biết cái đó do cha mẹ gán cho, chẳng phải ai mang tên A, B gì cả! Bởi vậy hầu hết chúng ta đều kẹt ở trong danh ngôn, chớ không phải biết được sự thật. Nên phải lìa cái chấp ngữ ngôn văn tự thì mới được giải thoát là vậy.

*** Chẳng sanh vọng tưởng gọi là Niết Bàn.**

Chẳng kẹt trong vô minh gọi là đại trí tuệ.

Thưa, phần nhiều không có mấy ai hề khi nói thì nói đàng hoàng, minh bạch; hề ngừng nói là ngừng luôn ở trong bụng, không còn lảo xào bàn cãi. Ngược lại, phần nhiều hề nói ra thì lăm lăm muốn nói đàm bang, khi nín thinh thì ở trong lại lảo xào bàn cãi.

Thế mới biết cái bịnh vọng niệm là bịnh gốc. Và khi một người chẳng sanh vọng tưởng, chẳng kẹt trong cái chấp tôi (hay chẳng kẹt trong vô minh) thì đi đứng hằng ngày vẫn thanh thoi, không bị lo lắng, phiền não.

Đến chỗ không phiền não gọi là Bát Niết Bàn. Đến chỗ không có tướng tâm gọi là qua bờ bên kia. Khi mê thì có bờ bên đây. Khi ngộ rồi thì bờ bên đây cũng không có.

Nếu tâm còn tướng là tâm tương đối, chưa phải là linh tánh (bỏ lai diện mục). Chưa phải là bản tánh vốn có của mình.

Vì sao thế? – Vì phạm phu một niệm chấp bên đây, nếu tỏ ngộ được pháp tối thượng thừa thì tâm chẳng trụ bên đây cũng chẳng qua bên kia, nên lìa được cả đây kia vậy.

Thưa, vấn đề cái “cặp” quan hệ ghê lắm. Chỉ như vấn đề Nam với Bắc, mà chúng ta có nhiều người đã mọc góc mọc rễ ở trong tâm. Cứ hề người Nam nghe nói đến người Bắc là ghét, người Bắc nghe nói đến người Nam là ghét. Vì vậy đánh nhau hoài không dứt. – Nên chỉ có vấn đề chấp tướng, chấp danh ngôn cũng đủ làm phòng tuyến dẫn hỏa châm mồi cho trận chiến của cả thế giới dễ dàng.

Nếu thấy bờ bên kia chẳng khác hơn bờ bên đây, cái tâm của người ấy đã được cái định vô thiên.

Nghĩa là nếu thấy được cả hai bề lưng và lòng của một bàn tay thì thấy được bàn tay thiệt. Nếu thấy được hai bề thiện với ác, nghịch với thuận của một sự việc thì mới thấy được tận nguồn tâm linh. Hễ động dụng ra thì có tướng thiện tướng ác. Lui vào lúc chưa động dụng thì vốn không có hai tướng. Thế mới biết: thiện với ác chỉ là đồng tiền hai mặt. Nếu không có đen thì làm sao định được trắng; không có trắng làm sao định được đen! Không có những cái chung quanh tôi làm sao định được cái TÔI ! Không có thiện thì lấy đâu để định cái ác, không có ác thì lấy đâu để định cái thiện! Không có chúng sanh lấy đâu có Phật, không có Phật lấy đâu có chúng sanh! Nên biết có danh từ Phật là tại có danh từ chúng sanh. Nếu biết được vậy, mới thấy rõ chúng sanh với Phật không phải là hai chuyện. Phương chi chúng ta ở trên quả địa cầu này - Địa cầu là một phần tử trong Thái dương hệ ; Thái dương hệ là phần tử thật nhỏ trong khối ngân hà ; khối ngân hà là một phần tử ở trong vô số khối ngân hà trong hư không này. – Tôi muốn nói vốn từ cái “không có gì hết” mà hiện ra cái “có”. Đến khi có mình rồi, tưởng đâu cái MÌNH là chắc thật nên tranh chấp, tàn hại lẫn nhau. Những cái đó đều xuất phát từ sự không hiểu biết, từ lòng không có yêu thương lẫn nhau cả.

Phiền nào gọi là chúng sanh, tỏ ngộ gọi là Bồ đề, cũng chẳng một chẳng khác, chỉ khác nhau ở mê ngộ.

Điều này rõ lắm. Thí dụ tôi vừa bị mất 20 ngàn đồng, vì nghèo quá nên tôi khổ sở đến muốn tự tử. Bây giờ có người cho tôi biết: Ở đời muôn sự của chung. Chuyện đã lỡ mất không tìm được. Bây giờ nếu khổ thì lại càng kéo dài cái khổ tăng thêm. Nếu không khổ thì ngay bây giờ được lời cái không khổ, mà mình còn làm được việc khác để sống. Thôi, nên bỏ qua chuyện đó đi thì khỏe hơn! – Tôi nghe được, nhờ bỏ qua mà khỏe. Vậy cái mệt hồi nãy với cái khỏe bây giờ có một thằng chó đâu phải hai! – Nên biết hễ mê thì mệt, hết mê thì khỏe chứ không có thêm bớt gì hơn!

Khi mê có thể gian để ra khỏi, khi ngộ không có thể gian để ra. Trong pháp bình đẳng chẳng thấy phạm phu khác với thánh nhơn.

Sự thiệt, chính hồi tôi mới đi tu, lòng tôi luôn bồn chồn làm sao cho ra khỏi thế gian. Đến khi nhận ra được thằng mình là gì rồi, thì thấy không có chỗ nào là thế gian hay không thế gian hết. Chỉ có mình tỏ ngộ hay không tỏ ngộ mà thôi.

Phần đông chúng ta hồi mới đi tu thì thấy thiên hạ đều quấy hết, chỉ có mình phải. Tu một lúc lâu thấy thiên hạ có quấy có phải, mình cũng có quấy có phải. – Tu thật lâu hơn nữa rồi mới thấy thiên hạ không ai quấy hết, chỉ có mình quấy hay không

quấy mà thôi. Do đó thằng MÌNH là cái đầu dọc. – Mình đi ra đường có kẻ hầu trước, người hầu sau, nên tưởng là mình mạnh lắm; nhưng nhớ lại thì mình là thứ yếu xiù, có đủ thứ sợ hãi lo âu trong lòng. Cũng như đi tu mà ra đường phải có người hầu. Tự cho là mình oai lắm; nhưng đó chính là lòng sợ người ngoài nhìn mình không to bụi mà ra. Nên rốt cuộc là mình bị mắc kẹt. Chỉ bao nhiêu đó cũng khó lắm rồi!

Nên phần đông chúng ta hồi mới tu thì nôn nao đi tìm lối thoát cho ra khỏi thế gian. Đến khi nhận ra được tâm tánh rồi, mới thấy thế gian chính là cái tâm của mình, chớ không có ở đâu ra. Khi mê thì có thế gian để thoát, khi ngộ thì không có nghĩa thế gian để thoát nữa.

Vấn đề ở trong pháp bình đẳng, không có thấy phàm phu khác thánh nhơn. Thật ra, tại mình làm thánh nhơn là cái gì ở trên cao, còn mình là thứ ở dưới đất cày; thì mới thấy phàm phu khác thánh nhơn. Bởi vì chính mình mới là người bệnh hoạn mắt bình thường, nên làm thế nào chữa cho hết bệnh mắt bình thường của mình, thì tự nhiên thấy phàm phu với thánh nhơn vốn không phải hai. Nếu chúng ta không có cái thấy đó thì việc dùng pháp sẽ trở nên tai hại vô cùng. Thí dụ nhà Phật bày ra pháp khi vô tu đốt mấy liều trên đầu, là để tượng trưng ý nghĩa xả thân cầu Đạo. Nhưng bây giờ thì nó đã trở thành cái “ga lông”! Hễ có một hai liều thì càng tự cao thêm. Tai hại đến thế!

Kinh nói: pháp bình đẳng nghĩa là phàm phu không thể nhập, nhị thừa không thể hành. Chỉ có bậc đại Bồ Tát và chư Phật Như Lai có thể hành mà thôi.

Nói như vậy không có nghĩa là phàm phu thì muôn thuở là phàm phu. Đó là nghĩa người nào tỏ ngộ tâm tánh, người đó là Bồ Tát. Người nào biết được tâm linh, áp dụng hết mọi mặt, thì người đó là Phật. Người nào chưa phải như vậy, dù có nói gì cũng là chúng sanh nói mà thôi. Chỗ đó Lục Tổ định nghĩa rất xác thực : “Minh tâm mới là Bồ Tát”. Hễ không minh tâm là không phải Bồ Tát. Vậy minh tâm là gì? - Là tỏ ngộ nguồn tâm tánh của mình. Hễ tỏ ngộ suốt nguồn tâm tánh của mình thì tự nhiên 6 độ muôn hạnh vốn đủ; là vì đến đó không còn hai tướng nữa. – Do vậy, dù không muốn tạo ra lòng từ bi, lòng từ bi cũng vốn sẵn. Nên lòng từ bi không phải là thứ đặt tên, không phải là thứ từ bi ở ngoài ráp vào, hay là thứ ban ơn nghĩa cho kẻ yếu hơn mình. Đó là cái thấy tất cả sự đời với mình vốn chỉ có một thân thôi. Bây giờ “từ bi” đã biến ra nghĩa ban bố, thì ân chớ không còn nghĩa đích thực nữa.

Nếu thấy sanh khác với tử, động khác với tĩnh đều gọi là chẳng bình đẳng.

Sự thật là mình thì ham sống sợ chết: còn qua cõi chết, nó thấy cõi chết mới sống, con người sống là chết. Nên biết chúng sanh hễ ở chỗ nào thì chấp chỗ ấy.

Cái chấp tuy vậy nhưng lạ lắm. Tất cả mọi người không có ai giống ai dù cho thân thể xấu xí, bệnh hoạn chẳng nữa, cũng vẫn thấy vừa ý, đeo chắc lấy thân này. – Chúng ta thử nghĩ: nếu hồi tới lãnh cái thân, người ban cho cái thân xấu thì thật mình không vui. Nhưng lãnh cái thân rồi qua ngày sau, dù nó xấu thế nào mình cũng thấy tốt; cũng thấy cần đeo chắc lấy nó. Quả thật lạ! Có lần một người tu Tịnh Độ đến than với tôi: Thầy ơi Thầy, sao tôi cứ đau hoài chịu gì nổi! – Tôi nói: nếu nó không làm vậy thì làm sao chết được! Và lại bà muốn mau vãng sanh mà sợ chết quá sao được! Bà cười. Thành ra một mặt niệm Phật để cầu mau vãng sanh, một mặt lại sợ chết; một mình mà mâu thuẫn hai việc.

Thêm nữa, tâm lý con người bình thường ai cũng sợ chết. Nhưng khi xuông vào cõi tình trường, được chết trong vòng tay người khác phái mình thương yêu thì lại thấy đó là cái “đã” chứ không phải cái chết! Cũng như trường hợp đau ban, nếu để người khác phái nuôi thì dễ chết lắm mà là cái chết “đã”! hay trong những cuộc tình duyên của anh em họ, bị dòng họ không bằng lòng. Hai người bèn dắt nhau vào hang núi, đổ dầu lửa, châm hột quẹt đốt rồi ôm nhau cùng chết. Vậy là cái chết “đã” chứ đâu phải chết khổ. Cái chết “đã” tuy làm vậy nhưng không phải đó là bằng lòng. Bởi nếu bằng lòng sao lại khóc! Đó là nghĩa kệt lắm, vì cuộc sống không thể y như ý muốn được, nên bây giờ tìm thử qua cõi bên kia. – Nên tham sống sợ chết hay tham chết sợ sống cũng là một thứ trở hai bề vậy thôi. Sợ sống khổ, ra cầu Bình Lợi nhảy xuống để tìm cái yên, thì cũng là một thứ sợ sống, chứ không phải là không khoái sống. Nếu cuộc sống đừng có lộn xộn thì thích, vì kệt quá nên mới làm như vậy.

Nên nghĩa ham sống sợ chết là tại mình thấy nằm làm thỉnh nhần răng mà ngán. Sự thật, khi cái chết đến liền tức thì, sẽ không có ai sợ hết.

Chẳng thấy phiền não khác với Niết Bàn, thế mới gọi là bình đẳng.

Nói cách khác: Nếu thấy sóng với nước không khác thì mới là bình đẳng. Nếu chỉ nhìn thấy sóng có lên lên xuống xuống. Nhìn luôn cả sóng với nước thì thấy chỉ toàn là nước. Nên biết: sóng là hình của nước, nước là từng đáy của sóng.

Vì sao thế? Vì phiền não và Niết Bàn cùng một tánh không. Cho nên người nhị thừa vọng dứt trừ phiền não, vọng nhập Niết Bàn, tự tạo Niết Bàn để trôi buộc. Còn Bồ Tát biết được tánh phiền não vốn không, nên chẳng lìa không, thường ở Niết Bàn.

Niết Bàn nghĩa là khơi mà chẳng sanh, tịch mà chẳng chết, vượt khỏi sanh tử là bát Niết Bàn. Tâm không có đi và đến là nhập Niết Bàn. Thế mới biết Niết Bàn tức là tâm không.

Nghĩa là một người trong tâm rỗng rang, rời-rảnh, động dụng đừng mê, cuộc sống tự tại, không có bị cái gì ràng buộc. Đó là Niết Bàn.

Chư Phật nhập Niết Bàn là ở chỗ không vọng tưởng, Bồ tát vào đạo tràng là không tham sân si vậy. Tham là cõi dục, sân là cõi sắc, si là cõi vô sắc.

Thưa, « si » là cái chết « đã » tôi vừa nói đó. Còn tham và sân thì chúng ta ai cũng biết rồi.

Nếu một niệm tâm sanh liền vào 3 cõi, một niệm tâm diệt là ra 3 cõi.

Nói cách khác là : Nếu một niệm liả khỏi nguồn tâm linh của mình thì vào 3 cõi. Một niệm vẫn tỏ ngộ nguồn tâm linh của mình thì 3 cõi dứt. Bởi vì đến chỗ đó không có 2 tướng nữa.

Thế mới biết : 3 cõi sanh diệt, vạn pháp có không đều do một tâm. Phạm nói một pháp là cũng giống như đập ngôi gạch, chẻ tre gỗ vô tình.

Nghĩa là hề nói có một, là có đủ thứ. Bởi vì mình nhìn vào từ tướng, chớ bỏn lai vốn không có lia. Nếu nói có lia, tại sao cầm cây quạt quạt nghe nặng ?! Nếu nói rời từ cục, từ cục, tại sao chúng ta nói chuyện với nhau được, tại sao vô tuyến truyền thanh truyền hình thực hành được ? Nhưng phải đề phòng khi tôi dùng trí óc phóng trở ra mà nghiệm, tôi cũng thấy được hình như bao la này không có hai tướng ; nhưng sự thật khi lui lại nơi con người tôi thì tham sân si vẫn còn nguyên. Do vậy Phật gọi cái đó là « sở tri ngu », nghĩa là biết quá hóa ra ngu, vì biết trở ra không phải là thiệt biết. Cái biết đó không giúp ích gì cho chính con người của mình cả. Cũng như khoa học ngày nay đã rơi thẳng vào cái mà Phật gọi là « sở tri ngu » là vậy.

Đến đây tôi xin nói thêm qua bộ Tây Du Ký, là một bộ sách viết theo thể tài lạ kỳ để diễn tả ý nghĩa kinh Phật. – « Tôn-Ngộ-Không » là tượng trưng cho sự hiểu biết bằng cái trí ; nên mặc dù cái biết đó có thể lui tới xứ Phật đều được, nghĩa là thấy được 2 tướng không phân, nhưng cái tên đó chỉ là pháp danh mà thôi, nên vẫn còn phải đội Kim cô và thờ Tam Tạng làm thầy. - Do đó lý trí dù đến như khoa học ngày nay lên được cung trăng, phóng phi thuyền vượt không gian, đổi trái tim, thay tròng mắt v.v... cũng vẫn ở trong phạm vi nhân quả, nghĩa là vẫn bị đội niềng Kim Cô. Chừng nào trở vô trong con người của

mình, hoàn toàn tỏ ngộ chính con người của mình rồi, thì khỏi dùng thước bằng để cạy Kimcô cũng tự nó rớt ra. Khi đó trọn nguồn tâm linh chúng ta mới chảy một chiều ; nên qua tới xứ Phật rồi Kim-cô tự rớt hồi nào không hay. Nghĩa là hễ một người đã giác ngộ thì không ai trói buộc được. Nếu chưa giác ngộ mà còn nghênh ngang thì không lãnh sợi dây chuỗi cũng lãnh cái còng bằng « inoxidable » cũng thế thôi !

Bộ sách đó do một người tu chứng viết, trong đó nhiếp cả Khổng-Mạnh-Lão-Trang và Phật. Vô đề bằng lối Dịch Lý với văn minh Trung Hoa, cốt để dùng văn minh Trung Hoa mà diễn tả văn minh Ấn Độ. – Có lần tôi thử hỏi một ông tăng :

- Ông đọc bộ Tây Du rồi thấy trong đó ai hay nhất ? Đáp : Tôn Ngộ Không hay hơn hết.

Tôi nói : Không phải.

Hỏi : Vậy ai hay ?

Tôi nói : Người viết hay hơn hết ! vì tác giả đẻ ra được Tôn Ngộ Không mà ! - Người đó nếu chưa chứng thì không viết được như vậy.

*** Nếu biết được tâm chỉ là giả danh tạm gọi chớ không có tướng, thì liền biết cái tâm của tự mình cũng không phải có không phải không.**

Nghĩa là tâm không phải là thứ đem tướng mà mò kiếm được, vì thế nên biết được bao la với tâm ta không phải là hai, không có trong ngoài. Đây là nghĩa trong kinh Kim Cang nói : Nếu mắc kẹt vào trong sắc mà tìm sự thật, mắc kẹt vào âm thanh mà tìm sự thật, thì người đó đã lầm rồi, sẽ không bao giờ thấy được sự thật (nhược dĩ sắc kiếm ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhơn hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai).

Nói rộng hơn, các nhà khoa học ngày nay, nhìn cái lớn họ không dám nhìn đến mất cái tướng, mà nhìn cái nhỏ cũng không dám nhìn đến mất cái hình. Vì thế khoa học nhìn cái lớn, bắt quạ chỉ tới các tướng tinh cầu trong vũ trụ này ; nhìn cái nhỏ cũng chỉ tới siêu nguyên tử mà thôi. Đến chỗ máy móc không thể nhìn được nữa, rồi hoảng sợ quay trở lại. Bởi lẽ khoa học chỉ toàn áp dụng ngôn ngữ văn tự, lý trí tính toán, máy móc dụng cụ, nên kết quả không đi đến đâu. Lý trí cũng như đèn Pin, hễ pin nhiều thì cầm rọi được thật xa, nhưng chỉ sáng suốt được một hướng thôi, dời sang hướng khác thì hướng kia sẽ tối. – Nên lý trí khó bắt được sự thật là vậy.

Còn tôi nói đây, không phải là cách xài như thế ! Thí dụ tôi bố trí bóng đèn điện khắp chung quanh chùa này, công tắc để trong phòng, tôi tắt đèn đi ngủ - Đến khuya có người hay ăn trộm đang rình ở ngoài. Bây giờ tôi bật công tắc, đèn sáng khắp nơi, thì tên trộm đó chạy đâu cho thoát ! Mỗi con người chúng ta vì cái thấy bị kẹt ở trong con mắt, cái nghe bị kẹt trong lỗ tai, cái ngửi bị kẹt ở mũi, cái nếm kẹt ở miệng, cái trí kẹt ở đầu ... từng khối đều riêng nên cái biết không được suốt khắp. Sự thật không phải vậy – Khi mũi hít vô thì trọn hết mặt da thở ra, miệng thở ra thì trọn hết da mặt hít vô. – Mỗi một tế bào trong thân chúng ta là một con người, đều có đủ cơ cấu thấy nghe hay biết. Nên phải lià cái TÔI thì cái thấy mới trọn vẹn được. Chỗ đó khoa học ngày nay chưa biết chỗ đó cũng là chỗ đáng thích thú nhất !

Phương chi, bao la vốn không có vách ngăn. Nếu có vách ngăn hẳn thì làm sao chế được vô tuyến truyền hình ! Nhưng chúng ta chế được vô tuyến truyền hình mà vẫn bị ngu là tại sao ? – Là tại mình để sự việc ở ngoài mà nhìn, nên bỏ quên mình ở ngoài. Cũng như chúng ta học y khoa, mổ bệnh nhơn ra ai cũng thấy thân này chỉ là từng phần tổ hợp chớ không có gì hết. Nhưng tốt nghiệp ra trường, đụng vấn đề sắc thì cũng vẫn bị kẹt như thường, cả vấn đề tình tài cũng không qua khỏi được. Còn mấy ông thầy tu khám phá chính mình trước, nên rồi nhìn ở đâu cũng thấy suốt. Nên biết việc gỡ cặp kính đen để xuống là việc làm khôn ngoan nhất. Hiển nhiên vậy !

*** Vì sao thế ? – Vì phạm phu một niệm sanh tâm gọi là có, tiểu thừa một niệm diệt tâm gọi là không. Còn Bồ Tát và Phật chưa từng sanh tâm cũng chưa từng diệt tâm, cho nên gọi không phải có không phải không. Chỗ này cũng gọi là Trung đạo.**

Nghĩa là một đàng ránh phủ nhận cái « có », còn một đàng mắc kẹt trong cái « có ». Sự thật, nếu đừng mắc kẹt thì tâm cũng giống như cái gương, nên còn gọi là gương lòng. Cái gì đi qua thì có bóng dọi, bóng này qua tiếp đến bóng khác, chớ không chứa giữ lại. Trái lại, khi mê thì tâm giống như phim hình ; hễ bấm thì nó chụp, bấm nữa thì cứ chụp chồng lên tiếp. Đó không phải là nghĩa Trung đạo.

Đến đây còn một khoảng thời gian, tôi xin nói qua về chuyện Tây Du. Trong đó có chép chuyện Thầy Trò Tam Tạng đi đến Tiểu-Lôi-Âm, bị con yêu phá rối không qua được. Con yêu đó là đồng tử của ngài Di Lặc, nhân lúc ông ngủ quên nó lén cắp cái chặp chỏa và cái ruột ngựa (còn gọi là đai hậu thiên), đem 2 món bửu bối đó xuống làm yêu quái thâu cả thầy trò Tam Tạng nhốt vào. Quan hệ đáng nói là cái đai hậu thiên ; đó chỉ là một cái túi bằng vải màu vàng, không có gì ở trong cả nhưng nó thâu hết thầy trò Tam Tạng và tất cả những người đến tiếp viện cho Thầy trò Tam Tạng như Tứ vị công-tào, Ngũ phương Yết đế đều bị kẹt hết. Chỉ có Ngô Không nhờ cái trí nên nhảy khỏi, nhưng vẫn phải tránh mệt lắm vì hễ nhảy lên là bị thâu ! Hồi nhỏ đọc chuyện Tây Du, đến đây tôi không hiểu nói gì cả. Đến khi tôi đi tu trên núi, một hôm ăn sáng xong rồi đi đón

cây cát cốc, bỗng tôi sực nhớ : Sao lại gọi đó là đái hậu thiên ! Mới nhớ ra hai chữ « hậu thiên » theo tinh thần Á Đông là ám chỉ bộ tiêu hóa, hai đầu trên dưới đều trống. Chính cái túi trống hai đầu đó là nền tảng cho cuộc sống mà cũng là nguồn cội của vấn đề kinh tế chiến tranh. – Do đó hễ còn kẹt vào vấn đề ăn uống kinh tế thì bị đái hậu thiên tóm thâu hết. Ông Di-Lặc là người đi vào nẻo của thức thứ 6, lý trí, còn cái xác bỏ lại là thằng đồng tử và cái đái hậu thiên. Trong kinh Pháp Hoa nói tiền thân của Di Lặc là « Cầu Danh Bồ Tát », tu hành mà làm biếng tụng niệm, ưa dựa theo quyền thế mấy ông nhà giàu, nên kẹt lâu giải thoát. Tôi sực nghĩ ra thằng đồng tử đó không ai đâu lạ là trận giặc hiện giờ. Đó là trận giặc lấy kinh tế làm nền tảng để thắt chặt cái ăn, nắm then máy cái ăn mà khơi chiến tranh. Nên bây giờ hầu hết các cửa chùa, nhà thờ, nhà thánh ... đều bị lung lay về vấn đề kinh tế. Ai cũng sợ đói, cũng đua nhau vấn đề là mình phải. Do đó tất cả các cửa tôn giáo đều khuyến khích làm phước ; chớ nếu không đưa vấn đề phước ra, e rằng không hấp dẫn được Phật tử, thì vấn đề ăn của mình sẽ cũng bị ảnh hưởng chẳng ?! Thế là tất cả đều chạy đua theo việc làm phước. Hiện nay thế giới đang lâm vào tình trạng : phe bên kia Cộng Sản cũng lấy kinh tế làm bàn đạp tính gom thế lực về mình ; phe tư bản cũng lấy kinh tế làm bàn đạp để thao túng vấn đề ăn uống, gom thế lực về mình. – Tôi bỗng thấy hết mọi chuyện - Bỗng tôi hoảng hốt, nghĩ rằng bộ Tây Du đã xưa lắm rồi, thế mà người ta biết đến tình cảnh bây giờ như vậy, quả thật không phải là chuyện chơi !

Chúng ta hãy để ý bao nhiêu vấn đề tranh nhau để phá hoại nền tảng tất cả các dân tộc nhược tiểu, phá hoại đến tận cùng tinh thần dân tộc cũng đều lấy vấn đề kinh tế làm nền tảng. – Cũng từ chỗ đó, tôi làm cho ông thiệt nghèo, để ông không có chỗ theo ai mà phải theo tôi. Hay tôi giúp cho ông thật dư dả để ông bại hoại và sẽ theo phe tôi. – Cũng như tôi nuôi con bò, bắt kéo xe làm việc vất vả mà không cho ăn thì con bò oán tôi. Còn tôi nuôi con heo cho ăn đầy đủ, o bé tắm rửa kỹ lưỡng, thì con heo thấy khoái ý ; nhưng không dè tôi làm vậy để một lát tôi bán được nhiều tiền ! Hai thế đó cũng là một, thế thôi ! Chúng ta hãy để ý thêm một chuyện này cũng rất quan hệ : Tôi vẫn còn nhớ rõ khi tôi còn nhỏ, hãng thuốc Melia mới lập, đem thuốc cho đồng bào hút thử. Nhiều người không biết hút, nhưng nghĩ người ta cho không mà không lấy là dại ; nên lấy đốt ngậm thử. Ít ngày quen lền, muốn hút phải mua. Thế là hãng thuốc bán được mỗi. Một lúc thấy bán không chạy, hãng bèn chế ra ống điếu đem cho để ghim thuốc vào hút cho oai. Được ống điếu cho không nữa, nên ai cũng thích ghim vào hút. Đến chừng đó, mình nhìn người không có kẹp điếu thuốc, vất ống điếu ; thấy như người đó không phải là người ta vậy ! Đến một lúc thấy đình đốn nữa, hãng làm mỗi gói thuốc đều có chụp hình một cô đầm lửa thể đủ kiểu. – Lâu ngày người ta nếu không ghiền thuốc thì cũng ghiền cái hình đó !

Người xưa nói : « Đói cơm khát nước tìm hèm. No cơm ấm áo lại đòi nợ kia ». Nên biết thiệt sướng và thiệt khổ tai hại y nhau, không có nghĩa lý gì hết. - Nếu không biết như vậy thì chết với cả hai thứ đó – Cũng như người Mỹ sang đây viện trợ

cho chúng ta, bày ra phân hóa học để bón cây cho tốt. Bình thường đất đai xứ mình làm không cần bỏ phân mà vẫn tốt, nay bón thêm phân vào vì tham huê lợi được gấp bội, nhưng chỉ được 2,3 năm đầu, về sau hễ không có phân thì đất chai cứng, cây cỏ héo xèo hết. Nên trái cây trồng ở đất bón phân cũng ăn không tốt như trái cây tự nhiên. Cũng như cơ thể của chúng ta vốn là một kho tàng chế hóa các thức ăn uống đưa vào, bây giờ không có bệnh, mà cứ cho thuốc bổ thêm vào. Lâu ngày, cơ thể mất khả năng chế hóa mà sanh ra lười biếng . Đó là cách viện trợ kiểu Mỹ, là một cách phá hoại vậy. Cũng như con nhà giàu phân đông được tiếp dưỡng đầy đủ đều không ra gì hết. Do chỗ đó, chỉ có quay trở vào trong mình thì mới tránh được gọng kềm kinh tế chánh trị nó xiết chặt. Nên tất cả chúng ta, nếu cuộc sống không còn bị vấn đề kinh tế thao túng thì mới được bình an yên ổn.

Hỏi : Thưa, Thầy nghĩ sao về vấn đề châm cứu hiện nay ? Người Mỹ đang xôn xao về vấn đề Trung Cộng đã áp dụng châm cứu vào khoa giải phẫu, ghép da, nhổ răng ... không đau đớn mà người vẫn khoẻ như thường.

Đáp : Thưa, cái đó không có chi lạ hết. Chúng ta bây giờ tinh thần đã bị phá sản rồi, nên dễ bị người ta ý hà lắm ; cho đến người Mỹ cũng bị Trung Cộng ý hà, nên đổ sang Trung Cộng tìm học. - Thật ra chuyện châm cứu ngày nay không còn mang sắc thái trung thực của nghĩa châm cứu nữa, mà đã đi vào trong tả đạo bàng môn. Nên chỉ cần về phương diện kỹ thuật, điều kiện vật chất, và dựa hẳn vào kinh nghiệm sống của người trước để lại mà thôi ; bỏ hẳn chiều hướng trọn vẹn của nền tảng thâm sâu. Cũng vì thế mà họ không thể giải nghĩa về lý do kết quả. Như vậy là chỉ thấy chớ không phải hiểu. Nếu chúng ta tuân tự đi sâu vào trong NỘI KINH, quyết định khám phá trọn vẹn con người thì sẽ thấy rõ chuyện đó không có chi lạ. Nếu chúng ta chạy đua theo hướng đi ra mãi rồi sẽ thấy đó mà sợ, sợ rồi sẽ săn đuổi theo ; thành ra chúng ta đều trở ra ngọn hết. Do vậy tôi bằng lòng hạ thấp xuống đến tận cùng tới gốc, rồi mới đi lên nhánh nhóc ; thì mới có được căn bản vững chắc. Nên biết bây giờ người ta đang nôn nao, mà tôi vẫn thản nhiên bình tĩnh làm việc ... Do vậy cũng có những người đến đây, phần nhiều nhìn bề ngoài nghĩ rằng tôi không có đi Nhật, đi Tàu hay Pháp Mỹ ... là một sự thiếu sót cho việc tu học ... theo tôi, chân lý không ai có thể đầu cơ được, và vốn cũng không phải của riêng ai. Điểm này mong quý vị thận trọng nghiệm xét.

---o0o---

TUẦN THỨ TƯ

18 – 6 – 1972 (8 – 5 N. Tý)

Hôm nay trước khi vào học tiếp, tôi xin đưa ra một nhận xét mong quý vị lưu tâm:

Trong một số người đến cùng nhau học Đạo ở đây, chỉ có bao nhiêu đây mà tôi thấy có đến mấy người cận thị; như thế tính ra số người ấy trên đất nước Việt Nam và trên thế giới thì sẽ ra sao ?! Một vấn đề như thế mà người ta vẫn coi thường! Tôi thấy rất đáng thương tâm. Đó là điểm thứ nhất. Điểm thứ hai là: Chiều hôm qua cửa chùa bị xét. Thực ra chuyện đó không có đáng chi, nhưng cũng có thể gây ra thành tai hại khủng khiếp. Vì nếu tôi như người ta, không phải thiệt tu - gặp những kiểu đó, thì nếu tôi không theo phe này cũng sẽ theo phe kia để chống lại cho vừa ý mình. Chỉ bao nhiêu đó thôi, mà nếu mình không biết được mình thì sẽ gây tùm lum ra, để rồi cuộc càng không biết được mình cũng không thể biết được người. Nên ở đây hẳn tôi có nói là nói thẳng thắn không khi nào tránh né, miễn tôi xét thấy việc tôi làm không sai và không có gì trái với Đạo. Chỉ một cái nhìn đó cũng đủ cho chúng ta thấy cái tình thế nhân loại đang xuống dốc một cách ghê gớm. Nên nếu chúng ta nhẹ dạ kiểu đó thì ai điều khiển mình cái gì cũng được. Do đó Thiên học có danh từ “Như cầu trục khối” (Cầu là chó, trục là đuôi theo). Nghĩa Thiên học muốn nói rằng: Khi không biết gì hết về mình thì ngoại cảnh thúc đẩy mình sẽ bị chạy theo, cũng như chó bị đuôi theo cục đất ném vậy. Đó là hai điểm chúng ta cần lưu tâm. Giờ đây chúng ta học tiếp phần “Luận Ngộ Tánh”.

Thế mới biết: chấp tâm học pháp thì cả tâm lẫn pháp đều mê. Đừng chấp tâm mà học pháp thì cả tâm và pháp đều ngộ.

Nghĩa là dù chấp tâm cũng là một thứ chấp. [Chấp là gì?](#) – Là một chữ để chỉ cho sự đóng cứng một chỗ. Bởi vì vũ trụ này rất sống, không có lúc nào chết tê một chỗ ; nên nếu mình đóng cứng lại thì đó là chấp.

Phàm mê nghĩa là mê ở trong ngộ, ngộ là ngộ ở trong mê..

Nghĩa là chính mình đây là một hiện tượng từ trong tự tánh xuất hiện. Mỗi người đều vốn có tánh Phật. Nhưng vì mê nên gọi là mê ở trong ngộ. Nhưng cũng y như trên thân chúng sanh này, bây giờ biết được thân này chỉ là hiện tượng mà không kẹt ở trong tướng, nên gọi là ngộ ở trong mê. Giản dị như vậy. Ý nói bàn tay vẫn y nguyên là vậy, mà trở bên này sắp, trở bên kia ngửa; chứ không phải là cái nào khác.

Con người chánh kiến biết được tâm vốn rỗng không liền siêu mê ngộ.

Làm sao biết được như thế ? - Mỗi chúng ta cứ để tâm thanh tịnh đừng nghĩ phải quấy, thiện ác chi hết; rồi soi trở lại tâm mình thấy nó đặc hay lỏng, lớn hay nhỏ, trong hay ngoài ... tự nhiên sẽ nhận ra được chứ không có chi khó khăn hết. Khi

biết được tâm vốn rỗng không, nghĩa là biết tất cả tướng đều là hiện tượng – lòng sẽ không còn kẹt vào cái chấp đóng cứng nữa, thì tất nhiên là siêu mê ngộ.

Siêu mê ngộ là sao ? – Nghĩa là ở trong tướng mà không mắc kẹt với tướng, ở trong không mà không mắc kẹt với không. Đừng hiểu chữ siêu là nghĩa không ở trong mà nhảy vọt ra tới ngoài; bỏ xác thân này để nhảy đi tìm cảnh nào khác. – Siêu nghĩa là vẫn ở trong mà thông suốt ra tới ngoài. Ngoài với trong vốn không có, chỉ có đồng nhất; chớ không phải là bỏ ở trong mà chạy ra ngoài, hay bỏ ở ngoài mà chạy vào trong.

Như thế mới gọi là thấy biết đúng. Sắc chẳng tự sắc, do tâm nên có sắc.

Có bao giờ cây quạt tự nó ngồi dậy xung tào đây là quạt! Tại có người ta nên mới có tên quạt và vật gọi là quạt. Nhưng có người khác cũng chưa đáng quan hệ, phải có mình mới có vấn đề. Bởi vì khi chưa có mình, chuyện ở ngoài này có hay không không thành vấn đề. Chỉ khi có mình rồi mới có vấn đề.

Nên biết trung tâm vấn đề là mình.

Tâm chẳng tự tâm, do sắc nên có tâm.

Sự thật, nói tâm nói sắc là tại có thân này. Vì chấp thân nên mới có sắc và mới sanh tâm. Nên biết cái chấp là nguồn cội.

Thế mới biết tâm và sắc, cả hai cùng nương nhau sanh diệt.

Hễ có chấp thân thì có chấp tâm. Kinh Hoa Nghiêm có nói: mỗi người có hai thiên nhơn đi theo ở hai bên vai, một người tên là đồng danh, một người tên là đồng sanh; hễ mình làm điều chi họ cũng biên vào sổ. – Cũng như nói đến Phật, thì mỗi vị có hai vị Bồ Tát theo hầu. – Hay các cụ già ở thôn quê cũng thường nói: “Tụi bây làm gì thì làm, coi chừng có 2 bên vai vác làm chứng à!”. – Là vì hễ có chấp thân này thì có phải có quấy, và có ôm đờm chấp chứa. Nên hễ có một chút xiu là có đủ thứ hết.

Có là có ở trong không. Không là không ở trong có. Thế gọi là thấy đúng.

Nghĩa là không một cái “có” nào không là tổ hợp. Không có tổ hợp nào lại không ở trong tổ hợp, dù nhỏ đến thế nào cũng vậy.- Thế mới biết: cái “có” theo kiểu mình đặt, chẳng qua cũng là một thứ “không”. Và cái “không” theo kiểu mình đặt chẳng qua cũng là một thứ “có”. Do đó là có ở trong không, không là không ở trong có. Thế gọi là thấy đúng.

Và chẳng, nếu thật thấy là không chỗ chẳng thấy, cũng không chỗ thấy.

Nếu thật thấy thì không có thấy từng lỏm, từng cục riêng; nghĩa là thấy khắp. Tôi thấy rằng tôi với ông không có dính dấp gì nên tôi ích kỷ thẳng tay, tôi nghĩ bài trừ được ông càng tốt. Nhưng sự thật, nếu tôi tiêu diệt hết tất cả những gì không phải tôi thì tôi cũng phải tiêu diệt luôn.

Tuy thấy khắp mùi hương, nhưng chưa từng có thấy. Vì sao thế ? – Vì không chỗ thấy, vì thấy được cái không thấy, vì thấy không phải thấy.

Nghĩa là con mắt của người thông đạt không có thấy một vật nào riêng tư, cũng không một vật nào đặc kẹo như bánh đúc như cái thấy của con mắt thường tình. Bởi vì bao la vốn đồng nhất, tương quan, biến hóa, lưu thông và cũng bất khả phân, bất khả hợp.

Cái mà phàm phu gọi là thấy ấy đều là vọng tưởng cả.

Nói như vậy không phải là Phật phủ nhận cái thấy của chúng ta; nhưng vì cái thấy của chúng ta bị thông qua con mắt và màn lưới của cái tâm mê. Thí dụ một sắc đẹp từ khi mới tượng trong thai đến khi già xuống lỗ đều thay đổi một cách biện chúng. Nhưng chúng ta lại chận đứng một khúc mình vừa mắt nhất; đề rồi nào luyến tiếc, nào kỷ niệm ... xót thương chông chất ... Thế là chúng ta không thấy gì hết, hay là chỉ thấy bằng vọng tưởng. Nên mới có câu:

“Đêm nay là cuối mùa Đông

Giấy hoen, mũ cũ, mắt dựng lệ thừa

Làn trang kỷ niệm về xưa

Sầu theo dòng chữ như mưa ào rào..”

Như vậy là mang cái cũ đã qua rồi đeo lên cổ, lấy cái nặng đó mà cảm thấy sướng. Thật ra quả địa cầu này vẫn sống như chúng ta sống. Nếu chúng ta thử bước tránh ra ngoài vòng bao la, lớn bằng cái lớn của hư không, rồi quay nhìn lại quả địa cầu này suốt từ khi nó mới tượng cho đến khi lâm chung. Nếu chúng ta quay phim, chiếu lên màn bạc thật nhanh, chúng ta sẽ thấy rõ quả địa cầu này thật đang sống. Nó cũng thử phình ra thóp vào như bao nhiêu cuộc sống khác. – Nhưng thường thì chúng ta chặn một khúc vừa ý để ôm lại, còn khúc nào ghét thì chặn để xô nó ra. Nên ôm đồm chấp chứa riết rồi nặng quá đi không nổi, bịnh đó là tại chúng ta không có thấy suốt. Do đó kinh Lăng Nghiêm nói : “Tại vì mình muốn thấy quá nên không thấy được”. Lão Tử cũng nói :”bởi vì mình thấy nhiều quá nên mắt hóa ra đui” là nghĩa như thế.

Nếu vắng lặng không chỗ thấy mới gọi là thấy thật.

Đó là nghĩa thấy không có manh mún. Tôi thấy trong tôi có tất cả mọi người, trong tất cả mọi người có tôi. Do đó tôi mới ngồi đây để nói chuyện này với quý vị. Chớ nếu tôi thấy mỗi người đều riêng tư thì tôi sẽ lo ích kỷ phạm tội, sống đời cho yên ổn phần tôi.

Tâm và cảnh đối nhau, cái thấy trong đó phát sanh

Nghĩa là tánh biết của mình đụng với cái tướng, phát ra cái trí, rồi nó đặt tên, phân chia .. gọi là thấy.

Nếu trong chẳng khởi tâm thì ngoài chẳng sanh cảnh, cảnh và tâm đều vắng lặng, như thế mới gọi là thấy thật.

Nếu tôi thấy được tất cả mỗi cảnh vật đều y như nó hiện đang có, đừng chồng thêm một ý nghĩ thì không có cảnh vật nào nao núng tôi được. Nhưng ý nghĩ nó tới lẹ lắm – Tôi đi ngang cây cầu khi, nếu ở dưới rạch có nước thì tôi mạnh dạn đi qua, còn nếu không có nước là tôi không dám đi. Thế là hỏi tôi đi hay không dám đi đều đã có tính toán rồi, mà không cần thời gian suy nghĩ. Hễ thấy có nước đi qua dễ, là hỏi đó ở trong tôi đã tính nếu rút trên mặt nước thì tôi cũng biết lội nên không lo. Còn không có nước mà không dám đi là tôi cũng đã tính rồi, rui rớt xuống dưới bùn quá sâu thì nguy lắm, nên sợ mà không dám đi. - Nếu có chuyện gì tới, chúng ta đừng có một chút tính toán gì ở trong lòng thì cảnh sẽ không điều động chúng ta được. Nhưng tai hại nhất là lòng chúng ta luôn luôn bàn cãi, tính toán đủ các thứ ở trong. Thế nên chúng ta đừng nghĩ rằng; sao cái tâm tôi nó yên quá, mà tôi vẫn khổ như thường! – Đó là chúng ta tưởng tượng vậy thôi, chớ không bao giờ có chuyện tâm yên mà vẫn khổ vì trong tâm chúng ta nó đá banh mà mình cũng không hay. – nên trong chuyện thầy trò Tam Tạng cãi nhau về vấn đề Tâm Kinh, cuối cùng Tôn Ngộ Không nói :”nghĩa là cứ việc làm thính, làm thính tới trong ruột, đi hoài chừng nào tới

thì thôi!”. Sự thật là hầu hết chúng ta không làm thính được như vậy, hễ chuyện đặng tới là liền nhảy nhồm ra, nên sự thấy biết dễ dàng bị nhầm lẫn. – Đó là chỗ chúng ta rất nên lưu tâm.

Chẳng thấy tất cả pháp mới gọi là được Đạo. Chẳng biết tất cả pháp mới gọi là tỏ pháp.

Nói đến đây tôi nhớ có người hỏi Ngũ Tổ :”Tại sao trong chùa có hơn ngàn người, đủ thứ bậc ... đều học Đạo đã lâu, tại sao Tổ không truyền y bát cho các người đó, lại truyền cho một người mới vào chùa chưa biết đọc, cũng chưa tụng một bài kinh nào, chưa thọ một giới nào? – Ngũ Tổ trả lời :”Tại vì Huệ Năng không biết pháp Phật nên được truyền y bát”. Câu nói thật chẳng khác nào đóng đinh vào lỗ tai chúng ta vậy! Sự thật, đó là ý Tổ muốn nói Huệ Năng từ hồi nào đến giờ chưa có kiến thức nên nghe chuyện này liền được thấm trọn vào lòng; còn các người vì chông chất kiến thức nhiều quá nên cái nghe chỉ là sơn phết ngoài da chớ không ăn sâu vào trong lòng. Tôi ý thức điều đó một cách thâm sâu vô cùng. Từ thời Ngũ Tổ đến bây giờ đã qua bao nhiêu lâu, Tổ đã nói lên câu đó mà đến bây giờ chúng ta cũng chưa thức tỉnh!

Kiến thức tôi nói đây, dù cho kiến thức của Phật giáo cũng là kiến thức mà thôi. Chúng ta hãy nhìn trọn tất cả đại học Phật Giáo Việt Nam cũng như Nhật Bản, kể cả đại học Nalanda - đều vẫn làm theo kiểu chẳng những giữ nguyên cái mê mà còn nuôi lớn thêm cho thành những con vẹt nhà Phật, chớ không phải để giúp thêm cho con người có đủ khả năng tu chúng? Do đó chúng ta thấy nêu lên câu nói nghe như rất đúng :”Tu mà không học là tu mù, học mà không tu là đái đặng sách”. Nhưng rốt cuộc là câu nói nêu lên để chơi, mà làm vẫn y như cũ! - Chỗ đó Ngũ Tổ có nói rõ lắm : dù cho các ông có giàu kiến thức Phật-giáo đến đâu, cũng chỉ là một thứ chướng Đạo (gọi là sở tri kiến, có khi Phật dùng chữ sở tri ngu). Bởi bị biết nhiều quá hóa ra ngu, vì cái biết đã cản lấp trí huệ. – Thí dụ tôi đi đến một nơi mà người ta đồn rằng có ma nhiều lắm. Nghe nói vậy tôi không biết làm sao, liền bắm ngón tay, vừa đọc thần chú vừa đi tới. Như thế tôi nói rằng tôi không sợ ma là đâu phải! Đó là tôi đã dựa hẳn vào cây cột thần chú và bắm ngón tay mà không sợ vậy thôi! Nên phân đong chúng ta đều tìm cách đào tẩu, tìm học để chun vào chớ không cần tìm sự thật; cho đến tình trạng hiện nay mà vẫn còn mua hàm núp nổi để núp chớ không phải là thiệt muốn giáp mặt sự thật để biết; và điều đáng tội nghiệp nhất là kiến thức Phật giáo cũng đã bị rơi vào trong đó. Do đó tôi thấy câu nói của Ngũ Tổ là một lời than đối với tình trạng đang xuống dốc khủng khiếp của chúng ta ngày nay vậy.

Hỏi: Thưa, nếu tai hại đến như thế tại sao Phật lập pháp để lại làm chi?

Đáp: Điều đó không có chi lạ. Dù cho tôi có tài ba gì, cho đến tất cả chư Phật cũng thế, đều phải mượn phương tiện để nói cho chúng ta nghe. Do đó ở trong cái đồng nhất mà lòng còn vướng 2 tướng, thì dù nói có hay đến đâu cũng là ma nói. Nên

kinh Kim Cang có nói :”Không có Phật, cũng không có pháp để nói nữa”. Nghĩa là sợ mình rơi vào trong cái nghe, để rồi sẽ thấy có ông Phật ở trên thiết cao, còn mình ở dưới lỗ nẻ; là hai người cách biệt. Chớ không thấy được bản lai không có chia chẻ, không có 2 tướng. Nên kinh Hoa-Nghiêm có câu: *“Vọng niệm thiên lưu nãi hữu khứ lai chi tướng, Chơn tâm tuyệt đãi bản vô kim cổ chi thù”*. Nghĩa là vọng niệm trôi lăn nên có tướng đi tướng đến. Sự thật bản tánh vốn không có hai nên không có xưa và nay.

Và cũng vì như thế, một lần ông Tu Bồ Đề tụng kinh Kim Cang xong, chư thiên ứng thanh lên nói :”Tu Bồ Đề tụng Kim Cang hay quá !” – Tu Bồ Đề đáp :”Tôi có nói gì đâu ?” Thiên thần liền ứng :” Ông không có nói gì hết, thì tôi cũng không có nghe gì hết”. – Nghĩa là người huyền nói người huyền nghe, phải hiểu như thế mới đúng lý. Phải đặt một nền móng bản lai vốn không hai tướng để nghe pháp thì pháp mới chơn. Nên từ mấy năm nay, tôi luôn luôn đề cao với tất cả chư quý vị thiện hữu đến đây nghe - về vấn đề phải nhận cho ra nguồn tâm linh ngay ở nơi lòng mình trước, rồi nghe cái gì cũng trúng, nhìn ở đâu cũng trúng. Do đó tôi nói khi đang mang kính đen mà muốn nhìn màu sắc đích thật của sự vật, thì công việc ưu tiên của tôi là phải gỡ cặp kính đen để xuống chớ đừng đi tìm cách nào khác. Hễ gỡ kính đen để xuống rồi thì tôi nhìn ở đâu cũng thấy được mặt thật. Do chỗ đó, tôi thường khuyên mỗi người nên phải để nằm lòng câu nói của ngài Huệ-Năng khi Huệ-Minh đến hỏi pháp :“ Nếu ông muốn nghe pháp, hãy nên dứt hết các duyên, đừng móng sanh một ý nghĩ, giây lát ta sẽ nói cho nghe”. Giây sau Tổ Huệ Năng mới nói: “Vậy trong khi không nghĩ thiện nghĩ ác gì hết, cái gì là tâm tánh của ngài?”.

Đến chỗ đó thì không có người nói và người nghe, mà cũng có người nói cũng có người nghe. Và có thể nói hoài cũng được, mà nín hoài cũng được – Đó là chỗ cốt tủy. Chúng ta làm sao mang ý thức đó đi vào tất cả hành động hằng ngày, thế là Đắc Đạo. Đắc Đạo nghĩa là không có được gì hết; nghĩa là vẫn cuộc sống bình thường này mà vẫn yên ổn, lòng không sạo sục.

*** Vì sao thế? – Vì thấy và chẳng thấy đều là chẳng thấy**

Tôi đã nói qua về 2 cách biết con rùa : một người biết thật rõ ràng hình dáng con rùa, thấy cách sinh hoạt và nếm vị thịt của nó mà không biết tên gọi con vật là gì. Có người đưa con rùa ra hỏi biết con gì không? Người đó đáp không biết! - Một người khác chỉ biết tên con rùa và nghe tả sơ qua về hình dáng của nó. Có người đưa con rùa ra hỏi biết không? Đáp: biết! đó là con rùa! Do đó biết với không biết đều là chưa thiết biết.

Tôi còn nhớ chuyện một nhà vua nọ rất sợ gặp thuyết khách. Một hôm phải tiếp sứ giả là một tay thuyết khách nổi tiếng. Nhà vua ra điều lệ trước : thuyết khách được phép nói tự do, nhưng cấm không cho thí dụ. -Thuyết khách liền vô đề: Có một người không từng biết cái nỏ ra sao, vậy nhà vua sẽ làm cách nào để người đó biết được cái nỏ?

Nhà vua đáp: phải thí dụ như có một cây cung ... Thuyết khách liền nói: Ấy, Bệ-Hạ còn phải thí dụ, tại sao ngài cấm tôi thí dụ ?!

Thế nên nói phải có thí dụ; đó chẳng qua là mượn cái này để nói cái kia, mượn cái kia để nói cái nọ mà thôi. Nếu kẹt trên lời và chữ thì không làm sao thấy được ý chánh. Trang-Tử có nói một câu rất hay :”Nói là mượn lời để diễn tả ý, nghe là nương nơi lời để đạt ý. Được ý phải quên lời. Thế mà đời này có mấy ai được ý quên lời để mình cùng chơi cho đỡ buồn!” – Ý Trang-Tử muốn nói tất cả thế-gian đều kẹt ở trong danh ngôn sắc tướng! Trang-Tử được xếp vào bậc nhất tài-tử cũng từ chuyện đó.

Hiểu cùng chẳng hiểu đều là chẳng hiểu. Cái thấy không phải thấy mới gọi là thật thấy. Cái hiểu không hiểu mới gọi là hiểu rộng lớn.

Nghĩa là thấy, hiểu mà còn mắc kẹt và trong lý-trí từ vùng, thì không phải là thiệt thấy thiệt hiểu.

Vả chẳng, thấy đúng nghĩa là không phải cái thấy có thấy mà là cái thấy trong không thấy. Thật hiểu nghĩa là không phải cái hiểu trong có tướng, mà là cái hiểu trong không có tướng. Phạm hễ có cái bị biết đều gọi là chẳng biết. Không có cái bị biết mới gọi là thật biết. Biết cùng chẳng biết đều không phải biết. Kinh nói chẳng bỏ trí tuệ gọi là ngu si. Nếu tâm là không, hiểu cùng chẳng hiểu đều là thật cả.

Nếu tâm là có, hiểu cùng chẳng hiểu đều là vọng.

Nghĩa là nếu tôi còn thấy tôi có sự nghiệp trí-huệ, sự nghiệp kiến thức dồi dào quá : nếu một việc đã qua tôi vẫn còn ôm đồm, chấp chứa; đó là một thứ ngu si. Nên mới nói :”nếu chẳng bỏ trí huệ gọi là ngu si “, nghĩa là còn có sở đắc là không phải tríhuệ.

Còn nếu tâm không bị chấp sự nghiệp hiểu biết thì làm sao cũng trúng. Nên mới nói :” Nếu tâm là không, hiểu cùng chẳng hiểu đều là thật cả”. Nghĩa là nếu chuyện đã qua rồi, chuyện hiện tại không dừng, chuyện vị lai chưa đến; trong lòng mình cứ rỗng rang, thanh thoi, không ôm đồm chất chứa, không sạo sục đau khổ, thì việc gì đến cũng giải quyết được dứt khoát.

“Nếu tâm là có thì hiểu cùng chẳng hiểu đều là vọng”. Cái tâm đặc kẹt tối đen gọi là vô lý, ngu si. Ôm đồm kiến thức là sự nghiệp của lý trí. Hai cái đó cũng là một thứ bề bên đây và bề bên kia, chấp có và chấp không mà thôi.

Nếu tỏ ngộ thì pháp theo người. Nếu chẳng tỏ ngộ thì người theo pháp.

Nếu đã nhận ra được vấn đề nguồn cội của chính mình, thì mỗi việc niệm Phật tụng kinh ... đều là chuyện mình dùng pháp. Còn nếu chưa có đường hướng rõ rệt để nhận ra con người của mình, thì dù làm theo pháp nào cũng chẳng qua là mê tín, làm giống, làm theo, là chuyện mình bị pháp nó dùng. Dù không làm gì hết cũng là một thứ làm giống làm theo ; dù không tin gì hết cũng là một thứ mê tín mà thôi.

Nếu pháp theo người thì phi pháp trở thành pháp, hết thấy pháp đều chơn. Nếu người theo pháp thì pháp trở thành phi pháp, hết thấy pháp đều trở thành vọng.

Kinh Kim-Cang chư gia có nói :”Người chánh dùng pháp tà thì pháp tà trở nên chánh. Người tà dùng pháp chánh thì pháp chánh trở nên tà”. Điều đó không có chi lạ cả ! Nếu biết, đó là tại phía trong của tôi, chớ không phải tại phía ngoài cảnh. Do đó, khi tôi không thấy được chuyện tụng kinh, niệm Phật, ăn chay, giữ giới ... đều là những phương tiện, những pháp tôi dùng để pháp tập khí, để hộ niệm cho cái tâm tự giác tự ngộ ; và tôi cũng không biết gì hết về chính con người của tôi, thì tôi sẽ cho những phương tiện đó là chân lý. Để rồi ngày nào có tụng kinh, tôi kể như ngày đó tôi đã thực hiện được chân lý. Nếu ngày nào bận việc không tụng được, thì trong bụng bức rức khó chịu. Chính hồi đó là con ma pháp đang điều khiển tôi. Thế là pháp đó biến ra ma rồi ! Nên dù Phật có đến với chúng ta chẳng nữa, điều hệ trọng nhất là ở chúng ta chớ không phải ở Phật. Dù lương y Biển-Thước Hoa-Đà sống dậy đến với người bệnh chẳng nữa, điều hệ trọng ở người bệnh chớ không phải ở Biển-Thước Hoa-Đà ; vì khi người bệnh ngậm miệng không chịu uống thuốc thì dù có lương y cũng không làm gì được. Nên mới nói : hễ người chánh dùng tà pháp, pháp tà hóa ra chánh ; người tà dùng pháp chánh, pháp chánh hóa ra tà.

Nói đến đây tôi xin nhắc lại câu chuyện đối đáp của Lục-Tổ : một người đem câu kinh đến hỏi LụcTổ: - Tánh Phật là thường, có phải thế không? Lục-Tổ nói: Ông nghe lộn rồi đó ! – Tánh chúng sanh là thường, tánh Phật mới vô thường. Người kia bỡ ngỡ hỏi : Sao ngài nói trái với kinh vậy?

Tổ đáp: Tôi truyền tâm ấn Phật, đâu có nói trái với kinh ! - Nếu tánh Phật là thường, vậy chúng sanh nghiệp báo ở đâu ra ?! Nếu tánh chúng sanh là vô thường, thì muôn thuở làm gì có người phát Bồ Đề tâm ?!

Thế là Tổ đã nhìn thấu tới trong trong bụng ông kia đã bị chấp thường chấp đoạn, mà hiểu lầm cái thường và vô thường của Phật nói. Thế mới biết quan hệ là chỉ ở cách dùng. Nên trong võ thuật Thiếu-Lâm, cốt yếu là luyện cho con người trở lại cái dẻo bình thường của gân cốt cả chiều thuận lẫn chiều nghịch, để khi áp dụng, không những không đánh không đỡ, mà chỉ cần tránh kéo là đối phương bị té rơi vào trong cái không ; bấy giờ mới đỡ lên để thuyết pháp. Thiền ở trong võ-thuật Thiếu-Lâm là vậy.

Hỏi: Thưa, người hỏi Lục-Tổ câu đó cũng trúng, tại sao Tổ đáp ngược như thế?

Đáp: Vì ông nói chỉ đứng ở ngoài, thuộc lòng câu kinh mà hỏi chớ không hiểu gì hết. Còn Lục-Tổ đáp vậy là để phá cái mê cho ông đó, chớ không phải nói theo miệng, không phải nghe người ta nói y theo mình liền vội chấp nhận. Cũng như câu chuyện có 2 người đến hỏi Phật:

Người thứ nhất cầm một vật tới hỏi Phật : Cái này “có” phải không? - Phật nói : Phải, có. Lại hỏi : phải cái này có thiệt không? - Phật đáp : phải có thiệt. Tất cả đều thiệt, cho tới hư không cũng thiệt. Nếu hư không có thiệt thì cũng không có tôi với ông.

Người thứ hai cầm một vật khác đem lại hỏi : cái này không có phải không? - Phật đáp : phải! không có.

Lại hỏi : Phải cái này không có thiệt không? - Phật đáp : Phải ! không có thiệt. Tất cả đều không thiệt, cho tới hư không cũng không thiệt. Nếu hư không mà thiệt không thì tôi với ông cũng không có. Nghĩa hiển hiện sự thật trong Thiền học là vậy.

*** Cho nên thánh nhơn chẳng đem tâm mà cầu pháp, cũng chẳng đem pháp mà cầu tâm, cũng chẳng đem tâm mà cầu tâm, đem pháp mà cầu pháp. Cho nên tâm chẳng sanh pháp, pháp chẳng sanh tâm. Tâm pháp đều vắng lặng nên thường ở trong định.**

Nghĩa là hư không đứng yên ; chỉ có mình chạy tới hay thụt lui làm xáo trộn hư không ; làm ngăn cách hư không với mình là hai. Cũng như chúng ta ngồi trên chiếc xe đậu yên thì không thấy gió. Còn nếu mở máy cho xe vọt tới thì đằng trước lướt gió, đằng sau bị bụi cuốn đuổi theo. Như vậy là mình ủi gió để trúng mình, mà gọi là trúng gió. Nên chỉ cần đứng yên lại thì hư không với mình không có cách bức. Do đó, đem tâm mà cầu pháp hay đem pháp cầu tâm ; đem tâm cầu tâm hay đem pháp cầu pháp đều là chuyện làm thêm, chưa hoàn toàn chính xác. – Nên trong Thiên học mới nói : “Bất dụng cầu chơn, duy tu tức vọng “. Nghĩa là đừng dùng cách làm thêm để tìm cái thiệt, chỉ cần ngừng làm thêm cái mê mà thôi. Đó là nghĩa tâm pháp đều vắng thì thường ở trong định.

Hỏi: Thưa, giữa người chất phát và người lão luyện trong cuộc sống đối với việc chứng ngộ có khác nhau ra sao?

Đáp: Đối với ngộ thì người chất phát dễ hơn. Nhưng đối với chứng hoàn toàn thì 2 người đều khó như nhau. Tại sao vậy?- Vì đối với người chất phát, chưa nếm sự đời thì nghe Đạo dễ nhận ra. Tuy đã ngộ thấy nhưng vấn đề chứng vẫn chưa rồi, vì lòng vẫn còn lóng nghe, còn sạo sục đối với chuyện sắp tới. Khác với trường hợp của Lục-Tổ là dòng sinh mệnh đã qua đã nếm cả sự đời, bây giờ Tổ thị hiện nên lòng không còn sạo sục thêm muốn nữa. Nhờ đó khi nhận ra sự thiệt là tức khắc nhảy vô đó liền.

Còn đối với một người đã nếm hết chuyện đời, nghe Đạo tuy khó nhận được liền. Nhưng khi đã tới mức cùng, hễ nhận ra được thì chứng cũng mau – Nên hai trường hợp đó cũng có giống nhau mà cũng có khác.

Đến đây tôi xin nói cùng tất cả quý vị đến nghe đây, tôi bảo đảm rằng sự học hỏi cùng nhau của chúng ta suốt mấy năm nay không khi nào lạc hướng được. Nếu không tin, quý vị cứ về làm thử xem có lạc nỗi không ! Nhưng chuyện thời gian nhanh hay chóng tùy theo người hộ niệm, chớ quyết định không lạc hướng ; đã biết hướng đi rồi, quyết định không phải đi tới khoanh lò xo thứ hai. Trong kinh Phật có nói đến vấn đề A-La-Hán muốn xuống địa phủ phải mượn nghiệp. Đó là ý muốn nói đi theo nẻo A-La-Hán, khi đã đóng cứng rồi, muốn cho lòng trở lại để thành người chứng quả thì khó vô cùng. – Là vì A-La-Hán khi muốn xuống địa phủ ít nhất phải làm một cái gì để mượn nghiệp đi xuống. Nhưng đã mắc kẹt ở trong tốt xấu, có không thì làm sao làm nổi chuyện đó ! Nên A-La-Hán chưa chứng quả được vì chưa lưu thông. Do đó, việc đặt cái nhân sai lầm thật vô cùng nguy hiểm ! Nên trong kinh có nói :” Chẳng thà muôn kiếp không tỏ ngộ chớ không thà một sớm lầm đường”. Nghĩa là hãy thận trọng cái nhân, đừng vội giải quyết, mà trước phải biết cho rõ sự việc, đừng sợ tu lâu không thành Phật. Chỗ quan hệ nhất là đặt cái nhân như thế nào đây !

Nếu đã nhận ra ý của tôi nói, nếu tâm không còn săn đuổi nữa, thì hồi đó chúng ta lọt vào trong định hồi nào không hay. Đó là nghĩa của đại định không hình không tướng, chớ không phải là thứ định có xuất nhập.

Tâm chúng sanh sanh thì pháp Phật diệt. Tâm chúng sanh diệt thì pháp Phật sanh.

Giản dị quá ! Hễ vọng tâm nổi lên thì pháp Phật phải diệt, là vì mình còn có biết gì nữa là phải quấy. Hễ tâm tỏ ngộ nổi lên thì tự nhiên đâu đó phân minh, là pháp Phật sanh. Bởi vậy nên Lục-Tổ mới nói niệm trước mê là Phật làm chúng sanh, niệm sau ngộ là chúng sanh thành Phật.

Nếu đã biết tất-cả pháp đều chẳng có tự tánh riêng, thế gọi là người có Đạo. Biết tâm chẳng thuộc về của riêng của các pháp – Đó là người thường ở Đạo tràng.

Nghĩa là nếu biết được tất-cả pháp đều không có thật, đều không thể chấp kẹt. Đó là người ở Đạo tràng.

Khi mê có tội, ngộ rồi không tội. Vì sao thế ? Vì tánh tội vốn không.

Nghĩa là hễ khi mê thì có mình, người, thân cảnh, có không, phải quấy, được mất, hơn thua, lợi hại, sống chết ... Vì hễ có, thế tất phải có 2 bề. Nên đến khi không có cái “có” nữa, thì tướng còn không có, làm gì có hai bề ! Nên tội cũng từ tâm sanh ; mà hễ tâm giác ngộ thì chuyện đó hết thành vấn đề. Cũng như nếu tôi có cây cột đóng đinh, thì người đi qua có xâu thịt, xâu lạp-xương ... mới máng lên được.

Chớ nếu đừng có cây cột thì không có chỗ máng. Giản dị như vậy.

Kinh nói: các Phật pháp không có tự tánh riêng, thật dụng chớ nghi, nghi liền thành tội.

“Các pháp không có tự tánh riêng” là một cách nói khác cũng như câu nói của Không Tử : “Vạn vật đồng nhất thể”. Nên trong bài công phu chiều ở các chùa gọi là “Mông Sơn thí thực” có câu: “Nhược nhưn dụng liễu tri tam thế Phật. Ứng quán pháp giới tánh, nhưt thiết duy tâm tạo”. Nghĩa là nếu ai muốn rõ Phật mười phương ba đời, hay là tất cả Phật – thì nên quan sát để nhận cho thấy được tánh của bao la, pháp giới, tất-cả đều tại có mình nên mới có chuyện.

Vì sao thế ? – Vì tội do nghi hoặc mà sanh.

Nghi hoặc nghĩa là không có rõ suốt dứt khoát. Nếu rõ suốt dứt khoát thì tội nghiệp đời trước hết thành vấn đề.

Khi mê thì 6 thức 5 ám đều là pháp phiền não sanh tử. Khi ngộ thì 6 thức 5 ám đều là pháp Niết Bàn không sanh tử.

Sự thiệt, con dao thì phải bén, còn mình đem dùng chém lộn, hay gọt khoai gọt bầu ... là chuyện do mình. Cũng như tai, mắt, miệng, mũi, thân, ý là chuyện thân người phải có ; nó vốn không có lỗi, chỉ có mình đem dùng trúng hay trật mà thôi. Nhưng khôn thay ! Vì chúng ta không có quay trở vô, nên việc xài dùng hóa ra đều trật hết. Trang-Tử có kể chuyện ông “Hỗn-Độn”; là người không có mắt tai mũi miệng, thân tròn như trứng vịt; nhưng trí-huệ linh thông sáng suốt. Hai nước láng giềng ở hai bên ông gây chiến, phải mượn đường thông thương ngang qua nước ông. Sau một lúc mệt mỏi vì trận chiến, hai vị Quốc vương ghé nhà ông Hỗn-Độn xin tạm nghỉ. Một hôm thấy ông Hỗn-Độn thiếu mắt tai mũi miệng, vì cảm tình thương ông nên hai vua rước thầy lỗ-bang về khai quang điểm nhãn cho ông có tai mắt mũi miệng ... rồi ông cũng chết luôn !

Nghĩa là khi đã vọt ra là kể như người đó đã chết. Nên chúa Giê-Su là con một của đức Chúa Trời mà bị đóng đinh trên Thập-Tự-Giá, chết chôn xuống 3 ngày sống dậy 40 ngày trở về Trời. Chuyện này cũng bắt đầu từ chỗ đó.

*** Người học Đạo chớ nên tìm Đạo ở ngoài. Vì sao thế ? – Vì biết tâm là Đạo.**

Kinh Pháp-Hoa có nói rằng : tất-cả chư Phật hiện ra trong đời nay đều chỉ vì có một đại sự nhân duyên là khai thị cho chúng sanh tỏ ngộ tâm tánh mà thôi. Ở kinh Pháp-Hoa gọi đó là “Tri-kiến-Phật”. Kinh Lăng-Nghiêm gọi là “Đại-Phật-Đảnh Như-Lai mật nhân”. Kinh Kim Cang gọi là “Vô Thượng Bồ-Đề” hay “Như-Lai” ... ở mỗi nơi đều dùng danh từ khác nhau nhưng ý diễn tả không có khác. Chỉ con gà nhưng người ta khéo nấu sẽ có ra mấy chục món. Hiển nhiên là vậy chớ không có chi lạ cả.

Nếu khi được tâm, không có tâm có thể được. Nếu khi được Đạo, không có Đạo có thể được.

Có người hỏi Lục-Tổ : Ai được cốt tủy của Ngũ-Tổ ? Lục-Tổ đáp : Ai vô tâm thì được, ai có Đạo thì không.

Lại hỏi: Vậy hòa-thượng có được không?

Đáp: Không.

Thế mới biết tâm phải thật thả lỏng mới trả lời nổi câu đó.

Nếu nói đem tâm cầu Đạo mà được, thì gọi là tà kiến.

Bởi vì nếu đem tâm cầu Đạo mà có được, thì tất nhiên ngoài tâm còn có một thứ Đạo nữa. Thế là vẫn còn lung tung trong đối lập.

Khi mê có Phật có pháp. Khi ngộ không Phật không pháp.

Nghĩa là khi mê thấy có chúng sanh, có Phật, có tất-cả; mỗi pháp đều riêng. Khi ngộ, thấy tất-cả đều tuyệt đối bình đẳng, vạn vật đồng nhất thể. Chớ đừng hiểu lầm là khi ngộ rồi chỉ có một mình ta thôi. Cũng như có người đọc Krishnamurti rồi nói :

Khi mình ngộ Đạo rồi, mình chửi người ta cũng được. Học Đạo kiểu đó thì có ngày chúng giết chết !

Vì sao thế ? Vì ngộ tức là Phật, là pháp. Và chằng tu nghĩa là diệt cái thấy có thân riêng thì Đạo thành.

Cũng như hột giống nứt vỏ thì cây nảy mầm.

Nghĩa là phá cái chấp ngã thì Đạo thành. Phải nhắm vào chỗ mê mà phá ; nếu không thì làm tào lao không tới đâu hết.

Cái thân sanh tử nghiệp báo luôn luôn vô thường; là pháp không nhất định, chỉ tùy niệm mà tu, cũng không nên chán sanh tử hay thích sanh tử.

Người nào chán sanh tử hay thích sanh tử cũng đều không phải ; vì đó là làm thêm chớ không có để tự nhiên như cái vốn có vậy.

Chỉ làm sao trong tâm luôn luôn đừng vọng tưởng thì khi sống nhập được hữu dư Niết-Bàn, khi chết vào được vô-sanh pháp nhãn.

Rõ ràng lắm ! Chỉ có làm sao lòng chúng ta đừng có sạo sục. Nhưng khốn đốn cho chúng ta là thằng người là một thứ đứng núi này trông núi nọ, ở đây ngóng chuyện bên kia, ở bên kia ngóng chuyện bên này. Bây giờ ngóng chuyện sắp tới, nhớ chuyện đã qua, mà hiện tại không có sống. Bệnh đó là tại chúng ta không có hiểu biết, do đó mà chúng ta mới học để hiểu biết.

Thưa nói đến đây tôi xin trình bày một câu chuyện ; trong nhà Phật có 2 danh từ thật là mâu thuẫn: Câu thứ nhất trong kinh Lăng Nghiêm : “Bất tùy phân biệt”, nghĩa là đừng đi theo cái phân biệt. Phân biệt là tôi biết cái này là cây quạt, cuốn kinh ... Nhưng nếu không biết phân biệt gì hết thì tôi là người điên.

Đến câu thứ hai lại thấy nói ngược lại : “Nếu ai khéo phân biệt các tướng thì nghĩa cứu cánh không bị lay động”. Đi vào biển kinh nghe hai câu đó chúng ta không khỏi bị mâu thuẫn lung tung trong lòng - Thật ra nỗi sạo sục trong lòng đó là do không thông đạt, do mình không biết được mình. Chính tôi đây, thành thật mà nói tại tôi không biết mà tôi cũng bị một lúc lung tung, hỏi ai cũng không biết, bực bội hết sức ! Sở dĩ có phân biệt là tại tôi thấy có tốt xấu, phải quấy, hơn thua, thiện ác, sống chết có thật tình. Sở dĩ có cái thấy như thế tại tôi mê lầm, không thông đạt. - Nếu thiết tình thông-đạt thì lòng hết sạo sục. Nên khi tôi thấy cứu tạn không có nghĩa sống chết, phải quấy thiết như mình tưởng, thì tự nhiên lòng tôi sẽ yên, thanh thoi không còn sợ chết tham sống nữa. Chuyện thật rõ rệt như vậy, nhưng khi không hiểu thì nó trở nên rắc rối vô cùng. Nên Thiền-học nói : hễ chưa thông đạt, thì dù ông Phật bằng sắt cũng phải tháo mồ hôi ! Điều đó quan hệ lắm.

Nên bí quyết để học Phật, trước nhất là học về con người của mình. Nếu không lấy cây thước kinh Phật để đo trong bụng mình, thì dong ruổi theo sự nghiệp kiến thức của kinh sách, để cuối cùng học thì học Phật mà lại thành ma. Tai hại tại chỗ đó. Do vậy không có một người nào có phước hơn một người rỗng rang rời rảnh, động dụng đừng mê. Không có người nào có phước cho bằng trong cuộc sống đã qua qua rồi, hiện tại không dừng lại, vị lai chưa đến, trong lòng không có chấp chứa.

Khi mắt thấy sắc chẳng nhiễm sắc, tai nghe tiếng chẳng nhiễm tiếng thì đều là giải thoát.

Nói thì dễ nhưng không phải là chuyện chơi ! Nếu người nào nhìn sắc mà ráng đừng nhiễm sắc, nghe tiếng mà ráng đừng nhiễm tiếng, thì người đó tự làm cho cái tâm cũng chết luôn. Bởi vì cái tâm đâu phải khúc gỗ mà muốn nó đừng nhiễm. Chỉ có thật hiểu rõ vấn đề rồi bỗng dung không bị nhiễm nữa. Nhờ tôi đã biết quá rõ nên việc người ta chửi bới hay làm chướng ngại tôi, tôi ít thấy nguy hiểm hơn ở phần trong tôi, ở phần ý nghĩ của tôi. Hối đó tự nhiên tôi không nhìn cũng phải nhìn. Như thế không phải là tôi nhìn cho ông ở ngoài, mà vì tôi sợ đám giặc ở trong lòng tôi nổi dậy làm cho tôi nhìn ngoại cảnh đều sai lầm. Cả Phật Di Lặc có 6 thằng nhỏ bò trên mình mọc mắt, mũi, tai, miệng ... là do ý nghĩa đó.

Mắt chẳng đắm sắc thì mắt là cửa lỗ, tai cũng vậy.

Thật vậy, nếu đã rõ thông được bốn tánh, thì tự nhiên đối với mọi người dù lớn hay nhỏ, xấu hay đẹp, mình đều có thái độ kính trọng như nhau. Do đó mới nói con mắt là cửa lỗ. Ngược lại, nếu mắt đắm sắc thì gặp người tốt mình đi theo, gặp người xấu mình phỉ ra. Cũng như trong các công sở ngày nay, hễ các cô trẻ đẹp vào làm giấy tờ thì được làm nhanh chóng, còn các ông nam hay người xấu vào thì phải chịu chậm trễ, bê tha đủ thứ. Chúng ta phải dám nói sự thật, vì dù có phũ phàng đó cũng

là sự thật. Tôi lúc nhỏ mới biết làm thầy thuốc, trong bụng mình bị chứa ‘cọc’ nhiều quá, nên ‘cọc’ ở ngoài tới mình để ý người đẹp mà săn sóc kỹ hơn. Do đó cũng phải đề phòng mấy ông thầy thuốc như thường !

Nói tóm lại, khi thấy sắc mà thấy được đến tánh của sắc thì không nhiễm, thường giải thoát.

Nói một cách khác là : “Nếu ai khéo phân biệt sắc tướng thì nghĩa cứu cánh không bị lay động”. Nghĩa là nếu tôi thấy được tất cả hiện tượng đều tổ hợp, dù ở trong hạt bụi nhỏ xíu cũng tổ hợp, và tận cùng của tổ hợp là cái “không là gì”. Nếu tôi chứng thực được điều đó ngay ở trong thân tôi, thì tôi không bị mắc kẹt ở sắc nữa, là vì tôi thấy sắc mà thấy được đến tánh của sắc.

Nếu mắc kẹt ở tướng của sắc là thường bị trói buộc. Nếu chẳng bị phiền não trói buộc thì gọi là giải thoát, chớ không có giải thoát nào khác hơn.

Nghĩa giải thoát là trong lòng mình hết sạo sục, hết sợ hãi, không mong cầu, tham đắm, bon chen mà vẫn sống cuộc đời y như mọi người ; chớ không có thứ giải thoát nào khác, mà cũng không có ở một xứ nào khác.

Người khéo quán sắc, sắc chẳng sanh tâm, tâm chẳng sanh sắc, thì sắc và tâm đều thanh tịnh

Nghĩa là người khéo nhìn sắc thì sắc không làm mống tâm, không gây tai hại. Sự thật, sắc đâu có gây tai hại, chỉ có mình mang sắc để tự tại mà thôi. Nên có người hỏi Lục-Tổ : nói như Ngài, khi thông đạt rồi không cần tụng kinh giữ giới nữa phải không ? - Tổ đáp : kinh có cần mở gì ông đâu ! Cần thì tụng, không cần thì thôi.

Khi không vọng tưởng thì một tâm là một cõi Phật. Khi vọng tưởng khởi thì một tâm là một cõi địa ngục.

Mỗi người chúng ta nên lưu ý điểm đó. Hễ khi không có vọng tưởng khởi thì một tâm là một cõi Phật, nghĩa là tất-cả đều là cõi Phật, vì không có khởi lên hai tướng. Còn khi mê, một mống niệm ích kỷ ngu mê nổi lên thì kể là một cõi địa ngục, như thế biết rằng 3 A-tăng-kỳ kiếp có hay không chúng ta tức khắc biết. Nên nếu không có tâm thì không có cảnh ; nếu không có một duyên có gì thì quý vị cũng không có đến đây để chúng ta cùng nhau học hỏi ; nếu tôi là người nuôi vịt tàu thì cũng không hề có chuyện này.

Chúng sanh làm ra vọng tưởng, lấy tâm sanh tâm nên thường ở địa ngục. Bồ-Tát quán sát vọng tưởng chẳng lấy tâm sanh tâm, nên thường ở cõi Phật. Nếu chẳng lấy tâm sanh tâm thì tâm tâm đều nhập vào không, niệm niệm đều qui về tịnh, từ một

cõi Phật đến một cõi Phật. Nếu lấy tâm sanh tâm thì tâm tâm đều chẳng tịnh, niệm niệm đều qui về động, từ một địa ngục qua một địa ngục. Khi một niệm khởi thì liền có 2 nghiệp thiện ác, có thiên đường địa ngục. Nếu một niệm tâm chẳng khởi thì hai nghiệp đều dứt, thiên đường địa ngục cũng không.

Nói tâm khởi thì có thiên đường địa ngục, chúng ta đừng hiểu lầm rằng tu lâu rồi chết tê không nghĩ gì hết. Nghĩa ở đây muốn nói rằng : chúng ta nghĩ gì thì nghĩ, làm gì thì làm, nhưng trong từng giờ từng phút từng giây, hãy nên lưu tâm xem chúng ta có lìa bản tánh hay không. Sự thật, tất-cả đều là hiện tượng huyễn hóa, chính mình cũng là hiện tượng huyễn hóa. Nhưng nếu chúng ta không hiểu như vậy thì dù cho nghe pháp cũng vẫn là bị tạo thiên đường, địa ngục, mắc kẹt vào trong hai tướng. Nên dù nghe hay nói, làm, cũng đều có cách để cuộc sống chúng ta cũng nghe cũng nói cũng làm ... mà không bị vướng vào vòng tục lụy được hay không? đó là điều quan hệ.

Bởi vì hễ khi trong lòng chúng ta bị vướng kẹt vấn đề thời gian không gian, đấm cháp theo tướng mà làm không rõ tất-cả hiện tượng đều là huyễn hóa vô thường ; thì tự nhiên chúng ta bị rơi vào trong hai tướng đối lập, nghĩa là rơi vào cái cặp – Cái cặp là nghĩa thấy có ngày đêm, phải quấy, thiện ác, nóng lạnh, được mất, hơn thua, sống chết ... đều là thật. Nhưng nếu chúng ta không thấy có phải quấy, thiện ác, ngày đêm, sống chết thì chúng ta là người điên. Do đó chúng ta phải ở trong cái ‘thấy’ mà chẳng mắc kẹt trong cái thấy; nghĩa là thấy được tất-cả đều là hiện tượng ; cho đến thời gian không gian chỗ chúng ta ở đây chẳng qua cũng là thời gian không gian của thái-dương-hệ này mà thôi. Biết đâu chúng ta bước qua thái-dương-hệ khác, thì thời gian không gian cũng đổi khác! Ở đây một ngày một đêm 24 giờ, nhưng ở Bắc và Nam cực thì một ngày một đêm là một năm, và đến các tinh cầu khác thì lại khác nữa. Điều đó phải rất nên lưu tâm. Nên học Đạo không có gì khác hơn là trả lại con con người của mình cái vốn có. Thân này vốn biến chuyển theo đà của bao la vũ trụ, càng ngày càng mới, mới từ giờ từ phút từ giây; đã qua mới, hiện tại mới, sắp đến mới ... nên lòng chúng ta cũng phải lỏng y như vậy, thì tự nhiên cuộc sống sẽ yên ổn. Ngược lại chúng ta ôm đồm những cái đã qua đóng cứng lại, mà còn ngóng đến vị lai, để hiện tại không có sống. Đó là nguồn gốc của đau khổ. – Tôi biết nói như thế sẽ có người cho là ích kỷ. Nhưng kỳ thực nếu một người không thấy như thế thì không hề có dám ôm trọn cái khổ thế gian vào lòng để mà giải quyết ; nếu có chẳng nữa rồi cũng không khỏi buổi đầu thì do lòng tốt, đến cuối cùng biến sanh lợi dụng mà không tự hay như các nhà cách mạng đã làm. Không nữa cũng sẽ bị chán nản thôi chuyển cái tâm buổi đầu chớ không hề nguyên vẹn. Đó là chỗ khác của Nhất-thừa và Tiểu-thừa, thế gian và Đạo vậy.

*** Vì “Thê” vốn không phải có, không phải không. Ở phàm là có, ở thánh là không.**

Tôi xin kể câu chuyện đối đáp của một cư-sĩ học Thiền và Thiền-sư :

Cư-sĩ hỏi : Địa ngục có không ?

Đáp : Có.

Hỏi : Thiên đường có không ?

Đáp : Có.

Hỏi câu nào Thiên-sư cũng đáp có. Bực mình, ông cư sĩ hỏi lại : Bạch Hoà-thượng, Hoà-thượng nói vậy mà có bảo đảm trên lời nói không ? Thiên-sư không trả lời câu hỏi mà hỏi lại rằng : hôm nay ông đi gặp ai nói tôi nghe thử. Thấy hỏi trùng chuyện trong bụng, ông đáp : tôi đi có gặp một vị Hoà-thượng.

Thiên-sư hỏi : vậy Hoà-thượng đó có vợ không ? Đáp : Không.

Hỏi : có con không ? – Đáp : không Hỏi : Có sự nghiệp không ? – Đáp : không.

Hỏi điều chi cũng đáp không. Thiên-sư lại hỏi tiếp :

Còn ông có vợ không ? – Đáp : có

Có con không ? – Có

Có sự nghiệp không ? – Có

« À ! Vậy thì Hoà-Thượng đó nói phải rồi ; còn ông đâu được quyền nói không ! ».

Cho nên : « Có thì có tự may may. Không thì cả thế gian này cũng không. Thử xem bóng nguyệt dòng sông, Ai hay không có có không là gì ! ». là vậy.

Bây giờ quý vị có điều chi thắc mắc xin cứ hỏi.

Có người hỏi : Xin thầy nói tiếp cho nghe. Đáp : Tôi muốn có ai có ngựa chõ nào thì mới gãi, chỉ sợ gãi không trúng chỗ sẽ trầy da !. Hỏi : Thưa, « Nhứt thiết duy tâm tạo » nghĩa thế nào xin cho nghe rõ.

Đáp : Muốn hiểu nghĩa câu nói đó, chúng ta cần phân biệt kỹ nghĩa duy vật và duy tâm của Âu Tây. Nghĩa duy tâm theo Âu Tây hiểu rằng một con người có một linh hồn, khi thân này chết đi thì nó chuyển sang thân khác y nguyên vậy – Còn theo duy vật lại hiểu rằng chết rồi là hết chuyện. Nhưng buồn cười là tuy nói vậy nhưng họ vẫn còn nhớ, còn vui khổ, còn mang theo ... Bây giờ nói đến vấn đề duy tâm của nhà Phật, chúng ta nên thận trọng để hiểu chữ « Tâm » trước khi nói thêm chữ « duy ». Chắc quý vị vẫn còn nhớ câu chuyện Na-Tiên Tỳ kheo và vua Lan-Đà mà tôi đã thuật trong những tuần trước ; cũng như bây giờ tôi hỏi : cây quạt này có phải tâm không ? – Không. - Ông đây có phải là tâm của tôi không ? - Không Tất-cả, chúng ta đều không thể nói cái nào là tâm của tôi được.

- Tất cả đều không phải tâm ; vậy cái gì là tâm ? Đó là chỗ mỗi người phải tự nhận thẳng lấy thì hiểu được câu : « Nhứt-thiết duy tâm tạo » của Phật nói. Hỏi : làm cách nào mới gọi là « Hành thâm Bát Nhã Ba-la-mật-đa » ?

Đáp : không có cách nào làm đúng nghĩa « Hành thâm Bát-Nhã Ba-La-Mật » bằng cách trở vô khám phá chính con người của mình trước. Bây giờ chúng ta thử nghĩ xem thân này có tốt đẹp y nguyên như vậy hoài không ? hay là sáng, trưa, chiều nó đều thay đổi khác, kiếp này khác, kiếp sau khác. Cho đến tâm của chúng ta cũng vậy, lúc nhỏ với già ngược nhau. Nên có nhiều người thuở nhỏ ăn chơi phóng túng sanh con ra cũng một dòng máu nên lớn lên ăn chơi cũng phóng túng. Đến khi ấy mình đã già mới hiểu chuyện ăn chơi phóng túng thất bại, nên trở lại đường tu hành. Còn đứa con đang lúc lớn, ham ăn chơi phóng túng, chúng ta không có cách gì cản ngăn, bèn đánh đập mà than : con mình sao bất hiếu.

Thử hỏi cái đó của ai mà có ra ? – Đó là cái mâu thuẫn trong lòng mình từ trước, bây giờ mới hiện ra đó !

Nếu nhỏ với già ngược nhau, thì tự nhiên kiếp này với kiếp trước, với kiếp qua nữa ... cũng khác, và kiếp tới cũng khác. Nếu 10 năm trước với 10 năm sau có khác thì 1 năm trước với 1 năm sau cũng có khác. Nếu năm trước với năm sau ngược nhau thì đầu năm với cuối năm cũng ngược nhau và trong một ngày sớm chiều cũng có mâu thuẫn. Mà sớm chiều có mâu thuẫn thì chớp con mắt cũng có mâu thuẫn. Thế thì mình là một cái xe chở đầy nhóc một khối mâu thuẫn xỏ sâu chày khía lớn cỡn. Đó gọi là đau khổ. Có suy đến tận cùng rồi chúng ta mới thấy thân tâm này là một khối tổ hợp do nhiều thành phần cực nhỏ. Ở trong cái cực nhỏ cũng do nhiều thành phần cực mún mún ... đến cái không biết nói gì nữa, rồi đến cái « không là gì ». Thưa tôi xin chịu tất cả trách nhiệm với quý vị rằng : chỉ cần thấy thật rõ tới chỗ đó, khỏi cần làm thêm gì nữa hết. Đó gọi là « Hành thâm Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa ». Tôi cũng chỉ nói đến đó thôi ; vì dù tôi có nói thêm cũng chẳng qua là việc làm thêm ít cọng ngò trên đĩa cá chung, không có gì khác cả.

Quan hệ chỉ ở chỗ đó.

Hỏi : Thưa, người duy vật nói đúng trên khác quan để nhận xét sự việc. Vậy khác quan đó có đúng không ?

Đáp : Hễ nói chủ quan với khách quan khác nhau đều là lầm cả. Chủ quan và khách quan đều là chủ quan. Mà nếu thiệt là khách quan thì tức không có khách quan. Bởi vì bản lai vốn không có trong với ngoài, chủ với khách. Nếu kẹt vào chủ và khách là kẹt vào lý trí mà tính. Chủ là một thứ « Mình » mang nhãn hiệu « chủ ». Khách là một thứ « Tôi » mang nhãn hiệu « khách ». Nhưng sự thật cả hai đều là chủ quan cả.

Hỏi : Thưa, chúng ta đều phải nhờ phương tiện tu hành mới có được Phật tánh. Nay thầy nói bản tánh Như-Lai sẵn có, vốn vô thi vô chung. Vậy sự thật là sao xin cho nghe rõ.

Đáp : Hay lắm ! Đây, xin ông hãy nghe kỹ : Nếu bản tánh là thứ làm ra, thì bản tánh của tôi, bản tánh của ông và của mọi người đều khác. Cũng như đức Chúa Trời và Phật của mỗi người đều khác, nên 2 Chúa đụng nhau là có đánh, hay Phật của Ấn Quang và của Việt Nam Quốc Tự đụng nhau cũng đánh ! Do đó, nếu chân lý, bản tánh là thứ làm ra, thì đó chưa phải là chân lý bản-tánh.

Thế nên tôi dẹp vấn đề bản-tánh, chỉ nói cần phải khám phá chính con người của mình trước, thì tự nhiên bản-tánh hiển hiện, chớ không thể đi tìm bản-tánh được. Không ai có thể đi tìm một người mà mình chưa từng biết mặt biết tên bao giờ ! Chỉ có nghe tên người ta đặt mà cùng nhau tranh cãi Trời lớn hay Phật lớn. Thật vô lý ! Tốt hơn là cứ trở lại con người của mình, thấy rõ đích thực tận cội nguồn thì mọi việc vỡ toang.

Hôm trước tôi đọc thấy phù hiệu của Thông-ThiênHọc có hàng chữ : « Không có tôn-giáo nào qua chân-lý » - tôi nhận thấy người viết câu đó cũng đã cố gắng lắm, nhưng vẫn còn ở trong cái Tôi mà viết. Theo tôi, nếu thử sửa câu đó lại như thế này thì quý vị sẽ nghĩ sao ? « Không có một tôn giáo một chân lý nào qua việc cần phải khám phá chính con người của mình trước » - Tự nhiên chúng ta thấy rõ ràng minh bạch hơn.

Do đó, việc học Đạo cần phá hơn cần lập. Nếu cái sân của tôi thiệt là xi măng, thì cái gì có thể quét được đều là rác rến. Bao giờ không còn gì quét được nữa, thì đó mới là sân xi măng của tôi. – Chúa hay Phật .. đều là danh ngôn của chúng ta đặt ra. Bao giờ phủ nhận hết tất-cả, đến tận từng đáy mà không còn phủ nhận được nữa, thì muốn gọi bằng gì cũng được. Nên một

người chưa dám phủ nhận tất-cả thì người đó cũng không dám chấp nhận tất-cả. Và cũng do đó mà thế giới này vẫn còn từ cục riêng tư, đánh nhau mãi không thôi. Điều này chúng ta phải rất lưu tâm.

---o0o---

TUẦN THỨ NĂM

25 – 6 – 1972 (15 – 5 N. Tý)

Trước khi tiếp tục 3 thiên luận của Tổ Đạt ma, cũng như thường lệ tôi có vài nhận định : Khi này đi vòng quanh chùa tôi thấy được một chuyện : Chùa này có nuôi 3 con vật : con kết, con qui, và con vịt. Con kết không biết từ đâu, bị đói đến đây tìm ăn rồi ở luôn. Nhưng khôn đốn là khi nó đã quen với mình như thế rồi, đến khi thả ra ngoài nó sẽ tưởng ai cũng như ở chùa thì nguy cho nó lắm ! còn thả ở trong chùa thì nó phá trái cây chịu không nổi. Do đó phải nhốt nó vào lồng. – Còn con qui người ta đem cúng ; nếu thả ra nó không biết gì hết sẽ bị người ta bắt, buộc lòng mình cũng phải nuôi nó ở trong một cái hồ.

Sự thật, nuôi như vậy cũng là một thứ qui định một thứ đóng chuồng nó lại. Nhưng khôn đốn là thả nó ra, nó không biết gì hết thì cuộc sống không thể nào yên lành được. Mà đóng chuồng lại thì cuộc sống nó cũng chỉ vất vưởng mà thôi. Chỉ có bao giờ biết khôn, thì tự nhiên cuộc sống nó có tự do. Dù mình không thả ra, nó cũng có cách tự do ; mà thả ra nó cũng vẫn sống được yên lành.

Còn con vịt, có lẽ lạc bầy không biết từ đâu đến trú mưa ở sau hàng cây tràm. Mình ôm dài ; lúa thừa ít sơi lông. Thấy thế chúng tôi lấy thức ăn cho nó ăn, ăn xong nó ở luôn sau hè chùa. Cứ thế, cho ăn xong nó chỉ đi tới đi lui ở via hè, không cần nhốt, đến nay nó trở nên mập mạp, trông điệu bộ nó hài lòng thảnh thơi lắm.

Rồi mình thấy trong 3 con, mà 2 con bị nhốt, còn một con được thả tự do. – Cho nên biết rằng chúng sanh ở cõi đời này, nếu không bị kẻ khác qui-định thì cũng tự mình qui-định, không bị kẻ khác đóng khuôn đóng chuồng thì cũng bị tự mình đóng khuôn đóng chuồng mình. Bao giờ tự biết lấy mình rồi thì mình mới có một cuộc sống khám-phá. Chuyện người quả thật là một trường bi đát ! Vì thế Lão Tử mới nói : « Trời đất bất nhân, coi vạn-vật như con chó nộm bằng rơm vậy ». - Thế nên chỉ có một điều duy nhất là phải tìm trở về với con người của mình thì mới trả lại được tự do cho chính mình. Và đến khi đó mới thấy mình với bao-la vốn đồng nhất. Tôi nói đây, tôi xin chịu trách nhiệm trên ngôn ngữ. Tôi nói cho đến vấn đề lục thông

của nhà Phật : thiên nhân, thiên nhĩ, tha tâm, thần túc, túc mạng thông, lậu tận thông, cũng không có gì lạ hết ! Tất cả đều có một nguyên lý sẵn, giản dị. Mỗi người là một ông Phật, nhưng vì không biết dùng ông Phật nơi mình nên mình làm chúng sanh. Thêm một điều nữa tôi xin nhắc nhở quý vị lưu tâm. Phần nhiều cuộc sống chúng ta đều thích đi tìm một nguồn tin tưởng. Nên khi nguồn tin tưởng đó không còn tin tưởng được nữa thì mình bị lạc loài, bơ vơ. Đã qua, tôi cũng từng là nhận nhân của một nguồn tin tưởng ; tôi đứng khơi một mình không dựa vào đâu tôi lại thấy vững hơn ! Nên bao giờ tôi thấy tất-cả đều không vững, không còn chỗ nương tựa nữa, và chính tôi cũng không thể nương tựa được ; hồi đó tôi buông lòng để cho nó tự yên lầy. Do chỗ đó, hình như nếu chưa đến được chỗ không vững tốt cùng đó, con người ta chưa thể yên được. Đây là một chuyện có thật xảy ra ở chiến trường, và cũng có thể xảy ra ở nhiều nơi khác : Hai phe đánh nhau kéo dài suốt mấy tháng, cuối cùng mỗi bên còn lại một số lực lượng nhỏ đều bị vây không thể tiếp tế được. Máy bay quốc gia đến tiếp tế liền bị súng phòng không bên kia bắn, phải nhào đại bỏ lương thực xuống. Rủi không trúng cứ đích, rơi vào ranh giới giữa 2 bên. Bao gạo mang dấu hiệu 2 bàn tay bẻ đổ tung ra. Cả 2 phe đều bị đói đã 5 ngày, nhìn nhau mà nhiều nước miếng. Cảm tử xông ra mang gạo liền bị phe địch bắn chết. Cứ thế, chưa bên nào no bụng được mà chết mất mấy mạng người. Hai phe vẫn chờ rình nhau, may 3 hôm trời không mưa. Cuối cùng, không chịu nổi với cơn đói - mỗi phe cử một người, buông súng, tay không bước ra, chia đều từng chiếc nón sắt mang gạo về. Cứ chia như thế mỗi bữa ăn. Thế rồi huê cả 2 bên. Có lẽ bài học của nhân loại đều phải học bằng kiểu ấy, đều phải mua mắc với giá đó ! Câu chuyện chỉ nhắc đến đây, cho chúng ta thấy Đạo nằm tại chỗ bao gạo đó. Việc đời quả thật mênh mông không đâu kể cho hết ! Bây giờ chúng ta đi tới.

Thánh nhơn nhờ tâm ‘không’ nên trong lòng rộng rang, cùng trời đất đồng lượng.

Thật ra những ai có theo dõi từ trước, thì đối với câu này không có gì khó hiểu hết. Hễ quay trở về với lòng mình ngay từ khi chưa mống niệm khởi thiện khởi ác, thì tức khắc hồi ấy sẽ thấy được tâm lượng của mình bao lớn. Nếu có làm việc, suy tư trầm ngâm trong lòng thì tức khắc thấy. Chỗ đó không thể nói gì khác hơn.

Đây đều là chúng trong đại đạo, không phải cảnh giới của tiêu thừa và phàm phu. Khi tâm được Niết-Bàn cũng không thấy có Niết-Bàn có thể được. Vì sao thế ? – Vì tâm là Niết-Bàn. Nếu ngoài tâm còn thấy có Niết-Bàn, thế gọi là đã nhiễm tà kiến.

Ai học Phật mà còn nói rằng tôi được tới chỗ nào ... kể như người đó chưa có được. Vì lẽ còn có người được và có pháp để được.

Phải biết tất-cả phiền não đều là hột giống tâm của Như-Lai ; vì nhờ có phiền não mà được trí huệ.

Thưa, chuyện này nghe thì dễ dàng vậy, nhưng phải nghiệm kỹ vào trong mới thấy. Tất-cả những người biết làm ăn đều là những người đã từng có thiếu thốn. Tất-cả những người có được trí-huệ đều là những người có bị phiền não. Vì không có phiền não đau khổ, không thể có dễ dàng nên người. Nên những người được có cha mẹ giàu từ khi mới sanh ra, thì luôn luôn những người đó chưa biết xài tiền, và chưa biết giá trị đồng tiền là gì. Vì thế tôi rất ngạc nhiên là những người đi tìm học về ‘Đạo’, ai ai cũng cứ tìm về cảnh thuận, mong rằng : nếu gặp cảnh thuận thì tu mới mau. Đó là một điều hết sức sai lầm ở trên tư tưởng. – Nhưng tôi nói vậy không phải là luôn luôn tôi xúi chui vào trong đám giặc mà tu. Nghĩa tôi muốn nói là người nào hiểu rằng phải có cảnh thuận tu mới được, thì chưa hiểu giá trị của tu ra sao. Và người nào thấy cảnh thuận mà thích thì gặp cảnh nghịch không thể nào chịu nổi, còn người nào biết dùng cảnh nghịch thì khi gặp cảnh thuận càng hay. Nên Thiền học có nói : ‘Cảnh nghịch như cây thương đâm trước mặt, dù có to lớn ghê gớm đến đâu cũng dễ đỡ gạt. Cảnh thuận chẳng khác nào mũi tên bắn sau lưng, không những không thấy mà còn khó đề phòng’. – Do đó Thiện-tri-thức cũng có 2 hạng : hạng thấu rõ tâm tánh rồi khai ngộ giúp mình ; tôi thường nói là Đê-Bà-Đạt-Đa. Vì chưa bao giờ có ông Phật nào không từ trong chúng sanh mà đến. Nên biết hễ không có phiền não đau khổ thì không có sự kích thích để phát sanh trí huệ. Do đó ông giao thiệp với tôi, ông đều với tôi một, nghĩa là ông dạy tôi phải đều trở lại với ông gấp hai. Và tôi đều với ông gấp 2 để rồi tôi ném nhân quả sâu đậm hơn. Để rồi cuối cùng cả tôi lẫn ông đều nhận ra là tất-cả những sự đều giả không xài được gì cả, nên cùng nhau buông hết để trở về với trí huệ. Thế nên cả người tốt lẫn người xấu, cả cảnh nghịch lẫn cảnh thuận đều có công trình giúp chúng ta trở nên người cả ; và không có ai là kẻ thù hết.

Do đó Thiền học có nói : ‘ Mới tu thì thấy người ta quấy mình phải ; tu lâu lâu một chút thì thấy người ta có quấy có phải, mình cũng có quấy có phải ; tu lâu hơn nữa thì thấy thiên hạ không ai quấy hết, mình có quấy không quấy thì thôi.

Chỉ có thể nói phiền não sanh Như-Lai, nhưng không thể nói phiền não là Như-Lai. Nên tự tâm là ruộng nương, phiền não là hạt giống, trí tuệ là nảy mầm ; còn Như-Lai để dụ như kết quả lúa thóc.

Cho nên trong kinh Hoa-Nghiêm có nói : chúng sanh là gốc rễ, người tu là cây cội, Bồ-Tát là hoa lá, Phật là quả – Đó là một cái nhìn suốt khắp không có dư thiếu.

Phật ở trong tâm như hương trong cây, giác mục hết rồi thì lõi hương tự hiện ; phiền não hết rồi thì Phật tâm tự hiện cũng như vậy.

Thật ra, cây đàn vẫn là cây đàn, tự vốn có những âm thanh kỳ diệu, nếu được thông qua bàn tay sử dụng của những bậc tài tử - Bỏ tánh con người cũng vốn linh động như vậy. Nếu biết dùng thì sẽ ra cái hay cái diệu, không biết dùng thì sẽ ra cái dở cái xấu. Nên Phật với chúng sanh chẳng qua chỉ có cái biết dùng hay không biết dùng mà thôi.

Cho nên biết ngoài cây không hương, ngoài tâm không Phật. Nếu ngoài cây có hương tức là hương chỗ khác, ngoài tâm có Phật tức là Phật từ ngoài ; là không phải Phật.

Do đó tôi thường hay nói : Nếu không thấy ông Phật ở ngay trong tâm mình, thì dù ông Phật ở ngoài có đến chằng nữa cũng vẫn là chuyện ông Phật với mình còn riêng biệt, vẫn còn là 2 pháp đối đãi, chưa phải là một lẽ đồng nhất. Do đó, nếu soi trở lại vào trong con người mình mà thấy được chính ông Phật, chính tâm tánh ở nơi mình thì ông Phật ở ngoài với ông Phật ở trong mình mới đồng nhất. Quý vị tụng kinh Pháp-Hoa, nhớ đến phẩm BảoTháp có nói : Phật đang giảng hội Pháp-Hoa, bỗng một cái tháp từ đâu dưới đất trời vọt lên hư không. Phật Thích Ca mới cắt nghĩa rằng Đa-Bảo Như-Lai tịch đã lâu đời, vì bổn nguyện nên chỗ nào có giảng kinh Pháp-Hoa thì hiện đến nghe. - Rồi Phật Thích Ca đi lên hư không, lấy ngón tay mở cửa tháp. Phật Đa-Bảo ở trong vẫn còn nguyên, liền mời Phật

Thích Ca vào ngồi chung một tòa. Còn các đệ tử Phật lên không được, phải chờ Phật giúp cho phương tiện thần lực mới lên được. Nói như vậy có nghĩa là gì? – Là nghĩa ông Phật ở ngoài chỉ là phương tiện, còn trong chính thân mỗi con người đều có một ông Phật. Và ông Phật ở ngoài chẳng qua là cái bóng của ông Phật ở trong, nhưng vì chúng sanh mê làm lâu đời quá nên ví cũng như ông Phật đó đã tịch rồi mà còn để trong tháp vậy. Bây giờ nhờ ông Phật ở ngoài khai ngộ, mở được cửa tháp, nên Phật ở trong tháp và Phật ở ngoài mới ngồi chung một tòa – nghĩa là tuy không phải là một nhưng cũng không phải khác. Tại sao tháp Đa-Bảo vọt lên hư không? – Là vì cái thân ngũ uẩn của chúng sanh này là thứ tội bực vô lý, tự nhiên mà đặt ra cái tội không có thiệt. Tại sao các đệ tử của Phật lên không được ? – Là tại không có thâm nhập vào trong ngũ uẩn được, nghĩa là chưa có hành thâm Bát Nhã Ba-La-Mật-Đa nên lên không được. Nghĩa của chuyện này là vậy. Do đó không thể lặn lội đi tìm ông Phật ở ngoài được ; và như thế nghĩa là sao? Thế là kinh Pháp-Hoa muốn nói : hầu hết người xuất gia theo Phật chỉ biết y lại ông Phật bên ngoài, mà bỏ quên hẳn tâm tánh mình đi nên không thể đến được. Cái đó có kẻ gọi là Phật; người gọi Chúa, người gọi Thượng Đế ... đủ thứ ; Bây giờ chúng ta đừng vội gọi bằng gì mà cũng đừng tìm nữa. Cứ hãy trở lại để khám phá cho thấy được rõ chính con người của mình trước, thì tức khắc cái gọi là chân lý, là Phật, là Đạo v.v... đến ngay với mình không phải mời rước chi hết, vì không ai có thể đi tìm gặp một người chưa từng biết tên biết mặt bao giờ. Nên nếu

săn đuổi đi tìm, may gặp được mà vội mừng, thì coi chừng gặp phải thứ gì rồi mình kêu đại là vậy vị tất là đúng thứ mình kiếm. Do đó vấn đề lặn lội đi tìm Phật, tìm Trời, tìm Chúa ... thật mâu thuẫn vô cùng.

Hãy thử nghĩ một việc làm rất đáng buồn cười của loài người chúng ta là : trước khi muốn đi xe đạp, ai cũng phải thử các bộ phận chính xác đàng hoàng, rồi mới nhảy lên đi. Đối với xe đạp còn thế, đàng này chúng ta dùng cái máy 'Mình' lại không cần đến điều chỉnh chi trước ! Chỉ có phải biết điều chỉnh máy 'Mình' mà thôi, tuyệt đối không thể khác hơn được; lúc này lại càng không thể khác hơn được! Nên nếu nói chân lý là tuyệt đối, chúng ta cũng phải đề phòng hai chữ tuyệt đối ấy, vì tuyệt đối của tôi khác với tuyệt đối của đạo hữu ; mỗi người đều có một thứ tuyệt đối, một chân lý riêng thì nguy mất! Chỉ có một cách là làm sao tháo cho banh guồng máy MÌNH ra. Nhận được mình rồi, thì tức khắc ngoài mình là cái gì sẽ thấy ngay. – Cũng như chúng ta mang kính màu, thì không thể nào nhìn màu sắc thật của sự vật được. Chỉ có một cách là mình gỡ kính màu để xuống thì nhìn đến đâu sẽ rõ mặt thật của sự vật đến đấy. – Cũng tương tự như vậy, khi con mắt có mây thì nhìn thấy một ngọn đèn hóa ra hai, nên chỉ còn có cách lột mây ở mắt là hơn cả.

Nhưng cái tâm của chúng ta khôn đốn lắm ! Tôi nhắc lại điều này : là bộ óc điện tử không diệu bằng tâm chúng ta đâu ! Như câu chuyện qua cầu khi tôi đã nói, là nó đã tính trước rồi. Và tất-cả các cuộc tiếp xúc của chúng ta đều có tính trước hết cả. Nên chúng ta đem nải chuối hay thẻ hương vào chùa cúng, xem như thành kính lắm, nhưng phải đề phòng phía sau đó còn có cái gì nữa. Luôn luôn là vậy ! Có nhiều người đem vô một chút xíu cúng chùa mà vái lung tung bao nhiêu chuyện. Cái đó tôi gọi là mục đích hậu trường. – Xưa kia tôi cũng bị người ta chửi nhiều lắm vì lẽ đó. Hai vợ chồng người bạn tôi, vì lẽ cơm không lành canh không ngọt, bà muốn đem ông gởi vô chùa để tránh việc đi chơi ở ngoài, lo việc tu hành cho khoẻ cái thân. Nhưng đến khi gần tôi lâu, tôi thúc đẩy ông đi lần vào chỗ say mê, thì bà lại chửi tôi thậm tệ ! Như vậy là khi đem quả chuối hương đèn vào quy y là muốn mượn ông Phật giữ dùm ông chồng. Mục đích hậu trường tính ghê gớm lắm ! Nên mỗi người đừng sợ ai hơn sợ mình, đừng thấy thắng ai khó hơn thắng mình. Nhắc qua thì thấy đời này khó nhất, đáng sợ nhất là mình. Nhắc qua thì thấy hình như mình chớ không kham, nhưng sự thật là vậy.

*** Trong lòng chứa 3 độc là cõi uế, trong lòng không 3 độc là cõi tịnh. Kinh nói : nếu cõi nước đơ bản ác độc đầy đầy mà muốn chư Phật xuất hiện thì không thể có bao giờ ; mà đơ bản ác độc là tham sân si mê muội đó.**

Nói cách khác hơn, trong lòng không còn ôm đòm chất chứa, ngoài không có vướng bận, tự nhiên là khoẻ. Nên kinh thánh Thiên-Chúa có nói: Phải dọn mình cho trong sạch để đón rước Chúa. Nghĩa là nếu chính mình trong sạch, thì Phật hay Chúa không cần mời cũng tức khắc hiện trong lòng mình. Và trong Tin-Lành-giáo cũng có 2 bức hình, do một người đã trải qua

nhiều kinh nghiệm rồi mới làm được : một bức hình vẽ người có gương mặt sáng sủa, hào quang chiếu sáng, có tim trắng; chung quanh là quỷ sứ, rắn, rùa, công, heo, gà, vịt ... các thú đều tuôn chạy ra hết. Một bức khác vẽ người có gương mặt tiều tụy, không có hào quang, có tim đen, trong tim có quỷ sứ bắt ghế ngồi, ở ngoài có quỷ lâu la bắt rắn, rùa, công, heo, gà, vịt ... thả vô. Rắn nghĩa là không thành thật; rùa là chậm lụt ; công là khoe khoang ; dê là tánh nam nữ - Hễ trái tim đen thì mấy thứ đó nhào vô. Nên cõi nước đó không đâu lạ hơn là chính thân mình.

Hôm nay có đủ nhân duyên tôi nói câu này chúng ta nên lưu tâm : trọn hết 3 tạng kinh điển nhà Phật, Phật nói chẳng qua là để mở tâm chúng sanh ra bằng pháp giới bao la vậy. rồi cũng thu bao la vào thân chúng ta mà có ra 3 tạng kinh điển. - Thế nên cõi Phật không đâu khác hơn là thân tâm mình.

Thân tâm mê, dơ bản, đó là cõi chúng sanh.

Chư Phật Thế-Tôn chính là cái tâm giác ngộ. Nếu giác ngộ thì tất-cả nói năng đều là pháp Phật. Nếu không nói mà nói thì suốt ngày nói đều là Đạo.

Nếu tôi không đạt, nhận ra được nguồn cội tâm linh của tôi, thì vấn đề nói với không nói như nhau. – Và nếu quý vị đến đây nghe nhận được ý tôi nói, thì tự nhiên người nghe không có chấp trên lời, người nói cũng không có chấp trên pháp. Người nghe cùng người nói cũng không có cách bức, không phải là một mà cũng không phải là khác. Thế thì dù có nói nhiều đến đâu cũng giống như không nói. Nên ngài Tu-Bồ-Đề tụng kinh Kim-Cang, chư Thiên lóng nghe rải hoa khen : ‘ Tu-Bồ-Đề tụng kinh hay quá!’ - Tu-Bồ-Đề đáp : tôi có nói gì đâu ! Chư Thiên lại nói : ông không có nói gì, thì chúng tôi cũng không nghe gì.

Nếu chấp nói năng thì dầu suốt ngày nín thính cũng là phi Đạo.

Nhiều người nghĩ rằng mình tịnh khẩu 10 hay 20 năm rồi sẽ thành Phật. Sự thật, vấn đề tịnh khẩu còn dễ, mà tịnh tâm mới khó. – Mỗi người cứ ngồi lóng nghe kỹ sẽ thấy dù mình nín thính không nói gì, mà ở trong nó cũng nói hoài như có 2 – 3 người vậy. Nên trong chuyện Tây-Du-Ký, Tôn-Ngộ-Không nói : “Cứ việc nín thính tận trong bụng, đi hoài chừng nào tới thôi “. - Nếu người nào nói là nói, nín là nín cho mình bạch, người đó khá lắm rồi.

Cho nên Như-Lai nói mà không trái với nín, nín chẳng trái với nói ; nói nín không lia. Nếu ngộ được nghĩa nói và nín đây là vào được chánh định. Nếu nói đúng lúc, nói cũng là giải thoát. Nếu chẳng phải lúc đầu nín cũng là trói buộc. Cho nên nói

cũng là tướng, nói cũng là giải thoát. Nếu chấp tướng dầu nín cũng là trói buộc. - Và chẳng bỗng tánh vốn giải thoát vẫn tự không thể đến trói buộc được. Pháp không cao thấp, nếu thấy có cao thấp là không phải pháp rồi.

Trong kinh Kim-Cang có câu : ‘Thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ, thị danh A-Nậu-Đa-La Tam Miệu-Tam-Bồ-Đề’.

– Nghĩa là tất-cả pháp vốn bình đẳng, vốn không có cao thấp, chỗ đó gọi là Vôthượng Bồ-Đề. Hay nói cách khác, nếu chứng thực ở ngay nơi lòng mình hồi chưa khởi thiện khởi ác là vạn pháp đều đồng một thể tánh. Đó gọi là Vôthượng Bồ-Đề.

Phi pháp là đồ, pháp là người. Người nương đồ để qua sông thì phi pháp tức là pháp. – Nói theo thể tục thì có nam nữ sang hèn, theo Đạo thì không có nam nữ sang hèn. Cho nên Thiên nữ ngộ Đạo chẳng đổi thân nữ, nữ Xa-Nặc thức tỉnh chẳng đổi danh xưng.

Phi pháp là trái với pháp. Ở đây nói phi pháp là đồ, pháp là người. Người nương đồ để qua sông, thì phi pháp tức là pháp. Nói một cách khác phiền não tức là đồ. Con người nương nơi phiền não để sanh trí huệ.

Thưa, tôi đã từng nói bao nhiêu lần, chuyện tôi nói đây không dính dấp gì đến vấn đề học nhiều hay ít, có địa vị hay không, lớn tuổi hay nhỏ, nam hay nữ, sang hay hèn ... hễ nhận ra được là nhận ra ngay. Nghĩa Đạo là vậy. Cái gì còn kẹt trong cái cặp là không phải Đạo. Thí dụ sáng đối với tối, phải đối với quấy, Phật đối với chúng sanh, Cực-Lạc đối với Ta-Bà ... cái gì còn nằm trong cái cặp thì chưa phải là Đạo. Nên hễ vướng trong cặp là vướng trong tướng, là còn đối đãi.

Nói Thiên-nữ ngộ Đạo chẳng đổi thân nữ là do trong kinh Duy-Ma có chuyện : Phật phái các vị đệ tử Phật đến thăm bệnh Đại-Sĩ Bô-Tát tại gia là DuyMa-Cật. Cuộc đàm đạo đến hồi hào hứng. Thiên nữ liền hiện ra tham dự. Ngài Xá-Lợi-Phất thấy Thiềnnữ đàm đạo như nước chảy bèn hỏi : Sao Thiên-Nữ không chuyển thân nữ đi ? Cuộc đối đáp kéo dài, cuối cùng Thiên-nữ dùng thần lực biến Xá-Lợi-Phất thành Thiên-nữ, rồi biến Thiên-nữ thành Xá-Lợi Phất. – Thiên-nữ bèn hỏi : Sao ngài không chuyển thân nữ đi ? Xá-Lợi-Phất đáp : ‘Bây giờ cũng không biết chuyển làm sao nữa !’ – Thiên-nữ bèn nói : ‘ Bỏ lai không có nam nữ. Hễ kẹt trong nam hay nữ mới có nói chuyển’. Nói xong Thiên-nữ trả thần lực lại bình thường cho Xá-Lợi-Phất. Còn nói Xa-Nặc thức tỉnh chẳng đổi danh xưng là cũng một ý như trên. Xa-Nặc là tên người giữ ngựa cho Phật khi còn là Thái-Tử. Danh xưng chỉ là một thứ tên đặt. Nghĩa là cùng một con người mà khi mê thì đau khổ thức tỉnh rồi thì giải thoát, thông đạt, yên vui mà vẫn giữ y thân xác, tên tuổi này.

Như thế không phải sang hèn nam nữ đều từ một tướng đó sao ? ! Thiên-nữ suốt 12 năm tìm tướng nữ cứu cánh không thể được, thì biết suốt 12 năm tìm tướng nam cũng không thể được.

Trong kinh Duy-Ma phàm Thiên-nữ nói chuyện với Xá-Lợi-Phất, Thiên-nữ nói :”Tôi ở trong nhà này 12 năm rồi mà tìm không ra tướng nữ”. Trong câu nói đó đã hàm ý rằng : Vậy 12 năm rồi tìm ra tướng nam sao ? ! ... 12 năm rồi là đã qua khỏi 6 căn 6 trần. Có nam có nữ là kẹt trong vấn đề giác quan. Chớ nếu thoát khỏi tầm tay của 6 căn 6 trần thì còn đâu là tướng nam tướng nữ !

Cái nghĩa 12 năm là 6 căn 6 trần đó. Lìa tâm không Phật, lìa Phật không tâm. Cũng như lìa nước không giá, lìa giá không nước.

Ở nơi biển lạnh, nước đọng lại thành nước đá. Hễ bỏ nước đá thì không có nước, bỏ nước thì không có nước đá. Nên biết nước và nước đá vốn không phải một mà cũng không phải khác.

Phàm nói lìa tâm không phải là nói chạy trốn cái tâm. Chỉ nói đừng chấp ở phần tướng của tâm mà thôi. Kinh nói : Chẳng thấy tướng gọi là thấy Phật, tức là lìa tướng tâm đó. Nói lìa Phật không tâm nghĩa là nói Phật từ tâm hiện, tâm có thể sanh Phật. Phật tuy từ tâm sanh, nhưng tâm chưa từng sanh ra Phật. Cũng như cá sanh ra từ nước chớ không phải nước để ra cá. Muốn xem cá, chưa thấy cá đã thấy nước. Muốn quán Phật, chưa thấy Phật đã thấy tâm. Thế mới biết khi thấy cá là quên nước, khi thấy Phật là quên tâm. Nếu chẳng quên tâm là còn bị tâm mê hoặc.

Trong kinh Kim-Cang có câu : “Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như-Lai “ - Nếu thấy tất cả tướng mà không có kẹt tướng thì thấy được nghĩa Phật, nghĩa Đạo. Tôi thấy chúng ta đọc kinh đọc sách, từ xưa tới nay không có ai bù được công của người viết. Trong kinh Kim-Cang cũng có nói : thế giới không phải là thế giới nên gọi là thế giới. Chúng sanh không phải là chúng sanh nên gọi là chúng sanh. Vô-Thượng Bồ-Đề tức không phải Vô-Thượng Bồ-Đề nên gọi là Vô-Thượng Bồ-Đề. Đã qua qua rồi, hiện tại không dừng, vị lai chưa đến. Thế giới này nếu có chẳng chẳng qua chỉ là một tướng tổ hợp. – Nghĩa là tất-cả mọi vật, cái gì có tướng đều là tổ hợp. Tổ hợp là hợp nhiều phần nhỏ để thành ra tướng lớn. Thí dụ : một bức tường do nhiều viên gạch xây nên, một viên gạch cấu tạo bởi nhiều hạt cát, một hạt cát do nhiều hạt bụi, một hạt bụi do nhiều hạt mún, một hạt mún do nhiều hạt mìn ... cứ như thế mà đi mãi cho tới hết thấy được. – Thế thì chính con người chúng ta cũng thế, vạn vật đều thế. Nếu thấu triệt được nghĩa đó thì tự nhiên ta nhập vào tướng thiệt, tướng rỗng rang không có vương bận.

Đi xa hơn nữa, chúng ta có tai, mắt, miệng, mũi, đều ở phần trên đầu. Khi mũi hít vào thì tất-cả những thành phần nhỏ trong thân chúng ta đều thở ra. Nghĩa là mặt da thở ra. Khi miệng thở ra thì mặt da hít vào. Thế là khắp mặt da vẫn có mũi miệng y như trên mặt. Nếu ai có theo dõi NỘI-KINH sẽ thấy tới chỗ đó. Nghĩa là toàn thân chúng ta đều có tai mắt miệng mũi, đều có thấy nghe hay biết. Nhưng chỉ vì chúng ta bị kẹt ở cái đầu, kẹt vào giác quan nên thấy đằng trước mà không thấy đằng sau, nghe bên này mà không nghe bên kia. Nên phải đợi đến bao giờ điếc rồi thì cái đít mới nghe, đui rồi thì ngón tay mới thấy, mũi tịt rồi thì lỗ tai mới biết ngửi. Đó là chuyện dĩ nhiên, trong kinh Lăng Nghiêm cũng có nói chớ không có chi lạ hết. Tôi có một người ông mù từ thuở bé, người ta mướn bẻ cau. Thường muốn bẻ cau phải leo lên cây hái thử 3 trái ở 3 hướng bẻ thử thấy dầy thì mới bẻ buông cau đó. Còn ông ấy chỉ cần lấy dao gõ dưới gốc cau 3 cái thì biết được cau đã dầy mà leo lên bẻ, khỏi phải thử. Như vậy là ông đã thế con mắt bằng lỗ tai rồi ! - Một người điếc ngồi trên bộ ván, mình gõ trên bộ ván đầu đằng kia, thì họ quay lại ngay. Thế là cách nghe bằng cái đít. Rõ-ràng là vậy, do đó vấn đề lục thông cũng chẳng có chi lạ. Phương chi ở trong bao la này không có chỗ nào trống hết. Do đó nếu tự nhìn trở vào, hể thân này có mắt tai mũi miệng thì khắp trong bao la này đều có mắt tai mũi miệng, mình thấy nghe hay biết suốt khắp. Còn nếu vọt trở ra, thì tai mắt mũi miệng ở ngoài đều quay vô, nên mình bị cái ám ảnh đó. Vì thế mà hầu hết nhân loại đều mê tín là có thần quyền. – Và hể nhìn ra thì bằng cách đảo ngược, vì lẽ chịu ảnh hưởng bầu khum của bao la này. Hể mình quay trở vô thì cái biết hướng ra khắp theo chiều thuận. Do chỗ đó mà có ra pháp Phổ Môn thị hiện của Quan-Thế-Âm, thiên thủ thiên nhãn và bao nhiêu pháp thần thông khác trong nhà Phật. Thế thì tại mình kẹt trong giác quan, nhìn thấy thân này như cục đá, như vật đặc kẹo ; mình tạo ra một tướng tường đồng vách sắt bằng hư không, nên không có viên thông được. - Sự thật mỗi người vốn viên thông, chỉ vì không biết được chỗ đó mới hóa ra chúng sanh. Do đó Phật nói : Không ai không có đủ 32 tướng, không ai không có trí huệ, đức tướng của Phật. Nhưng tại vì tâm mê nên các tướng đó ẩn lếp đi, chỉ còn lại mỗi người một phần nào thôi, là ý vậy.

Chúng sanh với Bò-Đề cũng như giá với nước. Bị 3 độ làm rối loạn thì gọi là chúng sanh, được 3 giải thoát thanh tịnh thì gọi là Bò-Đề. Cũng như nước bị mùa Đông làm đặc lại thì gọi là giá, bị mùa Hạ làm lỏng ra thì gọi là nước. Nếu bỏ giá đi thì không có nước nào khác, nếu bỏ chúng sanh đi cũng không có Bò-Đề nào khác.

Nghĩa là tùy duyên biến hóa. Chúng ta thử nghĩ quả địa cầu này ở giữa hư không chẳng dính vào đâu, thế mà bây giờ sanh ra đủ thứ con. Đó là nghĩa chúng sanh với Bò-Đề cũng như giá với nước.

Nên biết tánh giá là tánh nước; tánh nước là tánh giá. Tánh chúng sanh là tánh Bồ-Đề, chúng sanh và Bồ-Đề đồng một thể tánh cũng như Ô-Đầu và Phụ-Tử cùng một gốc, chỉ vì thời tiết chẳng đồng. Mê ngộ khác cảnh nên có 2 tên chúng sanh và Bồ-Đề.

Cũng như chúng ta có thể nói : mặt đất chỉ là mặt đất, mà lên cây thì có cây độc cây không độc, sanh ra người có người tốt người xấu. Bỏn tánh con người cũng vốn như vậy. Hễ biết dùng thì trở nên người tốt, không biết dùng thì trở nên người xấu.

Cho nên rắn hóa làm rồng mà chẳng đổi vảy, phàm biến làm thánh mà chẳng đổi mặt, chỉ người biết tâm thì trí soi trở vào trong, biết thân thì giới giữ bên ngoài.

Trong một sán thuốc tễ, nếu chúng ta phân tách được một viên, thì trọn cả những viên kia cũng thể thôi. Có khác chẳng là người trọn không đều thì có viên phần này nhiều, phần kia ít, chớ cũng không phải khác. – Con người ai cũng hai lỗ mũi nằm xuôi, miệng nằm ngang, hai bên hai lỗ tai, ở trên 2 con mắt ... người nào cũng giống người nấy, nhưng khác nhau ở chỗ từng thành phần bên trong, từng tâm tánh, chí hướng. Cũng thế, mọi cảnh vật bên ngoài cùng với chúng ta liền hơn. Nhưng cảnh bên ngoài dễ biết dễ thấy, chỉ có cái khối ở trong mình là khó biết khó thấy nhất mà thôi. Cho nên vấn đề học Đạo không ngoài vấn đề Tâm. – Nên nhớ cái mâu thuẫn ở trong con người chúng ta ngoắt ngoéo lạ đời lắm ! Một cô gái lớn lên trong cảnh chiến tranh, thấy ngán chuyện lập gia đình, không muốn có chồng. Nhưng đến khi gặp một người nào đó có tánh nét đậm thắm ; hình ảnh đó in vào đầu rồi dù cô muốn quên lắm cũng không làm sao quên được. - Một cách mâu thuẫn nữa là : một mặt sợ nuôi con nít cực khổ, mà một mặt lại mua búp-bê về may quần áo để rồi ngắm ! Thật là một sự mâu thuẫn ngặt nghèo ! Chúng ta vào chùa tu, tặng ni vị tất đã khỏi chuyện đó ! Nên có nhiều bà vải bà phước ham nuôi con nít lắm. Mà hễ nuôi một đứa, tự nhiên rồi cũng bị nó trói buộc không khác gì như con một vậy. Nên vấn đề đi tu mà còn thích con nít là kiêu mát cái lu thể cái hũ. Bởi vậy chúng ta phải nên thận trọng mà học hỏi về sự biết mình. Phần nhiều chúng ta đau khổ rồi mới đi tìm Trời Phật. Việc làm dường như chánh đáng lắm. Nhưng sự thật, Phật ở đâu mà tìm ! Nếu Phật không là ‘cái thứ hai’, Phật là cái vô cùng, thì chúng ta không biết mặt được làm sao mà tìm ! Có ai đi ra chợ để tìm gặp người mình chưa từng quen biết bao giờ đâu ! Nên Trời Phật phải đến với mình, miễn là trong lòng mình đừng nhóm chứa, tự nhiên trời Phật xuất hiện. – Do đó tôi nói rằng : một người đặng không mừng, mất không lo, mà có hiểu biết thì cuộc đời người đó không có gì là vô phước hết. Nhưng đó không phải là chuyện dễ ! Chỉ một vấn đề tiền bạc, khi có hai ba chục xe bạc với khi không có đồng nào lòng mình cũng y như vậy; thì dù cho giữ hai ba chục xe bạc cũng không sao. Ngược lại, chỉ có cái mẽ kho mà giữ khít trong lòng ; thì khi có hai ba chục bao bạc trong nhà sẽ mang họa ngay. – Nên cảnh này không có chi là thuận nghịch hết. Thí dụ

bây giờ ngừng hết giấc, vị tất con người đã có phước - Nếu vấn đề trong lòng mình chưa có giải quyết. Đó là chỗ quan hệ nhất. Bởi vậy nếu không có giải quyết vấn đề ở trong lòng mình mà hạ thấp vấn đề tu hành như ngày nay, cho rằng làm phước là tu. Nhưng chúng ta làm mà có biết thết nào là thiệt tu không? ‘Tu’ hay là vướng vào trong đó rồi mắc kẹt với cái đó mà không thấy phải quấy được. Nên lắm khi chỉ một hơi hám câu nói của mình 2,3 chữ có chứa trong đó không biết bao nhiêu tai hại cho mình, mà vẫn không hay tưởng mình tốt lắm. Chỗ đó chúng ta phải biết hệ trọng lắm !

Chúng sanh độ Phật, Phật độ chúng sanh, thế gọi là Bình đẳng. Chúng sanh độ Phật nghĩa là nhờ phiền não sanh tử ngộ; Phật độ chúng sanh nghĩa là tử ngộ rồi diệt phiền-não. Thế mới biết không phiền-não không tử ngộ. Thế mới biết không phải phiền-não không lấy đâu sanh tử ngộ, không phải thức tỉnh không lấy đâu diệt phiền-não. Khi mê là chúng sanh độ Phật, khi ngộ là Phật độ chúng sanh. Vì sao thế? Vì Phật chẳng tự thành, đều do chúng sanh độ cả. Chư Phật lấy vô minh làm cha, tham ái làm mẹ. Vô minh và tham ái đều là biệt danh của chúng sanh. Chúng sanh và vô minh cũng như tay trái và tay phải chớ không phải 2 người.

Nói thế thật là quá rõ!

Khi mê là mắc kẹt bờ bên đây, khi ngộ là qua được bờ bên kia. Nếu biết tâm không, chẳng chấp tướng thì lìa mê ngộ, đã lìa mê ngộ thì không có bên đây bên kia nữa. Như-Lai chẳng ở bên đây cũng chẳng ở bên kia, chẳng ở giữa dòng. Vì sao thế? Vì ở giữa dòng là Tiểu-Thừa, ở bên đây là phàm phu, bên kia nghĩa là Bồ-Đề.

Nghĩa ở đây muốn nói là mắc kẹt chỗ nào cũng đều không phải. Chuyện Đạo-lý không có gì khác hơn là trả cho con người trở về với bản-tánh vốn lòng. Nên Lão-Tử nói : “Quân tử vi thiện nhược thủy, ứng chi khả dĩ tại sơn, kích chi khả dĩ quá tảng, năng phương, năng viên, ủy khúc tùy hình. Thị cố Quân tử năng nhu nhi bất nhược, năng cường nhi bất cang, như thủy chi tánh dã” (Người học Đạo tâm tánh phải lỏng như nước, đáp đập ở trên núi được, đánh tung qua trán được, đổ trong bầu liền tròn, sang qua thùng liền vuông, gặp lạnh đông lại, gặp nóng liền chảy ra. Nó biến hóa kịp thì kịp lúc một cách linh động như vậy, gọi là tánh nước). Chỉ có cái không có gì hết mới có một sức mạnh không thể nghĩ bàn. Quý vị đọc Tam-Quốc-Chí nên nhớ chuyện Trương-Phi xử tử Nghiêm-Nhan : Trương-Phi là tướng Tây-Thục, tánh hung dữ nóng nảy, đùng tới thì chửi, đánh; đi đánh giặc bắt được tướng bên địch là Nghiêm-Nhan. Dem Nghiêm-Nhan ra trói để xử, bày rượu thịt ra bàn vừa ăn uống vừa mắng nhiếc Nghiêm-Nhan – Nghiêm-Nhan vẫn điềm tĩnh không đổi sắc mặt, đến lúc thấy Trương-Phi đã mệt bèn hỏi : “làm vậy có mệt không ? Đại phàm đạo làm tướng, hễ bắt được kẻ địch thì giết hay tha tùy quyền của mình, sao phải làm chi như thế cho mệt !”. Câu nói dội đến, Trương-Phi gạt đồ ăn nhào xuống, mở trói đỡ Nghiêm-Nhan lên ghé ngồi, tạ

lỗi rồi tha bổng. Từ đó về sau 2 người trở nên là bạn, không hề đánh nhau nữa. Chỗ đó mang một ý Thiên đặc biệt, khủng khiếp. Người nào muốn đương đầu giáp mặt sự thật, tới giờ phút chót phải có khí phách như vậy, là hết chuyện rồi ! Hoặc đương đầu bằng cách thật nhẹ hơ, như chuyện của ông Diêu và ông Tịnh mà tôi thường kể : tôi có 2 ông Bác bà con xa, đều làm thầy Pháp. Ông Tịnh làm theo phản ác, tánh hung dữ mà có vợ hiền. Còn ông Diêu làm theo phù thủy, tánh hiền mà vợ dữ vô cùng. Ông Tịnh tranh thân chủ với ông Diêu, một hôm uống rượu vào làm nư chửi ông Diêu đủ điều. Nhà gần bên, bà Diêu nghe về nói lại : “Mình ơi mình, thằng Tịnh chửi nát mình, qua mà coi !”.

Ông Diêu lặng thinh, ngồi ngoáy trấu ăn như không có chuyện gì xảy ra. Mấy tiếng sau bà vẫn thấy ông êm rơ, nóng lòng bà nói : “Ông ơi ông, thằng Tịnh nó chửi nát ông đó, qua mà coi !”. Ông vẫn ngồi làm thinh, coi như không có mặt bà vậy. Tới cả giờ đồng hồ sau, bà Diêu tức quá, chạy ra chạy vô nói :”Diêu ơi Diêu ! Thằng Tịnh nó chửi nát cha mày ngoài đó, ra mà nghe !”. Ông vẫn tỉnh bơ, chậm rãi nói :” Ồi ! Thằng Tịnh cha nó nó còn chửi, tôi mấy lăm hơi mà nó không chửi”!.

Chỉ một câu nói thôi. Thấu đến tai thầy Tịnh, ông chửi một bữa thật dữ dội, rồi từ đó về sau chấm dứt không hề có chửi nữa. – Đó cũng là một chuyện không phải dễ làm !

Phật có 3 thân là hóa thân, báo thân và pháp thân. Hóa thân cũng gọi là ứng thân ; Nếu chúng sanh thường làm điều thiện tức là hóa thân. Khi hiện tu trí huệ là báo thân. Hiện giác vô vi là pháp thân. Thường hiện 10 phương, tùy nghi cứu tế, đó là hóa thân Phật. Nếu dứt mê hoặc tức là Tuyết-Sơn thành đạo là báo thân Phật. Không nói không năng, không làm không được, rỗng lặng thường trụ là pháp thân Phật. Nếu luận chí lý một Phật còn không có thay làm gì có ba ! Nói có 3 là y cứ theo trí người đời mà nói, người có 3 bậc : người bậc hạ trí vọng cầu phước lực, vọng thấy hóa thân Phật.

Thưa, vọng thấy hóa thân Phật là tưởng tượng quá rồi, vọng thấy bóng dọi của cái tâm mình mà thôi.

Người bậc trung trí vọng dứt phiền não, vọng thấy báo thân Phật.

Tại sao lại nói “vọng dứt phiền não” ? – Trong kinh Lăng-Nghiêm có nói : “Ngay hồi tính trừ vọng, hồi đó chính là vọng”. Vì chỉ có ngừng đừng làm thêm vọng mà thôi, chớ không có nghĩa trừ. Nếu tôi trừ cái quấy, tôi sẽ còn lại cái trừ, nghĩa là còn làm thêm. Còn nếu tôi ngừng, đừng làm quấy nữa là hết chuyện. Nói khác hơn trừ cái quấy nghĩa là biến tướng đổi cái quấy để lấy cái trừ, chớ không phải hồi đó không có việc. Cũng như tôi đang chạy. Bây giờ muốn ngừng thì không chạy nữa, chớ không phải đợi chạy thụt lùi mới gọi là ngừng.

Người bực thượng trí vọng chứng Bồ-Đề, vọng thấy pháp thân Phật. Người bực thượng-thượng trí soi trở vào trong tròn lặng tỏ tánh là Phật, chẳng đợi trừ tâm mà được trí Phật. Biết 3 thân và vạn pháp đều không thể chấp, không thể nói.

Tại vì mê mà thấy có ngoài có trong, nên mới nói cần phải quay trở vào chính con người của mình. Sự thật, nếu mình không có mê, thì chính thân này còn không thiệt thay, làm gì có ngoài có trong ! Nhưng nên nhớ, khi thấy không có gì là thiệt hết, hỏi đó tất cả đều thiệt. Cũng như nói : Tất cả không phải là xe, vậy cái gì là xe ?

Tất cả đều không phải Phật, vậy cái gì là Phật?

Tất cả đều không phải tôi, vậy cái gì là tôi?

Tất cả đều không phải tâm, vậy cái gì là tâm?

Đến chỗ đó đừng vọng dùng lý trí.

Đó là tâm giải thoát viên thành đạo cả Kinh nói : Phật chẳng thuyết pháp, chẳng độ chúng sanh, chẳng chứng Bồ-Đề là nghĩa thế.

Nếu nói Phật có thuyết pháp hay không có thuyết pháp, có độ chúng sanh hay không có độ chúng sanh đều là chưa thiệt biết rõ nghĩa Phật muốn nói, vì rằng còn rơi vào trong hai tướng đối đãi.

Chúng sanh tạo nghiệp, nghiệp chẳng tạo chúng sanh. Đời này tạo nghiệp, đời sau thọ báo, quyết định không sai. Chỉ có bực chí nơn nơi thân này chẳng tạo các nghiệp nên chẳng thọ báo. Kinh nói: chẳng tạo các nghiệp tự nhiên được Đạo, há chẳng đúng sao ?! Người hay tạo nghiệp, nghiệp chẳng hay tạo người. Người nếu tạo nghiệp, nghiệp và người cùng sanh. Người nếu chẳng tạo nghiệp, nghiệp và người đều dứt. Thế mới biết nghiệp do người tạo, người theo nghiệp sanh. Nếu người chẳng tạo nghiệp, thì nghiệp không theo mà sanh người. Cũng như người hay hoằng Đạo, Đạo chẳng hay hoằng người. Phạm phu đời nay thường tạo nghiệp, vọng nói không báo, há phải không khổ đâu ! Nếu luận chí lý thì tâm trước tạo, tâm sau thọ báo làm sao thoát được !.

Không phải nói chi xa xôi, bây giờ nếu mình nghĩ những chuyện hiểm hóc thì cái mặt, bộ tướng của mình đã đổi khác, mạch cổ tay cũng đổi khác. Hễ tâm nghĩ điều gì thì hiện thấy ra ngay. Nên mới nói :”Hữu kỳ trung tắc hình ư ngoại”.

Nếu tâm trước chẳng tạo thì tâm sau chẳng thọ báo thì lấy đâu vọng thấy nghiệp báo. Kinh nói : ai tin có Phật mà nói Phật có khổ hạnh, đó là tà kiến; nói Phật bị quả báo cây thương vàng và ăn lúa ngựa, đó gọi là đức tin chẳng đủ, gọi là Nhất-xiển-đề. Ai tỏ được pháp thánh thì gọi là thánh nhơn, tỏ pháp phàm thì gọi là phàm phu. Chỉ có thể bỏ pháp phàm theo pháp thánh, là phàm phu thành thánh vậy. Thế gian ngu mê, chỉ muốn cầu làm thánh nhơn mà chẳng tin cái tâm tỏ ngộ là thánh nhơn. Kinh nói : những kẻ không trí đừng cho nghe kinh này. Kinh nói : “tâm là pháp”. Người không trí chẳng tin tâm tỏ ngộ pháp trở thành thánh nhơn ; nên chỉ muốn tìm cầu bên ngoài, ngưỡng mộ hình tượng màu sắc v.v.. đều bị đọa vào tà kiến, tâm sanh cuồng loạn.

Trên đời này không việc gì khó bằng trở về với cái tâm. Mà học Phật nghĩa là trở về với tâm; nên có thể nói không có gì khó cho bằng học Phật. Trong lịch sử nhà Phật có mấy chuyện này chúng ta cần để ý :

Chuyện cây thương vàng. Một hôm Phật đang đi bỗng dung xuất hiện một cây thương vàng trên hư không. Phật đi đến đâu thương cứ bay theo đến đó, muốn ghim xuống Phật mà không sao ghim được, vì Phật có cách ngăn không cho nó ghim xuống. Phật biết đó là do oan trái kiếp trước bây giờ phải lãnh quả. Nên cuối cùng Phật bằng lòng trả xong oan trái đó, bèn đưa chân ra hứng, cây thương liền ghim xuống. Có điều lạ là nếu Phật không bằng lòng hứng thì cây thương không thể đâm, nhưng không làm sao để nó dừng được.

Chuyện ăn lúa ngựa : vào ngày an cư kiết hạ, nhà vua thỉnh Phật và cả tăng đoàn vào thành đích thân cúng dường chu tất. Một hôm, mãi say mê cuộc vui cùng cung nữ, vua bỏ quên cả tăng đoàn mấy ngày phải chịu đói. Bỗng một đoàn xe chở lúa ngựa đi qua. Người lái xe nghe tin ấy, vào bạch Phật xin tình nguyện cúng dường mấy xe lúa. Phật nhận lời. Thầy trò nhờ bữa cháo chịu đựng qua ngày. Đến khi nhà vua chợt nhớ lại thì đã qua mấy ngày rồi ! Vua vội vàng làm lễ trai tăng, sám hối. - Thấy thế, trong đồ đệ có người hỏi Phật sao có chuyện lạ như vậy ? Phật chậm rãi kể lại vào muôn kiếp trước, tiền thân Phật là một ông vua rất ghét thầy tu. Một hôm có đoàn tăng lữ khát thực đi qua. Nhà vua bảo : “đám này cầu có lúa ngựa mà cho nó ăn !” – Nên bây giờ Phật phải lãnh quả báo ăn lúa ngựa. - Chuyện Phật nhưc đầu 3 ngày : Một hôm bỗng dung Phật bị nhưc đầu, qua 3 ngày rồi khỏi. Đồ đệ bèn hỏi : nghe nói bậc La-Hán không còn bệnh nữa, mà sao Phật lại bệnh?

Phật mới kể : tiền thân của Phật có một kiếp làm Thái-Tử. Lúc bé đi chơi gặp người ta tát đấm bắt được con cá lóc vua. Thái-Tử lấy cây gỗ lên đầu cá lóc 3 cái ; nên bây giờ Phật bị nhân quả nhưc đầu 3 ngày.

Những chuyện ấy có thật, nhưng ở đây Tổ-Đạt-Ma nói rằng : ai tin Phật bị quả báo cây thương vàng và ăn lúa ngựa, người đó đức tin chưa đủ. Ý muốn nói ai hiểu như vậy đều là người mắc kẹt trong tướng; không thấy được trọn hết sự thật. Nghĩa là mượn chuyện này để nói lên vấn đề nhân quả cho người hạ đẳng sơ cơ. Nếu ai mắc kẹt trong đó thì không thể phóng tầm mắt đến tận nguồn chân lý được.

Kinh nói : “nếu thấy các tướng không phải tướng là thấy Như-Lai.” Tám muôn bốn ngàn pháp môn đều do tâm khởi; nếu tướng tâm thanh tịnh như hư không liền thoát ly thân tâm vậy. Tám muôn bốn ngàn phiền não là căn bệnh. Phạm phu khi sống lại lo chết, khi no lại lo đói, đều gọi là đại mê hoặc.

Thật cũng đáng lấy làm lạ, vì có nhiều người đang sống mạnh khoẻ mà vội lo đi làm Kim-tĩnh để phòng lúc chết. Bởi thế Trang-Tử muốn phá cái tâm ấy, khi sắp chết bèn căn dặn đồ đệ : Lát nữa tôi có chết rồi, mấy người cứ đem lột hết quần áo ra, rồi đem vào rừng treo lên cây để cho quạ chim ăn. Đồ đệ nghe thế vội nói : Sao lại để thầy lỏa lồ như thế được, thôi để chúng tôi xin phép chôn cất cho kín đáo một chút. Trang-Tử bèn nói : mình sống ở mặt đất, ăn những thứ trên mặt đất ; bây giờ chết đi sao lại tư vị cho đám ở dưới ăn mà không cho đám ở trên !

Cho nên thánh nhơn chẳng lo trước, chẳng nghĩ sau, không đắm hiện tại, niệm niệm đều qui Đạo

Giản dị quá ! - Nếu một người đối với việc đã qua biết nó qua rồi, thôi không vương bận. Việc sắp tới biết nó chưa tới, thôi không mong mỏi. Việc hiện tại biết nó không dùng nên để cho tâm rộng rang. – Như thế còn gì khoẻ hơn !

Nếu ai chưa ngộ được lý này, thì nên sớm tìm đường lành trời người, đừng để mất hết cả hai.

Tôi không hiểu tại sao Đạt-Ma nói ra câu này ! mà nói hỏi nào? Nói với ai? Nói ở đâu? Tại sao nói? Có phải Đạt-Ma nói ra không? Dù cho chính Đạt-Ma nói ra chẳng nữa ... vì sao thế ? – Ngày nay tất cả loài người đều đắm mê vật chất, lười biếng suy tư, tham cầu tìm hãm núp nổi để nương dựa. Tất cả cửa tôn giáo tín ngưỡng đều biến thành cửa chợ. Không chỗ nào không có bàn tay chánh trị phe đảng mò vào. Thế giới vật chất đều nằm châu hạp chợ. Con người tuy sát mặt nhau mà lòng dạ càng ngày càng cách muôn sông nghìn biển. Tôn giáo tín ngưỡng chực biến thành phòng tuyến dẫn hỏa cho chiến tranh. Đức tin của con người chỉ còn là một thứ hời hợt, xuất phát từ lòng tham lam ! ... Như thế tại sao lại bày thêm những an ủi tạm bợ để cho thêm kéo dài lê thê dòng sinh mệnh mê muội ? Tại sao không đóng bít cửa nhơn thiên để rồi hễ rơi xuống

mạnh thì sẽ được vọt lên mạnh ?! Ta không thấy sao ? – Các loài trùng đóng kén, nếu kén còn có một chỗ hở thì nhất định không hóa được.

Vì thế nên theo tôi, câu này đáng lẽ là không có.

Đêm ngồi kệ rằng :

Canh một ngồi ngay bất kiết già, Tinh thần lạng chiếu rỗng đồng hư. Lũy kiếp đến nay không sanh diệt, Đâu cần sanh diệt diệt Vô-Dư.

Vạn pháp chung qui đều như huyễn

Bỏ tâm tự rỗng đâu dụng trừ

Nếu biết tâm tánh phi hình tượng,

Lặng yên chẳng động tự chơn như

*

Canh hai thần lảng chuyển suốt trong

Chẳng khởi ước mơ, chỉ một lòng

Sum-la vạn tượng đều qui Đạo, Há chấp có không để bịnh chung !

Các pháp bỏ lai không Không Có,

Phạm phu vọng tưởng luận cuồng công Nếu tâm chẳng khởi sanh hai pháp, Còn nói làm chi thánh khác phạm !

*

Canh ba lòng lạng tự hư không,

Trùm khắp mười phương đều suốt thông Núi sông ghềnh đá không sao chướng, Hằng sa thế-giới sẵn ở trong.

Thế giới chơn như cùng bỗn-tánh
Cũng không không tánh tức dung thông
Phải đâu chư Phật là như thết,
Hữu tình muôn loại thấy đều đồng.

*

Canh tư không diệt không sanh,
Hư-không pháp-giới đẳng bình như nhau
Đến đi khởi diệt được nào
Có không sáng tối làm sao tỏ tường Không thấy là cái thấy Thế-Tôn.
Không tên không được là tên Phật mình Ai có tỏ ngộ biết liền
Chúng sanh mê-muội còn nguyên đui-mù
Canh năm Bát-Nhã chiếu vô biên,
Một niệm chẳng khởi ba ngàn suốt qua.
Chơn như bình đẳng muốn thấy là
Tịnh tâm không loạn trước mắt ta hiện liền.
Đạo màu tâm khó suy lường Chớ nên tìm kiếm cho thêm mệt thân.
Nếu hay vô niệm là chơn,
Tìm cầu càng cách hết đường thấy nghe.

*

* * Luận Ngô Tánh đến đây là hết.

Tiếp theo đây tôi xin nói đến vấn đề phải khám phá ‘Thằng Minh’ như thế nào? để giúp cho những người mới đến sau khỏi bị lạc hướng, và những người đến trước cũng cần phải theo dõi thâm sâu hơn.

Phần đông chúng ta đều thích nhìn trở ra. Không bao giờ chúng ta chịu lưu tâm dò dẫm trong con người của mình. Tại sao có lúc mình muốn làm phải mà vẫn không sao làm được, cố tránh làm quấy mà vẫn bị làm ... để rồi có lúc ăn năn đến muốn tự tử ! Có khi tự tử được cứu rồi, lần khác cũng làm như thế, để rồi lại tự tử nữa ! Trông thật đáng tội nghiệp ! Tuy nhiên như vậy đâu phải là con người không biết phải trái, nhưng vẫn bị làm là tại không có cách để thắng nó.

Bởi thế đầu mỗi kinh Kim-Cang, mở đầu đã có vị hỏi Phật : “ Bạch Thế-Tôn, như có người muốn tu vậy phải phát tâm bằng cách nào ? phải hàng phục tâm mình ra sao ?”. Nghĩa là vô thắng đề, nhắm ngay con người của mình mà đặt nền tảng cho việc tu. Nếu không hiểu con người mình thì học Phật tức không học. Kinh Phật chẳng qua là cái gương để rọi lại cho thấy lòng mình, chớ không phải học thuộc để trả bài với ông Phật !

Chúng ta có thể ví thân con người như chiếc xe chở hàng cũ đầy ắp. Bộ óc ngóng chuyện sắp tới, cái thân chứa chuyện đã qua, trái tim đập nhịp hiện tại mà không có sống. Chúng ta ai cũng vậy, lúc nhỏ sống khác, đến già đi ngược lại. Thí dụ hồi nhỏ tâm tánh mình ra sao, sanh con ra lớn lên nó cũng sống y như vậy. Bây giờ mình trở về già thấy ngược lại nên không bằng lòng nó, chớ sự thật nó làm đúng kiêu của mình, chỉ tại mình không hiểu thôi. Nên cuộc sống chúng ta từ nhỏ đến già ngược nhau, thì từ đầu năm đến cuối năm cũng ngược nhau, và từ sớm mai đến chiều cũng ngược nhau, bây giờ muốn thế này một lát nữa muốn trở ngược khác. Kiếp này đã là một chùm mâu thuẫn thì kiếp kiếp đã qua cũng là một chùm mâu thuẫn. Nó đóng cứng và xỏ suốt thành một xương thời gian tâm lý. Nên có thể ví cuộc đời con người như một chiếc xe chở đầy nhóc, chạy trên con đường không được bằng phẳng nên đồ đạc khua rổn rảng, đó gọi là phiền-não đau khổ. Nhưng đường đời làm sao có bằng phẳng được ! Chỉ có dừng chờ thì khua cũng không có. Và chỉ trừ dừng có xe hơi thì mới không có chờ. Xưa kia có một vị Thiền-Sư tu lâu tưởng mình đã lưu thông rồi, một hôm đến chơi với một ông Thiền-Sư khác nói rằng : khi trước tôi giàu, bây giờ tôi nghèo nên không có đất cắm dùi. Ông kia liền nói : Anh còn có dùi để không có đất cắm. Tôi thì dùi còn không có, lấy đâu đi tìm đất để cắm ! Nên hễ còn một chút xíu cái ‘có’ là vẫn không phải thiệt ‘không’. Nếu còn cái dùi dù

không cắm ở đâu thì bỏ trong túi nó cũng ló mũi ra !. Cũng như hai bài kệ của hai vị Thiên-Sư Việt Nam, người đời sau đọc ai cũng khen hay mà không nhận rõ : Ông thứ nhất nói kệ rằng:

“Phật pháp lưu truyền tám vạn tu,

Học hành không thiếu cũng không dư, Đến nay tính đà chừng quên hết, Còn lại trên đầu một chữ ‘Nhu’”.

Ông thứ hai nói:

“Có thì có tự may may,

Không thì cả thế gian này cũng không,

Thử xem bóng nguyệt dòng sông, Ai hay ai có có không là gì ! ...”

Bởi vậy chúng ta hãy lui lại, tế nhị để hiểu xác thật con người của mình cho chính chắn hơn nữa. Tôi thí dụ anh kếp xiệc đi dây trên sợi dây căng thẳng cao 5-7 thước, nếu không cầm cây dù thì phải cầm 2 cây gậy. Như vậy là trong bụng anh đã có tính toán rồi ! Tôi đi ngang một nơi đó nghe đồn là có ma nhiều lắm. Tôi ngại ngùng. Nhưng sờ dĩ tôi dám đi là vì tôi đã ếm câu chú trong lòng, tay bấm chặt lại ... tưởng rằng tôi không sợ ma chớ đâu phải vậy ! Nên tất-cả chúng ta đều có cuộc tính toán trước. Bởi cuộc tính toán ấy nên tất-cả đều đổ vỡ. Nhưng khôn nổi chúng ta không ai chịu đứng ở giữa, mà chỉ thích tìm dựa, chỗ này chỗ kia, hình như sợ rằng đứng khơi sẽ chết mất. Sự thật nếu có chết thì ông Phật cũng đã chết từ lâu rồi ! Kinh Phật có một câu chuyện mang nhiều ý nghĩa là Phật đem bình bát bằng vàng ném xuống sông nói : nếu ta có chứng được Đạo thì bình bát này liệng xuống sông sẽ ngược dòng mà trôi trở lại. Chúng ta không cần phải đặt vấn đề bình bát có trôi trở lại không. Sự thật đó là một bài kinh không chữ. Bình bát là tượng trưng cái bao tử. Liệng bình bát là nghĩa đã giải quyết rồi vấn đề ăn. Ý muốn nói rằng mỗi người đừng có lo ăn. Càng lo ăn chừng nào là càng đói chừng ấy ! Nhưng nói vậy không phải là nghĩa không làm việc, mà có nghĩa là đừng chật vật vì miếng ăn, nó không mất đi đâu ! Đừng vì miếng ăn mà tàn hại lẫn nhau.

Do đó khi muốn thấy được sự thật thì tất-cả chúng ta nên lưu tâm đến trong lòng của chúng ta khi chưa mống lên một ý nghĩ. Hỏi ấy cái gì là tâm của chúng ta, cái gì là vọng. Đó là chỗ chiêm nghiệm duy nhất. Nếu khi nghe mà không nhận ra được ngay thì phải ráng lưu tâm làm việc. Và điều cần yếu là khi nghe đừng đem những gì có sẵn trong bụng mình ra mà so sánh.

Vì nếu sánh giống mới thấy phải, thì cái nghe đó không phải thiết nghe đâu. Hỏi: Thưa, thế nào là nghĩa quán pháp vô ngã?
Đáp: Thưa, “Quán pháp vô ngã” nếu đi sâu vào thì có nghĩa là thế giới này nếu có chăng cũng chỉ là một tướng tổ hợp. Nếu ai thấy được cách cấu tạo của mọi sự vật thì mới biết tất-cả đều chỉ là hiện tượng. Có ai biết những tảng đá nổi trên mặt biển, đầu tiên là do sóng biển, nhờ cuộn cuộn, lâu ngày hóa cứng, kết cấu lại thành tảng đá to, cách sắp xếp thật khéo léo. Thật ra ngôn ngữ không thể diễn tả hết ý, và lý trí cũng không thể theo dõi được; chỉ có tuệ giác mới thấy mà thôi. Lý trí nếu có thấy được chăng cũng là một cách quán tưởng, mà quán tưởng thì chưa phải là thật.

Do đó, nếu muốn chứng thực toàn thân tôi chỗ nào cũng có tai, mắt, mũi, miệng, tôi phải ngồi lại tĩnh tọa, hít vào thở ra thật chậm. Tôi sẽ thấy toàn thân tôi do từng phần nhỏ ráp lại, và cũng bằng trực giác tôi cảm thấy sự sống hiện diện trên khắp con người tôi, từng tế bào cũng thở ra hít vào y như một con người.

Tôi muốn nói trong khi tôi được nghe một đoạn kinh diễn tả bằng ngôn ngữ trực giác, nếu tôi không đủ tuệ giác nhận thẳng vô thì tôi còn những phương tiện khác để theo dõi như tĩnh tọa ... Nhưng tại sao lại phải khắc khổ như vậy? - Tại sao các vị bác sĩ giải phẫu biết rõ thân người tổ hợp cũng y như tôi nói đây, nhưng mấy ai biết thế mà thoát được sợi tơ tình?! – Cũng bởi chúng ta chỉ biết bằng lý trí nên không xài được gì. Điều cần yếu là phải chứng thực ở ngay nơi mình. Dù học Phật, học Dịch, hay học Nội Kinh cũng thế, không thể có cách nào khác hơn được.

Hỏi: “Bỏn lai vô nhất vật”, vậy tâm này với Phật có mâu thuẫn nhau không?

Đáp: Sự thật chữ tâm hay chữ Phật là tại mình đặt, chớ nó không có nói năng gì hết. Nên nhà Nho có nói: “thiên hà ngôn tại ...” Trời có nói gì đâu mà vạn vật vẫn sanh sôi, bốn mùa vẫn luân lưu. Mình đặt nào chữ tâm, chữ Phật chẳng qua đều là phương tiện, là cách nói. Sự thật không có chữ “Bỏn lai “ hay “nhứt vật”, cho tới “bỏn lai vô nhất vật” cũng không có. Mà nếu có bỏn lai vô nhất vật thì cũng có thể có đủ thứ. Cũng như ở trong bao la này, khi mình đã qua khỏi vấn đề lạnh và nóng, thì gặp một thứ lạnh cực độ. Tới chỗ đó sẽ dễ dàng biến thành lửa hay nước đá. Cũng vì thế ở các miền cực lạnh, nước đông đặc, nếu đụng da vỏ lớp sơn ngoài xe hơi sẽ bị phỏng ngay.

Do đó, nếu muốn biến hóa vô cùng thì phải vào chỗ không có gì hết sẽ có đủ thứ. Hỏi: Thưa, muốn thế có lẽ chúng ta phải cần pháp tọa Thiền?

Đáp: Thưa, hễ nói tọa Thiền là Thiền đã bị kẹt vào cái tọa, và cái tọa chỉ ở trong một góc của Thiền. Nếu thấy ngồi là tọa Thiền, thì Thiền đó chỉ ở trong cái tọa, bởi vì trong cuộc sống còn có đi, đứng, nằm. Do đó nghĩa tĩnh-tọa đây cứ hiểu y như tôi đã nói, rồi quý vị sẽ thấy nó vẫn là Thiền. Còn đặt tên nó là tọa Thiền ... thì nó sẽ biến thành thứ không có Thiền gì hết.

Thiền là không là gì cả. Nên nghĩa Thiền thì không có lập. Bởi vì phá chưa rồi cái cũ thì không có lập. Bao giờ phá đến tận cùng không còn phá được nữa thì cái còn nguyên lại đó khỏi cần phải lập thêm. Nếu thật là cái sân xi măng, vật nào tôi còn quét trôi được thì đều là rác, còn lại không gì quét được nữa mới là sân xi măng của tôi. Nếu thiệt là thợ đi thuyền thì ra biển không có sóng sẽ không thấy thú vị. Nếu không biết đi biển thì dút đầu ra khơi sẽ bị sóng nhận chìm. Nên chỉ cần biết, chớ không cần đòi hỏi làm sao cho biển đừng có sóng, vì nếu không có sóng thì cũng không phải là biển.

---o0o---

TUẦN THỨ SÁU

2 – 7 – 1972 (22 – 5 N. Tý)

THIÊN THỨ BA

LUẬN PHÁ TƯỞNG

Tôi rất bằng lòng ở điểm chúng ta - với một con người rất bình thường – cùng nhau tột bực chân thật để học hỏi. Với tôi, tất-cả những cái lạ xin gạt qua hết. Nếu tôi chuộng cái lạ thì giờ đây cũng có vô số người theo tôi. Nhưng đó là người ta theo cái lạ chớ không phải theo tôi, cũng không phải theo Đạo. Cũng như một người có thể lực thì có nhiều người bon chen đi theo, đó là họ dong ruổi theo thể lực chớ không phải tìm Đạo. Do đó tôi bằng lòng với việc tột bực chân thật với một con người bình thường, xác thật, nói chuyện về vấn đề con người, về vấn đề sống mà không chen một chút xíu gì gọi là câu kỳ lạ lùng hết. Nên hễ ai chuộng cái thực thì đến đây cùng học hỏi, không thích cái thực thì lần hồi người ta sẽ tản đi. Ở đây tôi luôn luôn chỉ nhắm vào sự thật mà nói.

Giờ đây chúng ta bắt đầu vào thiên thứ ba:

* Luận rằng : Vì có người hỏi : Nếu muốn cầu Đạo phải tu cách nào cho được chóng tắt nhất ? Đáp: chỉ có pháp quán tâm nhiếp hết các pháp là chóng tắt nhất.

Chữ “quán tâm” ở đây cũng như chữ soi trở vào trong của Lục-Tổ vậy. Tất cả kinh điển nhà Phật, ngàn kinh muôn pháp chung qui chỉ có pháp quay trở vào trong chính con người của mình là pháp đi thẳng chóng tắt nhất.

Con người sở dĩ khác hơn các loài thú-vật chẳng qua chỉ là việc biết trở vào với chính con người của mình. Nên nếu sợ quay về với chính con người của mình, nghĩa là sợ giáp mặt với sự thật ; lẽ cố nhiên là mình đã chấp nhận một cuộc sống chông chênh kiến thức. Thế thì con người cũng là một sinh vật rất đầy đủ khả-năng hơn tất-cả các sinh vật khác mà thôi. Do đó con người cũng như con dao hai lưỡi, như gươm bén, nếu không biết dùng vào việc lợi ích lẽ tất nhiên sẽ dùng vào việc tai hại. Nên nếu con người không trở về với mình thì so với các loài vật khác còn thú vật hơn nhiều lắm. Đó là điều rất dĩ nhiên không ai chối cãi được. Bằng cứ là bây giờ chúng ta có thể nào tưởng tượng được ở trong loài vật chưa hề có những thái độ đối đãi với nhau như loài người đối đãi với loài người. – Con vật cắn xé nhau bắt quía là một con cắn chết một con, còn loài người có thể một người giết hàng triệu người. Cũng như chỉ có con người mới đẻ cở con gà con vịt cắt cở mà khấn :”Con gà con vịt ở dơ ở dáy đầu thai kiếp khác làm ăn”. Loài vật không có kiểu đó. Nên biết khi bộ óc con người phát triển quá mạnh mà không biết trở về với con người của mình, thì con người sẽ thú vật hơn con thú nhiều lắm. Nhưng thú vật dưới một hình thức mới mẻ, nên chúng ta nhìn thấy bề ngoài cũng hấp dẫn như thường ! Do đó vấn đề trở lại với lòng không phải là việc riêng của chùa chiền hay của ông Giáo-Chủ nào cả, mà cũng không có ai là người đầu cơ được. Đó là việc bổn phận của mỗi người đều phải làm như vậy. – Và theo tôi, ý nghĩa của bổn phận một con người hay bổn phận một công dân ít ra phải nhắm vào điểm đó mới có nghĩa thật. Nên đối với ngày xưa, trở về với con người của mình gọi là tu là điều chánh pháp nhất. Vì đối với ngày xưa, nghiệp chung còn nhẹ hơn nghiệp riêng, và con người ở xứ nào sống theo xứ ấy. Nhưng ngày nay nghiệp riêng của mỗi người đã nặng quá rồi, mà nghiệp chung lại càng nặng hơn. Quả địa cầu trở nên vô cùng bé nhỏ với thể vật chất năm châu họp chợ, tinh thần thì sát mặt nhau mà lòng vẫn cách muôn trùng biển cả. Do đó, theo tôi vấn đề trở về với mình là một điều không ai được quyền chệnh mảng hết cả. - Nếu ai đã chán ngán vấn đề giặc giã rồi thì phải như vậy. Nhưng nếu còn sợ giặc, còn than khổ, mà sợ việc trở về với mình, thế thì bắt quía là mình nói láo với mình mà thôi, chẳng có sự thật chút nào hết. Nên tôi thường hay đặt câu hỏi : “Có thể nào chúng ta vẫn ăn uống, đi đứng, vẫn phát minh học hỏi ... mà vẫn không bị vướng vào vòng tục lụy được không ?” Đó là câu hỏi từ trước tới giờ tôi thường nêu ra.

Còn vấn đề tôn giáo tín ngưỡng, theo tôi đối với ngày nay nó đã đi đến chỗ cùng đường. Nhưng bởi cái thế lười biếng của loài người chỉ thích nằm nhà thương, thích uống thuốc ngủ, do đó vẫn còn hấp dẫn đối với phần đông. Nhưng ở trong cơ vật chất năm châu họp chợ, với lòng người cạn cợt, thì vấn đề tôn giáo tín ngưỡng đã mãn nhiệm kỳ. Vì sao thế? Vì quả địa cầu càng hẹp, tôn giáo tín ngưỡng càng giáp mặt nhau, thì sẽ chóng đi đến chiến tranh cuối cùng cũng như bệnh tật cuối cùng. Tôi thường hay nói : Cuối cùng con người phải lãnh hai hiện tượng : một là bệnh ung thư tổng thể, hai là chiến tranh tôn giáo, chiến tranh ý thức hệ ; đó là chưa kể nạn nước lụt, lửa cháy và bão.

Phương chi, nếu chúng ta chịu khó tưởng tượng : mỗi người chúng ta trên quả địa cầu này nếu cùng xuất gia đi tu hết , thì rồi sẽ cũng phải trở về với cảnh nhà ai nấy ở, và mỗi người cũng phải tự làm tự sống. Khi xưa tôi chưa đi tu, tôi nhớ có một người hỏi một vị đại đức : Nếu trọn hết thế gian này đều tu thì cõi này thành ra cõi chết thì sao? Vị đại đức nói : điều đó là tưởng tượng chớ không bao giờ có thật được. Trả lời như thế là cũng có lối thoát, nhưng không phải là lưu thông. Chớ sự thật mỗi người đều cùng xuất gia thì mỗi người đều trở về nhà, đều tu.

Nghĩa là vẫn một cảnh, mà phát tâm tu. Do đó, ngay bây giờ vấn đề trở về với chính con người của mình là một vấn đề vô cùng quan trọng, không phải là đối với riêng ai, mà mỗi người đều phải tự lo liệu. Bạn tôi là ông Nguyễn-Bá-Tước, khi

đọc Nội-Kinh rồi ông thấy thương tôi, thấy như chuyện đó tôi chỉ lo cho một mình ông vậy. Tôi nói : thật tình tôi lo cho ông là tôi lo cho thiên hạ, hễ duyên gần cái nào thì lo cho cái ấy trước. Sự đời vốn không hai, có việc nào là việc riêng tư ! Nhưng khôn đốn là chúng ta thường thường mắc phải cái bệnh bò tới chớ không chịu trở lui vào con người của mình ; nên cứ đi tìm cái vững để chỉ gặp tất-cả những cái không vững. Như thế nghĩa là sâu kín trong lòng chúng ta vẫn còn nghi sẽ có một pháp nào vững hơn. Bởi thế nên hóa ra không vững. Sự thật, một người khi đã tột bực tuyệt vọng rồi thì mới chịu yên. Cũng như khi xưa người pháp chiêm tinh Định Tường, lúc đó Thủ-Khoa-Huân trấn thủ. Người Pháp bắt được ông đem lên đài xử tử. Ông nghĩ đã đến lúc không còn làm gì được hơn, nên ông bình tâm làm một bài thơ khẳng khái, để lại đến ngày nay đã trở thành bất hủ. Do đó chỉ có trong những khi tuyệt vọng hay khi đã thấy hết rồi thì lòng người mới thiết hết sạo sục. Bởi vậy nếu gặp cảnh không vững mà mình còn chưa thiết vững, lại còn nghĩ tìm cách nào để tạm vững hơn thì không bao giờ được. Nên tôi thường hay nói ở trong chúng ta đều luôn luôn có toan tính, nương dựa. - tất-cả mọi lãnh vực trong lòng mình đều có tính toán trước hết. Nên bao giờ mưu mô trong lòng ngừng dứt thì cuộc sống hiện tại này mới yên. Bởi vậy việc trở về với mình ; nói thì dễ nhưng chúng ta chớ coi thường, vì chính chỗ đó là then máy. Nếu chúng ta không hằng soi trở lại, thì vấn đề bản thân của chúng ta trong cuộc sống hằng ngày đối với tất cả những tiếp xúc, ăn uống, và sâu hơn nữa là những biến hóa

của tâm tư v.v... chúng ta sẽ không tài nào nắm vững sự kiểm soát được. Nên tôi nói hầu hết chúng ta gần như là bị cái bệnh bò tới, không lưu tâm đến vấn đề trở vào. Chính như con người của tôi, khi tu độ 2 năm tôi rất lưu tâm đến vấn đề tâm. Nhưng trong tâm tôi bị lệch nhìn trở ra một chút, nhất là thấy quý Thầy học kinh sách nhiều quá làm cho tôi nôn, sợ theo không kịp người ta ; nên rốt cuộc cũng chẳng tới đâu. Tới cuối cùng đục nước thấy cái lợi trở ra không xuể nữa. Tôi bằng lòng đứng lại để soi trở vào chính con người của mình. Bùng tỉnh ra mới thấy rõ từng chút, từng chút trong con người của mình. Nên tôi nói chỉ có việc dám đứng lại để soi trở vào trong là một nguyên tắc thiết yếu nhất. Nếu vọng niệm tôi chưa đã thêm với sự lợi ra thì việc đứng lại sẽ không dễ gì đứng được. Nhưng nhờ có thiện tri thức nói ra điều đó, may ra chúng ta có phần nào nháng lên thấy được cái lý để tin tưởng mà quay trở vào. Đó là một trong những từng lớp của việc soi trở vào trong. Thêm nữa chúng ta phần nhiều rất sợ sự thật. Chúng ta luôn luôn đề cao sự thật, nhưng rất khó thật với chính mình, huống chi là thật với kẻ khác. Dù chúng ta là nhà giáo dục hay là chánh phủ cũng vị tất đã dám thật ! (không hẳn có địa vị mà là dám thật). Đó là điều chúng ta phải thận trọng lưu tâm. Nên tóm lại, trong việc trở về với mình tuy có nhiều cách, nhưng bước trước nhất là phải dám tốt bụng thành thật với mình. Ví như thấy mình yếu đuối không dám ngó ngay vào trong sự thật, thì tự chấp nhận ngay là mình yếu đuối không dám nhìn thẳng vào sự thật. Như thế có cơ mình sẽ dám nhìn thẳng. Còn né tránh nó là không khi nào mình nhìn thẳng được. Chỉ cần tốt bụng thành thật, theo dõi mình từng ly từng tí, thì tất-cả những gì đến với mình biến hóa con người mình ra sao, mới có thể biết được. Đó là cách làm của những người luôn luôn thích giáp mặt với sự thật, đương đầu với những biến động để giáp mặt sự thật xem ra sao. Đến khi cùng cực rồi thấy không có gì vững nữa, bỗng nhiên hồi ấy mình vững. Đó là một cách.

Hoặc như king Kim-Cang dạy cho chúng ta quán xét từ vật chất đến tinh thần, từ thân đến tâm ... nếu thấy được tất-cả đều là tổ hợp, tất-cả đều là mâu thuẫn một cách thật rõ ràng ; và lúc nào cũng thấy được như thế thì mọi vấn đề sẽ giải quyết được dễ dàng, tới nơi tới chốn. Nên tôi thường hay nói, một ông thầy tu ngồi lại để khám phá chính con người của mình, với một vị bác sĩ tốt nghiệp y khoa cũng theo đuổi vấn đề khám phá con người. Cuối cùng cả hai đều thấy xác thân con người là một mô tổ hợp của những phần tử cực nhỏ, muốn gọi là tế bào hay gọi là gì cũng được. Nhưng ông thầy tu đối với vấn đề vật chất, sắc tướng lòng vẫn thản nhiên. Trái lại vị bác sĩ thì không thể thản nhiên được. Tại sao vậy ? – Là tại thấy ngoại cảnh làm đối tượng khám phá, mà bỏ quên việc soi trở vào chính con người của mình. Do đó, kết quả biết thì vẫn như nhau mà lý với sự lại là hai nẻo. Cho nên biết nếu không quay trở vào thì cái biết chẳng qua là thứ chồng thêm kiến thức, và con người chỉ còn là một sinh vật chớ đầy nhóc kiến thức thế thôi. Đó là một cách. Thêm nữa, có nhiều người lại không hợp với điểm đó, mà lại đòi hỏi có sự giúp đỡ của Thiện tri thức, bằng cách chỉ cho tạm thời quay trở vào trong dứt hẳn những nghĩ tưởng để nghiệm

xem bản sắc của tâm linh ra sao ; tạm thời được rơi vào giữa ánh sáng tâm linh ấy, để có được một cặp mắt không bị méo mó, không bị thiên lệch phiến diện. Rồi từ đó mới bắt đầu nhìn sự vật để khám phá chính con người của mình, cũng như khám phá ngoại cảnh ; nhìn đến đâu sẽ rõ ràng, tỏ rõ đến đâu. – Như thế cũng chẳng khác nào chúng ta muốn nhìn trọn một quả địa cầu, phải có dịp ngồi phi thuyền vượt thẳng ra không gian nhìn lại quan sát địa cầu mới thấy rõ. Nên vấn đề quay trở vào con người của mình để giáp mặt với hiện tại của tâm linh, rồi từ đó khám phá mọi sự vật cũng tương tự như vậy. Đó cũng là một cách.

Cho nên sống mỗi người mỗi nét, chết mỗi người mỗi tật, đau mỗi người mỗi chứng, thuốc mỗi người mỗi thang. Chúng ta gặp nhau đây không phải là vấn đề quý vị mong được truyền dạy cho một phép lạ gì, hay là vấn đề tôi mong thu được nhiều người theo phe cho oai. Không phải thế. Nhưng tôi nói chẳng những cho quý vị nghe mà tôi cũng nghe. Cũng như quý vị nghe đây không phải chỉ để quý vị nghe mà còn giúp cho tôi nữa. Do chỗ đó, trong tôi có tất-cả mọi người, trong tất cả mọi người đều có tôi. Nghe như vậy nói như vậy mới đúng nghĩa nghe đúng nghĩa nói. Và nếu chúng ta không dám phanh phui hết sự thật ra, thì cuộc học hỏi của chúng ta bằng lòng kéo dài ra vô lượng kiếp. Nên ở đây tôi phải dám nói thẳng ra sự thật, tôi phải dám cố gắng mà lớn lên cho bằng lời.

Nếu tôi nói như vậy mà chỉ còn độ 3,4 người đến cùng nói chuyện, thì cũng còn hơn có được hằng triệu người nghe mà chỉ đi theo vì thế lợi. Do đó, theo tôi “nhơn sanh quý thích chí”. Hễ ai đã thềm sự đời, muốn đi ra cứ việc ra, chúng ta sẽ cùng nhau nói chuyện. Còn nếu thấy chưa đã thềm cuộc đời, còn muốn thò tay vô nữa thì cứ việc làm. Cuộc đời là một lò cừ, nên có câu hát rằng.

“Lò cừ nung nấu sự đời, Bức tranh vân cầu vẽ người tang thương” là vậy. Hỏi: Thưa, nghĩa học Đạo có phải là tự mình ngừng dứt các duyên thì sẽ tự rõ được mình, chứ không phải cố đi tìm mình mà thấy được ?

Đáp: thật ra, nếu ai còn lười đi tìm, thì tôi biết người đó chưa có thấy, hay ví dù có gặp được cũng chỉ là thứ giả, chứ không phải thứ thiệt. Tôi nói lười đi tìm đây là lòng phóng ra, chứ không phải là mình tránh sự gặp gỡ với nhau. Không thể nào tôi đi tìm chân lý, Chúa, hay Thượng đế, hay Phật ... mà có thể gặp được. Chỉ trừ khi lòng tôi thiệt hết sạo sục; Bồng dung bồng tỉnh ra mới hay tôi chính là chân lý. Lắm khi tôi cứ thắc mắc với vấn đề có Thượng-đế hay không có Thượng-đế ... Nhưng thật ra dù có Thượng-Đế hay không, hằng ngày tôi vẫn phải làm để sống, phải tu học để sửa đổi con người của tôi, không ai làm thế cho tôi được cả. Thế thì tại sao bồng dung tôi lại dựng lên một chuyện sạo sục vô lý thế ! Lẽ cố nhiên có cái để mình gọi là Thượng-đế hay không, điều đó không quan hệ. Đã không quan hệ thì chúng ta phải coi chừng chữ Thượng-đế là do

chúng ta bày đặt ra mà thôi ! Vì nếu có bình tĩnh một chút thì mới thấy rằng chúng ta có thể tự làm để sống được, có thể học hỏi để tự sửa đổi được ... Đến chỗ tận cùng là thằng người có thể trở thành ông Thánh, ông Tiên hay ông Phật .. nghĩa là trở nên một người rất bình thường, một người đã cùng với bao la đồng nhất. Khi ấy mới hay ra Thượng-đế, Phật, Trời hay Chúa ... chỉ là mình, chớ chẳng có chi lạ !

Thưa, tôi nói vậy không phải là tôi thấy chỉ có mình tôi mà không có quý vị ở ngoài tôi. Tất cả đều là hiện tượng thì tôi cũng là một thứ hiện tượng. Nên nếu tôi quay trở vô, cái TÔI của cái chấp hiện tượng này mất đi, thì tất-cả trong quý vị đều có tôi, trong tôi có tất cả quý vị. Cuộc sống này là đồng nhất, tương quan, trật tự, biến hóa, lưu thông. Trở lại nguồn gốc, cứ để y nguyên nó vậy đừng thêm gì nữa. Nhưng lạ thay, chúng ta cứ ngồi tằn nằm lấy.

Chỉ cật thêm vô !

Hỏi : Thưa, theo nghĩa Thiên-học thì càng tìm càng không thấy. Nhưng thực tế trong cuộc sống thì càng tìm gạo mới có gạo, càng kiếm tiền mới có tiền ... như vậy lẽ phải ở đâu?

Đáp : Thưa, ngừng chỗ đó tôi nói cho nghe. Khôn đôn cho chúng ta là khi có một bao gạo thì mình thấy có, mà mất đi một hai ngàn thì không hay. Tôi kể một chuyện xảy ra ở chùa này để mọi người thận trọng. Một hôm có người đem cho chùa một rổ rau đắng biển thật ngon. Tôi nói, ăn chay dùng rau đắng biển không tốt, nhất là vào mùa lạnh, nên đem cho người ăn mặn dùng tốt hơn ; đừng nên tiếc, vì ăn vào rồi sẽ phải uống thuốc tốn nhiều hơn giá tiền rổ rau ấy nữa ! Mọi người thấy tiếc uống không nghe tôi, đem nấu canh ăn. Ăn xong mỗi người đều phải uống 2,3 thang thuốc. Thế thì khi có rổ rau mình chỉ thấy cái có, còn khi đau mất tiền thuốc thì không nghĩ tới ! Nên phần nhiều chúng ta chỉ thấy ở bề có mà không thấy được bề không ; và thấy được bề nhỏ chớ không thấy được bề lớn. - Trong tượng pháp của nhà Phật có một bức tượng vẽ đức Phật cầm bình bát ném xuống sông Găng và nói : Nếu quả chân lý có thật, thì bình bát ta ném xuống sông sẽ ngược dòng trở lại với ta. Ném xong, bình bát trôi ngược trở lại. - Nếu chúng ta cứ tin là câu chuyện như vậy để lợi đi tìm những thứ đó, thì tôi chắc chắn là học Phật suốt kiếp mãi đời rồi cũng chỉ gặp ma chớ không gặp Phật. Theo tôi hiểu thì giản dị như thế này : Bao tử của người đời là bình bát bằng sành, còn bao tử của người tu quý hơn nên bằng vàng. Ở Ấn-Độ bình bát gọi là “Ứng lượng khí”, tức là bằng cái bao tử của mỗi người. Vậy trong chỗ không lời, bức tượng ấy muốn nói với chúng ta rằng : đừng có sợ đói ! Ở trong bao la này vốn bất tăng bất giảm, không mất đi đâu cả. Người nào sợ đói thì mới bị mất. Cũng như những người bị lâm cảnh đói thiếu, nếu lòng sợ đói thì cao lắm là 7-8 ngày chết, còn nếu bằng lòng nhịn đói thì một tháng hơn cũng chưa chết. Nên biết hễ bằng lòng cái gì thì cái đó trở nên đẹp, cũng như hễ không bằng lòng thì thấy đủ thứ mất mát. Tôi biết có rất nhiều

người đang có đủ ăn mà lòng vẫn sợ đói, thấy thiếu rồi lo lắng lặn lội đi làm thêm, để rồi bị giệt hụi, lỗ lã ... phải cố công làm để trả nợ !

Tôi nhắc lại là mình học thì phải biết áp dụng. Thí dụ trong thân tôi xảy ra một chỗ ngứa ; nếu tôi bằng lòng cái đó không thêm gãi, thì ngứa tới mức đó thôi, lần hồi nó sẽ tan đi. Nhưng nếu tôi quên, tay tôi mò tới thì cái ngứa sẽ nhân lên, càng gãi chỗ ngứa càng nổi lớn ra. – Cũng như trên trường chánh trị, hễ phía đàn áp phe xuống đường mạnh chừng nào, thì xuống đường càng leo thang mạnh chừng ấy. – Nên biết rằng việc tuy nhỏ vậy nhưng khó thâm nhập lắm !

*** Hỏi: Vì sao mà một pháp nhiếp được hết các pháp?**

Đáp: Vì tâm là nguồn cội của vạn pháp, hết thủy pháp đều từ tâm sanh. Nếu tỏ được tâm thì vạn pháp đều đủ. Cũng như cây to, cành lá hoa quả sum sê đều từ gốc cả. Khi trồng cây phải chú ý săn sóc ở gốc cây thì cây mới được sanh sôi. Đón cây cũng cứ đón ở gốc thì toàn thân cây đều chết. Nếu tỏ tâm mà tu thì dụng lực ít mà thành công dễ ; chẳng tỏ tâm mà tu phí công vô ích. – Nên biết tất cả thiện ác đều từ tâm, lia tâm mà tìm Đạo là việc luống công.

Thật rõ ràng lắm ! Nhưng chữ Tâm là gì? Chúng ta đừng vội lầm với chữ Tâm thường dùng thuộc về nghĩa duy tâm của Âu-Châu. Thưa, cái người ta gọi là duy-tâm hay duy-vật ngày nay chỉ là một hệ thống dòng họ bên nội, bên ngoại của một đầu ông cố. Sự thật, tâm hay vật cũng chỉ là một thứ vật chất mà thôi. Tại sao biết ? Vì Phật đã trình bày cho chúng ta thấy rõ cái tâm lăng xăng hằng ngày của chúng ta vốn là một tướng hiện tượng như bao nhiêu hiện tượng vật chất khác, nên nó chỉ là một thứ vật chất kết thành bởi những siêu nguyên tử tâm thức, nghĩa là nó cũng là một hiện tượng tổ hợp như bao nhiêu hiện tượng tổ hợp khác. Do đó việc tranh nhau giữa phái duy tâm và duy vật cũng như con cháu bên nội và bên ngoại tranh nhau miếng đất hương hỏa, chớ không phải là hai thứ khác. Còn chữ Tâm ở đây dùng là nghĩa mà Âu-Tây tạm gọi là Vũ-trụ-tâm (rayonscosmiques), kinh Dịch gọi là Tâm-thái-hư, hay trong Nội-Kinh lời giải tôi gọi là tâm Linh-không vô cực đó. Ai có đọc Nội-Kinh rồi sẽ thấy rõ nghĩa đó. Nhưng hễ nói đến vấn đề Linh-không vô cực , nói Tâm-thái-hư, nói Vũ-trụ-tâm thì người ta dễ rơi vào vấn đề ngoại quan triết học. Nên muốn chứng thực cái Tâm đó là phải chứng ngay ở trong lòng ; ngừng dứt hết các duyên nghiệm trở vào trong, thì mới nhận được cái bao la vô lượng vô biên của Tâm ra sao. Vì thế hôm trước tôi có đưa ra câu chuyện “Chiếc xe ngựa” của NaTiên Tỳ-Kheo và vua Na-Lan-Đà, với câu hỏi : Tất cả đều không phải xe, vậy cái gì là xe ?- Cũng như tất-cả vạn vật, hư không này đều không là tâm của tôi, vậy cái gì là tâm của tôi ? – Đó chính là nghĩa của chữ Tâm ở đây. Nên Không Tử cũng dựa vào đó lập ra đạo Trung Dung và đường lối Tu Tề Trị Bình, đều lấy việc phải trở về với

tâm của mình làm gốc. Do đó Đạo nếu nói lớn thì không có cái nào ở ngoài, nếu nói nhỏ thì không có cái nào ở trong – Nghĩa là không có cái thứ hai lọt ra ngoài.

Hỏi : Vì sao quán tâm gọi là cứu cánh ? Đáp : Bực đại Bồ-Tát khi thâm nhập vào pháp đại-trí-huệ, biết được tứ đại vốn rỗng không vô ngã.

Thưa, chữ Đại-Bồ-Tát đây là chỉ cho người đã soi rõ nguồn tâm linh của mình rồi, từ đó mới khám phá mọi việc. Chữ Đại-trí-huệ nghĩa là trí-huệ quan sát đúng ở trên nguyên lý không hai. Nếu không phải trở vào chính con người của mình đứng trên nguyên lý không hai mà quán sát, thì gọi là tiểu-trí-huệ. Biết được tứ đại vốn rỗng không vô ngã nghĩa là biết được thân này do 4 yếu tố tổ hợp : yếu tố ẩm ướt, yếu tố ngăn ngại, yếu tố dao động, và yếu tố ấm nóng. - Tức là đất, nước, gió, lửa. - Biết được thân tứ đại nay vốn là tổ hợp, và ở trong mỗi tế bào, mỗi nguyên tử cũng vẫn tổ hợp. Do đó thân này cũng chỉ là một hiện tượng như bao nhiêu hiện tượng khác, không có gì là riêng của nó cả.

Thấy được tự tâm khởi dụng có hai mặt khác nhau : một là tâm nhiễm, hai là tâm tịnh. Hai mặt tâm pháp này tự nhiên vốn đầy đủ.

Thưa, nếu nói về tự tâm, quý vị có đọc Nội Kinh đến thiên thứ năm thì sẽ thấy rõ.

Tuy nhờ duyên hợp, nhưng hai tướng vẫn làm nhân đối đãi lẫn nhau. Tâm tịnh thích làm nhân lành, tâm nhiễm thường ưa nghiệp ác. Nếu chẳng thọ nhiễm thì gọi là thánh, thoát ly các khổ, chứng cái thật vui.

Sự thật con người chúng ta là một khối bụi nhùi bằng rơm ; hễ nước đến dễ ngấm, lửa đến dễ cháy. Nhưng nếu tất-cả những việc đến với chúng ta, đừng vội chống cũng đừng vội theo, thì tự nhiên không nhiễm được. Vì theo tất nhiên là bị nhiễm, mà chống cũng là bị nhiễm một kiểu khác nữa. Nên Phật đưa ra nguyên tắc là : Thương không được gàn, ghét không thể xa. Do nguyên tắc đó mà trong kinh Hoa-Nghiêm Phật nói : Dù chửi Phật đi nữa, cũng đã kết duyên với Phật chắc lắm rồi ! Như thế đủ biết lý của Phật sâu mầu cỡ nào ! Bởi vậy Phật kể câu chuyện xưa kia có một bà già ghét cay ghét đắng Phật - Phật biết tâm lý đó không thể độ thuận được nên nghĩ cách độ nghịch. Một hôm Phật nói sẽ đi đến nhà độ bà già ấy. Các vị đệ tử đều lắc đầu, nghĩ việc chắc khó thành. Nhưng Phật vẫn thản nhiên đi. Đến độ 3 lần, đều bị chửi đủ 3.- Lúc về đệ tử hỏi Phật độ được không? Phật nói : độ rồi ! – Nghĩa là khi còn cái Tôi thì dù lớn thế nào cũng ở trong bàn tay của cái KHÔNG mà

thôi. Nhứt định là chạy không khỏi. Nên có vị Thiên-Sư nói :”Cái CÓ của mày có hạn, còn cái KHÔNG của tao vốn vô cùng”.

Trong kinh Hoa-Nghiêm có nói một câu vô cùng thấm thía : “Chẳng thà ở dưới địa ngục mà còn được nghe tiếng niệm Phật, còn hơn ở trên cõi Trời mà chỉ hưởng yên vui”. Nghĩa là ở trong cảnh khổ bao giờ cũng dễ nghe pháp, dễ giác ngộ hơn. Còn ở cõi Trời chỉ hưởng phước, thì hết phước sẽ bị đọa xuống cõi dưới ; cũng như con nhà giàu có sẵn của từ thuở nhỏ thì không thể nào biết sử dụng của cải. Cho nên thà ở địa ngục được nghe pháp, còn hơn ở cõi Trời hưởng yên vui. Nghĩa là một cách nói khéo cho chúng ta rằng : đừng ham tu phước, vì tu phước không phải là tu. Nếu chỉ nói đừng làm phước thì sẽ sanh ra thứ ích kỷ. Nên phải nói cách nào cho họ đừng bòn sẻn mà cũng đừng mong cầu, nếu không thì làm phước chỉ là một cuộc mua bán. Do đó chúng ta đọc kinh sách thì nên đọc ở sau lưng, bề không có chữ mới gặp được kinh thiệt. Nhưng như vậy chúng ta lại không đọc được ! Cũng như thầy trò Tam Tạng đi thỉnh kinh, dọc đường về mở ra thấy giấy trắng không bèn đem đổi lại. Người phát kinh nói : Tại người xứ ông nghiệp chướng nhiều quá nên đọc kinh này không được, chớ kinh vô tự đây mới chính là kinh thiệt đó !

*** Nếu đọa vào tâm nhiễm thì tạo nghiệp, chịu trói buộc; gọi là phạm, trôi lăn trong ba cõi, chịu muôn điều thống khổ.**

Thưa, ba cõi tức là cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Ba cõi ấy không ở đâu lạ hơn là chính trong thân chúng ta. Học Phật chúng ta nên nhớ nắm lòng nguyên lý quan trọng nhất là : Phật khéo tháo banh con người chúng sanh ra để cho thấy hiểu hết rồi mới khâu lại. Nghĩa là muốn biết hết tất-cả chỉ có trở về với con người của chính mình trước. Vì con người là cả bầu bao la và bề mặt địa cầu thu hẹp lộn ngược trở vào. Quý vị đã đọc Nội-Kinh, nếu có để ý về mặt giải phẫu cơ thể sẽ thấy rõ có nhiều điều hay lắm !

Thí dụ từ thượng tầng bầu khí quyển vô đến trung tâm địa cầu chia làm 3 cặp khí (3 âm 3 dương), thì thân con người cũng chia ra 3 phần : từ chên vùng trở lên gọi là pháp thiên, từ rún trở xuống gọi là pháp địa, khoảng giữa gọi là pháp nhơn. Đó là Dịch lý biểu hiện nghĩa Tam Tài ở trong thân. Nhà Phật căn cứ vào lý đó mà định ăn sớm mai là chư Thiên ăn, ăn trưa là Phật ăn, ăn chiều là súc sanh ăn, ăn tối là ma quỷ ăn. Nhưng nghe nói thế, chúng ta lại ra sức cố ăn cho thật no buổi trưa, để buổi chiều không ăn, tránh khỏi làm súc sanh ! Chớ không hiểu rằng đó là Phật muốn mượn vấn đề trong thân để lập pháp cho được điều hòa. Còn việc lấy bữa trưa làm chánh là tục lệ tu hành của xứ Ấn Độ, tuy nhiên nó cũng không phải là việc hiểu rõ về con người. Và chẳng, nghiệm kỹ vào thân người chúng ta sẽ thấy ăn bữa sáng vào từ cuống bao tử có điễm tâm vị là nơi giao dịch với thần kinh tim - sẽ liên lạc nuôi ở phần trên nhiều hơn. Vì từ chên vùng trở lên là pháp thiên, thuộc về phần ảnh

hưởng của ánh sáng và không khí. Thức ăn buổi sáng vào đều đi lên nuôi các tế bào của phần thân trên nhiều hơn, nên gọi là chur Thiên ăn. Do đó những người làm việc bàn giấy hay làm việc trong nhà, thì buổi sáng ăn no không được.

Buổi trưa là buổi giữa không khí giao, âm dương giao nhau ra đến tột bực ngoài bầu khí quyển rồi bắt đầu trở vào trong ; nên ứng vào người, thức ăn đi vào lúc đó có ảnh hưởng nhiều ở khoảng giữa thân. Còn buổi chiều, bầu khí quyển đã đi lần vào đến trung tâm lòng đất, nên ăn buổi chiều ảnh hưởng đến phần bên dưới nhiều hơn. Do đó ăn chiều là súc sanh ăn, ăn tối là quỷ ăn.

Về phương diện tâm thức cũng vậy, phần nặng đều chứa từ rún trở xuống, phần trung bình chứa từ rún lên đến chẻ vùng, phần nhẹ chứa từ chẻ vùng trở lên. Nên ở trên thuộc về cõi vô sắc, ở giữa thuộc cõi sắc, ở dưới thuộc về gan chỉ huy nên gọi cõi dục. Ở đây chúng ta chỉ đại lược là thế, nếu có đọc Nội Kinh thì quý vị sẽ tường tận hơn về nghĩa 3 cõi trong thân.

Thêm nữa, nếu chúng ta dong ruổi theo từng phần của ngoại cảnh để gom bó vào thân, thì chính ngay khi sống đây, chúng ta vẫn đuổi theo thèm khát dục vọng của tai mắt miệng mũi thân ; tất nhiên khi chết, thành phần nào giàu nhất sẽ làm chủ để điều động chúng ta trong vòng luân hồi. Do đó khi sống ở trong mê thì khi chết bị trôi lăn trong 3 cõi, đó là chuyện dĩ nhiên. Thí dụ bây giờ mình đắm đuối theo sắc thì đêm sẽ nằm mơ. Nằm mơ mà tưởng là thật nên mới bị đi theo. Đó chính là dục vọng phóng rọi ra mà thôi.

Lư-Tín, một nhà bác học cận đại có nói : Thiên hạ vốn vô sự, chỉ tại người vướng về tự rồi ren (thế thượng bản vô sự, dung như tự nhiên chi). - Sự thật, nếu không có thằng người thì không có vấn đề.

Có vấn đề là chỉ tại thằng người bày đặt mà thôi.

*** Vì sao thế ? Vì tâm nhiễm trái chướng với thể chơn như.**

Nghĩa là hễ nổi lên vọng niệm là gây thành mâu thuẫn nội tại. Chúng ta nhìn thấy sáng tối, động tĩnh, thân cảnh, mình người ... không biết đó là hiện tượng âm dương tương đối, mà chúng ta làm hiện tượng tương đối là định luật mâu thuẫn nên ôm nó vào lòng làm thành mâu thuẫn nội tại. Mâu thuẫn nội tại lại được dựng lên tán dương, để rồi dựa vào đó mà đánh giết lẫn nhau. Chỉ có con người mới làm kiêu đó !

Có một câu chuyện thật thú vị để nói lên vấn đề mâu thuẫn là chuyện “Vừa bán mộc vừa bán giáo”: có một ông gánh hàng đi bán, một đầu gánh đựng giáo một đầu gánh đựng khiêng. Rao rằng : Khiêng này vật gì đâm vào cũng không lủng. Rồi lại tiếp : Giáo này đâm vào vật gì cũng lủng. Có người nghe ra thấy buồn cười bèn hỏi : bây giờ lấy giáo của ông đâm vào khiêng của ông thì sao? Ông không trả lời được.

Cũng như thuyết duy vật gặp phải hai nhược điểm to tát mà không ai để ý tới là : Chỉ đưa ra hai chữ “duy vật” tức là đã chấp nhận duy tâm rồi ! Tôi tự xưng tôi thuộc phe duy vật tức là tôi đã chỉ người phe khác là duy tâm; nghĩa là tôi vẫn còn ở trong tương đối. Như thế đâu phải là chân lý ! Đó là nhược điểm thứ nhất.

Nhược điểm thứ hai là : Duy vật cho tất-cả vũ trụ này chỉ là hóa trình biến hóa lưu động, nghĩa là tất cả đều không thật, đều tổ hợp, đều vô thường. Đã qua qua rồi, hiện tại không dừng, vị lai chưa đến. - Lời nói nghe thật lưu thông không khác lời Phật nói, nhưng sao lại dựa vào đó để kêu gọi người ta giết nhau mà giành giật vật chất ? ! Đó là phải chủ nghĩa rồi ! Thuyết duy vật trở thành lạc hậu vì vừa bán giáo lại vừa bán mộc.

Thật ra, vấn đề duy tâm và duy vật ngày nay là hai phe bên nội và bên ngoại của cùng một đầu ông đánh nhau để dành của hương quả, chớ tâm hay vật cũng là một thứ vật chất mà thôi. Còn chữ duy tâm của nhà Phật dùng là bởi không có chữ để nói nên phải tạm dùng. Sự thật Phật muốn nói là “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”, tức là nghĩa “vạn vật đồng nhất thể” của Không Tử. Nhưng nếu nói “vạn vật đồng nhất thể” thì chúng ta phải đề phòng mình bị rơi vào ngoại giáo, triết học ; vì Không Tử nói câu đó là để người nghe phải quay trở vào mà chứng thực nơi mình. Vì thế kinh Dịch mới nói : “Kiết hung hối lãn quan hồ động – Bất động vi đại” (Lành dữ khổ vui đều bởi động. Chẳng động là to nhất). - Vậy cái gì động ? Cái gì chẳng động? Tại sao lại chẳng động ? Chẳng động bằng cách nào ? Nếu không có MÌNH thì có thành vấn đề không ?- Quả thật khi chưa có tôi thì chuyện không thành vấn đề ; sau khi tôi chết thì chuyện cũng không thành vấn đề ! Nên biết : có chuyện này là tại có TÔI, nên cũng có đủ thứ hết. Do đó vấn đề quan trọng là có TÔI, nếu không nhắm vào chỗ đó thì sẽ bị lạc đường. Hỏi : Thưa, nếu chỗ quan trọng là chỉ nhắm vào cái TÔI, tại sao chính Phật, cũng phải tu qua nhiều kiếp mới thành Phật ?

Đáp : Thưa, chúng ta khỏi phải nói nhiều đời nhiều kiếp gì hết. Hễ người nào thấy được chỗ quan trọng đó mà dám buông mình là hết chuyện. Còn thấy được mà không dám buông thì phải qua 3 A-tăng-tỳ kiếp chớ nói chi là nhiều đời nhiều kiếp. – Nên tôi xin kể câu chuyện ông Giáo đến nói chuyện với ông Thiên-Sư. Ông Giáo hỏi : trong kinh Phật dạy tu phải qua 3 A-tăng-tỳ kiếp mới đến được, còn Thiên-Sư lại nói tu liền một kiếp này thành Phật thì đâu có lý !

Ông Thiên-Sur không trả lời lại hỏi : Thí dụ từ trước đến giờ ông là người tốt, ngay thẳng, không gian tham. Rồi một hôm bỗng dung thấy của quý ông động lòng thò tay lấy. Vậy hồi ấy ăn cắp nguyên con hay chỉ có cánh tay ? Ông Giáo đáp: Ăn cắp thì ăn cắp nguyên con, sao chỉ có cánh tay thôi !

Thiên-Sur nói : Ăn cắp thì nguyên con, sao thành Phật không nguyên con được ! Cho nên chỉ có bằng lòng với không bằng lòng ; nếu chưa chán còn muốn đi nữa thì cứ đi. Tôi xin nói thêm về chữ 3 A-tăng-tỳ kiếp của Phật nói - tức là 3 Vô-lượng kiếp. Nên nhớ đó là thuộc phần giáo, phần triết học. Nếu học Phật mà không hiểu cho rành thì chỉ mùi kinh cũng đủ làm cho chúng ta ra không được. Cứ mỗi một Thái-dương-hệ là một tiểu thế giới, một ngàn Thái-dương-hệ gọi là một trung thiên thế giới, một ngàn Trung-thiên thế giới gọi là một Đại-thiên thế giới. Mà có 3 ngàn Đại-thiên thế giới như vậy - Tức là vô lượng vô số, không còn có thể làm toán được nữa. Mà có 3 vô lượng như thế thì là cả một sự vô lý không có bao giờ ! Nhưng nên nhớ Phật sơ dĩ nói vậy là có tác dụng để nói : Mày giỏi xài trí óc thì tao cho mày xài, nhảy cho tới hết đường, chói lòa rồi ngừng. – Như vậy chúng ta lắng nghe được ý ngoài lời là : hướng trở ra mà tu thì không thành gì hết. – Nhưng nếu nói không thành thì e chúng sanh thấy khó mà bỏ lơ đi, nên buộc lòng Phật phải nói qua 3 A-tăngtỳ kiếp mới thành. Chỗ đó là lòng từ của Phật, và cũng là chỗ can trường dữ dội nhất của Phật. Phật ví bốn tánh chúng ta như mặt đất, những thứ thâm vào như hột giống. Hột giống thâm vào nếu là chuyện hữu hạn, tầm thường thường thì nó thuộc hột giống sanh diệt ; nếu là chuyện cao cả hằng còn thì thuộc hột giống bất sanh bất diệt. Do đó Phật thường nói : nếu Phật, Bồ-Tát mà thiết tình nhìn thấy có tướng chúng sanh, tướng thọ yếu, tướng mình người ... thì đâu làm việc nổi !- Nên Phật nói thì cứ nói, mình nghe thì cứ nghe. Vì chuyện Phật nói vốn bất sanh bất diệt, khi nghe dù muốn giữ hay không giữ cũng vẫn còn đó ; nếu xô ra nghĩa là lòng chưa chán cái không thiết, thì hột giống đó càng đeo gần mình hơn nữa. Do đó, khi xưa các người tu chứng nhập rồi phải nhờ các vị Thiên-Sur thử đủ cách. Thật ra nếu không có thiện-tri-thức thì không biết lấy đâu mà giác ngộ, cũng như nếu không có phiền não thì cũng không biết lấy đâu để thức tỉnh. – Con gà con khi còn trong trứng, trước khi muốn chun ra phải khai mỏ cho trứng vỡ. Đứng thì trứng nứt, nếu còn dính vỏ, người ta mới gỡ giúp cho. Nên sự đời này, lý của nó là cái nhân tổ hợp, chỉ có thêm điều kiện hay bớt điều kiện mà thôi. Tất cả mọi việc đều không phải khi không bỗng nhiên mà có được. Cũng vì thế tổ Huyền-Giác sau khi tổ ngộ có nói một câu : “Phân cốt toái thân vị tức thù” (sau khi được tổ ngộ rồi dù tán thân này ra thành tro bụi cũng chưa đủ đền đáp) – Nói như vậy là bốn phận của người nhận ; còn nhìn thấy không có công ơn gì cả là bốn phận của người cho. - Nếu người nhận như vậy mà xem thường là không phải người biết nhận. - Người cho nếu thấy có công ơn thì không phải thật lòng của người cho. Sự đời đến chỗ đó mới thật thắm thía, thật can trường ! và cũng là một thú vị cao cả nhất của con người !

* Nên kinh Thập-Địa nói : Trong thân chúng sanh có tánh Phật Kim-Cang tròn sáng như mặt trời, rộng lớn không bờ mé. Vì bị mây 5 ám che khuất như đèn bị chậu úp, sáng không hiện được.

Nói đèn bị chậu úp cũng như nói mang cặp kính đen mà đi tìm màu sắc thực của sự vật là vô lý, hay có thể nói mình ôm máy chụp hình nhảy tung tung thì dù cảnh vật đứng yên cũng không chụp được. – Nhưng lạ thay ! con người dùng cái máy nào cũng biết điều chỉnh trước khi dùng, còn dùng cái máy MÌNH thì cứ để nguyên vậy, có trục trặc cũng mặc ! Tôi nói điều đó hiển nhiên, rõ ràng, dù tuổi nhỏ cũng dễ thấy. Chỉ việc nhìn lên trời thấy cụm mây nhỏ bay ngang che khuất mặt trời, thì ở dưới này liền bị tối. Nên Lục-Tổ nói : Tuy mắt có thấy tối, nhưng sự thật bề trên sáng bề dưới tối. Khi có luồng gió quét qua thì trên dưới đều như nhau. Chữ “ám” cũng là chữ “uẩn” để chỉ sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nguyên của chữ “ám” là chữ âm, nghĩa là trùm kín lại. Cứ mỗi một uẩn là có 5 uẩn trùm kín, mà 5 uẩn đều như vậy, thế là 5 lớp chồng chất bao trùm. – Lãnh vực của sắc là không với sắc (có); lãnh vực của thọ là xúc với ly ; lãnh vực của tưởng là nhớ với quên ; lãnh vực của hành là sanh với diệt; lãnh vực của thức là được với bị. Tóm lại đó là lãnh vực của những cặp mâu thuẫn. Nếu còn thấy có mình người, thân cảnh, tâm vật, Phật và chúng sanh ... nghĩa là còn thấy có “cặp” là còn bị che khuất. Dù mắc kẹt với không cũng là một thứ mắc kẹt sắc, vì không với sắc là hai bề của sắc âm. Còn nếu không kẹt vào “cặp” mà thấy đặc một khối như bánh đúc thì là không biết gì hết.

Nên thế thường có nói:

“Lòng đèn chậu úp không soi,

Mãn coi nhan sắc quên coi cẳng cùi” là vậy.

Lại trong kinh Niết-Bàn có nói : hết thảy chúng sanh đều có tánh Phật, vì bị vô minh che khuất nên chẳng được giải thoát, tánh Phật tức là tánh giác đó ! Chỉ tự giác và làm cho kẻ khác giác ngộ. Giác ngộ rõ suốt thì gọi là giải thoát.

Đúng lý ra chỉ nói tự giác là đủ, nhưng vì chúng ta chỉ nghe được có bề có chữ mà không nghe được bề không chữ. Do đó nếu chỉ nói tự giác thì sẽ sanh ra ích kỷ, nên phải nói chỉ có tự giác và giác ngộ kẻ khác thì cái nghe mới tròn. – Cũng như nói “tận nhọn lược”, phải thêm câu “tri thiên mạng”. Vì nếu chỉ nói tận nhọn lược thì chúng ta sẽ cố tận sức làm để rồi gặp thất bại sẽ chán nản mà tự tử. Còn nếu chỉ nói “tri thiên mạng” thì chúng ta sẽ y lại số mạng để không thêm cố gắng làm gì cả. Đó là chỗ đặc sắc của ngôn ngữ người xưa.

Nên biết tất-cả việc thiện đều lấy giác làm gốc. Nhờ giác mới có thể hiển hiện các cội công đức, quả Niết-Bàn cũng nhân đây mà thành tựu. Quán tâm như thế có thể gọi là “liễu”.

Chúng ta đừng hiểu chữ Thiện đây giống như cái hiểu thường tình là sai rồi ! Đừng tưởng như chuyện gặp người đi xin thì lấy gạo đem cho, hay mua chim thả ... là pháp lành. Vì nhiều khi chúng ta làm thiện là mục đích để cầu cho mình được một điều gì ... thì việc đó đã trở thành pháp dữ chớ không còn là pháp lành nữa, vì đó chỉ là việc mua bán. Chúng ta phải thận trọng chỗ đó. Tất cả pháp lành đều từ tâm giác nảy sanh, phải mắc gốc tận tận trung tâm, chớ không ở trên tướng. - Nếu một người từ trước làm nghề lừa trâu trộm của người ta , bây giờ tu chứng rồi không làm chuyện đó nữa. Nhưng với khả năng cũ người ấy vẫn đi lừa trâu của những tên trộm trâu mà đem trả lại cho chủ mất trâu. Việc làm như thế đâu thể gọi là pháp ác !

Sự thật hễ có trướng thì phải nở. Nên theo thường tình thế gian thì có phân ra ác nhiều hay ít, nhưng sự thật hễ ác vẫn là ác. – Khi giặc đến mọi người đều hoảng chạy. Đến lúc về, người chạy gần cười người chạy xa cho là nhát. Thật ra cùng là nhát cả, vì nếu đạn sao có chạy ! Do đó mới có câu :”Tọa mật thất như thông cù, ngự thốn tâm như lục mã” (Ngồi trong phòng kín như ở ngoài đường cái, chế ngự tác lòng như điều khiển 6 ngựa). Và cũng có câu :”Thốn tâm bất muội, vạn pháp giai minh” (khi lòng mới chớm phát mà thấy được thì tự nhiên mọi việc đều được tỏ sáng). Do đó Nội-Kinh còn nói :”Cơ mâu dấy động, họa phúc liên sanh ; điềm đạm rỗng rang bịnh nào phát khởi”. Mũi tên đã lấp vào cung, quan hệ chỉ ở lúc buông tên hay không buông thôi, nếu tên đã buông thì không bao giờ lấy lại kịp. Đến đây tôi xin thuật lại câu chuyện của Trang Tử để mỗi người thưởng thức : Một hôm Trang Tử mang cung tên đi săn bắn. Đến vườn của một vị tướng quốc thấy có con chim Phượng to đậu trong vườn. Thích quá ông tìm lỗ hồng chui vào. Trên cành chim Phượng đang đứng rình mọi bất động như chim gỗ, ông liền lấp đạn vào cung, nhắm vừa tầm sửa soạn buông. Bỗng thấy lạ, sao chim đứng im thế kia ! Thì ra, nhìn trước con chim là một chú bọ ngựa – cũng đang im lìm rình châu chấu con, mà châu chấu kia cũng đang vật lộn với một con sâu quăn – trông rõ cảnh tượng, Trang-Tử giật mình, tay cung bỗng chùn lại. Liền khi ấy lão già giữ vườn xuất hiện, bắt kẻ đi săn trộm về giam. Ít hôm sau được trở về, Trang Tử không nói năng gì vào phòng đóng cửa ở luôn 5 ngày. Lúc ra, học trò đến thăm, hỏi : Thầy có bịnh gì không?

Ông đáp : Không bịnh gì cả. Nhưng kể từ nay ta không đi săn nữa.

Học trò hỏi. Trang Tử bèn thuật lại hết câu chuyện xảy ra.

Nghĩa là hết thấy thế gian đều sẵn đuổi trở ra, mà quên rằng phía sau lưng mình cũng đang có người sẵn đuổi – Nên đừng sẵn đuổi nữa là hết chuyện ! Đến đây còn ít thời giờ, tôi xin trình bày vài nhận định đối với cái cơ tối yếu hiện thời. Theo tôi thấy, thế tiến triển kỳ lạ của lượn sóng vật chất 5 châu hợp chợ của loài người ngày nay đã đưa con người vào một tình trạng bế tắc khủng khiếp. Ví như một người tâm đã thấy tạm lưu thông chẳng nữa cũng khó có một khả năng có thể điếm đâu tất cả những sinh hoạt vật chất đưa đến với chính con người của mình. Nên chỉ thiếu vấn đề đương đầu với sinh hoạt vật chất cũng đủ để bị lượn sóng vật chất nó nhận chìm. Do đó tất-cả các nguồn thiền học ngày nay không còn đứng vững nữa. Đó là chỗ tôi đang tột bực băn khoăn. Mong quý vị nếu đã đọc NỘI KINH rồi nên cố gắng lưu tâm – Cho đến đối với một người có thể nói là thông đạt không có người thứ hai ở trong giai đoạn này là ông Krishnamurti, nhưng chỉ vì thiếu vấn đề hiểu biết trên xác thân vật chất, vấn đề ăn uống sinh hoạt, với tất cả vật chất đến với mình ; nên ngài rất muốn đặt lại một nền tảng giáo dục, văn hóa cho loài người cũng tìm không có cách trọn vẹn được. – Tôi không dám nói là tôi hơn ông, chỉ nói rằng tôi đã thấy được lối thoát ở chỗ nào. Tôi đã làm rồi chuyện của tôi và đã có một đường hướng. Nhưng tôi biết công trình này phải dày dặn lắm ! Đúng lý ra tất-cả đều phải chầu về làm việc này mới có thể giúp chúng ta thoát vòng tục lụy được. Nhưng bây giờ không có ai hơn là quý vị có mặt nơi đây, tôi rất mong quý vị lưu tâm về hướng đó. Chỉ nhìn trong nhóm người chúng ta hiện giờ đây đã có bao nhiêu người cạnh thị. Như thế trọn đất nước Việt Nam còn bao nhiêu người nữa ; và cả thế giới sẽ ra sao ! Chúng ta may mắn lắm là biết tránh được vấn đề tử lạnh, radio, tivi, ngoài ra còn bao nhiêu vấn đề khác chúng ta chưa biết đến, nên phải rất thận trọng. – Tôi nói chỉ vấn đề hằng ngày mua rau cải ngoài chợ ngày nay cũng có lúc làm cho con người gặp phải bao nhiêu khó khăn. Và vấn đề loài người đánh nhau để tranh hơn tranh thua cũng đã làm xáo trộn cả trật tự thiên nhiên, để rồi sẽ đưa con người đến đâu không ai biết được ! – Nên chỉ có thâm nhập vào tinh thần NỘI KINH trước thì mới đủ sức đương đầu với cơ hiện tại. Tôi thẳng thắn nói rằng chính tôi thấy chuyện của ngày giờ này trước đây hai, ba mươi năm. Muốn đem nói ra nhưng chưa đủ cơ duyên cho người nghe. Tôi phải chờ bao nhiêu năm nay, đến ngày giờ này đã già, tôi không muốn để sẽ có người phải mang nhiều ân hận, nên ráng nói ra đây được đến đâu hay đến đấy. Thật ra, theo tôi thấy hiện nay chưa có một nền tảng giáo dục, văn hóa, y-khoa ... và cả mọi ngành một cách đúng nghĩa, nên tôi rất băn khoăn. Nghĩa băn khoăn đây không phải là tôi sợ chết làm không kịp, hay sợ nhiều người không biết tôi. Nhưng lòng tôi chỉ thương xót cho cuộc đau khổ của loài người sắp tới mà thôi. Nên rất mong hàng thức giả hãy cùng lưu tâm !.

---o0o---

TUẦN THỨ BẢY

Đêm hôm qua tôi chợt thức giấc vào khoảng 2 giờ 30, tỉnh-tọa xong tôi nằm - tự nhiên nước mắt bỗng trào ra. Không phải bởi tôi buồn mà khóc, cũng không phải bởi có chuyện vui quá mà đến ra nước mắt. Không biết là gì mà lòng còn nghe tức tối bực dọc lạ ... Nghiệm kỹ tôi mới nghĩ ra : Nhớ lại trong kinh, mở đầu hội Pháp-Hoa Phật nhập định không nói gì cả. Kế đó là cuộc phóng quang rồi Phật mới mở mắt ra nói chuyện. Bắt đầu Phật tán thán trí-huệ của chư Phật sâu vô lượng không thể nghĩ bàn. Đi sâu vào càng đến phần phương tiện, Phật mới thuật lại sau khi chứng thực được rồi Phật có nói : Lạ quá ! tất-cả chúng sanh đều có đủ trí huệ đức tướng của Như-Lai, nghĩa là y nguyên như ông Phật, đều có đủ khả năng để thấy được sự thật. Mà lạ quá ! Tại sao nó không thấy ! Nhưng tại sao ông Phật đã tỏ tận cùng lý tánh mà còn lấy làm lạ ? Đó là vấn đề tôi rất bực dọc khi tôi bước chân đi tu. Ngày một ngày hai, đến khi biết được lý do tại sao rồi tôi mới yên được. Nhưng đến phiên mình, thì tôi cũng mang một tâm trạng giống y như vậy - lạ quá ! không biết tại sao chuyện sự thật rất giản dị mà đối với mọi người đều trở nên khó khăn vô cùng ! Bỗng sanh tức tối trong lòng, mà không biết tức cái gì !

Nghiệm kỹ mới thấy hồi mình biết là cái biết đi thẳng vào chỗ trọn vẹn bằng trực giác. Đến khi nói ra cho mọi người nghe, khó ở chỗ là muốn nói bằng thứ ngôn ngữ các ông Thiên-Sư. Người ngoài nghe trừ một số rất ít, còn phần đông không sao biết được. Còn nếu nói cho mọi người đều nghe được thì đó là ngôn ngữ của lý-trí, chỉ nói ra vấn đề từ cục riêng rẽ chớ không sao nói trọn được, phải lấy cái này so sánh cái kia, mượn cái kia so sánh cái nọ. Rất cuộc người nghe biết bằng cách tưởng tượng theo miệng của người nói chớ không phải biết sự thật ; giống như mị thuật chỉ một vật nói là cái máy, rồi mình tưởng tượng theo đó mà thấy ra vậy. Thành ra một thứ nói để đừng biết. Đó là nỗi khổ tâm của người muốn nói sự thật. Do đó sanh ra một trạng thái lạ, tức mình mà không biết tức cái gì ! - Đến chỗ đó, dù ông Phật cũng gặp phải khó khăn. Cho nên biết khó khăn không phải tại các ông Thiên-Sư hay tại ông Phật !

Từ đó tôi liên tưởng đến câu chuyện : Ai cũng thấy khoa học vạn năng, nhưng sự thật chẳng có gì là vạn năng cả. Vì khoa học chế được vô tuyến truyền hình làm cho người ở bên kia thế giới biết được chuyện bên này, ở đây biết được chuyện khắp 5 châu .. Nhưng điều đáng nói nhất là không ai có thể làm cho hai người thật giáp mặt nói chuyện mà thật hiểu nhau được ! Chung qui tôi thấy chỉ có làm cách nào trở lại với chính lòng mình thì tự nhiên ranh giới của mỗi người mới có thể xóa bỏ mà cảm thông với nhau được. Nếu không thì dù hỏi bộ óc điện tử chẳng nữa, bộ óc điện tử ra dấu rồi chúng ta cũng chỉ nhận hiểu được bằng lối suy nghiệm qua bóng dọi của ý thức mà thôi. Trong tuần báo khoa học có thuật một câu chuyện rất thú vị : Một người mang hai cái đồng hồ đến hỏi bộ óc điện tử ; một đồng hồ hư và một đồng hồ chạy trễ, hỏi nên dùng đồng hồ nào. Óc

điện tử trả lời nên dùng đồng hồ hu. Hỏi tại sao? – Đáp rằng dùng đồng hồ hu thì dù sao suốt ngày đêm cũng còn có 1 giờ đúng ; còn đồng hồ trẻ thì giờ nào cũng bị trẻ nên không dùng được ! Thế thì óc điện tử cũng không hơn gì óc con người, vì nó do con người để ra và để nhận lại bóng dội của chính lòng mình mà thôi.

Mãi mê với những ý nghĩ mà thời công phu sáng đã gần mãn. Mấy câu chú kết thúc hòa với tiếng mõ, vang cùng tiếng chuông ... tôi buông mình trả lại cho lưu thông . Bỗng thấy tất cả chúng ta không phải lúc nào cũng mê ; mà hình như trong chúng ta luôn luôn có hai phần. Một phần tỉnh và một phần mê, và thường thì phần mê che khuất mất phần tỉnh. Tôi sực nhớ đến câu thơ của một nhà thi sĩ Việt Nam : “Đánh tan tục niệm hồi chuông sớm. Gõ vỡ trần tâm tiếng mõ trưa”.

Quả thật trong khi tịnh, tôi thấy rõ từng ảnh-hưởng của âm thanh. Tiếng chuông thuộc về âm thanh phá mê cho bộ óc lý trí. Tiếng mõ thuộc âm thanh ảnh hưởng thẳng vào Gan rồi đi lên Tim đánh thức trực giác. Vấn đề ảnh hưởng trở ra của âm thanh, nói ra ai cũng hiểu, nhưng chuyện chứng thực được ngay trong lòng thì không thể dễ dàng với tất-cả mọi người, phương chi con người chúng ta luôn luôn phóng vọt ra ngoài thì việc chứng thực lại càng khó khăn hơn. Có nhiều khi ngẫm nghĩ tôi bắt bực cười ; trong khi chúng ta gặp mặt nhau là gặp cái gì ấy ! Thế mà có lắm người đi tu để kiếm cái gì, chớ không phải để hiểu sự thật ! Như vậy khi hai người gặp nhau là giữa 2 người đã có sẵn một tấm vách ngăn. Người ở bên này nói với qua người bên kia, chớ không phải giáp mặt nhau bằng cách chân thành. Lắm lúc tôi nghĩ mà cứ tức ! Chuyện rất giản dị, mà cũng đáng buồn cười là vì trong mỗi người thiếu tấm lòng thiết tha thành thật để khám phá chính con người của mình, nên hóa ra mê muội không biết gì hết ! Còn nếu có biết được tất-cả mọi việc chẳng nữa, mà biết bằng cách nhìn ra thì cái biết đó cũng không mang lại ích lợi gì ! Sự thật mỗi người đều có một đặc điểm, chỉ có chính mình tự mê lấy chớ không ai làm cho mình mê hết.

Hỏi : Như trên đã nói, tánh Phật chơn như, tất-cả công đức đều nương nơi giác làm gốc, chẳng hay cái tâm vô minh lấy đầu làm gốc ? Đáp : Cái tâm vô minh tuy có 84,000 phiền-não tình dục và hà sa các điều ác đều nhân 3 độc làm gốc, 3 độc là tham sân si đó. Cái tâm 3 độc này tự nó đủ tất cả khả năng làm ác cũng như cội cây to tuy chỉ có một, nhưng có biết bao cành lá. Căn cội của 3 độc, trong mỗi một cái rễ sanh ra các nghiệp ác vô lượng vô biên không thể tỷ dụ. Tâm ba độc như thế từ trong bản thể ứng hiện ra 6 căn, cũng gọi là 6 kẻ giặc, tức là 6 thức đó !

Thưa, ở đây chắc ai cũng biết tượng đức Di Lặc có 6 thằng nhỏ bò trên người mọc lỗ mũi, mọc miệng, mọc tai, mọc mắt, mọc rún và một thằng vò đầu. Đó là ý muốn nói vấn đề tai mắt miệng mũi thân và ý của chúng ta lúc nào cũng phóng vọt ra ngoài cảnh để quấy nhiễu làm rối ren tâm tánh của chúng ta.

Do 6 thức này ra vào các căn tham đắm trần cảnh, tạo thành nghiệp ác trái chướng với chơn thể, nên gọi là 6 kẻ giặc.

Đây chúng ta có thể nói một cách nôm na cho dễ hiểu là gió thổi, sóng to làm chướng ngại cho mặt nước không thể yên lặng được. Nghĩa giản dị vậy.

Tất cả chúng sanh đều bị ba độc 6 kẻ giặc này làm mê loạn thân tâm, chìm đắm trong sanh tử, luân hồi trong 6 nẻo chịu các điều đau khổ.

Vấn đề luân hồi chúng ta mới nghe qua hình như có vẻ mê hoặc, dị đoan lắm. Nhưng nếu chỉ nhìn ở hiện tại, chúng ta có dám tự bảo đảm rằng mình đừng sắc không bị sắc lôi cuốn, mình nghe một bản nhạc tuyệt vời không bị âm thanh cuốn hút. Và mùi vị ... cũng như tất-cả những chuyện khác đến với chúng ta mình có bảo đảm là trong lòng mình đã như mặt nước bằng, không xao xuyến hay không ? – Và hiện giờ đây chúng ta có 5 giác quan ; nhưng tác dụng không phải chỉ hạn hẹp ở trong phạm vi 5 giác quan đó, mà cứu tận khắp người chúng ta đều có đủ cả 5 giác quan. Tại sao biết thế ? – Vì mỗi khi mũi chúng ta hít vào thì lỗ chân lông khắp mặt da đều thở ra ; thết là khắp mặt da đều có miệng. Khi miệng thở ra, khắp cả mặt da đều hít vào ; thế là khắp mặt da đều có mũi. Vì thế chúng ta thoa dầu mới có ảnh hưởng cảm biết nóng hay lạnh. Khi chúng ta nghe mát nghĩa là cái hít vô nhiều hơn, khi nghe nóng nghĩa là cái thở ra mạnh hơn. Nếu khắp mặt da có mũi, miệng lẽ tất nhiên cũng phải có đủ tai mắt. Một người điếc ngồi trên phản gỗ, muốn gọi người đó tôi chỉ cần vỗ dưới phản thì họ sẽ quay lại ngay. Thế là nghe bằng cái đất. Thêm nữa, mặt da có thể tiếp xúc với tất-cả mọi vật để cảm biết nóng lạnh, trơn nhám v.v... hình thể cũng như tánh chất của vật, đó là xúc giác. Như vậy nghĩa là khắp cả mặt da chúng ta đều có đủ 5 giác quan – Mà bây giờ đây chúng ta nghe không ngoài lỗ tai, thấy không ngoài con mắt, ngửi không ngoài lỗ mũi, nếm không ngoài cái miệng. Thế tất hiện tại chúng ta đã bị đọa vào trong giác quan rồi !

Phương chi trong khi chúng ta hướng ngoại vọt trở ra thì bầu bao la khum khum này sẽ trở thành một tấm gương phản chiếu, có vô số cặp mắt của mình chiếu ngược trở vào để nhìn mình một cách quái gở lạ kỳ làm thành một thế mâu thuẫn đọng đầu.

Ngược lại, khi quay trở vào chính con người của mình, thì cũng ở trong bao la này mà khắp nơi đều có cái biết của tai mắt miệng mũi của mình nhìn trở ra theo chiều thuận. Thế nghĩa là hồi nhìn ra là cái thế mâu thuẫn, nhìn vào là cái thế phá mâu thuẫn. Chúng ta đã bị đọa vào trong giác quan, lại còn rơi vào thế hướng ngoại thế là chúng ta bị gói trọn ở trong vòng mâu thuẫn. Do mâu thuẫn đó mà chúng ta luôn luôn bị cái thế ngoại cảnh hút, vì chúng ta đã bị rơi hẳn vào trong cõi hiện tượng vật chất. Ở đình làng tôi có xảy ra một câu chuyện : một ông đang thổi kèn cho một đám hát đình, bỗng có một cậu bé cầm

trái me đến xem, đứng trước mặt ông mà cắn nghe dòn rụm, khiến cho ông thối ra nước đầy trong kèn. Ông tức mình đánh lộn với thằng bé, cả hai đều bị bắt đưa ra trước thầy Hương Quán. Thầy Hương Quán hỏi : tại sao hai người lại đánh nhau giữa buổi hội ?

Ông thối kèn thưa: tôi đang thối kèn mà nó lại đem me ăn trước mặt, làm tôi thối nước đầy nhóc trong kèn.

Cậu bé bảo : bầm thầy con ăn me miệng con, khi không ông đánh con ... Thầy Hương Quán nghe ra cũng chẳng biết phải xử làm sao, bèn phạt cả hai người rồi đuổi về. Như vậy là ông thối kèn đó đã bị trái me nằm sẵn trong bụng tận tự hồi nào ; giờ đây nghe thấy trái me ngoài, trong ngoài hút nhau mà ông bị điều khiển. Tất cả những cái khác cũng thế.

Đó là nguyên lý luân hồi.

Thế thì hiện tại đây chúng ta đã không tự chủ được, lẽ cố nhiên khi chết đến chúng ta không thể

làm chủ được. Nếu chúng ta cho rằng chết là hết, là bị đọa vào trong chấp đoạn của duy vật. Nếu thấy chết rồi còn linh hồn bất biến, bỏ xác thân này để đút vào xác thân khác ; thì bị đọa vào trong chấp thường của duy tâm Âu Châu ; cả hai đều sai cả. Phương chi về phương diện vật lý, không một vật nào không phải là tổ hợp, cho đến linh hồn cũng là do nhiều điều kiện ráp lại. Do đó, vấn đề linh hồn, vấn đề luân hồi sanh tử không phải là dị đoan. Nên khi bỏ xác thân này rồi qua thân sau, tượng thai đôi ba tháng rồi thì quên đứt các chuyện cũ. Nhưng đến khi trưởng thành thì chuyện cũ đâu hiện ra đó, còn đủ cả. Vì thế kiếp trước, mình cũng đã từng làm nhiều chuyện “cọp hùm” (chuyện nam nữ) rồi, đến kiếp này trải qua mười mấy hai mươi năm bây giờ hiện tại cũng còn nguyên. Chớ nếu quên đứt đi được hết thì vấn đề nam nữ chúng ta khỏi phải trở lại nữa. Do chỗ đó dòng sanh mạng của chúng ta trở thành từng đoạn, từng đoạn chuỗi hột xỏ xuyên lại nên nhà Phật gọi là “phân đoạn sanh tử”.

Tóm lại, đối với vấn đề sanh tử luân hồi theo tôi hề điều gì nghi thì nên để đó, chớ nếu có nghi mà chống đối nghĩa là mình chẳng muốn biết nó. Bất cứ vấn đề gì nếu chúng ta chống đối hẳn, hay khinh khi cho rằng không có, đều là ngăn lấp trí thông minh của chúng ta cả. Nếu có người hỏi vấn đề luân hồi ra sao? Khi tôi chưa biết thì tôi phải trả lời thế nào ? – Theo tôi, vấn đề cái TÔI làm che khuất trí thông minh, điều đó tôi thấy rõ nên tôi chấp nhận việc phải phá vỡ cái TÔI để mở sáng trí thông minh trước, rồi sau đó tức khắc tôi sẽ thấy rõ mọi sự vật. – Cũng như một người cầm chiếc máy ảnh mà nhảy tung tung thì không thể nào chụp được ảnh cho chính xác. Điều đó dễ hiểu tôi chấp nhận. Nên thôi, để bao giờ đứng yên chụp được hình

chính xác hẳn hay ! Còn tôi vội cho vấn đề đó là không hay có đều là bị đọa vào lãnh vực si mê cả. Vấn đề luân hồi giải quyết là vậy, chỉ có cách đó để cho mọi người dễ nhận nhất. Nên chúng ta đừng vội nghĩ chết rồi mới có luân hồi, mà luân hồi có ngay ở hiện tại đây chỉ chúng ta không hay mà thôi. Trong kinh thánh Thiên Chúa cũng có nói: làm ác bị đọa địa ngục, làm thiện được lên Thiên-Đàng. Đó là nhân quả. Hễ nhân quả có thì tự nhiên vấn đề luân hồi phải có.

* Cũng như sông rộng mênh mông, bắt nguồn từ khe suối nhỏ chảy mãi không ngừng, lần ra đến sóng cuộn ba đào, mịt mờ muôn dặm. Nếu có người lấp được tận nguồn thì dòng suối đều dứt. Người cầu giải thoát nếu có thể chuyển 3 độc làm 3 tu tịnh giới, chuyển 6 kẻ giặc làm 6 Ba-la-Mật tự nhiên lia dứt tất-cả nghiệp khổ.

Ba độc là tham sân si, đổi ra thành Giới Định Huệ.

Đó là thuật ngữ của nhà Phật.

Giới là tự mình thấy điều vô lý không còn nữa. Định là lòng lúc nào cũng không xao xuyên và dong đuôi theo ngoại cảnh.

Huệ là nhờ trong lòng không xao xuyên và dong đuôi theo ngoại cảnh nên tự nhiên thấy đâu ra đấy. Nghĩa là đứng yên thì tự nhiên chụp được hình chính xác.

6 Ba-la-Mật là : Bồ-thí, giữ-giới, nhẫn-nhục, tinhtán, thiên-định, trí-huệ.

Bồ-thí là không còn tâm ôm đờm chứa giữ, hiểu vấn đề chứa giữ là vô lý nên không làm nữa. Còn cho người ta để mong hưởng cái gì đó là lòng đi buôn chớ không phải nghĩa bồ thí. Giữ giới là dùng vấn đề phương tiện để giữ cái tâm, chớ không phải dùng cái tâm tạo ra phương tiện để tự trói mình.

Nhẫn nhục là thấy chuyện tranh dành hơn thua là vô lý, không đi đến đâu nên không làm nữa ; chớ không phải ráng bậm môi mà nhịn. Tinh-tiến là biết được cái mê lúc nào cũng nối tiếp, bây giờ mình trở vào chiều thuận, chiều ngộ cũng phải nối tiếp. Hồi mê, mê không ngừng nên ngộ cũng phải giữ cái ngộ không ngừng. Tinh tiến là nghĩa khác của hộ niệm, thức tỉnh rồi từ đó về sau phải giữ ý thức đó luôn.

Thiên-định : trong lòng không rối loạn, ngoài không sẵn đuôi theo ngoại cảnh gọi là Thiên-định. Trí-huệ : hễ có định thì mới có trí-huệ, có định là có huệ, chớ không phải định rồi mới có huệ. Hễ nước trong ngọc chiếu, mây vệt trăng soi, không có trước sau chi cả.

Do đó nghĩa bố-thí, giữ-giới, nhẫn-nhục, tinh-tiến, thiền-định, trí-huệ là 6 pháp để đưa chúng ta đi vào nẻo giải thoát; gọi là Ba-La-Mật (đó là danh từ Ấn Độ). Nên chuyển 3 độ làm thành Giới Định Huệ

nghĩa là chuyển tham sân si thành Giới Định Huệ ; chuyển nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, 6 kẻ giác thành 6 Ba-La-Mật gọi là Lục-Độ hạnh, tự nhiên tất-cả nghiệp khổ đều dứt. Tiếp đến sẽ có nói thêm một cách khác.

*** Hỏi : Sáu nẻo 3 cõi rộng lớn mênh mêng, nếu chỉ quán tâm làm sao thoát khỏi biển khổ vô cùng ?**

Sáu nẻo là : địa-ngục, nga-quỉ, súc-sanh, người, ATu-La, chư Thiên.

A-Tu-La là danh từ Ấn Độ, nghĩa là phi Thiên (tức là phước cũng như cõi Trời nhưng vẫn còn sân dữ dội). Do đó 6 nẻo luân hồi là do 6 tác dụng của 6 khía cạnh tâm linh ở trong thân, chịu ảnh hưởng bầu khí quyện ly tâm hương tâm của địa cầu, cộng với sự mê lầm gom nhóm của tâm thức tạo thành 6 cách hấp dẫn để về 6 hiện tượng gọi là 6 nẻo. 3 Cõi là : Cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Cõi dục là hiện tượng nhìn thấy của một kẻ nặng về vấn đề dục để bị hút về cõi đó. Cõi dục thuộc về phần thân kinh ở thân dưới.

Cõi sắc : thuộc về thân kinh ở khoảng giữa thuộc bộ tiêu-hóa ; còn từ chên-vùng trở lên thuộc về cõi vô-sắc. Nói một cách khác hơn, thí dụ từ hồi nào đến giờ trong tâm tôi gom nhóm hột giống mê sắc, nghĩa là hột giống ý niệm về dục vọng, thì bây giờ tôi nhìn ở đâu cũng thấy bằng kiểu đó. Cũng như thầu khoán thì thấy gạch ngói và xi măng ... Thợ rừng thì nhìn thấy cây tốt hay xấu ... Thầy thuốc thì thấy chỗ nào cũng là thuốc.

Cõi vô-sắc : thuộc về thân kinh hệ ở bộ óc. Nói một cách khác hơn, khi bị rơi vào cõi lý tưởng phiêu phiêu phương phương, cũng như máy ông nghiện hút say tột bực rồi thì họ tưởng tượng ra đủ thứ hết. Nên nghĩa của chữ cõi tùy vào nơi tâm thức của chúng ta. Khi sống như thế thì lúc chết cũng tùy theo duyên mà hút theo. Cũng như mọi người khi sống dục vọng thái quá thường tìm tới chốn lầu xanh, thì khi chết họ đầu thai vào xóm dĩ là tự nhiên.

Bây giờ tôi thấy hình như phải nói như vậy mới kèm nổi sự lùng tung của khoa học hiện thời.

*** Đáp: ba cõi nghiệp báo chỉ từ tâm sanh, nếu được vô tâm, tuy ở trong 3 cõi nhưng liền thoát ly 3 cõi.**

Nghĩa là nếu trong bụng tôi không có chứa vấn đề dục, thì dù tôi ở xóm dĩ cũng không vì thế mà tôi đi. Có một câu chuyện thế này : Có một ông hiền đi đến một nơi nọ là xóm ăn cướp, kẹt không có chỗ ở nên phải dừng chân tạm đó. Được bọn cướp

rất thương yêu thường hay chia sẻ giúp đỡ cho, ông ở đó đã 12 năm rồi mà không ai biết ông là ông hiền. Một hôm chúng đánh cướp trúng mồi lớn, ra về gặp đàn chó đuổi theo sủa, chúng quát con chó chết quấy về nấu ca ri ăn, đem cho ông một tô. Ông sợ chúng nghi không dám từ chối. Ông phải nhận mà không ăn, bèn đổ ca ri vào cái hũ đậy kín chôn xuống đất. Rủi thay, ít ngày sau đó nhóm đó bị phát giác, chánh quyền bắt tra khảo, chúng khai đến tô ca ri đem cho ông, ông cũng bị mời đến hỏi. Ông than nhiên khai sự thật, và bằng cớ đào lên còn nguyên đó nên ông được vô can. Chừng ấy người ta mới hay ông là người hiền.

Bởi vậy nên ăn thua ở trong lòng mình, chớ không phải ở đâu rồi cũng là một thứ như ở nơi đó. Nên vấn đề cõi không có ranh giới. Thí dụ tôi sợ tu quá nên vọt ra thế. Muốn cho khỏi đi lính tôi xin vào ngành cảnh sát, rồi ít lâu sau tôi bị đẩy ra quân đội. Ra quân đội ít lâu, tôi cũng nhớ lại chuyện tu ; đó là luật tự nhiên như vậy.

Ba cõi tức là 3 độ đó. Tham là cõi dục, sân là cõi sắc, si là cõi vô sắc, nên gọi là 3 cõi. Từ 3 độ này tạo nghiệp nặng nhẹ, thọ báo chẳng đồng, chia ra 6 nẻo nên gọi là 6 thú.

Hỏi : Sao gọi là nhẹ nặng chia làm 6 nẻo ? Đáp : Chúng sanh chẳng rõ nhân chánh, quên tâm tu nghiệp thiện vẫn chưa ra khỏi 3 cõi, sanh về 3 nẻo nhẹ.

Nghĩa là làm thì làm thiện mà không rõ được bốn tánh, nên sanh về 3 nẻo nhẹ.

Hỏi: Sao gọi là 3 nẻo nhẹ ?

Đáp: Là vì mê lầm lo tu 10 điều thiện, vọng cầu khoái lạc chưa khỏi cõi tham, sanh về đường trời. Mê giữ 5 giới, vọng khởi ghét yêu, chưa khỏi cõi sân nên sanh về đường người. Mê chấp theo hữu vi, tin tà cầu phước, chưa khỏi cõi si, nên sanh về nẻo A-Tu-La. Ba loại như thế gọi là đường nhẹ.

Hỏi : Sao gọi là 3 đường nặng ? Đáp : Nghĩa là từ tâm 3 độ, chỉ tạo nghiệp ác bị đọa vào 3 đường nặng. Nếu nghiệp tham nặng thì đọa vào đường ngạ quỷ, nghiệp sân nặng thì đọa vào đường địa ngục, nghiệp si nặng thì đọa vào đường súc sanh.

Thưa, tham nặng mà bị đọa vào đường ngạ quỷ là chuyện có thể thấy ở ngay hiện tại đây. Lúc tôi chưa đi tu còn làm thầy thuốc, tôi có gặp một bệnh rất lạ : Một người đàn bà mắc phải chứng hễ khi ăn thức ăn ngon, đặt tiền vào là bị đau bụng đi tiêu, khổ sở đủ kiểu. Bà đi khắp thầy thuốc đều không chữa khỏi. Đến tôi, tôi quan sát kỹ tướng tá, cách đi đứng ... rồi coi

mạch xong tôi nói : bịnh này không thể xem thường được ! bây giờ tôi không lấy tiền bà đâu, bà hãy về rồi sáng mai trở lại đây thật sớm tôi sẽ nói cho bà nghe. – Nghe nói không lấy tiền nên bà mừng nghe theo. Thế là tôi có mối để vô. Sáng hôm sau tôi mách lới hỏi bà : “bây giờ bà có đồng ý cho tôi nói tột bực thiệt cho bà nghe không? Nếu bà chịu nghe không phiền thì tôi sẽ nói thiệt cho bà nghe”.

Bà đồng ý. Tôi nói : bịnh của bà là bịnh “tiền liền với ruột”. Vì mỗi khi bà ăn món ngon vật lạ bà nhớ tới đồng tiền nên ruột bà thắt lại không hoạt động được mà sanh ra bịnh này. Bà nghiệm kỹ xem phải không?

Bà nghiệm rồi nói : Thầy nói có lý à ! Tôi nói : Được rồi, bây giờ bà có dám quên hẳn vấn đề tiền, tôi cho bà ít thang thuốc sẽ hết ngay. Chớ nếu bà còn nhớ đến chuyện đó thì công lao của tôi đi mất. Bà nghe được đồng ý đàng hoàng, tôi cho thuốc ít hôm bà khoẻ.

Đó là hiện tại bị đọa vào cõi ngạ quỷ. Ngạ quỷ là thứ quỷ đói, miệng lớn, bụng lớn mà cổ họng nhỏ như trôn kim, cũng như cảnh người sống bị thắt ruột vậy.

Tôi xin kể thêm một chuyện nữa về vấn đề nghiệp tham :

Tôi có người bạn thuật cho nghe một chuyện : Người đi đâu hay đem theo cái ruột ngựa đựng tiền, lúc đó đi chợ nhiều lắm là hai cắc. Một bà già nọ đi chợ đánh rơi mất 2 cắc. Bà vừa khóc vừa tới lui tìm kiếm trông rất khổ sở. Ông bạn tôi đi tới thấy vậy, dừng xe lại hỏi tại sao bà khóc ? Bà kể lể ... Ông liền móc túi cho bà 2 cắc. Bà vội nói : không, tôi có 5 đồng ở trong này đây ! Hỏi vậy tại sao bà còn khóc ? – Bà nói : bây giờ tôi kể là cả nhà ăn rồi, chẳng thà chịu đói ngày nay chớ không thể xài nữa được ! – Ông bạn tôi đành lắc đầu, không biết làm sao hơn !

Xưa kia ở miền Trung, nhất là miền Quảng Trị Thừa Thiên lúc bị bão lụt, có nhiều đoàn thuyền nan đi vào Nam xin gạo. Miền Nam lúc đó giàu gạo nên cho gạo thật ngon, tới mỗi nhà đều xúc cho một chén gạo. Họ đem ra thuyền đến mấy giạ gạo, mà mỗi lần nấu cơm là hốt thêm một nắm lúa trộn vô. Người ta thấy lạ hỏi làm chi vậy. - Họ nói : để gạo nguyên ăn ngon rồi ăn nhiều làm sao ! Như thế há không phải do nghiệp tham mà hiện tại sắp biến thành ngạ quỷ đó sao ? !

*** Ba đường nặng này thông đồng với ba đường nhẹ, cộng thành sáu đường. Nên biết tất-cả nghiệp khổ đều từ tâm sanh. Nếu có thể nhiếp tâm, lìa các tà ác thì cái khổ trong 3 cõi 6 đường tự nhiên tiêu diệt ; lìa khổ là được giải thoát.**

Hỏi: Như chỗ Phật nói : Ta ở trong 3 vô lượng kiếp tu vô lượng khó nhọc nay mới thành Phật ; đây ngài chỉ nói quán tâm, chế ngự 3 độc thì gọi là giải thoát là tại làm sao ?

Đáp: Lời Phật nói thật không ngoa. Ba vô lượng kiếp tức là 3 độc đó. Trong cái tâm 3 độc này có vô số niệm ác, trong mỗi niệm đều là một kiếp cho nên nói 3 vô số kiếp.

Đó là một biện chứng rất khủng khiếp không thể nói được. Chúng ta đi ra đường gặp một cô nàng nào vừa ý một chút xíu cạnh tai, sóng mũi, khoé miệng ... về nhà ngồi tưởng tượng nhớ lại thì đã phải mang một kiếp rồi ! Thế nào cũng tới lúc đụng nhau sống nửa tháng hay một tháng rồi thôi cũng được. Đó là sắt với đá nam châm mà. Ghê lắm !

* Tánh chơn như đã bị 3 độc chắt che khuất, nếu chẳng siêu cái tâm có 3 vô lượng ác độc ấy thì làm sao gọi là giải thoát ! Nay nếu có thể chuyển cái tâm 3 độc này làm 3 giải thoát, thế gọi là đã vượt qua được 3 vô lượng vô số kiếp. Chúng sanh đời sau ngu si căn độn, chẳng rõ cách nói bí mật của NhưLai bèn cho rằng việc thành Phật không thể tin được. Như thế há chẳng là làm cho người tu nghi lầm thối chuyển đạo Bồ-Đề đó sao !

Thật là khoa học và thực tế lắm ! Nếu tôi muốn mời quý vị vào trong nhà này thì tôi phải mở cửa, dọn trống bên trong thì quý vị mới có chỗ vào. Nên khi muốn biết sự thật vấn đề gì, dù tôi có biết sẵn một điều gì cũng cứ gác qua đi, kể như tôi chưa biết gì hết. Đó là điều hay nhất ở trong chuyện học Đạo. Tôi có dám làm như thế không ? - Nếu không thì đừng tìm học Đạo làm chi, vì chông thêm kiến thức thì bất quá rồi cũng sẽ trở thành một thứ nghiệp !.

Nên cất nhà lâu muốn xây cao bao nhiêu cũng phải có nền cho vững chắc trước. Chúng ta đâu có kiến thức nhiều bao nhiêu thì cũng phải gột rửa tâm hồn trước. Thiên Chúa cũng có nói : phải dọn mình cho trong sạch để đón rước Chúa. Thật ra danh từ Chúa không phải là có một ông chúa tể ở trên, cũng như cuộc đời này không phải là một cây thước dài có nấc từ thấp đến cao. Sự thật là một người khi gột rửa tâm hồn mình rồi nhìn ra tất cả không có vật nào không linh cũng không vật nào linh. Chừng đó mới thấy tất-cả ở trên một thực thể lạ lùng tùy theo duyên biến hiện một cách thích thú ; mà chính mình lại là nó. Rồi hễ mình nhìn bằng hướng linh thì cục đá cục gạch cũng linh, nhìn bằng hướng không linh thì cái gì cũng không linh. Nên vấn đề linh với không linh tùy theo chỗ dùng. Máy ông thầy phù thủy có thể trở một khúc cây thành một cái đầu có 4 mặt xanh, đỏ, trắng, vàng. Dem đặt lên bàn thờ, mỗi ngày đốt hương cúng, đọc thần chú. Qua 2,3 năm bắt thần một tuần lễ không cúng thì rồi sẽ biết nó ! – Nó vốn không phải là con đẻ của mình đó sao ! Chuyện đó giản dị quá ! Nên nếu không biết tận

nguồn cội như vậy thì danh từ Phật, Chúa, hay Thượng Đế ... đều là những liều thuốc độc mình nuốt vào không tiêu mà hại lại mình. Còn nếu biết quay trở vào trong thấy được sự thật thì muốn gọi bằng gì cũng được, chẳng sao !

*** Hỏi : Bực đại Bồ-Tát do giữ 3 tụ tịnh giới, 6 Ba-La-Mật mới được thành Phật. Nay ngài bảo người tu chỉ quán tâm chẳng tu giới hạnh làm sao thành Phật?**

Đáp : Ba tụ-tịnh-giới tức là chế ngự cái tâm ba độc đó. Chế ngự 3 độc thành vô lượng pháp thiện tụ. Chữ tụ là gom lại ; vô lượng pháp thiện đều tụ nơi tâm nên gọi là 3 tụ-tịnh-giới. Còn nói 6 Ba-La-Mật nghĩa là 6 tịnh căn ; vì 6 căn thanh tịnh chẳng nhiễm 6 trần tức là qua được sông phiền-não đến bến BồĐề, nên gọi là 6 Ba-La-Mật.

Nghĩa là hằng ngày chúng ta phải dùng con mắt, mỗi khi có ý thức thấy một cái gì nghĩa là cái đó ở sâu trong lòng chúng ta đã từng thấy rồi. Cũng như ông thối kèn thấy thằng bé ăn me mà không thổi được, là bởi đã qua ông từng ném vị me, thấy trái me. Hột giống của quả khứ còn đủ trong lòng chúng ta, để mỗi khi gặp đúng hình bóng đó đi qua lập tức hột giống đó sống lại, chúng ta lôi cái cũ trong bụng ra để chồng thêm vào cho cái mới. Đó là điều rất quan hệ. Nên mắt chúng ta có nhìn thấy sắc cũng chỉ là chuyện tự nhiên, sắc đầu thể làm đắm mình được. Chỉ có chúng ta đem ý niệm chồng thêm lên để đi theo nó nên mới bị đắm sắc. – Nên phải làm thế nào tôi nhìn vật gì là y nguyên vật đó, đừng thêm ý niệm gì nữa thì tự nhiên vật không hút tôi được. Qua 6 căn : tai mắt miệng mũi thân ý đều giữ như vậy thì chuyện hết thành vấn đề. Còn nếu không giữ được vậy thì chúng ta hoàn toàn bị động hút theo ngoại cảnh.

Chính tôi thấy có một bà già tuổi độ 50, nghèo phải đi làm mướn. Một hôm vo gạo nấu cơm chiều, sửa soạn đem bắc lên bếp, bỗng nghe tiếng Út-Trà-Ôn từ máy phát thanh cất giọng đưa một câu hát rao thật mùi để quảng cáo cho tuồng hát tối. Tiếng ca xuống giọng bà cũng theo đó ríu-ríu đặt nồi cơm xuống đất, vội đi vay tiền để đêm đến đi gặp Út-Trà-Ôn.

Khi chưa đi tu, tôi có được xem một vở hài kịch do ông Trần-văn-Trạch đóng. Ông mặc một bộ đồ 4, 5 thứ kiểu, quần áo xóc-xếch, mặt mày tùm lum ; ông ca một bài gồm 4, 5 thứ tiếng, diễn vai một người mang thân chạy giặc đến ở mướn nhà người ta. Gặp trúng nhà ông nghệ sĩ có tài nhưng nghèo mạt kiếp. Ở mấy tháng rồi mà không được lãnh tiền lương, anh buồn muốn bỏ đi. Mỗi lần ngó ý thì ông nghệ sĩ đem đàn ra đánh. Nghe tiếng nhạc ông lại đi không được, đành ở lại ! Ông nhạc sĩ đánh đàn, ông Trần-văn-Trạch bị hút theo âm điệu, bộ tướng cũng rung chuyển theo. Ở hàng ghế khán giả, một ông Pháp cũng bị hút theo điệu bộ ông Trần-văn-Trạch, ngồi trên ghế mà rung mình theo điệu nhạc. nước mắt nước mũi chảy tùm lum mà

không hay ; làm cho tôi cũng phải một bữa cười gần đứt ruột ! Chuyện bị hút là vậy. Nếu không bị sức hấp dẫn của ngoại cảnh đối với 6 giác quan tức là chúng ta đã được tự tại.

Hỏi: Như kinh nói : ba tụ-tịnh-giới là thế dứt tất cả nghiệp ác ; nguyện tu tất cả việc thiện ; nguyện độ tất cả chúng sanh. Nay chỉ nói chế ngự cái tâm 3 độc há chẳng không hợp đó sao ? **Đáp: Phật nói ra điều gì là chân thật, bực Đại-Bồ-Tát trong nhân tu hành của quá khứ là đối ba độc phát ba thế nguyện giữ tất cả tịnh giới.**

Nghĩa là phát lòng thế nguyện để phá trừ ba độc. thí dụ nói : tôi bằng lòng giúp đỡ tất-cả người nghèo khó. Thế là hồi đó tôi đã có một thái độ để đối trừ lòng keo kiệt. Còn nếu tôi nghĩ rằng giúp đỡ người nghèo khó để kiếp sau tôi được hưởng cái gì ; thì không những hồi đó tôi không đối trừ được lòng keo kiệt mà tôi còn chòng thêm một lòng tham kiêu mới bằng cách mua bán.

Đối với tham thì nguyện dứt các điều ác, thường tu các điều thiện. Đối với sân thì nguyện độ tất-cả chúng sanh, nên thường tu huệ. Đối với si nhờ hành trì 3 pháp tịnh Giới Định Huệ ấy nên có thể siêu 3 độc mà thành Phật. Các ác tiêu diệt gọi là đoạn. Vì hay giữ được 3 tụ-tịnh-giới thì các thiện đều đủ, gọi đó là tu.

Nghĩa là không phải cạo tóc, ăn chay ở chùa mới là tu. Nhưng tôi nói vậy không phải là xúi người ta ăn mặn. Sự thật hễ quay trở vào thì tất-cả pháp thiện đều hiện, tự nhiên vậy. Thế mới gọi là tu.

Vì hay dứt ác tu thiện thì vạn hạnh thành tựu, mình người đều lợi, giúp khắp quần sanh, nên gọi là giải thoát.

Thưa, tất-cả vạn pháp trên thế gian này như một con dao 2 lưỡi, hễ có bề lợi tất có bề hại. Hễ tham bề lợi thì phải lãnh luôn bề hại. Cũng như hễ may đối với phe này thì rủi đối với phe kia, rủi ở phe này thì may đối với phe kia vậy. Nên làm cách nào để cho tất-cả đều có lợi mà không có hại thì mới là chánh pháp. Muốn được thế thì chỉ có cách quay trở vào mình là hay nhất.

Thế mới biết giới hạnh để tu ấy chẳng lìa tự tâm. Nếu tự tâm thanh tịnh thì tất-cả cõi Phật đều thanh tịnh.

Nói cách khác, hễ tâm thanh tịnh thì có cõi Phật ; tâm không thanh tịnh thì không có cõi Phật. Hay có thể nói hễ tâm chúng sanh còn sạo sục thì không có thánh hiền ở đâu mà tìm ; hễ tâm hết sạo sục thì chính mình là thánh hiền, và nhìn ra ai là thánh hiền ai là phàm tục tức khắc biết. Nếu tâm chúng ta còn sạo sục thì tự nơi mình còn không thể biết làm gì biết được ai !

Nên hỏi qui thần là gì, và qui thần có thiệt hay không sao bằng hỏi : mình là gì? Mình có thiệt hay không ? - Nếu biết được vậy thì biết được qui thần. Nếu không biết được mình là gì thì hỏi qui thần làm sao biết !- Cũng như có người hỏi Khổng Tử : chết rồi ra sao ? Ông hỏi lại : Sống ra sao ? Đáp : không biết. Khổng Tử mới nói : Sống còn không biết làm sao biết chết !

Nên khi tâm còn sáo sục thì không thể sống bình yên được.

Nên kinh nói : hễ tâm dơ bẩn thì chúng sanh dơ bẩn, tâm trong sạch thì chúng sanh trong sạch.

Nói một cách khác hơn, khi trong tâm tôi nổi lên ý muốn ăn trộm thì nguyên con tôi chỗ nào cũng là ăn trộm, mỗi tế bào tôi đều có mùi ăn trộm. Khi trong tâm tôi khởi lòng thánh hiền thì mỗi tế bào tôi đều có mùi thánh hiền.

Muốn được cõi Phật phải tịnh cái tâm, tùy cái tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, ba tụ-tịnh-giới tự nhiên thành tựu.

“Cõi” là ở đâu? Nếu chỗ này không phải là tôi ở đây thì quý ngài đâu có tới đây. Mà nếu tôi là ông chần vịt ở đây thì tự nhiên chỉ có đám chần vịt với tôi.

Hỏi : Như kinh nói : 6 Ba-La-Mật cũng gọi là 6 độ. Nay nói 6 căn thanh tịnh gọi là Ba-La-Mật vậy chỗ dung thông phải như thế nào ? Đáp : Muốn tu 6 độ phải tịnh 6 căn, trước hàng phục 6 kẻ giặc ... Hễ xả được giặc mắt, đừng đắm theo sắc thì gọi là Bố thí. Ngăn được giặc tai, đừng đắm theo âm thanh thì gọi là giữ giới. Phục được giặc mũi, không đắm theo mùi thì gọi là nhẫn nhục. Chế được giặc miệng, không tham theo vị, không đắm theo giọng, không buông lung theo nói năng tạp loạn thì gọi là tinh tấn. Hàng được giặc thân, chẳng đắm theo xúc dục - Rõng rang chẳng động, gọi là Thiền-định. Điều phục được giặc ý, chẳng thuận với vô thường, thường tu giác huệ, gọi là tríhuệ. Độ nghĩa là chuyên chở. Sáu độ ví dụ cũng như đò, có thể đưa chúng sanh qua bờ sông bên kia nên gọi là 6 độ.

Nghĩa là có thể giúp cho chúng ta từ mê sang giác.

Hỏi : Kinh nói đức Thích Ca khi còn làm Bồ-Tát đã từng uống 3 đấu 6 thăng sữa mới thành Phật (3 đấu 6 thăng : hơn 3 lít rưỡi). Trước nhờ uống sữa rồi sau mới chứng quả, há chỉ quán tâm mà được giải thoát ư ?

Đáp: Đúng thế ! đúng thế ! Phải trước uống sữa rồi sau mới thành Phật. Nhưng phải biết sữa có hai thứ. Thứ sữa Phật uống đây không phải là sữa trâu, sữa bò, sữa dê của thế gian đâu, mà là thanh tịnh pháp nhũ đó ! Ba đấu tức là 3 tụ-tịnh-giới, 6 thăng là 6 độ. Thành Phật phải nhờ uống thứ sữa pháp thanh tịnh như thế mới chứng được quả. Nhưng phải biết đây là một

cách nói kín. Nếu hiểu Như-Lai uống các thứ sữa vật chất thế gian thì thật là lầm lẫm ! Chân như vốn tự là pháp thân vô lậu bất hoại, lia hẳn tất cả các cái khổ thế gian, há lại phải nhờ vật chất bất tịnh thế gian để khởi đói khát ! Trong kinh có nói : thứ bò này chẳng ở cao nguyên, chẳng ở đất thấp, chẳng ăn lúa cám, chẳng cùng loại bò bò nhập bầy, màu lông vàng ánh tia. Chữ bò ở đây là để ám chỉ cho Phật Tỳ-Lô-Giá-Na, vì lòng từ bi rộng lớn, thương xót tất-cả chúng sanh, nên từ trong pháp thể thanh tịnh xuất hiện ra thứ sữa pháp 3 tụ tịnh giới và 6 độ vi diệu như thể đề mà nuôi dưỡng cho tất-cả những ai cầu giải thoát.

Đây là những đoạn dùng ẩn ngữ trong kinh nhà

Phật. Có những ví dụ rất lạ : ông Phật ví với con bò, Bồ-Tát ví với con sư tử. Có rất nhiều cách nói, nếu không hiểu được ý muốn nói thì chúng ta cứ chạy theo ví dụ thôi.

Cái nghĩa bò và sữa thanh tịnh như thế không những Như-Lai uống vào là được thành đạo, mà dầu cho ai uống vào cũng đều được đạo Vô Thượng Bồ Đề cả.

Ý muốn nói nếu là 3 tụ-tịnh-giới và 6 Ba-La-Mật thì ai cũng cần.

Hỏi : trong kinh nói : Phật dạy chúng sanh cất chùa, đúc vẽ hình tượng, thắp hương đèn, rải hoa, ngày đêm 6 thời quanh tháp hành đạo, ăn chay lễ bái ; làm hết thấy công đức ấy đều được thành đạo. Nếu chỉ quán tâm nhiếp hết các hạnh, như thế té ra bao nhiêu chuyện kinh nói đều thành hư luống sao ? Đáp: Phật có nói ra điều gì đều là vô lượng phương tiện vì tất-cả chúng sanh ngu tối, căn cơ thấp kém chẳng tỏ nghĩa lý sâu mầu, nên mới mượn việc thế gian hữu vi để mà thí dụ. Nếu chẳng lo tu hạnh ở trong, chỉ chạy ra ngoài mà cầu hy vọng được phước thì thật là vô lý. Nói chùa cũng như nói nơi thanh tịnh. Nếu dứt trừ 3 độc, thường tịnh 6 căn, thân tâm rỗng lặng, trong ngoài thanh tịnh, đó là nghĩa cất chùa. Còn nói đúc vẽ hình tượng là nói tất cả chúng sanh mong cầu đạo quả ; cách hạnh giác để tu là phỏng theo chân dung diệu tướng của NhưLai, chớ đâu phải nói chuyện hữu vi vật chất. Cho nên người cầu giải thoát phải lấy thân làm lò, dùng pháp làm lửa, dùng trí huệ làm thợ khéo, 3 tụ-tịnhgiới 6 độ là khuôn. Ung-đúc chơn như tánh Phật trong thân cho vào khuôn giới luật. Nếu kinh nhận thực hành đừng cho sai chạy, tự nhiên thành tự. Còn nói tượng chân dung là nói pháp thân thường trụ, vi diệu cứu cánh, chớ không phải cái thân hữu vi bại hoại. Nếu người cầu đạo chẳng rõ cái nghĩa ung đúc như thế, vậy vẽ chân dung bằng cứ nơi đâu mà nói là công đức ?

Nghĩa là tận cùng nguồn tâm tánh của mình thì gọi là chân dung.

Còn nghĩa thấp hương cũng vậy ; là thứ hương chánh pháp vô vi, xông lên để tẩy sạch các uế nghiệp ác vô minh, hết thấy đều tiêu diệt. Hương chánh pháp có mấy thứ : Một là hương Giới, nghĩa là ý nói hay dứt các ác, hay tu các điều thiện. Hai là hương Định, nghĩa là tin sâu Đại Thừa, tâm không thoái chuyển. Ba là hương Huệ, là thường quán sát trở vào trong tự thân tâm. Bốn là hương Giải Thoát, là dứt hết cả vô minh trói buộc. Năm là hương Giảithoát-tri-kiến, là xét soi thường tỏ, thông suốt không ngại. Năm thứ hương như thế gọi là hương tối thượng, thế gian không sánh được. Phật ở thế gian bảo các đồ đệ dùng lửa trí huệ đốt thứ hương vô giá này để cúng dường mười phương chư Phật.- Chúng sanh đời nay chẳng rõ nghĩa chơn thật của Như-Lai, chỉ dùng lửa ở ngoài mà đốt các thứ hương vật chất thế gian để mong cầu phước báo làm kết quả. Còn nghĩa rải hoa cũng vậy, là nói công đức đem chánh pháp mà giảng dạy lợi ích chúng sanh, thấm nhuần khắp tánh chơn như, bố thí trang nghiêm. Thứ hoa công đức này Phật thường khen ngợi, cứu cánh hằng còn không bao giờ héo tàn. Nếu ai rải hoa như thế sẽ được phước báo vô lượng - Nếu nói Phật dạy chúng sanh cắt xén bông hoa, tổn thương thảo mộc cho được hoa để rải thì thật là vô lý. Vì sao thế ? Vì người giữ giới thanh tịnh thì tất-cả sum la vạn tượng trong trời đất cũng không xúc phạm. Khi lầm phạm còn có ăn năn thay hướng chỉ là dạy cổ phá tịnh giới, tổn thương vạn vật để cầu phước báo ; muốn lợi lại hại, há có như thế sao ? Lại nữa nói luôn luôn đốt đèn sáng là ý nói cái tâm chánh giác tỏ suốt ví cũng như đèn sáng. Cho nên ai muốn cầu giải thoát phải lấy thân làm đài, tâm làm tim, các giới hạnh làm dầu, trí huệ tỏ suốt làm lửa. Thường thấp đèn chơn chánh giác, chiếu phá tất-cả vô minh ngu tối, hay dùng pháp này lần lượt khai thị lẫn nhau tức là một ngọn đèn mỗi ra trăm ngàn ngọn ; cứ như thế mãi mãi vô cùng, nên gọi là Vô-tận đăng.

Đúng nghĩa Thiên là phải như vậy. Rõ-ràng lắm !

Xưa có Phật tên là Nhiên Đăng, ý nghĩa Nhiên Đăng là thế. Chúng sanh ngu si chẳng rõ lời nói phương tiện của Như-Lai, luống làm theo sự, đam chấp việc hữu vi ; bèn dùng các thứ đèn dầu thế gian đốt lên luống soi nhà trống, rồi bảo là làm đúng theo kinh, há chẳng lầm lắm sao ? Vì sao thế ? – Vì Phật phóng một đạo hào quang trắng ở giữa hai chơn mày, có thể chiếu suốt 18 ngàn cõi nước phương Đông, há đợi nhờ đèn dầu thế gian leo neho như thế để làm lợi ích ! Gẫm xét cái lý phải chẳng thế sao !

Sự thiệt trí huệ thì vốn vô lượng vô biên.

Lại nữa, 6 thời hành đạo nghĩa là nói nơi 6 căn luôn luôn thực hành đạo Phật, tu các hạnh giác. Điều phục 6 căn, mãi mãi không hở, gọi là 6 thời. Còn quanh tháp hành đạo, chữ tháp nơi đây là ám chỉ cho thân tâm đó ! Nghĩa thường sanh giác huệ tuần sát thân tâm luôn luôn chẳng hở, gọi là quanh tháp. Các bậc thánh đã qua đều nhờ thực hành cách ấy mà được Niết-Bàn. Người đời nay chẳng rõ lý này, chẳng thực hành nơi tâm, chỉ chấp trở ra mà tìm, đem cái thân chướng ngại đi quanh tháp thế gian ngày đêm lữ lượt, luống uổng nhọc công, đối với chơn tánh không chút lợi ích. Còn nói ăn chay lại phải càng thêm để ý, nếu chẳng rõ lý này thì càng nhọc công vô ích. Chữ chay ở chữ Hán là chữ Trai, mà chữ Trai lại từ chữ Tề mà biến, nhưng chữ Tề cũng như nghĩa chữ Bình. Nghĩa là tề bình thân tâm, chẳng để tán loạn.- Chữ ăn nơi đây cũng như nghĩa chữ giữ. Nghĩa là giữ các giới hạnh, đúng phép tu hành. Ở ngoài phải ngăn ngừa 6 tình, ở trong phải chế ngự 3 độc, siêng giác sát, tịnh thân tâm, biết rõ nghĩa này mới gọi là ăn chay.

Thưa, nói vậy không phải là biều đừng ăn chay. Nhưng muốn nói chúng ta đừng ý lại vào việc ăn chay để mong một lát nữa thành cái gì, như thế không phải.

Lại nữa, chữ ăn ở đây có 5 nghĩa: Một, ăn bằng vui với pháp, nghĩa là giữ y chánh pháp hoan hỷ vãng làm.

Hai, ăn là vui với Thiên-định, nghĩa là trong ngoài lặng suốt, thân tâm vui đẹp.

Ba là ăn bằng suy nghĩ, nghĩa là thường nghĩ chư Phật lòng miệng như nhau.

Bốn là ăn bằng nguyện, nghĩa là đi đứng nằm ngồi thường cầu nguyện lành.

Năm là ăn bằng giải thoát, nghĩa là tâm thường thanh tịnh, chẳng nhiễm tục trần. Năm nghĩa ăn này gọi là ăn chay. Nếu ai chẳng nhận 5 nghĩa chay tịnh này mà tự hào là ăn chay đều là làm việc vô lý. Cần nhứt phải dứt cho được cái ăn mê muội. Nếu phải va chạm gọi là phá trai.

Ăn mê muội nghĩa là thí dụ nghe nói ăn sáng là chư thiên ăn, trưa là Phật ăn, chiều là súc sanh ăn, tối là ma quỷ ăn ; nghe thế rồi bữa trưa ráng ăn thật no để chiều khỏi đói, ăn rồi nằm thờ. Như vậy mới thật là súc sanh ăn !

Nếu đã phá trai sao gọi là được phước ? - Đời có người mê chẳng rõ lý này, thân tâm phóng túng theo các nghiệp ác, tham dục, buông tình, chẳng biết xấu hổ. Chỉ ăn được ba thứ rau cải rồi tự hào là ăn chay thì thật là phi lý.

Còn nói lễ lạy đúng theo phép thì ở trong phải tỏ thông lý thể, ở ngoài thì sự tùy quyền thông. Lý có khi phải hiện, có khi phải ẩn. Biết được nghĩa như thế mới gọi là y theo pháp. - Và chẳng lẽ nghĩa là kính, lạy nghĩa là phục. Nghĩa là cung kính chơn tánh, hàng phục vô minh ; đó là lễ bái. Nếu có thể dứt trừ lòng ác, thiện niệm hằng giữ ; tuy chẳng hiện tướng, nhưng đó mới thật là lễ lạy.

Nghĩa là lạy để phá cái kỳ khô ngã mạn chớ không phải lạy để cầu xin, chúng ta dùng pháp chớ không phải để pháp nó dùng.

Tướng là pháp tướng. Thế Tôn muốn làm cho người đời tỏ lòng khiêm tốn cũng là lễ lạy. Nên phải ở trong khuất phục, ngoài hiện khiêm cung ; nêu cái bên ngoài để rõ bên trong, tánh tướng như nhau. Nếu không căn cứ trên pháp lý, chỉ chấp tướng bên ngoài mà cầu, trong thì mở cửa 3 độc, thường làm nghiệp ác, ngoài làm ra tướng ghê gớm, trá hiện oai nghi, chẳng khỏi luân hồi, há thành công đức ? ! Hỏi : Như kinh Ôn-Thất nói : Tắm gội chúng tăng phước đức vô lượng. Đó là rõ ràng dựa vào sự pháp mới thành công đức ; nếu là quán tâm có thể tương ưng được sao ?

Đáp : Nói tắm gội chúng tăng cũng chỉ là một thứ ẩn ngữ, chớ phải đâu bảo làm theo sự tướng thế gian ! Đức Thế-Tôn thường vì các đệ tử mà giảng kinh Ôn-Thất để cho thọ trì phép tắm gội, nên mượn việc thế gian để ví dụ. Mật nói công đức của 7 việc cúng dường như sau đây : 1 là nước trong, 2 là nhúm lửa, 3 là xà phòng (chất tẩy), 4 là bàn chải, 5 là phấn bột, 6 là dầu ướp, 7 là áo lót. Dùng 7 việc này để ví dụ cho 7 pháp. Tất cả chúng sanh theo 7 pháp tắm gội trang nghiêm này, thì có thể trừ được tâm độc vô minh dơ bẩn. Bảy pháp ấy là :

Dùng tịnh giới gội rửa mê lầm cũng như dùng nước trong gội rửa bụi bặm.

Dùng trí huệ quán sát, trong ngoài sáng suốt cũng như nhúm lửa nấu nước trong.

Lừa lọc các điều ác, cũng như xà phòng rửa sạch dơ bẩn.

Chơn thật dứt trừ vọng tưởng, cũng như bàn chải hay làm sạch miệng hôi.

Chánh tín quyết định không nghĩ cũng như phấn bột dùng để xoa trong thân có thể ngăn ngừa các chứng phong ngoại cảm.

Nhu hòa nhần nhục, cũng như dầu ướp làm thông nhuận mặt da.

Biết hổ thẹn ăn năn các nghiệp ác cũng như áo lót mình để che khuất bớt các chỗ bất tiện trong cơ thể.

Bảy pháp vừa nói trên là nghĩa bí mật trong kinh.

Lúc đó Như-Lai vì các bậc đại thừa lợi căn mà nói, chớ đâu phải vì phàm phu trí kém mà nói đâu ! Đó là chỗ người nay không thể rõ. Còn nghĩa Ôn-Thất cũng là ám chỉ cho thân đó. Cho nên nhúm lửa trí huệ, nấu nước tịnh giới để tắm gội chơn như tánh Phật trong thân. Thọ trì 7 pháp để tự trang nghiêm. Hạng Tỳ-Kheo lúc đó thông minh lanh lợi đều ngộ ý thánh, theo chỗ nói mà tu hành, công đức thành tựu, đều chứng quả thánh. Chúng sanh đời nay không rõ tự sự, đem nước thét gian để tắm rửa cái thân tứ đại mà tự cho là làm theo kinh ; như thế há chẳng làm lấm sáo ! Và lại tánh Phật chơn như đâu phải thứ có hình ; phiền-não bợn nhơ bôn lai không tướng. Há có thể đem nước vật chất để gội rửa cái thân vô vi được sao ? Trên sự đã chẳng tương ưng làm sao ngộ được đạo ! Nếu muốn thân được tịnh, phải quán thân này vốn từ tham dục hôn ám dơ bẩn sanh ra, trong ngoài đầy dẫy ; thế mà muốn gội rửa cho thân này được sạch thì nào có khác chi rửa đường gương. Chỉ đừng có đường gương thì mới sạch cho. Cứ theo đây mà nghiệm thì đủ rõ tắm gội bên ngoài không phải là ý của Phật vậy. Hỏi : Kinh nói chỉ chí tâm niệm Phật tất được vãng sanh về cõi Cực Lạc, chỉ một môn này là được thành Phật, đâu cần phải quán tâm để cầu giải thoát ? !

Đáp : Niệm Phật nghĩa là phải niệm chánh. Nghĩa rốt ráo mới là nghĩa chánh, chẳng rốt ráo là tà. Nếu niệm chánh tất được vãng sanh, niệm tà làm sao đến được. Phật nghĩa là giác, nghĩa là giác sát thân tâm đừng để khởi ác. Niệm nghĩa là nhớ, nghĩa là giữ giới hạnh, đừng vọng tinh tấn. Cần rõ nghĩa như thế mới gọi là niệm. Nên biết niệm ở nơi tâm, chớ chẳng phải ở miệng, mượn ngôn ngữ để cầu ý, được ý phải quên lời. Đã nói niệm danh hiệu Phật cũng phải biết cái đạo niệm Phật. Nếu tâm không thật, miệng niệm danh hiệu suông, 3 độc lầy lừng, chấp mình chấp người cả bụng ; dùng cái tâm vô minh vọng cầu thấy Phật luống uổng tốn công. Đến như tụng với niệm cũng khác nhau. Ở miệng gọi là tụng, ở tâm gọi là niệm. Nên biết niệm từ tâm khởi, gọi là môn giác hạnh. Còn tụng ở miệng là tướng âm thanh, chấp tướng cầu lý thật là không phải. Phải biết các thánh xưa tu hành đều không phải nói bên ngoài, mà luôn luôn phải lấy tâm làm chủ, vì tâm là nguồn cội vạn pháp, tâm là chủ của muôn đức, vắng lặng thường vui đều bởi ngừng vọng. Ba cõi luân hồi cũng từ tâm khởi, tâm là cửa của cuộc đời, tâm là bờ giải thoát. Biết được cửa tâm rồi lo gì khó thành ! Thấy được tâm rồi lo gì chẳng đạt ! Người nay thấy biết nông nổi, chỉ biết sự tướng làm công, hao phí của cải, tổn thương vạn loại. Luống công xây đắp, gom nhóm vật liệu, vẽ vờ rần rì đem hết tâm lực, tổn mình mê người, chưa biết tinh ngộ có đâu sợ khó. Hễ thấy việc hữu vi thì nôn nao mê đắm, còn nói đến vô tướng thì lơ lơ như mê. Chỉ tham kể quả nhỏ nhen hiện tại ; chớ biết đâu cái khổ biển cả sau này. Tu học như thế luống thêm nhọc sức, trái chánh theo tà, vọng nói được phước. Nếu chỉ có thể nhiếp tâm soi trở vào trong, giác quán ở ngoài cho tỏ, dứt trừ 3 độc, đóng hết 6 cửa giác đừng cho nhiều loạn ; tự nhiên vô lượng công đức, bao thứ trang nghiêm, vô số pháp môn đều được

thành tựu, siêu phàm chứng thánh, tận mặt sát một bên, ngộ trong giây lát, đâu đến nỗi khó khăn. Môn chơn thật nhiệm màu đâu thể nào trình bày hết. Nơi đây chỉ thuật sơ về quán tâm, nói rõ ra chút ít vậy thôi.

Kệ rằng:

Ta vốn cầu tâm tâm tự gìn

Cầu tâm chẳng được để tâm mình

Tánh Phật chẳng từ ngoài tâm được

Tâm sanh chính là lúc tội sanh

Ta vốn cầu tâm chẳng cầu Phật

Rõ biết ba cõi rộng – không, suốt

Nếu muốn cầu Phật chỉ cầu tâm,

Chỉ tâm này, tâm này là Phật.

Luận Phá-Tướng đến đây là hết. Thưa quý vị thiện hữu ! nghe qua 3 thiên luận rồi, tôi chỉ mong chúng ta nên nhìn và kiểm điểm lại cuộc tu hành của tất-cả chúng ta ngày nay là đúng hay sai, và 3 thiên luận này có hợp lý hay không để chúng ta chỉnh đốn lại cuộc sống đạo của chúng ta. Sanh tử đối với biển cộng nghiệp ngày nay không thể là chuyện trò đùa, chẳng ai thay thế cho ai được cả. Mong tất-cả chúng ta nên nghĩ lại.

---o0o---

HỘI TÔNG TỰ

Kết tập xong ngày 15-12 Quý Sửu

- (1973) P.L 2517 -

Bồ Đề Đạt Ma

Quán Tâm Pháp

Chánh Văn

Thiền Sư Thích Minh Thiền Dịch

---o0o---

THIÊN THỨ NHỨT

LUẬN HUYẾT MẠCH

CHÁNH VĂN * Ba cõi lãng xãng đều từ một tâm. Phật trước Phật sau đều chỉ dùng tâm truyền tâm, chẳng lập văn tự.

Có người hỏi : Nếu không lập văn tự, vậy lấy gì làm tâm ?

Đáp : Ông hỏi tôi tức là tâm của ông, tôi trả lời với ông tức là tâm của tôi. Nếu tôi không có tâm thì lấy đâu biết để trả lời với ông ; ông nếu không có tâm làm sao ông biết hỏi tôi. Cho nên biết : hỏi tôi tức là tâm của ông đó.

Từ lữ kiếp đến giờ, nhần đến hành tung hoạt động bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào đều là cái tâm vốn có của ông, đều là Phật vốn có của ông. Cái nghĩa chính tâm mình là Phật là như thế.

Ngoài tâm này, rớt-ráo không có Phật nào khác có thể được. Nếu lìa tâm này mà tìm Bồ-Đề, Niết Bàn thì thật là không tưởng.

Tánh chơn thật của tự mình không phải pháp nhân pháp quả, đó là nghĩa của tâm

Tự tâm là Niết-Bàn. Nếu nói ngoài tâm có Phật và Bồ-Đề có thể được thì thật không tưởng.

Phật và Bồ-Đề ở chỗ nào ? Ví như có người dang tay bắt hư-không có được gì không ? Vì sao thế ? vì hư không chỉ có tên chớ nào có hình tướng ! Bắt đã chẳng được, bỏ cũng chẳng được. Thế là hư không không thể bắt được. Trừ tâm này ra mà tìm Phật rớt rồi không được cũng giống như vậy.

Phật là tự tâm làm ra. Tại sao lìa tâm mà tìm Phật !? Phật trước Phật sau chỉ nói về tâm. Tâm tức là Phật, Phật tức là tâm : ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm. Nếu nói ngoài tâm có Phật, vậy Phật ở đâu ? Ngoài tâm đã không Phật sao lại

còn làm ra cái thấy có Phật để mà đối gạt lẫn nhau, rồi không thể rõ được cái tâm vốn có của mình, lại bị vật vô tình nó nhiếp mắt tự do nếu không tin hiểu như thế, để tự đối gạt thật là vô ích. Phật không lỗi lầm, chúng sanh điên-đảo chẳng biết giác-ngộ tâm mình là Phật. Nếu biết tự tâm là Phật chớ nên tìm Phật ngoài tâm.

Phật chẳng độ Phật, nếu đem tâm tìm Phật là chẳng biết Phật chỉ là tự tâm.

Những người đi tìm Phật, hết thấy đều chẳng biết tự tâm là Phật. Cũng chớ nên đem Phật lễ Phật, đem tâm niệm Phật. Phật chẳng tụng kinh, chẳng giữ giới, chẳng phạm giới. Phật không có giữ và phạm, cũng chẳng tạo thiện tạo ác. Nếu chẳng thấy tánh niệm Phật tụng kinh, ăn chay giữ giới cũng không ích lợi gì.

Niệm Phật chẳng qua được nhân quả, tụng kinh chẳng qua được thông minh, giữ giới chẳng qua được sanh lên cõi trời, bố thí chẳng qua được phước báo. Tìm Phật quyết định không thể được.

Nếu tự mình không thấu suốt, thì phải nên tìm tham học với thiện tri thức nào đã dứt khoát nguồn cội sanh tử. Nếu chẳng thấy tánh thì không được gọi là thiện tri thức.

Nếu không như thế dẫu cho có giảng được hết cả kinh Phật cũng chẳng khỏi sanh tử luân hồi, vẫn ở trong 3 cõi chịu khổ mãi mãi.

Xưa có Tỳ-Kheo Thiện-Tinh giảng được hết cả kinh Phật nhưng vẫn chẳng khỏi luân-hồi, cũng chỉ vì chẳng thấy tánh.

Thiện-Tinh đã như thế, người nay bắt quía giảng được năm ba bốn kinh luận rồi vội cho là mình thực hành pháp Phật, đó là thuộc về hạng người mê. Nếu chẳng biết tự tâm, chỉ tụng không theo mặt chữ của kinh đều là vô dụng. Nếu muốn tìm Phật phải nên thấy tánh. Tánh tức là Phật. Phật tức là tự tại, rảnh rang, vô sự. Nếu chẳng thấy tánh suốt ngày chật vật dong ruổi ra ngoài mà tìm, tìm làm sao được !

Tuy không một vật có thể được nhưng nếu muốn cầu tỏ ngộ cũng phải nên tham học với thiện tri thức. Phải thiết tha cầu khổ mà cầu đến bao giờ được tỏ ngộ bản tâm.

Sanh tử việc lớn, không được phép để luống trôi qua, tự đối gạt vô ích. Dẫu có của quý như non, quyền thuộc như cát sông Hằng, mở mắt thấy đó, khi nhắm mắt rồi ra sao ? Phải biết các pháp hữu vi đều như giấc mơ, như huyễn hóa.

Nếu chẳng gặp tìm thầy học Đạo, luống uổng một kiếp trôi qua. Tuy rằng tánh Phật ai cũng vốn tự có, nhưng nếu chẳng nhờ thầy chỉ-giáo rốt không thể tỏ ngộ.

Những bậc chẳng nhờ thầy mà tỏ ngộ chỉ là hy hữu trong muôn một mà thôi. Nếu tự mình được nhân-duyên hợp ý thánh thì không cần phải tham học với thiện-tri-thức ; trường hợp này gọi là sanh ra đã biết còn hơn vậy.

Nếu chưa được tỏ-ngộ phải nên cần khổ tham học, nương nơi giáo mới được ngộ. Nếu đã ngộ rồi chẳng học chả sao, không đồng với người mê. Nếu chưa minh bạch được đen trắng mà kỳ vọng nói tuyên-bày giáo-pháp của Phật, chê Phật kỳ pháp. Những bọn như thế, thuyết-pháp như thế, hết thấy đều là ma nói, không phải Phật nói, tức là ma vương, đệ-tử của họ là ma dân. Người mê chịu cho chúng nó chỉ-huy chẳng được giác-ngộ, đọa vào biển sanh tử chỉ vì chẳng thấy tánh, vọng xưng là Phật. Bọn chúng-sanh như thế là đại ma vương, gạtgẫm tất cả chúng sanh cho vào cõi ma.

Nếu chẳng thấy tánh dấu cho giảng được hết kinh Phật đi nữa cũng chẳng qua là ma nói, là quyếnthuộc nhà ma, chẳng phải đệ-tử của Phật. Đã chẳng biện được đen trắng thì căn cứ nơi đâu mà khỏi sanh tử ? Nếu đã thấy tánh tức là Phật, chẳng thấy tánh tức là chúng sanh. Nếu lìa tánh chúng sanh mà riêng có tánh Phật có thể được, vậy Phật hiện ở chỗ nào ?

Như thế chúng sanh là tánh Phật. Ngoài tánh không Phật. Phật tức là tánh, ngoài tánh này không có Phật nào có thể được. Ngoài Phật cũng không có tánh nào có thể được.

Hỏi : Nếu chẳng thấy tánh niệm Phật, tụng kinh, bố-thí, giữ giới, tinh-tân, mở rộng phúc duyên có được thành Phật không ? –

Đáp : không !

Hỏi : Vì sao không được ?

Đáp : Nếu có chút pháp nào có thể được đều là pháp hữu vi, là pháp nhân quả, là pháp thọ báo, là pháp luân hồi, không khỏi sanh tử, biết chừng nào mà thành Phật !

Muốn thành Phật phải thấy tánh. Nếu chẳng giác ngộ bản-tánh thì dù có nói những nào nhân, nào quả đều là pháp ngoại-đạo. Nếu là Phật thì chẳng tập theo pháp ngoại-đạo.

Phật là người không nghiệp, không nhân quả, nếu nói có chút pháp có thể được đều là chê bai Phật đó. Căn cứ nơi đâu mà được thành Phật ?! Dấu cho chỉ trụ-chấp một tâm, một năng, một giải, một thấy cũng đều bị Phật chẳng thừa nhận. Phật

không giữ và phạm. Tâm tánh vốn không, cũng không phải các pháp dơ sạch, không tu không chứng, không nhân không quả. Phật chẳng giữ giới, chẳng tu thiện chẳng tạo ác, chẳng tinh tiến, chẳng giải-đãi. Phật là người vô tác, nếu có tâm đắm chấp để thấy Phật là bị không thừa nhận rồi. Phật chẳng phải Phật, đừng làm ra hiểu Phật, nếu chẳng thấy nghĩa này thì luôn luôn ở đâu cũng đều là mê-muội bồn tâm, nếu chẳng thấy tánh mà luôn luôn tưởng-tượng làm ra cái rảnh rang (vô tác), đó là tội nhân lớn, là người si, rơi vào ngoan-không vô-ký, ngây ngây như người say, chẳng phân được tốt xấu. Nếu muốn tu theo pháp vô tác trước phải thấy tánh, rồi sau dứt các duyên lự nơi tâm. Nếu chẳng thấy tánh mà được thành Phật, thì thật là chuyện tưởng tượng. Có người bác cho rằng không nhân quả, tha hồ mà tạo nghiệp ác, vọng nói vốn không, làm ác không tội, con người như thế sẽ đọa địa ngục vô-gián tối-tăm mãi mãi. Nếu là người trí không nên hiểu như thế.

Hỏi : đã nói đầu cho làm lụng, hoạt động, lúc nào cũng đều là bồn tâm. Vậy khi vô-thường đến với sắc thân sao lại chẳng thấy bồn-tâm ? Đáp : Bồn-tâm lúc nào cũng hiện bày, chỉ tại ông tự chẳng thấy.

Hỏi : Lúc nào cũng hiện-bày, vì sao chẳng thấy ? Tổ-sư nói : « Ông có từng nằm mơ lần nào không ? »

Đáp : Có.

Hỏi : khi ông nằm mơ có phải là bồn thân của ông không ?

Đáp : Phải

Lại hỏi : Ông nói-năng hoạt-động với ông là một hay khác ?

Đáp : Không khác

Nói : Nếu đã chẳng khác thì thân của ông đây cũng chính là pháp-thân vốn có của ông đó. Chính ngay pháp thân này là bồn-tâm của ông đó. Tâm này từ lũy-kiếp đến giờ vẫn y nguyên như thế, chưa từng có sanh tử. Chẳng sanh chẳng diệt, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng tốt chẳng xấu, chẳng đến chẳng đi, chẳng phải chẳng quấy, chẳng tướng nam tướng nữ, cũng không phải tướng tục tướng tăng, không già không trẻ, không thánh không phàm, không Phật không chúng sanh, không tu không chứng, không nhân không quả, không gân lực, không tướng mạo cũng như hư không, bắt chẳng được, bỏ chẳng được, núi sông gành đá, không chướng ngại được, hiển ẩn qua lại tự tại thần thông, suốt 5 uẩn vượt sanh tử, tất cả

nghiệp chướng đối với pháp thân cũng đều không thể trói buộc được. Tâm này rất vi diệu khó thấy, chẳng đồng với cái tâm nghiệp-chướng do trần cảnh tạo nên.

Cái pháp-thân, tâm tánh này ai ai cũng sẵn có. Trong tâm ấy động tay máy chân nhất nhất đều không lìa, nhưng khi hỏi đến đều không thể nói được, giống như người gỗ. Hết thấy đều tự mình thọ dụng nhưng sao lại không biết ? Phật nói : tất-cả chúng sanh đều là mê muội, vì thế nên tạo nghiệp đọa vào sanh tử, muốn ra rồi lại vào, chỉ vì chẳng thấy tánh. Chúng sanh nếu chẳng mê tại sao khi hỏi đến việc trong tâm tánh thì lại không có một người biết được, tự mình động tay máy chân sao mình không biết ? Cho nên biết thánh như nói không lầm, vì người tự mê-muội. Nên biết tánh này rất khó tỏ, chỉ có Phật mới được tỏ ngộ thôi ; hết thấy người, trời, chúng sanh đều không tỏ suốt.

Nếu có trí-huệ tỏ suốt được tâm này thì gọi là pháp tánh, cũng gọi là giải thoát, sanh tử không trói buộc được, tất cả pháp không chướng ngại được, thế gọi là Đại-Tự-Tại-Vương Như Lai. Cũng gọi là không thể nghĩ bàn, cũng gọi là thánh thể, cũng gọi là trường sanh bất tử, cũng gọi là đại tiên. Danh tuy chẳng đồng, thể vẫn là một, bực thánh như nói ra đâu có muôn vàn phân biệt cũng đều chẳng lìa tự tâm. Tâm-lượng rộng lớn ứng-dụng vô cùng, ứng ra mắt thấy sắc, ra tai nghe tiếng, ra mũi biết mùi, ra lưỡi biết vị, cho đến hết thấy hành-tung hoạt-động cũng đều là tự tâm. Bất cứ lúc nào, chỉ có bất-đường ngôn ngữ tức là tự tâm.

Nên nói sắc Như Lai vô-tận, trí-huệ cũng vô-tận. Sắc vô-tận là tự tâm, tâm khéo hay phân biệt tất cả pháp, nhãn đến tất cả hành-tung hoạt-động cũng đều là trí huệ. Tâm không hình tướng nên trí-huệ cũng vô tận. Nên nói sắc Như-Lai vô-tận, trí-huệ cũng như thế. Còn cái thân tứ-đại tức là cái thân phiền-ã, thân sanh diệt. Pháp-thân thường-trụ không chỗ trụ ; pháp-thân của Như-Lai thường chẳng thay đổi nên kinh nói : chúng sanh nên biết tánh Phật vốn tự có ; ngài Ca-Diếp chỉ ngộ được bản-tánh mà thành Phật. Bản tánh tức là tâm ; tâm tức là tánh, tánh với tâm chơn Phật không hai, Phật trước Phật sau chỉ truyền tâm này, ngoài tâm này không có Phật nào cả. Chúng-sanh điên đảo chẳng biết tự tâm là Phật, dong-ruổi ra ngoài mà tìm, suốt ngày chật vật niệm Phật, lễ Phật, vậy Phật ở đâu ? Chớ nên hiểu như thế, làm như thế. Chỉ biết bản-tâm, ngoài tâm không có Phật nào khác. Kinh nói : Phạm cái gì có tướng đều là hư vọng.

Lại nói : Phật ở đâu ? chỗ nào không Phật ? Tự tâm là Phật, chẳng nên đem Phật lễ Phật, đâu có tướng Phật hoặc tướng Bồ Tát hiện tiền cũng quyết-định chớ nên lễ kính. Tâm ta vắng-lặng vốn không có tướng như thế. Nếu chấp tướng tức là ma, đều rơi vào tà đạo, nếu là huyền từ tâm khởi, lại càng không nên lễ, lễ là không biết, biết thì chẳng lễ. Nếu lễ là bị ma nhiếp.

Sợ hậu-học chẳng biết nên phải biện-bạch như thế này. Các Phật, Như-Lai trên bản-tánh đều không có tướng như thế, phải nên chú-ý. Khi thấy cảnh giới lạ, quyết định không nên chấp, cũng đừng sanh sợ hãi, chẳng cần nghi hoặc. Tâm ta bản-lai thanh tịnh, đâu có tướng như thế ! Nhấn đến tướng Thiên-Long, Dạ-xoa, quỷ-thần, Đế-Thích, Phạm-Vương v.v. đi nữa, cũng chẳng nên sanh tâm kính trọng, cũng đừng sợ hãi. Tâm ta bản-lai vắng lặng, tất-cả tướng đều là tướng hư vọng, chỉ đừng chấp tướng là hơn.

Nếu khởi tâm thấy Phật thấy pháp và thấy các tướng Bồ Tát mà sanh kính trọng, tức là tự đọa vào chúng sanh. Nếu muốn liền được tỏ-ngộ, chỉ đừng nhận một pháp nào là được. Không cần nói gì thêm.

Nên kinh nói : phàm cái gì có tướng đều là hư vọng, đều không có thật. Huyền, không có tướng nhất-định, là pháp vô thường. - Chỉ đừng chấp tướng là hợp với ý thánh. Nên kinh nói : lia tất-cả tướng là danh hiệu chư Phật.

Hỏi : Tại sao không được lễ Phật, Bồ-Tát ? Đáp : Thiên-Ma-Ba-Tuần, A-Tu-La cũng hiện thân thông làm được tướng Bồ-Tát và nhiều cách biến hóa. Đó là ngoại đạo chớ không phải Phật. Phật là tự tâm, đừng làm lễ lạ. Chữ Phật là tiếng Ấn-Độ, theo xứ ta gọi là tánh giác. Giác nghĩa là linh-giác, ứng có tiếp vật, nhướng mày, liếc mắt, động tay máy chân đều là tánh linh-giác của mình. Tánh tức là tâm. Tâm tức là Phật. Phật tức là Đạo. Đạo tức là Thiên. Nội một chữ Thiên, phàm thánh cũng khó lường được. - Lại nói thấy tánh là Thiên. Nếu chẳng thấy tánh là không phải Thiên, dầu cho giảng được thiên kinh vạn luận, nếu chẳng thấy tánh cũng chỉ là phàm phu. Đạo cả sâu màu không thể dùng lời mà tỏ được hết. Vậy kinh-điển căn-cứ nói đâu mà có thể đến được. Chỉ thấy bản-tánh, dầu cho không biết một chữ cũng là thấy tánh, tức là thánh thể.

Vốn nó thanh tịnh, không tạp không nhơ. Có nói năng điều gì đều là thánh hơn từ tâm mà khởi dụng. Dụng và thể bản-lai là không. Danh ngôn còn chẳng đến được, vậy 12 bộ kinh bằng cứ nơi đâu mà đến được ? - Đạo vốn viên thành, chẳng phải tu chứng. Đạo không phải sắc thính, vi-diệu khó thấy. Chỉ như người uống nước, lạnh ấm tự mình biết mà thôi, không thể nói cho người khác nghe được. Chỉ có Như-Lai biết được, ngoài ra người, trời các loại đều không hay biết. Vì trí phàm phu không đến được nên mới chấp tướng, chẳng rõ tự tâm vốn vắng-lặng rỗng rang, nên vọng chấp tướng và tất-cả pháp mới đọa ngoại đạo. Nếu biết các pháp đều từ tâm sanh thì chẳng nên chấp, chấp là chẳng biết. Nếu thấy bản-tánh thì 12 bộ kinh chẳng qua chỉ là văn-tự rỗng, ngàn kinh muôn luận chỉ cốt để tỏ tâm ; nếu nói ra liền khế-hợp thì kinh giáo dùng được vào đâu ! Chí lý hết nói-năng, kinh giáo chỉ là từ ngữ, thiệt chẳng phải Đạo. Đạo vốn không nói năng, nói năng là vọng.

Người tu đêm đến nằm mơ thấy lâu đài, cung điện, voi ngựa hoặc cây cối, rừng ao v.v.. chớ nên mống lòng tham đắm, vì hết thấy cảnh ấy đều là chỗ để thác sanh, điều này phải hết sức chú ý. Lại nữa, khi lâm chung chẳng nên chấp tướng thì chương liền trừ. Nếu tâm nghi phát khởi là bị ma nhiếp.

Pháp thân bỗng lai thanh tịnh không thọ lãnh một điều gì, chỉ vì mê muội không hay biết nên vọng thọ báo, vì có tham đắm nên mất tự do, nếu ngộ được bỗng tâm thì chẳng đắm nhiễm.

Nếu là từ thánh vào phàm thị hiện bao nhiêu tạp loại tự làm chúng sanh, đó là một việc khác. Nên thánh nhơn làm nghịch làm thuận đều được tự tại, tất-cả nghiệp chướng không trói buộc được, đối với bực ấy có đại oai đức đã lâu cho nên tất cả nghiệp chướng đều bị chuyển hết. – Thiên đường địa ngục hết thành vấn đề.

Còn phàm phu thần thức mê muội, chớ không phải trong ngoài sáng suốt như thánh nhơn. Nếu có chỗ nghi thì chớ nên làm, làm là bị trôi lăn theo sanh tử, khi ăn năn đã muộn. Nghèo cùng khốn khó đều từ vọng tưởng sanh, nếu ai tỏ được tâm này thì nên lần lượt khuyên bảo lẫn nhau, chỉ làm mà không trụ không chấp là vào được tri kiến Như Lai.

Người mới phát tâm, thần thức chưa định, nếu khi nằm mơ thấy cảnh lạ hiện đều là tự tâm khởi, quyết định chớ nghi, không phải ngoài tâm có cảnh. Nếu mơ thấy ánh sáng như mặt trời tức là tập nghiệp còn thừa sắp hết, tánh pháp giới hiện. Đó là điềm sẽ thành Đạo, chỉ tự mình biết chẳng nên nói cho ai nghe. Hoặc khi dong chơi trong vườn vắng lặng, đi đứng nằm ngồi mắt thấy ánh sáng; hoặc trong đêm tối cũng thấy ánh sáng như ban ngày, đừng có lấy làm lạ, đều là tự tâm muốn hiển hiện. Hoặc nằm mơ thấy trăng sao tỏ sáng; đó cũng là điềm các duyên muốn dứt, cũng chớ nên nói cho ai nghe. Còn như nằm mơ thấy đi trong tối tăm u-ám, đó cũng là tự tâm phiền não chướng nặng cũng chỉ nên tự biết. Nếu đã thấy tánh, chẳng cần phải đọc kinh niệm Phật, học rộng biết nhiều vô ích, còn làm cho thần thức lại tối thêm. Kinh giáo chỉ để nêu tâm nếu rõ được tâm đâu cần phải xem kinh giáo. Nếu là từ phàm vào thánh phải nên ngừng nghiệp dưỡng thần, tùy phận qua ngày. Nếu là người nhiều sân nhuế làm cho tánh sanh chướng đạo, tự gạt gẫm vô ích.

Thánh nhơn ở trong sanh tử tự-tại hiện ẩn ra vào chẳng định, tất-cả nghiệp-chướng hết thành vấn đề. Hết thấy chúng-sanh chỉ cần thấy bỗng-tánh là tậpnghiệp liền dứt, thần-thức không bị mê; nhưng phải là tức thì liền nhận.

Nếu luống thật ngộ đạo thì đừng chấp tất-cả pháp, ngừng nghiệp dưỡng thần thì dư tập cũng hết, tự nhiên minh bạch không cần dụng công. Ngoại đạo chẳng rõ ý Phật, dụng công rất nhiều mà vẫn trái với ý thánh. Suốt ngày bo-bo niệm Phật tụng kinh

mà vẫn mê-muội bồn-tánh, chẳng khỏi luân hồi. Phật là người rảnh rang, đâu cần chặt-vật rộng cầu danh lợi. Chỉ có người chẳng thấy tánh mới đọc kinh niệm Phật, siêng học, sáu thời hành đạo; ngồi hoài chẳng nằm, học rộng nghe nhiều và cho đó là pháp Phật. Chúng-sanh như thế đều là người khinh pháp. Phật trước Phật sau chỉ nói thấy tánh, các hành động đều là vô thường. Nếu chẳng thấy tánh mà vội cho rằng mình đã được đạo vô-thượng Bồ Đề, đó là hạng tội nhơn lớn. - Mười vị đệ tử lớn của Phật, ngài A-Nan là người học rộng bực nhứt mà với Phật còn không biết, chỉ học rộng nghe nhiều. Hết thầy nhị thừa ngoại-đạo đều không biết Phật, chỉ biết đếm theo pháp tu chúng, bị đọa vào trong nhân quả, đó là chúng-sanh nghiệp-báo chẳng khỏi sanh tử, trái với ý Phật rất xa, là kẻ khinh Phật đó! Hạng chúng sanh ấy thuộc Nhứt-xiên-đề. Trong kinh có nói: kẻ Nhứt-xiên-đề chẳng có lòng tin; nếu có lòng tin thì người ấy là một vị Phật.

Nếu chẳng thấy tánh, chớ nên bắt chước chê bai những người lương thiện, tự dối gạt vô ích. Thiện ác rõ ràng, nhân quả phân minh, thiên đường địa ngục chỉ ở trước mắt, người ngu chẳng biết hiện đọa vào địa ngục tội-tâm cũng không hay

Chỉ vì nghiệp nặng nên không thể tin, ví như người mù chẳng tin người ta nói có ánh sáng, dầu có cất nghĩa thế nào cũng không tin được, vì đã mù lấy đâu mà phân biệt được sáng tối! Người ngu cũng thế. Hiện tiền đã bị đọa vào súc-sanh tạp loại, chỉ ở trong nghèo cùng hạ-tiện, cầu sống chẳng được, cầu chết cũng chẳng được. Tuy thọ khổ như thế nhưng dầu có ai hỏi họ cũng tự gọi mình được yên vui. Nên biết tất-cả chúng-sanh dẫu sanh vào chỗ vui thật cũng không hay biết. Hạng người ác như thế, chỉ vì nghiệp chướng quá nặng nên không thể phát lòng tin, không tự do được. Nếu thấy được tự tâm là Phật chớ không phải ở tướng bên ngoài, thì dẫu bạch-y-cư-sĩ cũng vẫn là Phật. Nếu chẳng thấy tánh dù có đầu tròn vai vuông cũng là ngoại-đạo.

Hỏi: Cư-si còn vợ con dâm-dục làm sao thành Phật được?

Đáp: Chỉ nói thấy tánh; chẳng bàn đến dâm-dục. Chỉ vì chẳng thấy tánh. Miễn được thấy tánh thì dâm-dục vốn tự rỗng lặng, tự nhiên dứt trừ, không còn tham-đắm nữa. Dầu cho dư tập hãy còn cũng chẳng làm hại được. Vì sao thế? Vì tự tánh vốn nó tự thanh-tịnh. Tuy ở trong sắc thân 5 uẩn, tánh nó cũng vốn thanh tịnh không ô nhiễm. Pháp-thân bản lai không thọ, không đói, không khát, không lạnh nóng, không bệnh hoạn, không ân ái, không quyền thuộc, không khổ vui tốt xấu, không vấn dãi mạnh yếu, vốn không một vật có thể được. Chỉ vì cố-chấp cái thân này nên mới có các tướng đói khát, lạnh nóng, bệnh chướng v.v..

Nếu chẳng chấp là được tự-tại. Nếu trong sanh tử mà được tự-tại, chuyển trở lại các pháp, đừng để các pháp chuyển, cũng như thánh-nhơn, thì ở đâu lại không yên?

Nếu tâm có chỗ nghi, quyết-định không thể tự-tại, không khỏi sanh tử luân-hồi. Nếu thấy tánh thì dầu bản cùng hạ tiện, đồ-tể sát sanh cũng vẫn thành Phật.

Hỏi : Đồ tể làm nghiệp sát sanh làm sao thành Phật được ?

Đáp : chỉ nói thấy tánh, chẳng nói tạo nghiệp. Dầu có tạo nghiệp thế nào, nghiệp cũng không thể trói buộc được. Từ lũy kiếp đến giờ, chỉ vì chẳng thấy tánh nên mới có trôi lăn sa-đọa vào địa ngục, sanhtử ; khi ngộ được bản-tánh sẽ không tạo nghiệp nữa. Nếu chẳng thấy tánh, niệm Phật để khỏi nhân quả cũng không thể được, không luận là sát-sanh.

Nếu được thấy tánh, tâm sát liền trừ, nghiệp sát cũng không thể trói buộc được. Nên chi 27 vị Tổ ở Tây-Trúc chỉ truyền nhau tâm ấn. Nay ta đến cõi này cũng chỉ truyền đốn-giáo đại-thừa chính tâm mình là Phật, chớ chẳng nói đến giữ giới, tinh-tiến, khổ-hạnh. Nhẫn đến vào nước vào lửa, leo lên gươm đao, ăn một ngày một bữa, ngồi hoài chẳng nằm, hết thấy những cái ấy đều là pháp hữu-vi ngoại-đạo. Nếu rõ được cái tánh linh giác chính là tánh Phật, Phật trước Phật sau chỉ nói truyền tâm chớ không có pháp nào khác. Nếu rõ được tâm này, dầu phàm-phu không biết một chữ cũng vẫn là Phật, nếu chẳng rõ tự-tánh linh-giác của mình, dầu cho đem thân này tán ra tro bụi để tìm Phật rốt cũng chẳng được gì.

Phật cũng gọi là pháp-thân, cũng gọi là bản-tâm. Tâm này không hình tướng, không nhân quả, không gân cốt. Vốn như hư không, bắt chẳng được ; chớ không phải như vật chất, không phải như ngoại đạo nói. Tâm này chỉ trừ Như-Lai ra, hết thấy chúng sanh đều mê muội, đều chẳng tỏ ngộ. Nhưng tâm này không phải lìa cái thân vật-chất này. Nếu thân tứ-đại này mà lìa tâm là không có sự sống, làm sao có biết ! Nhẫn đến nói năng vận-động, thấy nghe hay biết đều là cái động-dụng của tâm. Động là tâm động, dụng là tâm dụng. Ngoài động-dụng không tâm, ngoài tâm không động-dụng. Động chẳng lìa tâm, tâm chẳng lìa động. Lìa động không tâm, lìa tâm không động. Động là tâm dụng, dụng là tâm động. Động tức tâm dụng, dụng tức tâm động. - Chẳng động, chẳng dụng, dụng và thể vốn không, không vốn không động. Động dụng do tâm, tâm vốn không động. – Nên kinh nói : « động nhưng không chỗ động. Suốt ngày đi đến nhưng chưa từng đi đến.

Suốt ngày thấy nhưng chưa từng thấy, suốt ngày cười nhưng chưa từng cười, suốt ngày nghe nhưng chưa từng nghe, suốt ngày biết nhưng chưa từng biết, suốt ngày mừng nhưng chưa từng mừng, suốt ngày đi nhưng chưa từng đi, suốt ngày đứng

nhưng chưa từng đứng. » Nên kinh nói « bật đường nói năng dứt hết nơi chỗ, thấy nghe hay biết vốn tự tròn vắng, hẳn đến giận mừng, đau ngứa nào khác người gỗ, chỉ vì suy tìm cái đau ngứa không thể được. » Nên kinh nói « nghiệp ác thì được báo khổ, nghiệp thiện thì được báo vui. » Chớ không phải chỉ sân bị đọa địa-ngục, mừng được sanh thiên. Nếu rõ được cái tánh mừng giận vốn không, chỉ đừng chấp nghiệp là giải-thoát. Nếu chẳng thấy tánh, giảng kinh quyết không bằng cứ. Nói không sao hết, chỉ đại-lược tà chánh đôi điều mà thôi.

Tụng rằng :

*Tâm tâm tâm không thể tìm
Rộng cùng khắp pháp giới,
Hẹp chẳng chứa đầu kim
Ta vốn cầu tâm chẳng cầu Phật
Biết rõ ba cõi rộng không vật
Nếu muốn cầu Phật chỉ cầu tâm
Chỉ tâm này, tâm này mới là Phật*

---o0o---

*Ta vốn cầu tâm, tâm tự trì
Cầu tâm chẳng được, tự tâm hay.
Tánh Phật chẳng từ ngoài tâm được
Tâm sanh là lúc tội sanh rồi.*

Kệ rằng :

Ta vốn đến cõi thế này

Truyền pháp cứu mê tình

Một hoa nở năm cánh

Kết-quả tự nhiên thành

---o0o---

THIÊN THỨ HAI

LUẬN NGỘ TÁNH

CHÁNH VĂN:

*Vã chẳng Đạo là lấy vắng lặng làm thể. Tu là lìa tướng làm tông.

Nên kinh nói: Vắng-lặng là Bồ-đề, vì dứt hết các tướng. Phật nghĩa là giác. Người có tâm giác được Đạo Bồ-đề nên gọi là Phật. Kinh nói: Lìa tất cả các tướng là danh hiệu chư Phật.

Thể mới biết: Có tướng là tướng mà không tướng.

Không thể dùng mắt thấy, chỉ có thể dùng trí biết. Ai nghe pháp này mà sanh một niệm lòng tin, phải biết người đó đã phát tâm đại-thừa, siêu 3 cõi. Ba cõi tức là tham, sân, si. Đòi tham, sân, si ra thành giới, định, huệ - tức gọi là siêu ba cõi.

Nhưng tánh của tham, sân, si cũng không thật, chỉ tùy-thuận chúng sanh mà nói vậy thôi. Nếu ai có thể soi trở vào trong thì thấy rõ tánh của tham sân si tức là tánh Phật. Ngoài tham sân si không có tánh Phật nào khác.

* Kinh nói: chư Phật từ xưa đến nay thường ở trong 3 độc để nuôi lớn pháp giải thoát mà thành Thế Tôn. Ba độc là tham sân si đó.

Nói đại-thừa, tối thượng-thừa đều là nói chỗ sở hành của Bồ-Tát. Không chỗ thừa, không chỗ chẳng thừa. Suốt ngày thừa mà chưa từng thừa, đó là Phật thừa.

Kinh nói: “Không thừa là Phật thừa đó”. Nếu ai biết được 6 căn không thật, 5 uẩn giả danh, khắp thân tìm cầu hết thấy đều không có chỗ nhất định. Phải biết người đó rõ được nghĩa Phật nói.

Kinh nói: Hang ổ của 5 uẩn là Thiên-viện. Soi trở vào trong được tỏ ngộ là môn đại-thừa. Há chẳng rõ lắm sao! Chẳng chứa tất-cả pháp gọi là Thiên-định. Nếu rõ được câu này thì đi đứng nằm ngồi đều là Thiên-định.

Biết tâm là “không”, gọi là thấy Phật. Vì sao thế?

– Vì mười phương chư Phật đều là vô tâm.

Chẳng thấy tâm gọi là thấy Phật

Lìa chấp thân chẳng tiếc gọi là đại bố thí.

Lìa các động, tịnh gọi là đại toạ thiền.

Vì sao thế? – Vì phạm phu một niệm chấp động, tiểu thừa một niệm chấp định. Nếu vượt khỏi cái toạ thiền của tiểu thừa và phạm phu thì gọi là đại toạ thiền. Nếu nhận được như thế thì tất cả các tướng chẳng tìm cũng tự rõ, tất cả các bệnh chẳng trị cũng tự khỏi. Đó là nhờ sức đại thiên định.

Phạm ai đem tâm mà cầu pháp đều là mê, chẳng đem tâm cầu pháp là ngộ.

Chẳng đắm chấp văn tự gọi là giải thoát. Chẳng nhiễm 6 trần gọi là hộ pháp. Lìa khỏi sanh tử gọi là xuất gia. Chẳng thọ báo sau này gọi là đắc Đạo.

Chẳng sanh vọng tưởng gọi là Niết Bàn.

Chẳng kẹt trong vô minh gọi là đại trí tuệ.

Đến chỗ không phiền não gọi là Bát Niết Bàn.

Đến chỗ không có tướng tâm gọi là qua bờ bên kia. Khi mê thì có bờ bên đây. Khi ngộ rồi thì bờ bên đây cũng không có.

Vì sao thế? – Vì phàm phu một niềm chấp bên đây, nếu tỏ ngộ được pháp tối thượng thừa thì tâm chẳng trụ bên đây cũng chẳng qua bên kia, nên lìa được cả đây kia vậy.

Nếu thấy bờ bên kia chẳng khác hơn bờ bên đây, cái tâm của người ấy đã được cái định vô thiên.

Phiền não gọi là chúng sanh, tỏ ngộ gọi là Bồ đề, cũng chẳng một chẳng khác, chỉ khác nhau ở mê ngộ.

Khi mê có thể gian để ra khỏi, khi ngộ không có thể gian để ra. Trong pháp bình đẳng chẳng thấy phàm phu khác với thánh hơn.

Kinh nói: pháp bình đẳng nghĩa là phàm phu không thể nhập, nhị thừa không thể hành. Chỉ có bậc đại Bồ Tát và chư Phật Như Lai có thể hành mà thôi.

Nếu thấy sanh khác với tử, động khác với tĩnh đều gọi là chẳng bình đẳng.

Chẳng thấy phiền não khác với Niết Bàn, thế mới gọi là bình đẳng.

Vì sao thế? Vì phiền não và Niết Bàn cùng một tánh không. Cho nên người nhị thừa vọng dứt trừ phiền não, vọng nhập Niết Bàn, tự tạo Niết Bàn để trói buộc. Còn Bồ Tát biết được tánh phiền não vốn không, nên chẳng lìa không, thường ở Niết Bàn. Niết Bàn nghĩa là khơi mà chẳng sanh, tịch mà chẳng chết, vượt khỏi sanh tử là bát Niết Bàn. Tâm không có đi và đến là nhập Niết Bàn. Thế mới biết Niết Bàn tức là tâm không.

Chư Phật nhập Niết Bàn là ở chỗ không vọng tưởng, Bồ tát vào đạo tràng là không tham sân si vậy. Tham là cõi dục, sân là cõi sắc, si là cõi vô sắc.

Nếu một niệm tâm sanh liền vào 3 cõi, một niệm tâm diệt là ra 3 cõi.

Thế mới biết : 3 cõi sanh diệt, vạn pháp có không đều do một tâm. Phàm nói một pháp là cũng giống như đập ngói gạch, chẻ tre gỗ vô tình.

Nếu biết được tâm chỉ là giả danh tạm gọi chớ không có tướng, thì liền biết cái tâm của tự mình cũng không phải có không phải không.

Vì sao thế ? – Vì phàm phu một niệm sanh tâm gọi là có, tiểu thừa một niệm diệt tâm gọi là không. Còn Bồ Tát và Phật chưa từng sanh tâm cũng chưa từng diệt tâm, cho nên gọi không phải có không phải không. Chỗ này cũng gọi là Trung đạo.

Thế mới biết: chấp tâm học pháp thì cả tâm lẫn pháp đều mê. Đừng chấp tâm mà học pháp thì cả tâm và pháp đều ngộ.

Phàm mê nghĩa là mê ở trong ngộ, ngộ là ngộ ở trong mê..

Con người chánh kiến biết được tâm vốn rỗng không liền siêu mê ngộ.

Như thế mới gọi là thấy biết đúng. Sắc chẳng tự sắc, do tâm nên có sắc.

Tâm chẳng tự tâm, do sắc nên có tâm.

Thế mới biết tâm và sắc, cả hai cùng nương nhau sanh diệt.

Có là có ở trong không. Không là không ở trong có. Thế gọi là thấy đúng.

Vả chẳng, nếu thật thấy là không chỗ chẳng thấy, cũng không chỗ thấy.

Tuy thấy khắp mười phương, nhưng chưa từng có thấy. Vì sao thế ? – Vì không chỗ thấy, vì thấy được cái không thấy, vì thấy không phải thấy.

Cái mà phàm phu gọi là thấy ấy đều là vọng tưởng cả.

Nếu vắng lặng không chỗ thấy mới gọi là thấy thật.

Tâm và cảnh đối nhau, cái thấy trong đó phát sanh

Nếu trong chẳng khởi tâm thì ngoài chẳng sanh cảnh, cảnh và tâm đều vắng lặng, như thế mới gọi là thấy thật.

Chẳng thấy tất cả pháp mới gọi là được Đạo.

Chẳng biết tất cả pháp mới gọi là tỏ pháp.

Vì sao thế? – Vì thấy và chẳng thấy đều là chẳng thấy

Hiểu cùng chẳng hiểu đều là chẳng hiểu. Cái thấy không phải thấy mới gọi là thật thấy. Cái hiểu không không hiểu mới gọi là hiểu rộng lớn.

Vả chẳng, thấy đúng nghĩa là không phải cái thấy có thấy mà là cái thấy trong không thấy. Thật hiểu nghĩa là không phải cái hiểu trong có tướng, mà là cái hiểu trong không có tướng. Phạm hiểu có cái bị biết đều gọi là chẳng biết. Không có cái bị biết mới gọi là thật biết. Biết cùng chẳng biết đều không phải biết. Kinh nói chẳng bỏ trí tuệ gọi là ngu si. Nếu tâm là không, hiểu cùng chẳng hiểu đều là thật cả. Nếu tâm là có, hiểu cùng chẳng hiểu đều là vọng.

Nếu tỏ ngộ thì pháp theo người. Nếu chẳng tỏ ngộ thì người theo pháp.

Nếu pháp theo người thì phi pháp trở thành pháp, hết thấy pháp đều chơn. Nếu người theo pháp thì pháp trở thành phi pháp, hết thấy pháp đều trở thành vọng.

Cho nên thánh hơn chẳng đem tâm mà cầu pháp, cũng chẳng đem pháp mà cầu tâm, cũng chẳng đem tâm mà cầu tâm, đem pháp mà cầu pháp. Cho nên tâm chẳng sanh pháp, pháp chẳng sanh tâm. Tâm pháp đều vắng lặng nên thường ở trong định.

Tâm chúng sanh sanh thì pháp Phật diệt. Tâm chúng sanh diệt thì pháp Phật sanh.

Nếu đã biết tất-cả pháp đều chẳng có tự tánh riêng, thế gọi là người có Đạo. Biết tâm chẳng thuộc về của riêng của các pháp – Đó là người thường ở Đạo tràng.

Khi mê có tội, ngộ rồi không tội. Vì sao thế ? Vì tánh tội vốn không.

Kinh nói: các Phật pháp không có tự tánh riêng, thật dụng chớ nghi, nghi liền thành tội.

Vì sao thế ? – Vì tội do nghi hoặc mà sanh.

Khi mê thì 6 thức 5 ấm đều là pháp phiền não sanh tử. Khi ngộ thì 6 thức 5 ấm đều là pháp Niết Bàn không sanh tử.

Người học Đạo chớ nên tìm Đạo ở ngoài. Vì sao thế ? – Vì biết tâm là Đạo.

Nếu khi được tâm, không có tâm có thể được. Nếu khi được Đạo, không có Đạo có thể được.

Nếu nói đem tâm cầu Đạo mà được, thì gọi là tà kiến.

Khi mê có Phật có pháp. Khi ngộ không Phật không pháp.

Vì sao thế ? Vì ngộ tức là Phật, là pháp. Và chẳng tu nghĩa là diệt cái thấy có thân riêng thì Đạo thành.

Cũng như hột giống nứt vỏ thì cây nảy mầm.

Cái thân sanh tử nghiệp báo luôn luôn vô thường; là pháp không nhất định, chỉ tùy niệm mà tu, cũng không nên chán sanh tử hay thích sanh tử.

Chỉ làm sao trong tâm luôn luôn đừng vọng tưởng thì khi sống nhập được hữu dư Niết-Bàn, khi chết vào được vô-sanh pháp nhãn.

Khi mắt thấy sắc chẳng nhiễm sắc, tai nghe tiếng chẳng nhiễm tiếng thì đều là giải thoát.

Mắt chẳng đắm sắc thì mắt là cửa lỗ, tai cũng vậy.

Nói tóm lại, khi thấy sắc mà thấy được đến tánh của sắc thì không nhiễm, thường giải thoát.

Nếu mắc kẹt ở tướng của sắc là thường bị trói buộc. Nếu chẳng bị phiền não trói buộc thì gọi là giải thoát, chớ không có giải thoát nào khác hơn.

Người khéo quán sắc, sắc chẳng sanh tâm, tâm chẳng sanh sắc, thì sắc và tâm đều thanh tịnh

Khi không vọng tưởng thì một tâm là một cõi Phật. Khi vọng tưởng khởi thì một tâm là một cõi địa ngục.

Chúng sanh làm ra vọng tưởng, lấy tâm sanh tâm nên thường ở địa ngục. Bồ-Tát quán sát vọng tưởng chẳng lấy tâm sanh tâm, nên thường ở cõi Phật. Nếu chẳng lấy tâm sanh tâm thì tâm tâm đều nhập vào không, niệm niệm đều qui về tịnh, từ một cõi Phật đến một cõi Phật. Nếu lấy tâm sanh tâm thì tâm tâm đều chẳng tịnh, niệm niệm đều qui về động, từ một địa ngục qua một địa ngục. Khi một niệm khởi thì liền có 2 nghiệp thiện ác, có thiên đường địa ngục. Nếu một niệm tâm chẳng khởi thì hai nghiệp đều dứt, thiên đường địa ngục cũng không.

Vì “Thê” vốn không phải có, không phải không. Ở phàm là có, ở thánh là không.

Thánh nhơn nhờ tâm ‘không’ nên trong lòng rộng rang, cùng trời đất đồng lượng.

Đây đều là chúng trong đại đạo, không phải cảnh giới của tiểu thừa và phàm phu. Khi tâm được Niết-Bàn cũng không thấy có Niết-Bàn có thể được. Vì sao thế ? – Vì tâm là Niết-Bàn. Nếu ngoài tâm còn thấy có Niết-Bàn, thế gọi là đã nhiễm tà kiến.

Phải biết tất-cả phiền não đều là hột giống tâm của Như-Lai ; vì nhờ có phiền não mà được trí huệ.

Chỉ có thể nói phiền não sanh Như-Lai, nhưng không thể nói phiền não là Như-Lai. Nên tự tâm là ruộng nương, phiền não là hột giống, trí tuệ là nảy mầm ; còn Như-Lai để dụ như kết quả lúa thóc.

Phật ở trong tâm như hương trong cây, giác mục hết rồi thì lõi hương tự hiện ; phiền não hết rồi thì Phật tâm tự hiện cũng như vậy.

Cho nên biết ngoài cây không hương, ngoài tâm không Phật. Nếu ngoài cây có hương tức là hương chỗ khác, ngoài tâm có Phật tức là Phật từ ngoài ; là không phải Phật.

Trong lòng chứa 3 độc là cõi uế, trong lòng không 3 độc là cõi tịnh. Kinh nói : nếu cõi nước dơ bản ác độc đầy dẫy mà muốn chư Phật xuất hiện thì không thể có bao giờ ; mà dơ bản ác độc là tham sân si mê muội đó.

Chư Phật Thế-Tôn chính là cái tâm giác ngộ. Nếu giác ngộ thì tất-cả nói năng đều là pháp Phật. Nếu không nói mà nói thì suốt ngày nói đều là Đạo.

Nếu chấp nói năng thì dầu suốt ngày nín thính cũng là phi Đạo.

Cho nên Như-Lai nói mà không trái với nín, nín chẳng trái với nói ; nói nín không lìa. Nếu ngộ được nghĩa nói và nín đây là vào được chánh định. Nếu nói đúng lúc, nói cũng là giải thoát. Nếu chẳng phải lúc dẫu nín cũng là trói buộc. Cho nên nói cũng lìa tướng, nói cũng là giải thoát. Nếu chấp tướng dẫu nín cũng là trói buộc. - Vả chẳng bốn tánh vốn giải thoát vẫn tự không thể đến trói buộc được. Pháp không cao thấp, nếu thấy có cao thấp là không phải pháp rồi.

Phi pháp là đồ, pháp là người. Người nương đồ để qua sông thì phi pháp tức là pháp. – Nói theo thế tục thì có nam nữ sang hèn, theo Đạo thì không có nam nữ sang hèn. Cho nên Thiên nữ ngộ Đạo chẳng đổi thân nữ, nữ Xa-Nặc thức tỉnh chẳng đổi danh xưng.

Như thế không phải sang hèn nam nữ đều từ một tướng đó sao ? ! Thiên-nữ suốt 12 năm tìm tướng nữ cứu cánh không thể được, thì biết suốt 12 năm tìm tướng nam cũng không thể được.

Cái nghĩa 12 năm là 6 căn 6 trần đó. Lìa tâm không Phật, lìa Phật không tâm. Cũng như lìa nước không giá, lìa giá không nước.

Phàm nói lìa tâm không phải là nói chạy trốn cái tâm. Chỉ nói đừng chấp ở phần tướng của tâm mà thôi. Kinh nói : Chẳng thấy tướng gọi là thấy Phật, tức là lìa tướng tâm đó. Nói lìa Phật không tâm nghĩa là nói Phật từ tâm hiện, tâm có thể sanh Phật. Phật tuy từ tâm sanh, nhưng tâm chưa từng sanh ra Phật. Cũng như cá sanh ra từ nước chớ không phải nước để ra cá. Muốn xem cá, chưa thấy cá đã thấy nước. Muốn quán Phật, chưa thấy Phật đã thấy tâm. Thế mới biết khi thấy cá là quên nước, khi thấy Phật là quên tâm. Nếu chẳng quên tâm là còn bị tâm mê hoặc.

Chúng sanh với Bồ-Đề cũng như giá với nước. Bị 3 độc làm rối loạn thì gọi là chúng sanh, được 3 giải thoát thanh tịnh thì gọi là Bồ-Đề. Cũng như nước bị mùa Đông làm đặc lại thì gọi là giá, bị mùa Hạ làm lỏng ra thì gọi là nước. Nếu bỏ giá đi thì không có nước nào khác, nếu bỏ chúng sanh đi cũng không có Bồ-Đề nào khác.

Nên biết tánh giá là tánh nước; tánh nước là tánh giá. Tánh chúng sanh là tánh Bồ-Đề, chúng sanh và Bồ-Đề đồng một thể tánh cũng như Ô-Đầu và Phụ-Tử cùng một gốc, chỉ vì thời tiết chẳng đồng. Mê ngộ khác cảnh nên có 2 tên chúng sanh và Bồ-Đề.

Cho nên rắn hóa làm rồng mà chẳng đổi vảy, phàm biến làm thánh mà chẳng đổi mặt, chỉ người biết tâm thì trí soi trở vào trong, biết thân thì giới giữ bên ngoài.

Chúng sanh độ Phật, Phật độ chúng sanh, thế gọi là Bình đẳng. Chúng sanh độ Phật nghĩa là nhờ phiền não sanh tỏ ngộ; Phật độ chúng sanh nghĩa là tỏ ngộ rồi diệt phiền-não. Thế mới biết không phiềnnão không tỏ ngộ. Thế mới biết không phải phiềnnão không lấy đầu sanh tỏ ngộ, không phải thức tỉnh không lấy đầu diệt phiền-não. Khi mê là chúng sanh độ Phật, khi ngộ là Phật độ chúng sanh. Vì sao thế? Vì Phật chẳng tự thành, đều do chúng sanh độ cả. Chư Phật lấy vô minh làm cha, tham ái làm mẹ. Vô minh và tham ái đều là biệt danh của chúng sanh. Chúng sanh và vô minh cũng như tay trái và tay phải chớ không phải 2 người.

Khi mê là mắc kẹt bờ bên đây, khi ngộ là qua được bờ bên kia. Nếu biết tâm không, chẳng chấp tướng thì lìa mê ngộ, đã lìa mê ngộ thì không có bên đây bên kia nữa. Như-Lai chẳng ở bên đây cũng chẳng ở bên kia, chẳng ở giữa dòng. Vì sao thế? Vì ở giữa dòng là Tiểu-Thừa, ở bên đây là phàm phu, bên kia nghĩa là Bồ-Đề.

Phật có 3 thân là hóa thân, báo thân và pháp thân. Hóa thân cũng gọi là ứng thân ; Nếu chúng sanh thường làm điều thiện tức là hóa thân. Khi hiện tu trí huệ là báo thân. Hiện giác vô vi là pháp thân. Thường hiện 10 phương, tùy nghi cứu tế, đó là hóa thân Phật. Nếu dứt mê hoặc tức là Tuyết-Sơn thành đạo là báo thân Phật. Không nói không năng, không làm không được, rỗng lặng thường trụ là pháp thân Phật. Nếu luận chí lý một Phật còn không có thay làm gì có ba ! Nói có 3 là y cứ theo trí người đời mà nói, người có 3 bực : người bực hạ trí vọng cầu phước lực, vọng thấy hóa thân Phật.

Người bực trung trí vọng dứt phiền não, vọng thấy báo thân Phật.

Người bực thượng trí vọng chứng Bồ-Đề, vọng thấy pháp thân Phật. Người bực thượng-thượng trí soi trở vào trong tròn lặng tỏ tánh là Phật, chẳng đợi trừ tâm mà được trí Phật. Biết 3 thân và vạn pháp đều không thể chấp, không thể nói.

Đó là tâm giải thoát viên thành đạo cả Kinh nói : Phật chẳng thuyết pháp, chẳng độ chúng sanh, chẳng chứng Bồ-Đề là nghĩa thế.

Chúng sanh tạo nghiệp, nghiệp chẳng tạo chúng sanh. Đời này tạo nghiệp, đời sau thọ báo, quyết định không sai. Chỉ có bực chí nơn nơi thân này chẳng tạo các nghiệp nên chẳng thọ báo. Kinh nói: chẳng tạo các nghiệp tự nhiên được Đạo, há chẳng đúng sao ?! Người hay tạo nghiệp, nghiệp chẳng hay tạo người. Người nếu tạo nghiệp, nghiệp và người cùng sanh. Người nếu chẳng tạo nghiệp, nghiệp và người đều dứt. Thế mới biết nghiệp do người tạo, người theo nghiệp sanh. Nếu người chẳng tạo nghiệp, thì nghiệp không theo mà sanh người. Cũng như người hay hoằng Đạo, Đạo chẳng hay hoằng người. Phàm phu đời nay thường tạo nghiệp, vọng nói không báo, há phải không khổ đâu ! Nếu luận chí lý thì tâm trước tạo, tâm sau thọ báo làm sao thoát được !.

Nếu tâm trước chẳng tạo thì tâm sau chẳng thọ báo thì lấy đâu vọng thấy nghiệp báo. Kinh nói : ai tin có Phật mà nói Phật có khổ hạnh, đó là tà kiến; nói Phật bị quả báo cây thương vàng và ăn lúa ngựa, đó gọi là đức tin chẳng đủ, gọi là Nhất-xiển-đề. Ai tỏ được pháp thánh thì gọi là thánh nơn, tỏ pháp phàm thì gọi là phàm phu. Chỉ có thể bỏ pháp phàm theo pháp thánh, là phàm phu thành thánh vậy. Thế gian ngu mê, chỉ muốn cầu làm thánh nơn mà chẳng tin cái tâm tỏ ngộ là thánh nơn. Kinh

nói : những kẻ không trí đừng cho nghe kinh này. Kinh nói : “tâm là pháp”. Người không trí chẳng tin tâm tỏ ngộ pháp trở thành thánh nhơn ; nên chỉ muốn tìm cầu bên ngoài, ngưỡng mộ hình tượng màu sắc v.v.. đều bị đọa vào tà kiến, tâm sanh cuồng loạn.

Kinh nói : “nếu thấy các tướng không phải tướng là thấy Như-Lai.” Tám muôn bốn ngàn pháp môn đều do tâm khởi; nếu tướng tâm thanh tịnh như hư không liền thoát ly thân tâm vậy. Tám muôn bốn ngàn phiền não là căn bệnh. Phàm phu khi sống lại lo chết, khi no lại lo đói, đều gọi là đại mê hoặc.

Cho nên thánh nhơn chẳng lo trước, chẳng nghĩ sau, không đắm hiện tại, niệm niệm đều qui Đạo

Nếu ai chưa ngộ được lý này, thì nên sớm tìm đường lành trời người, đừng để mất hết cả hai.

Đêm ngồi kệ rằng :

Canh một ngồi ngay bất kiết già,

Tĩnh thân lặng chiếu rộng đồng hư.

Lũy kiếp đến nay không sanh diệt,

Đâu cần sanh diệt diệt Vô-Dur.

Vạn pháp chung qui đều như huyễn

Bồn tâm tự rỗng đâu dụng trừ

Nếu biết tâm tánh phi hình tượng,

Lặng yên chẳng động tự chơn như

*

Canh hai thần lắng chuyển suốt trong

Chẳng khởi ước mơ, chỉ một lòng

Sum-la vạn tượng đều qui Đạo,
Há chấp có không để bình chung !
Các pháp bốn lai không Không Có,
Phàm phu vọng tưởng luận cuồng nông
Nếu tâm chẳng khởi sanh hai pháp,
Còn nói làm chi thánh khác phàm !

*

Canh ba lòng lặng tợ hư không,
Trùm khắp mười phương đều suốt thông
Núi sông ghềnh đá không sao chướng,
Hằng sa thế-giới sẵn ở trong.
Thế giới chơn như cùng bốn-tánh
Cũng không không tánh tức dung thông
Phải đâu chư Phật là như thết,
Hữu tình muôn loại thấy đều đồng.

*

Canh tư không diệt không sanh,
Hư-không pháp-giới đẳng bình như nhau

Đến đi khởi diệt được nào
Có không sáng tối làm sao tỏ tường
Không thấy là cái thấy Thế-Tôn.
Không tên không được là tên Phật mình
Ai có tỏ ngộ biết liền
Chúng sanh mê-muội còn nguyên đui-mù
Canh năm Bát-Nhã chiếu vô biên,
Một niệm chẳng khởi ba ngàn suốt qua.
Chơn như bình đẳng muốn thấy là
Tịnh tâm không loạn trước mắt ta hiện liền.
Đạo màu tâm khó suy lường
Chớ nên tìm kiếm cho thêm mệt thân.
Nếu hay vô niệm là chơn,
Tìm cầu càng cách hết đường thấy nghe.

---o0o---

THIÊN THỨ BA
LUẬN PHÁ TƯỞNG

Luận rằng : Ví có người hỏi : Nếu muốn cầu Đạo phải tu cách nào cho được chóng tắt nhất ? Đáp: chỉ có pháp quán tâm nhiếp hết các pháp là chóng tắt nhất.

Hỏi: Vì sao mà một pháp nhiếp được hết các pháp?

Đáp: Vì tâm là nguồn cội của vạn pháp, hết thủy pháp đều từ tâm sanh. Nếu tỏ được tâm thì vạn pháp đều đủ. Cũng như cây to, cành lá hoa quả sum sê đều từ gốc cả. Khi trồng cây phải chú ý săn sóc ở gốc cây thì cây mới được sanh sôi. Đốn cây cũng cứ đốn ở gốc thì toàn thân cây đều chết. Nếu tỏ tâm mà tu thì dụng lực ít mà thành công dễ ; chẳng tỏ tâm mà tu phí công vô ích. – Nên biết tất cả thiện ác đều từ tâm, lia tâm mà tìm Đạo là việc luống công.

Hỏi : Vì sao quán tâm gọi là cứu cánh ? Đáp : Bực đại Bồ-Tát khi thâm nhập vào pháp đại-trí-huệ, biết được tứ đại vốn rỗng không vô ngã.

Thấy được tự tâm khởi dụng có hai mặt khác nhau : một là tâm nhiễm, hai là tâm tịnh. Hai mặt tâm pháp này tự nhiên vốn đầy đủ.

Tuy nhờ duyên hợp, nhưng hai tướng vẫn làm nhân đối đãi lẫn nhau. Tâm tịnh thích làm nhân lành, tâm nhiễm thường ưa nghiệp ác. Nếu chẳng thọ nhiễm thì gọi là thánh, thoát ly các khổ, chứng cái thật vui.

Nếu đọa vào tâm nhiễm thì tạo nghiệp, chịu trói buộc; gọi là phàm, trôi lăn trong ba cõi, chịu muôn điều thống khổ.

Vì sao thế ? Vì tâm nhiễm trái chướng với thể chơn như.

Nên kinh Thập-Địa nói : Trong thân chúng sanh có tánh Phật Kim-Cang tròn sáng như mặt trời, rộng lớn không bờ mé. Vì bị mây 5 âm che khuất như đèn bị chậu úp, sáng không hiện được.

Lại trong kinh Niết-Bàn có nói : hết thủy chúng sanh đều có tánh Phật, vì bị vô minh che khuất nên chẳng được giải thoát, tánh Phật tức là tánh giác đó ! Chỉ tự giác và làm cho kẻ khác giác ngộ. Giác ngộ rõ suốt thì gọi là giải thoát.

Nên biết tất-cả việc thiện đều lấy giác làm gốc.

Nhờ giác mới có thể hiển hiện các cội công đức, quả Niết-Bàn cũng nhân đây mà thành tựu. Quán tâm như thế có thể gọi là “liều”.

Hỏi : Như trên đã nói, tánh Phật chơn như, tất-cả công đức đều nương nơi giác làm gốc, chẳng hay cái tâm vô minh lấy đầu làm gốc ? Đáp : Cái tâm vô minh tuy có 84,000 phiền-não tình dục và hà sa các điều ác đều nhân 3 độ làm gốc, 3 độ là tham sân si đó. Cái tâm 3 độ này tự nó đủ tất cả khả năng làm ác cũng như cội cây to tuy chỉ có một, nhưng có biết bao cành lá. Căn cội của 3 độ, trong mỗi một cái rễ sanh ra các nghiệp ác vô lượng vô biên không thể tỷ dụ. Tâm ba độ như thế từ trong bản thể ứng hiện ra 6 căn, cũng gọi là 6 kẻ giặc, tức là 6 thức đó !

Do 6 thức này ra vào các căn tham đắm trần cảnh, tạo thành nghiệp ác trái chướng với chơn thể, nên gọi là 6 kẻ giặc.

Tất cả chúng sanh đều bị ba độ 6 kẻ giặc này làm mê loạn thân tâm, chìm đắm trong sanh tử, luân hồi trong 6 nẻo chịu các điều đau khổ.

Cũng như sông rộng mênh mông, bắt nguồn từ khe suối nhỏ chảy mãi không ngừng, lần ra đến sóng cuộn ba đào, mịt mờ muôn dặm. Nếu có người lấp được tận nguồn thì dòng suối đều dứt. Người cầu giải thoát nếu có thể chuyển 3 độ làm 3 tu tịnh giới, chuyển 6 kẻ giặc làm 6 Ba-la-Mật tự nhiên lia dứt tất-cả nghiệp khổ.

Hỏi : Sáu nẻo 3 cõi rộng lớn mênh mông, nếu chỉ quán tâm làm sao thoát khỏi biển khổ vô cùng ?

Đáp: ba cõi nghiệp báo chỉ từ tâm sanh, nếu được vô tâm, tuy ở trong 3 cõi nhưng liền thoát ly 3 cõi.

Ba cõi tức là 3 độ đó. Tham là cõi dục, sân là cõi sắc, si là cõi vô sắc, nên gọi là 3 cõi. Từ 3 độ này tạo nghiệp nặng nhẹ, thọ báo chẳng đồng, chia ra 6 nẻo nên gọi là 6 thú.

Hỏi : Sao gọi là nhẹ nặng chia làm 6 nẻo ? Đáp : Chúng sanh chẳng rõ nhân chánh, quên tâm tu nghiệp thiện vẫn chưa ra khỏi 3 cõi, sanh về 3 nẻo nhẹ.

Hỏi: Sao gọi là 3 nẻo nhẹ ?

Đáp: Là vì mê lầm lo tu 10 điều thiện, vọng cầu khoái lạc chưa khỏi cõi tham, sanh về đường trời. Mê giữ 5 giới, vọng khởi ghét yêu, chưa khỏi cõi sân nên sanh về đường người. Mê chấp theo hữu vi, tin tà cầu phước, chưa khỏi cõi si, nên sanh về nẻo A-Tu-La. Ba loại như thế gọi là đường nhẹ.

Hỏi : Sao gọi là 3 đường nặng ? Đáp : Nghĩa là từ tâm 3 độc, chỉ tạo nghiệp ác bị đọa vào 3 đường nặng. Nếu nghiệp tham nặng thì đọa vào đường ngạ quỷ, nghiệp sân nặng thì đọa vào đường địa ngục, nghiệp si nặng thì đọa vào đường súc sanh.

Ba đường nặng này thông đồng với ba đường nhẹ, cộng thành sáu đường. Nên biết tất-cả nghiệp khổ đều từ tâm sanh. Nếu có thể nhiếp tâm, liả các tà ác thì cái khổ trong 3 cõi 6 đường tự nhiên tiêu diệt ; liả khổ là được giải thoát.

Hỏi: Như chỗ Phật nói : Ta ở trong 3 vô lượng kiếp tu vô lượng khó nhọc nay mới thành Phật ; đây ngài chỉ nói quán tâm, chế ngự 3 độc thì gọi là giải thoát là tại làm sao ?

Đáp: Lời Phật nói thật không ngoa. Ba vô lượng kiếp tức là 3 độc đó. Trong cái tâm 3 độc này có vô số niệm ác, trong mỗi niệm đều là một kiếp cho nên nói 3 vô số kiếp.

Tánh chơn như đã bị 3 độc chất che khuất, nếu chẳng siêu cái tâm có 3 vô lượng ác độc ấy thì làm sao gọi là giải thoát ! Nay nếu có thể chuyển cái tâm 3 độc này làm 3 giải thoát, thế gọi là đã vượt qua được 3 vô lượng vô số kiếp. Chúng sanh đời sau ngu si căn độn, chẳng rõ cách nói bí mật của NhưLai bèn cho rằng việc thành Phật không thể tin được. Như thế há chẳng là làm cho người tu nghi lầm thối chuyển đạo Bồ-Đề đó sao !

Hỏi : Bực đại Bồ-Tát do giữ 3 tụ tịnh giới, 6 Ba-La-Mật mới được thành Phật. Nay ngài bảo người tu chỉ quán tâm chẳng tu giới hạnh làm sao thành Phật?

Đáp : Ba tụ-tịnh-giới tức là chế ngự cái tâm ba độc đó. Chế ngự 3 độc thành vô lượng pháp thiện tụ.

Chữ tụ là gom lại ; vô lượng pháp thiện đều tụ nơi tâm nên gọi là 3 tụ-tịnh-giới. Còn nói 6 Ba-La-Mật nghĩa là 6 tịnh căn ; vì 6 căn thanh tịnh chẳng nhiễm 6 trần tức là qua được sông phiền-nã đến bến BồĐề, nên gọi là 6 Ba-La-Mật.

Hỏi: Như kinh nói : ba tụ-tịnh-giới là thệ dứt tất cả nghiệp ác ; nguyện tu tất cả việc thiện ; nguyện độ tất cả chúng sanh. Nay chỉ nói chế ngự cái tâm 3 độc há chẳng không hợp đó sao ? Đáp: Phật nói ra điều gì là chân thật, bực Đại-BồTát trong nhân tu hành của quá khứ là đối ba độc phát ba thệ nguyện giữ tất cả tịnh giới.

Đối với tham thì nguyện dứt các điều ác, thường tu các điều thiện. Đối với sân thì nguyện độ tất-cả chúng sanh, nên thường tu huệ. Đối với si nhờ hành trì 3 pháp tịnh Giới Định Huệ ấy nên có thể siêu 3 độc mà thành Phật. Các ác tiêu diệt gọi là đoạn. Vì hay giữ được 3 tụ-tịnh-giới thì các thiện đều đủ, gọi đó là tu.

Vì hay dứt ác tu thiện thì vạn hạnh thành tựu, mình người đều lợi, giúp khắp quần sanh, nên gọi là giải thoát.

Thế mới biết giới hạnh để tu ấy chẳng lìa tự tâm. Nếu tự tâm thanh tịnh thì tất-cả cõi Phật đều thanh tịnh.

Nên kinh nói : hễ tâm dơ bẩn thì chúng sanh dơ bẩn, tâm trong sạch thì chúng sanh trong sạch.

Muốn được cõi Phật phải tịnh cái tâm, tùy cái tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, ba tụ-tịnh-giới tự nhiên thành tựu.

Hỏi : Như kinh nói : 6 Ba-La-Mật cũng gọi là 6 độ. Nay nói 6 căn thanh tịnh gọi là Ba-La-Mật vậy chỗ dung thông phải như thế nào ? Đáp : Muốn tu 6 độ phải tịnh 6 căn, trước hàng phục 6 kẻ giặc ... Hễ xả được giặc mắt, đừng đắm theo sắc thì gọi là Bỏ thí. Ngăn được giặc tai, đừng đắm theo âm thanh thì gọi là giữ giới. Phục được giặc mũi, không đắm theo mùi thì gọi là nhẫn nhục. Chê được giặc miệng, không tham theo vị, không đắm theo giọng, không buông lung theo nói năng tạp loạn thì gọi là tinh tấn. Hàng được giặc thân, chẳng đắm theo xúc dục - Rõng rang chẳng động, gọi là Thiên-định. Điều phục được giặc ý, chẳng thuận với vô thường, thường tu giác huệ, gọi là tríhuệ. Độ nghĩa là chuyên chở. Sáu độ ví dụ cũng như đò, có thể đưa chúng sanh qua bờ sông bên kia nên gọi là 6 độ.

Hỏi : Kinh nói đức Thích Ca khi còn làm Bò-Tát đã từng uống 3 đấu 6 thăng sữa mới thành Phật (3 đấu 6 thăng : hơn 3 lít rưỡi). Trước nhờ uống sữa rồi sau mới chứng quả, há chỉ quán tâm mà được giải thoát ư ?

Đáp: Đúng thế ! đúng thế ! Phải trước uống sữa rồi sau mới thành Phật. Nhưng phải biết sữa có hai thứ. Thứ sữa Phật uống đây không phải là sữa trâu, sữa bò, sữa dê của thế gian đâu, mà là thanh tịnh pháp nhũ đó ! Ba đấu tức là 3 tụ-tịnh-giới, 6 thăng là 6 độ. Thành Phật phải nhờ uống thứ sữa pháp thanh tịnh như thế mới chứng được quả. Nhưng phải biết đây là một cách nói kín. Nếu hiểu Như-Lai uống các thứ sữa vật chất thế gian thì thật là lầm lảm ! Chân như vốn tự là pháp thân vô lậu bất hoại, lia hẳn tất cả các cái khổ thế gian, há lại phải nhờ vật chất bất tịnh thế gian để khỏi đói khát ! Trong kinh có nói : thứ bò này chẳng ở cao nguyên, chẳng ở đất thấp, chẳng ăn lúa cám, chẳng cùng loại bò bò nhập bầy, màu lông vàng ánh tia. Chữ bò ở đây là để ám chỉ cho Phật Tỳ-Lô-Giá-Na, vì lòng từ bi rộng lớn, thương xót tất-cả chúng sanh, nên từ trong pháp thể thanh tịnh xuất hiện ra thứ sữa pháp 3 tụ tịnh giới và 6 độ vi diệu như thế để mà nuôi dưỡng cho tất-cả những ai cầu giải thoát.

Cái nghĩa bò và sữa thanh tịnh như thế không những Như-Lai uống vào là được thành đạo, mà dầu cho ai uống vào cũng đều được đạo Vô Thượng Bồ Đề cả.

Hỏi : trong kinh nói : Phật dạy chúng sanh cắt chùa, đúc vẽ hình tượng, thắp hương đèn, rải hoa, ngày đêm 6 thời quanh tháp hành đạo, ăn chay lễ bái ; làm hết thầy công đức ấy đều được thành đạo. Nếu chỉ quán tâm nhiếp hết các hạnh, như thế té ra bao nhiêu chuyện kinh nói đều thành hư luống sao ? Đáp: Phật có nói ra điều gì đều là vô lượng phương tiện vì tất-cả chúng sanh ngu tối, căn cơ thấp kém chẳng tỏ nghĩa lý sâu màu, nên mới mượn việc thế gian hữu vi để mà thí dụ. Nếu chẳng lo tu hạnh ở trong, chỉ chạy ra ngoài mà cầu hy vọng được phước thì thật là vô lý. Nói chùa cũng như nói nơi thanh tịnh. Nếu dứt trừ 3 độc, thường tịnh 6 căn, thân tâm rộng lặng, trong ngoài thanh tịnh, đó là nghĩa cắt chùa. Còn nói đúc vẽ hình tượng là nói tất-cả chúng sanh mong cầu đạo quả ; cách hạnh giác ngộ tu là phỏng theo chân dung diệu tướng của Như-Lai, chớ đâu phải nói chuyện hữu vi vật chất. Cho nên người cầu giải thoát phải lấy thân làm lò, dùng pháp làm lửa, dùng trí huệ làm thợ khéo, 3 tụ-tịnh-giới 6 độ là khuôn. Ung-đức chơn như tánh Phật trong thân cho vào khuôn giới luật. Nếu kinh nhận thực hành đừng cho sai chạy, tự nhiên thành tựu. Còn nói tượng chân dung là nói pháp thân thường trụ, vi diệu cứu cánh, chớ không phải cái thân hữu vi bại hoại. Nếu người cầu đạo chẳng rõ cái nghĩa ung đức như thế, vậy vẽ chân dung bằng cứ nơi đâu mà nói là công đức ?

Còn nghĩa thắp hương cũng vậy ; là thứ hương chánh pháp vô vi, xông lên để tẩy sạch các uế nghiệp ác vô minh, hết thầy đều tiêu diệt. Hương chánh pháp có mấy thứ : Một là hương Giới, nghĩa là ý nói hay dứt các ác, hay tu các điều thiện. Hai là hương Định, nghĩa là tin sâu Đại Thừa, tâm không thối chuyển. Ba là hương Huệ, là thường quán sát trở vào trong tự thân tâm. Bốn là hương Giải Thoát, là dứt hết cả vô minh trói buộc. Năm là hương Giải-thoát-tri-kiến, là xét soi thường tỏ, thông suốt không ngại. Năm thứ hương như thế gọi là hương tối thượng, thế gian không sánh được. Phật ở thế gian bảo các đồ đệ dùng lửa trí huệ đốt thứ hương vô giá này để cúng dường mười phương chư Phật.- Chúng sanh đời nay chẳng rõ nghĩa chơn thật của Như-Lai, chỉ dùng lửa ở ngoài mà thắp các thứ hương vật chất thế gian để mong cầu phước báo làm kết quả. Còn nghĩa rải hoa cũng vậy, là nói công đức đem chánh pháp mà giảng dạy lợi ích chúng sanh, thấm nhuần khắp tánh chơn như, bố thí trang nghiêm. Thứ hoa công đức này Phật thường khen ngợi, cứu cánh hằng còn không bao giờ héo tàn. Nếu ai rải hoa như thế sẽ được phước báo vô lượng - Nếu nói Phật dạy chúng sanh cắt xén bông hoa, tổn thương thảo mộc cho được hoa để rải thì thật là vô lý. Vì sao thế ? Vì người giữ giới thanh tịnh thì tất-cả sum la vạn tượng trong trời đất cũng không xúc phạm. Khi làm phạm còn có ăn năn thay hướng chỉ là dạy cổ phá tịnh giới, tổn thương vạn vật để cầu phước báo ; muốn lợi lại hại, há có như thế sao ? Lại nữa nói luôn luôn đốt đèn sáng là ý nói cái tâm chánh giác tỏ suốt ví cũng như đèn sáng. Cho nên ai muốn cầu giải thoát phải lấy thân làm đài, tâm làm tim, các giới hạnh làm dầu, trí huệ tỏ suốt làm lửa. Thường thắp đèn chơn

chánh giác, chiếu phá tất-cả vô minh ngu tối, hay dùng pháp này lần lượt khai thị lẫn nhau tức là một ngọn đèn mỗi ra trăm ngàn ngọn ; cứ như thế mãi mãi vô cùng, nên gọi là Vô-tận đăng.

Xưa có Phật tên là Nhiên Đăng, ý nghĩa Nhiên Đăng là thế. Chúng sanh ngu si chẳng rõ lời nói phương tiện của Như-Lai, luống làm theo sự, đam chấp việc hữu vi ; bèn dùng các thứ đèn dầu thế gian đốt lên luống soi nhà trống, rồi bảo là làm đúng theo kinh, há chẳng lầm lắm sao ? Vì sao thế ? – Vì Phật phóng một đạo hào quang trắng ở giữa hai chơn mày, có thể chiếu suốt 18 ngàn cõi nước phương Đông, há đợi nhờ đèn dầu thế gian leo neho như thế để làm lợi ích ! Gẫm xét cái lý phải chăng thế sao !

Lại nữa, 6 thời hành đạo nghĩa là nói nơi 6 căn luôn luôn thực hành đạo Phật, tu các hạnh giác. Điều phục 6 căn, mãi mãi không hở, gọi là 6 thời. Còn quanh tháp hành đạo, chữ tháp nơi đây là ám chỉ cho thân tâm đó ! Nghĩa thường sanh giác huệ tuần sát thân tâm luôn luôn chẳng hở, gọi là quanh tháp. Các bậc thánh đã qua đều nhờ thực hành cách ấy mà được Niết-Bàn. Người đời nay chẳng rõ lý này, chẳng thực hành nơi tâm, chỉ chấp trở ra mà tìm, đem cái thân chướng ngại đi quanh tháp thế gian ngày đêm lữ lượt, luống uổng nhọc công, đối với chơn tánh không chút lợi ích. Còn nói ăn chay lại phải càng thêm để ý, nếu chẳng rõ lý này thì càng nhọc công vô ích. Chữ chay ở chữ Hán là chữ Trai, mà chữ Trai lại từ chữ Tề mà biến, nhưng chữ Tề cũng như nghĩa chữ Bình. Nghĩa là tề bình thân tâm, chẳng để tán loạn.- Chữ ăn nơi đây cũng như nghĩa chữ giữ. Nghĩa là giữ các giới hạnh, đúng phép tu hành. Ở ngoài phải ngăn ngừa 6 tình, ở trong phải chế ngự 3 độc, siêng giác sát, tịnh thân tâm, biết rõ nghĩa này mới gọi là ăn chay.

Lại nữa, chữ ăn ở đây có 5 nghĩa: Một, ăn bằng vui với pháp, nghĩa là giữ y chánh pháp hoan hỷ vắng làm.

Hai, ăn là vui với Thiên-định, nghĩa là trong ngoài lặng suốt, thân tâm vui đẹp.

Ba là ăn bằng suy nghĩ, nghĩa là thường nghĩ chư Phật lòng miệng như nhau.

Bốn là ăn bằng nguyện, nghĩa là đi đứng nằm ngồi thường cầu nguyện lành.

Năm là ăn bằng giải thoát, nghĩa là tâm thường thanh tịnh, chẳng nhiễm tục trần. Năm nghĩa ăn này gọi là ăn chay. Nếu ai chẳng nhận 5 nghĩa chay tịnh này mà tự hào là ăn chay đều là làm việc vô lý. Cần nhứt phải dứt cho được cái ăn mê muội. Nếu phải va chạm gọi là phá trai.

Ăn mê mọi nghĩa là thí dụ nghe nói ăn sáng là chư thiên ăn, trưa là Phật ăn, chiều là súc sanh ăn, tối là ma quỷ ăn ; nghe thế rồi bữa trưa ráng ăn thật no để chiều khỏi đói, ăn rồi nằm thờ. Như vậy mới thật là súc sanh ăn !

Nếu đã phá trai sao gọi là được phước ? - Đòi có người mê chẳng rõ lý này, thân tâm phóng túng theo các nghiệp ác, tham dục, buông tình, chẳng biết xấu hổ. Chỉ ăn được ba thứ rau cải rồi tự hào là ăn chay thì thật là phi lý.

Còn nói lễ lạy đúng theo phép thì ở trong phải tỏ thông lý thể, ở ngoài thì sự tùy quyền thông. Lý có khi phải hiện, có khi phải ẩn. Biết được nghĩa như thế mới gọi là y theo pháp. - Và chẳng lẽ nghĩa là kính, lạy nghĩa là phục. Nghĩa là cung kính chơn tánh, hàng phục vô minh ; đó là lễ bái. Nếu có thể dứt trừ lòng ác, thiện niệm hằng giữ ; tuy chẳng hiện tướng, nhưng đó mới thật là lễ lạy.

Tướng là pháp tướng. Thế Tôn muốn làm cho người đời tỏ lòng khiêm tốn cũng là lễ lạy. Nên phải ở trong khuất phục, ngoài hiện khiêm cung ; nêu cái bên ngoài để rõ bên trong, tánh tướng như nhau. Nếu không căn cứ trên pháp lý, chỉ chấp tướng bên ngoài mà cầu, trong thì mở cửa 3 độc, thường làm nghiệp ác, ngoài làm ra tướng ghê gớm, trá hiện oai nghi, chẳng khỏi luân hồi, há thành công đức ? ! Hỏi : Như kinh Ôn-Thất nói : Tắm gội chúng tăng phước đức vô lượng. Đó là rõ ràng dựa vào sự pháp mới thành công đức ; nếu là quán tâm có thể tương ưng được sao ?

Đáp : Nói tắm gội chúng tăng cũng chỉ là một thứ ẩn ngữ, chớ phải đâu bảo làm theo sự tướng thế gian ! Đức Thế-Tôn thường vì các đệ tử mà giảng kinh Ôn-Thất để cho thọ trì phép tắm gội, nên mượn việc thế gian để ví dụ. Mật nói công đức của 7 việc cúng dường như sau đây : 1 là nước trong, 2 là nhúm lửa, 3 là xà phòng (chất tẩy), 4 là bàn chải, 5 là phấn bột, 6 là dầu ướp, 7 là áo lót. Dùng 7 việc này để ví dụ cho 7 pháp. Tất cả chúng sanh theo 7 pháp tắm gội trang nghiêm này, thì có thể trừ được tâm độc vô minh dơ bẩn. Bảy pháp ấy là :

Dùng tịnh giới gội rửa mê lầm cũng như dùng nước trong gội rửa bụi bặm.

Dùng trí huệ quán sát, trong ngoài sáng suốt cũng như nhúm lửa nấu nước trong.

Lừa lọc các điều ác, cũng như xà phòng rửa sạch dơ bẩn.

Chơn thật dứt trừ vọng tưởng, cũng như bàn chải hay làm sạch miệng hôi.

Chánh tín quyết định không nghĩ cũng như phấn bột dùng để xoa trong thân có thể ngăn ngừa các chứng phong ngoại cảm.

Nhu hòa nhẫn nhục, cũng như dầu ướp làm thông nhuận mặt da.

Biết hổ thẹn ăn năn các nghiệp ác cũng như áo lót mình để che khuất bớt các chỗ bất tiện trong cơ thể.

Bảy pháp vừa nói trên là nghĩa bí mật trong kinh. Lúc đó Như-Lai vì các bậc đại thừa lợi căn mà nói, chớ đâu phải vì phàm phu trí kém mà nói đâu ! Đó là chỗ người nay không thể rõ. Còn nghĩa Ôn-Thất cũng là ám chỉ cho thân đó. Cho nên nhúm lửa trí huệ, nấu nước tịnh giới để tắm gội chơn như tánh Phật trong thân. Thọ trì 7 pháp để tự trang nghiêm. Hạng Tỳ-Kheo lúc đó thông minh lanh lợi đều ngộ ý thánh, theo chỗ nói mà tu hành, công đức thành tựu, đều chứng quả thánh. Chúng sanh đời nay không rõ tự sự, đem nước thét gian để tắm rửa cái thân tứ đại mà tự cho là làm theo kinh ; như thế há chẳng lầm lẫn sao ! Và lại tánh Phật chơn như đâu phải thứ có hình ; phiền-não bợn nhơ bỗn lai không tướng. Há có thể đem nước vật chất để gội rửa cái thân vô vi được sao ? Trên sự đã chẳng tương ưng làm sao ngộ được đạo ! Nếu muốn thân được tịnh, phải quán thân này vốn từ tham dục hôn ám dơ bẩn sanh ra, trong ngoài đầy dẫy ; thế mà muốn gội rửa cho thân này được sạch thì nào có khác chi rửa đường gương. Chỉ đừng có đường gương thì mới sạch cho. Cứ theo đây mà nghiệm thì đủ rõ tắm gội bên ngoài không phải là ý của Phật vậy. Hỏi : Kinh nói chỉ chí tâm niệm Phật tất được vãng sanh về cõi Cực Lạc, chỉ một môn này là được thành Phật, đâu cần phải quán tâm để cầu giải thoát ? !

Đáp : Niệm Phật nghĩa là phải niệm chánh. Nghĩa rốt ráo mới là nghĩa chánh, chẳng rốt ráo là tà. Nếu niệm chánh tất được vãng sanh, niệm tà làm sao đến được. Phật nghĩa là giác, nghĩa là giác sát thân tâm đừng để khởi ác. Niệm nghĩa là nhớ, nghĩa là giữ giới hạnh, đừng vọng tinh tấn. Cần rõ nghĩa như thế mới gọi là niệm. Nên biết niệm ở nơi tâm, chớ chẳng phải ở miệng, mượn ngôn ngữ để cầu ý, được ý phải quên lời. Đã nói niệm danh hiệu Phật cũng phải biết cái đạo niệm Phật. Nếu tâm không thật, miệng niệm danh hiệu suông, 3 độc lấy lòng, chấp mình chấp người cả bụng ; dùng cái tâm vô minh vọng cầu thấy Phật luống uổng tốn công. Đền như tụng với niệm cũng khác nhau. Ở miệng gọi là tụng, ở tâm gọi là niệm. Nên biết niệm từ tâm khởi, gọi là môn giác hạnh. Còn tụng ở miệng là tướng âm thanh, chấp tướng cầu lý thật là không phải. Phải biết các thánh xưa tu hành đều không phải nói bên ngoài, mà luôn luôn phải lấy tâm làm chủ, vì tâm là nguồn cội vạn pháp, tâm là chủ của muôn đức, vắng lặng thường vui đều bởi ngừng vọng. Ba cõi luân hồi cũng từ tâm khởi, tâm là cửa của cuộc đời, tâm là bờ giải thoát. Biết được cửa tâm rồi lo gì khó thành ! Thấy được tâm rồi lo gì chẳng đạt ! Người nay thấy biết nông nổi, chỉ biết sự tướng làm công, hao phí của cải, tổn thương vạn loại. Luống công xây đắp, gom nhóm vật liệu, vẽ vờ rằn ri đem hết tâm lực, tổn mình mê người, chưa biết tinh ngộ có đâu sợ khó. Hễ thấy việc hữu vi thì nôn nao mê đắm, còn nói đến vô tướng thì lơ lơ như mê. Chỉ tham kể quả nhỏ nhen hiện tại ; chớ biết đâu cái khổ biển cả sau này. Tu học như thế luống thêm nhọc

sức, trái chánh theo tà, vọng nói được phước. Nếu chỉ có thể nhiếp tâm soi trở vào trong, giác quán ở ngoài cho tỏ, dứt trừ 3 độc, đóng hết 6 cửa giác đờng cho nhiều loạn ; tự nhiên vô lượng công đức, bao thứ trang nghiêm, vô số pháp môn đều được thành tựu, siêu phàm chứng thánh, tận mặt sát một bên, ngộ trong giây lát, đâu đến nỗi khó khăn. Môn chơn thật nhiệm mầu đâu thể nào trình bày hết. Nơi đây chỉ thuật sơ về quán tâm, nói rõ ra chút ít vậy thôi.

Kệ rằng:

Ta vốn cầu tâm tâm tự gìn

Cầu tâm chẳng được để tâm mình

Tánh Phật chẳng từ ngoài tâm được

Tâm sanh chính là lúc tội sanh

Ta vốn cầu tâm chẳng cầu Phật

Rõ biết ba cõi rộng – không, suốt

Nếu muốn cầu Phật chỉ cầu tâm,

Chỉ tâm này, tâm này là Phật.

---o0o---

Hết